

Số: 129/GCN-UBCK

Hà Nội, ngày 05 tháng 08 năm 2021

GIẤY CHỨNG NHẬN
Đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng

CHỦ TỊCH ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Quyết định số 48/2015/QĐ-TTg ngày 08 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trực thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;

Xét Hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng của Công ty cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý Chào bán Chứng khoán,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho:

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ

– Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: INTERNATIONAL GAS PRODUCT SHIPPING JOINT STOCK COMPANY;

– Tên công ty viết tắt: GAS SHIPPING JSC;

– Địa chỉ trụ sở chính: 35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam;

– Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305390530 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 23 tháng 07 năm 2021;

– Vốn điều lệ: 360.000.000.000 đồng (Ba trăm sáu mươi tỷ đồng).



Điều 2. Cổ phiếu Công ty cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế được chào bán ra công chúng theo các nội dung sau:

1. Loại chứng khoán: cổ phiếu phổ thông;
2. Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng (mười nghìn đồng);
3. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán ra công chúng: 20.000.000 cổ phiếu (hai mươi triệu cổ phiếu) cho cổ đông hiện hữu;
4. Tổng giá trị chào bán theo mệnh giá: 200.000.000.000 đồng (hai trăm tỷ đồng);
5. Thời gian phân phối: Trong vòng 90 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán có hiệu lực;
6. Phương thức phân phối: Theo phương án nêu trong Bản cáo bạch;
7. Tổ chức tư vấn phát hành: Công ty cổ phần Chứng khoán Agribank.

Điều 3. Công ty cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế phải tuân thủ pháp luật Việt Nam, các quy định về chứng khoán và thị trường chứng khoán và nội dung trong Giấy chứng nhận này.

Điều 4. Giấy chứng nhận này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 5. Giấy chứng nhận này được lập thành bốn (04) bản chính: 01 bản cấp cho Công ty cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế, 01 bản lưu tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, 01 bản gửi cho Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và 01 bản gửi cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phạm Hồng Sơn



THÔNG BÁO

Chào bán cổ phiếu ra công chúng

Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 129/GCN-UBCK
do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 05/08/2021

I. Giới thiệu về Tổ chức phát hành:

1. Tên Tổ chức phát hành : Công ty cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế.
2. Tên viết tắt : GAS SHIPPING JSC.
3. Địa chỉ trụ sở chính : Tầng 9 tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, phường Bến Nghé, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.
4. Số điện thoại : 028 22205388 Số fax: 028 22205366
Website : www.gasshipping.com.vn.
5. Vốn điều lệ : 360.000.000.000 đồng (Ba trăm sáu mươi tỷ đồng).
6. Mã cổ phiếu : GSP.
7. Nơi mở tài khoản thanh toán: Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh.
Số hiệu tài khoản: 6650 7997 9999.
8. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp: 0305390530 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp lần đầu ngày 24 tháng 12 năm 2007 cấp thay đổi lần thứ 9 ngày 23 tháng 07 năm 2021.
 - Ngành nghề kinh doanh chính: Dịch vụ đại lý tàu biển, môi giới hàng hải, cung ứng tàu biển, cho thuê tàu biển. Kinh doanh vận tải biển.
 - Mã ngành: 5229.
9. Sản phẩm/dịch vụ chính: Dịch vụ vận tải LPG bằng tàu biển; Dịch vụ vận tải LPG nội thủy đường sông; Dịch vụ vận tải LPG bằng xe bồn; Dịch vụ kinh doanh thương mại LPG; Dịch vụ cho thuê tàu.
10. Giấy phép thành lập và hoạt động: Không có.

II. Mục đích chào bán:

Mục đích của đợt chào bán cổ phiếu này là bổ sung nguồn vốn đối ứng để mua 02 tàu phục vụ sản xuất kinh doanh, cụ thể:

- Tàu chở dầu/hóa chất số 1 có trọng tải khoảng 20.000 DWT (tàu số 1).
- Tàu chở dầu/hóa chất số 2 có trọng tải khoảng 20.000 DWT (tàu số 2).



1

III. Phương án chào bán:

1. Tên cổ phiếu : Cổ phiếu Công ty cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế.
2. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông.
3. Số lượng cổ phiếu chào bán: 20.000.000 cổ phiếu.
4. Giá chào bán : 10.000 đồng/cổ phiếu.
5. Tổng giá trị vốn huy động: 200.000.000.000 đồng.
6. Phương thức phân phối: Theo phương thức thực hiện quyền mua cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.
7. Số lượng đăng ký mua tối thiểu: Không có.
8. Thời gian nhận đăng ký mua: Từ ngày 30/8/2021 đến ngày 20/9/2021.
9. Thời gian chuyển nhượng quyền mua: Từ ngày 30/8/2021 đến ngày 16/9/2021.
10. Địa điểm nhận đăng ký mua cổ phiếu:
 - Đối với cổ đông đã lưu ký: Cổ đông đăng ký tại thành viên lưu ký nơi cổ đông mở tài khoản lưu ký chứng khoán.
 - Đối với cổ đông chưa lưu ký: Cổ đông đăng ký tại Trụ sở chính Công ty cổ phần Vận tải sản phẩm khí Quốc tế - Tầng 9 tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, phường Bến Nghé, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.
11. Thời gian nhận tiền mua cổ phiếu: Từ ngày 30/8/2021 đến ngày 20/9/2021.
12. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu:
 - Số tài khoản: 101000802288.
 - Người thụ hưởng: Công ty cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế.
 - Mở tại: Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh.
13. Các tổ chức liên quan.

- **Tổ chức tư vấn:**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AGRIBANK.

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 5, Tòa nhà Artex, 172 Ngọc Khánh, Phường Giảng Võ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 024 6276 2666.

Fax: 024 6276 5666.

Website: www.agriseco.com.vn

- **Tổ chức kiểm toán:**

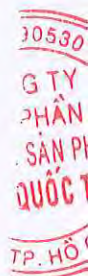
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM.

Địa chỉ văn phòng tại HCM: Tầng 18, Tòa nhà Times Square, 57-69 Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028 7101 4555.

Fax: 028 3910 0750.

Website: www.deloitte.com/vn



14. Địa điểm công bố Bản cáo bạch: Bản cáo bạch và tài liệu bổ sung được cung cấp tại www.gasshipping.com.vn, www.agriseco.com.vn và tại:
- Công ty cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế.
 - Địa chỉ: Tầng 9 tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, phường Bến Nghé, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
GIÁM ĐỐC



ĐOÀN ĐỨC TRỌNG



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN
PHẨM KHÍ QUỐC TẾ**

Địa chỉ: Tầng 9 Tòa nhà Green Power, 35 Tôn
Đức Thắng, P.Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM
Mã số DN: 0305390530

Số: 02 /NQ-VTSPK-ĐHĐCĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 04 năm 2021

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế;
- Căn cứ Biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 số 01/BB-VTSPK-ĐHĐCĐ ngày 08/04/2021 của Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1 : Thông qua các nội dung sau:

1. Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 của Giám đốc (Phụ lục 01).
2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2020 (Phụ lục 02).
3. Báo cáo kết quả hoạt động năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021 của Hội đồng quản trị (Phụ lục 03).
4. Thù lao, tiền lương, tiền thưởng của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2020 và Kế hoạch năm 2021 (Phụ lục 04).
5. Phương án Phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2020 (Phụ lục 05).
6. Sửa đổi Điều lệ Công ty.
7. Sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.
8. Sửa đổi Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị Công ty.
9. Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ năm 2021. (Phụ lục 06).
10. Phê duyệt Dự án đầu tư mua tàu dầu/hóa chất trọng tải khoảng 20.000 DWT. (Phụ lục 07).
11. Báo cáo thẩm định Báo cáo tài chính năm 2020. Báo cáo hoạt động năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021 của Ban kiểm soát (Phụ lục 08).
12. Sửa đổi Quy chế hoạt động Ban kiểm soát.
13. Lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 (Phụ lục 09).

Điều 2: Hội đồng Quản trị Công ty có trách nhiệm chỉ đạo, triển khai thực hiện các nội dung đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 quyết nghị trên cơ sở tuân thủ pháp luật của Nhà nước và Điều lệ của Công ty.

Điều 3: Nghị quyết này đã được ĐHĐCĐ thường niên Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm Khí Quốc tế năm 2021 thông qua và có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- HĐQT Công ty;
- BKS, GD Công ty;
- Các cổ đông của Công ty (trên website);
- Lưu VT, TK-HĐQT.

Đính kèm: Các Phụ lục

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**



Mai Thế Toàn

PHỤ LỤC 06
PHƯƠNG ÁN TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ CỦA
CÔNG TY CP VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ NĂM 2021
(Đính kèm Nghị quyết số 02/NQ-VTSPK-ĐHĐCĐ ngày 08 tháng 04 năm 2021)

I. Tổng quan đơn vị trước khi thực hiện tăng vốn:

1. Tóm tắt tình hình SXKD, tình hình tài chính và dòng tiền của Công ty Gas Shipping giai đoạn 2016 - 2020:

Năm 2010 – 2020 là giai đoạn thị trường vận tải và ngành dầu khí gặp nhiều khó khăn và thử thách: giá cước vận tải biển xuống thấp kỷ lục vào năm 2012 chỉ bằng 10% so với thời kỳ đỉnh cao năm 2006 - 2008, nhiều doanh nghiệp vận tải biển lớn trên thế giới như Hanjin tuyên bố phá sản năm 2016 hoặc mua bán sáp nhập để tồn tại như CMA CMG mua hãng NOL Singapore năm 2015; Cosco và China Shipping sáp nhập năm 2016; Maersk Line mua Hamburg Sud năm 2016... Khủng hoảng giá dầu bắt đầu từ năm 2013 với thời kỳ đỉnh điểm cuối năm 2014 lao dốc từ 110 USD/thùng xuống còn xung quanh 30 USD/thùng và đến nay vẫn xoay quanh mức này. Các công ty vận tải trong nước cũng đứng trước rất nhiều khó khăn như giá cước thấp, thị trường quốc tế bị thu hẹp, chi phí tăng cao, tàu nằm chờ vì không có hàng, kinh doanh thua lỗ.

Ngoài ra, tình hình dịch bệnh COVID-19 đã bùng phát tại Trung Quốc, hiện đã lan ra toàn bộ các nước Đông Nam Á/Đông Bắc Á - đây là thị trường vận tải chính của Gas Shipping - gây ra sự sụt giảm rõ ràng đến thị trường vận tải của đơn vị do nguồn hàng từ Trung Quốc và các vùng có dịch giảm mạnh. Bên cạnh đó, do dịch bệnh COVID-19 nhu cầu tiêu thụ trên thị trường quốc tế giảm mạnh và duy trì ở mức thấp khiến việc khai thác tàu sẽ khó khăn hơn.

Trong hoạt động khai thác, thời gian tàu cập, rời cảng cũng kéo dài do các biện pháp ngăn ngừa và kiểm dịch ảnh hưởng nghiêm trọng đến công tác bố trí, sắp xếp tàu và phát sinh chi phí chờ xếp, dỡ hàng. Hoạt động của đội tàu tại các vùng có dịch cũng tiềm ẩn nhiều rủi ro nghiêm trọng có thể phát sinh do lây nhiễm.

Trong giai đoạn khó khăn của thị trường vận tải và dịch bệnh như vừa qua, Gas Shipping là một trong số ít công ty có kết quả kinh doanh hiệu quả, cao hơn mức bình quân của các công ty vận tải hàng lỏng hiện nay. Công ty có tình hình tài chính lành mạnh, cơ cấu vốn an toàn, khả năng thanh toán tốt. Cổ phiếu đã được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán nên có khả năng huy động vốn trên thị trường, như vậy Gas Shipping đang có lợi thế rất lớn về nguồn lực tài chính để sẵn sàng đáp ứng yêu cầu đầu tư, mở rộng thị trường trong tình hình hiện nay.

Bảng 1: Một số chỉ tiêu về hiệu quả kinh doanh của đơn vị thời gian qua

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Tăng trưởng BQ
1	Doanh thu	Tỷ đồng	1.140,4	1.291,9	1.550,3	1.406,7	1.567,6	25,2%
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	56,6	65,0	80,2	65,7	75,2	3,7%
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	46,4	52,6	64,2	52,4	60,0	4,0%
4	Lợi nhuận trên cổ phần (EPS)	Đồng	1.452	1.646	2.012	1.369	1.550	
5	Tỷ suất LNST/VCSH (ROE)	%	12,3%	13,6%	15,9%	11,6%	13,0%	
6	Tỷ suất LNST/Tổng tài sản (ROA)	%	9,4%	10,3%	9,3%	5,8%	6,8%	
7	Tỷ lệ cổ tức/VĐL	%	13,0%	15,0%	20,0%	12,0%	14,0%	5,9%

Bảng 2: Một số chỉ tiêu về tài chính của đơn vị tính tại ngày 31/12

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Tăng trưởng BQ
1	Tổng tài sản	Tỷ đồng	493,1	511,5	690,5	902,5	877,25	19%
2	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	376,9	387,6	403,6	452,2	461,73	5%
3	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	300,0	300,0	300,0	360,0	360,0	4%
4	Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	3,72	3,89	2,60	1,81	0,95	
5	Hệ số Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,31	0,32	0,71	0,99	0,90	

II. Phương án tăng vốn điều lệ của Công ty:

1. Cơ sở pháp lý:

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ vào Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế;

Theo Điều 15 Luật Chứng khoán 54/2019/QH14 và Điều 13 Nghị định số

155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán thì có một số điều kiện chính về chào bán cổ phiếu ra công chúng của cổ đông công ty đại chúng như sau:

- *Mức vốn điều lệ đã góp tại thời điểm đăng ký chào bán từ 30 tỷ đồng trở lên tính theo giá trị ghi trên sổ kế toán;*
- *Hoạt động kinh doanh của năm liền trước năm đăng ký chào bán phải có lãi, đồng thời không có lỗ lũy kế tính đến năm đăng ký chào bán;*

Công ty Gas Shipping dự kiến trong năm 2021 tăng vốn điều lệ thêm 200 tỷ đồng, từ 360 tỷ lên 560 tỷ đồng để bổ sung vốn phục vụ cho kế hoạch đầu tư 02 tàu dầu/hóa chất trọng tải khoảng 20.000 DWT. Tham chiếu các số liệu về tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty thông qua BCTC đã được Công ty Deloitte kiểm toán năm (05) năm gần nhất từ năm 2016 - 2020; Như vậy, về mặt pháp lý, sau khi có ý kiến chấp thuận của ĐHĐCĐ thông qua phương án, Công ty Gas Shipping có đủ điều kiện để triển khai.

2. Sự cần thiết phải tăng vốn:

- Vận chuyển sản phẩm khí/sản phẩm dầu hóa chất là lĩnh vực kinh doanh cốt lõi của PV Trans/Gas Shipping (theo Chiến lược phát triển của PV Trans đã được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam phê duyệt). Đội tàu hiện nay của Gas Shipping đang già, sức cạnh tranh bị giảm, trong năm 2018 - 2019 Công ty đã đầu tư 02 tàu dưới 15 tuổi, nhưng vẫn còn 04 tàu trên 20 tuổi, tuổi tàu trung bình của Gas Shipping vẫn là 22 tuổi, khả năng khai thác và hiệu quả chưa cao. Việc tăng vốn, tăng quy mô SXKD, tài sản và đội tàu góp phần làm tăng giá trị thương hiệu Gas Shipping không những trong nước và cả quốc tế, tạo điều kiện thuận lợi và tăng năng lực cạnh tranh cho đội tàu khi khai thác thị trường quốc tế, tạo vị thế và điều kiện thuận lợi trong hợp tác với các đối tác, ngân hàng, các bạn hàng và các tổ chức.

- Đối với thị trường vận tải dầu/hóa chất sau thời gian đạt cực thịnh vào các năm 2006 - 2007, giá cước/giá thuê tàu trôi sụt dưới đáy các năm sau đó, đến nay thị trường thị trường vận tải hàng lỏng nói riêng đã có dấu hiệu dần cải thiện, hồi phục. Một trong những nhân tố tác động tích cực lên thị trường vận tải biển đó là “cung - cầu” số lượng tàu dần lấy lại tình trạng cân bằng. Số lượng lớn các tàu cũ dần không còn phù hợp dẫn tới bị thị trường đào thải và phải phá dỡ. Các đơn đóng mới xuất hiện không nhiều nên đã giảm đáng kể tình trạng dư thừa “cung” tàu, số lượng tàu đóng mới đưa vào khai thác trong năm 2020 chỉ là 34 tàu thay vì từ 58 - 107 tàu/năm trong giai đoạn 2017 - 2019. Bên cạnh đó, theo dự báo của Clarksons thì nhu cầu vận chuyển các sản phẩm hóa chất bằng đường biển năm 2021 là 325 triệu tấn, tăng 13 triệu tấn, tương đương 4% so với năm 2020. Ngoài ra, khối lượng hàng hóa luân chuyển bằng đường biển (Tonne miles) đối với tàu hóa chất trong năm 2021 cũng được dự báo là 1.343 tỷ tấn hải lý, tăng 4,2% so với năm 2020, việc này cũng dẫn đến phát sinh nhu cầu sử dụng đối với loại tàu này trên thị trường. Các tuyến hàng xung quanh khu vực Trung Đông, Đông Nam Á, Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản cũng đã dần nhộn nhịp trở lại và tập trung nhiều vào các tàu dầu/hóa chất (oil/chemical tanker), phổ biến là các tàu có trọng tải khoảng 20.000 DWT.

- Giá mua bán tàu chở dầu/hóa chất đang duy trì ở mức gần như thấp nhất trong vòng

10 năm gần đây, theo thống kê của Clarksons thì giá bán bình quân trong giai đoạn 2011 - 2020 đối với tàu Chemical Tanker Stainless Steel 19.999 DWT Resale là 32,19 triệu USD, còn đối với tàu Secondhand 5 tuổi là 22,85 triệu USD. Do ảnh hưởng của Đại dịch Covid-19 nên giá tàu đang có xu hướng giảm và đang ở mức thấp như hiện nay là cơ hội để đầu tư góp phần mang lại hiệu quả và giảm thiểu các rủi ro cho Dự án về dài hạn. Với một đội ngũ nhân sự có hơn 10 năm kinh nghiệm, hiện đang quản lý và khai thác 6 tàu định áp vận tải LPG với hiệu quả kinh tế cao liên tục trong những năm qua, chi phí quản lý và vận hành khai thác tàu chở dầu/hóa chất do Gas Shipping đầu tư phát sinh không lớn và chắc chắn sẽ có tính cạnh tranh so với các đơn vị khác khi cùng tiến vào lĩnh vực kinh doanh này. Giá tàu trong năm 2021 vẫn được coi là thời điểm tốt để đầu tư trẻ hóa đội tàu, tạo lợi thế cạnh tranh cho Gas Shipping trong các năm tiếp theo.

- Nhu cầu về vận tải dầu/hóa chất trong nước và quốc tế là rất lớn. Việc đầu tư tàu sẽ góp phần nâng cao thị phần dịch vụ dầu khí của Công ty Gas Shipping tại thị trường trong nước và Quốc tế cùng với nguồn vốn đối ứng hiện có, Gas Shipping nhận thấy việc đầu tư tàu chở dầu/hóa chất với trọng tải đến khoảng 20.000 DWT là thật sự cần thiết, phù hợp với khả năng tài chính của đơn vị và tình hình thực tế của thị trường khai thác, nhằm giúp Công ty đa dạng và trẻ hóa Đội tàu, duy trì sự ổn định và phát triển hoạt động SXKD. Loại tàu dầu/hóa chất (oil/chemical tanker) trọng tải đến khoảng 20.000 DWT vừa phù hợp với chiến lược phát triển của PVTrans vừa phù hợp với nhu cầu vận chuyển cho các nhà máy lọc hóa dầu của PVN trong thời gian tới. Bên cạnh đó, size tàu dầu/hóa chất đến khoảng 20.000 DWT đang dần khẳng định vị thế do thuận lợi trong khai thác Quốc tế bởi tính linh hoạt trong size hàng, lịch trình.

- Việc tăng vốn để phục vụ vốn cho hoạt động SXKD và đầu tư mua sắm tài sản cũng góp phần gia tăng hiệu quả cho Gas Shipping trong những năm tiếp theo, đem lại sự phát triển bền vững cho Công ty và lợi ích ổn định cho các cổ đông. Với nguồn vốn có được từ việc tăng vốn, dự kiến trong 05 năm quy mô doanh thu của Gas Shipping tăng bình quân 8%/năm, lợi nhuận tăng 15%, duy trì cổ tức trên 13%/VĐL mỗi năm.

- Phương thức tăng vốn: Hội đồng Quản trị Gas Shipping đã thực hiện, đánh giá, xem xét các hình thức đầu tư (trực tiếp và gián tiếp) để lựa chọn phương án phù hợp điều kiện của đơn vị, cụ thể như sau:

+ Hình thức đầu tư và tăng vốn gián tiếp: Đơn vị đã tích cực tìm kiếm và đàm phán với một số chủ tàu, đối tác để thuê Bareboat kèm theo quyền mua tàu, góp vốn bằng tài sản, hợp tác kinh doanh, mua lại các công ty có đội tàu phù hợp nhưng đều không khả thi.

+ Hình thức đầu tư và tăng vốn khác: Phát hành trái phiếu thông thường, trái phiếu chuyển đổi cũng không khả thi do quy mô Công ty còn nhỏ không thu hút vốn huy động từ trái phiếu, đồng thời trái phiếu chuyển đổi sẽ làm ảnh hưởng đến quyền kiểm soát của PVTrans đối với Gas Shipping sau này.

Tuy nhiên các hình thức đầu tư nêu trên đều có những hạn chế, không phù hợp với quy mô hiện tại của Đơn vị, thủ tục phức tạp, làm chậm tiến độ tăng vốn và tiến độ đầu tư đội tàu... Vì vậy, việc tăng vốn thông qua hình thức phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện

hữu là phù hợp nhất trong giai đoạn hiện nay.

- Việc tăng vốn/tăng số lượng cổ phiếu lưu hành giúp cải thiện tính thanh khoản cổ phiếu GSP trên sàn HOSE. Thu hút các nhà đầu tư nhất là các tổ chức tài chính lớn, góp phần tăng thị giá của cổ phiếu tạo điều kiện thuận lợi cho việc huy động tăng vốn trong tương lai của Gas Shipping.

- Ngoài ra, việc tăng vốn cũng làm gia tăng quy mô của đơn vị, tạo cơ hội việc làm, ổn định thu nhập và đời sống cho người lao động, đóng góp phần cho sự phát triển kinh tế xã hội nói chung tại địa phương.

3. Phương án tăng vốn của Công ty Gas Shipping:

3.1. Phân tích, đánh giá các phương án có thể huy động vốn mà Người đại diện đã xem xét và lựa chọn phương án tối ưu.

3.2. Phương án tăng vốn của Công ty Gas Shipping:

3.1 Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Vận tải sản phẩm khí Quốc tế.

3.2 Mục đích tăng vốn : Bổ sung vốn đầu tư 02 tàu chở dầu/hóa chất trọng tải khoảng 20.000 DWT.

3.3 Loại cổ phiếu phát hành : Cổ phiếu phổ thông.

3.4 Mệnh giá cổ phiếu phát hành : 10.000 đồng/cổ phiếu.

3.5 Tổng số cổ phiếu đã phát hành : 36.000.000 (Ba mươi sáu triệu) cổ phiếu.

3.6 Số lượng cổ phiếu đang lưu hành : 36.000.000 (Ba mươi sáu triệu) cổ phiếu.

3.7 Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 20.000.000 (Hai mươi triệu) cổ phiếu.

3.8 Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá: 200.000.000.000 (Hai trăm tỷ) đồng.

3.9 Tỷ lệ phát hành (số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành/số lượng cổ phiếu đang lưu hành) : 55,6% (Năm mươi lăm phẩy sáu phần trăm).

3.10 Đối tượng phát hành : Cổ đông hiện hữu của Công ty Gas Shipping có tên trong danh sách tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu do Trung tâm lưu ký chứng khoán thực hiện.

3.11 Phương thức chào bán : Chào bán cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua.

3.12 Tỷ lệ thực hiện quyền : Tỷ lệ thực hiện quyền mua dự kiến là 9:5 (cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ được hưởng 01 quyền mua, cứ 09 quyền mua sẽ được mua 05 cổ phiếu mới).

3.13 Giá dự kiến phát hành : 10.000 đồng/cổ phần.

3.14 Tổng số tiền dự kiến thu được từ đợt phát hành: 200.000.000.000 (Hai trăm tỷ) đồng.

3.15 Vốn điều lệ trước khi phát hành : 360.000.000.000 (Ba trăm sáu mươi tỷ) đồng.

3.16 VDL dự kiến sau khi phát hành : 560.000.000.000 (Năm trăm sáu mươi tỷ) đồng.

3.17 Phương thức thực hiện việc góp vốn: Bằng tiền.

3.18 Quyền mua cổ phiếu phát hành thêm chỉ được phép chuyển nhượng một (01) lần. Người nhận chuyển nhượng không được chuyển nhượng tiếp cho người thứ 3. Cổ

phiếu phát hành không bị hạn chế chuyển nhượng.

3.19 Các cổ đông trong tình trạng hạn chế chuyển nhượng vẫn được nhận quyền mua cổ phiếu. Số lượng cổ phiếu mua thêm từ quyền mua này không bị hạn chế chuyển nhượng.

3.20 *Phương án làm tròn, phương án xử lý cổ phiếu lẻ phát sinh:* Số cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, số cổ phiếu lẻ hàng thập phân (nếu có) sẽ được hủy bỏ.

Ví dụ: Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông A sở hữu 103 cổ phiếu tương ứng với 103 quyền mua cổ phiếu mới. Với tỷ lệ thực hiện quyền là 9:5, cổ đông A sẽ được quyền mua $103 : 9 \times 5 = 57,2$ cổ phiếu mới. Như vậy, theo nguyên tắc làm tròn xuống đến hàng đơn vị, cổ đông A được quyền mua 57 cổ phiếu.

3.21 *Phương án xử lý cổ phiếu lẻ do làm tròn xuống đến hàng đơn vị và cổ phiếu còn dư do Cổ đông không thực hiện quyền (nếu có):*

Cổ phiếu lẻ và đôi dư phát sinh gồm:

- Cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn xuống đến hàng đơn vị;
- Số lượng cổ phiếu do cổ đông từ chối mua;
- Xử lý đối với Cổ phiếu lẻ và đôi dư (nếu có):
 - + Đại hội đồng Cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị xác định tiêu chí, lựa chọn bán cho cổ đông hiện hữu hoặc nhà đầu tư bên ngoài với điều kiện chào bán, điều kiện về quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư không thuận lợi hơn so với điều kiện chào bán cho cổ đông hiện hữu.
 - + Trong trường hợp đối tượng được Hội đồng Quản trị lựa chọn để tiếp tục phân phối cổ phiếu đôi dư thuộc đối tượng phải thực hiện chào mua công khai thì đối tượng đó có trách nhiệm thực hiện thủ tục chào mua công khai theo quy định của pháp luật.
 - + Số lượng cổ phiếu này (nếu có) sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.

3.22 *Ngày chốt danh sách cổ đông được hưởng quyền:* Trong năm 2021, Đại hội đồng Cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị lựa chọn thời điểm thích hợp căn cứ theo tình hình thị trường, hoạt động của Gas Shipping, đảm bảo các quy định hiện hành và quyền lợi của các cổ đông.

3.23 *Thời gian dự kiến phát hành:* Sau khi được chấp thuận từ UBCKNN, dự kiến trong Quý III-IV/2021.

3.24 *Căn cứ xác định giá chào bán:*

Giá chào bán được tính toán dựa trên giá trị sổ sách, mệnh giá cổ phiếu và giá thị trường (có đánh giá mức độ pha loãng cổ phần dự kiến sau khi phát hành):

- Mệnh giá cổ phiếu : 10.000 đồng/Cổ phiếu
- Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2020:

Stt	Khoản mục	Giá trị
1	Vốn chủ sở hữu	461.730.488.157
2	Số cổ phần đang lưu hành tại thời điểm 31/12/2020	36.000.000
3	Giá trị sổ sách 1 Cổ phần (đồng/Cổ phần)	12.825

Giá thị trường: Bình quân giá đóng cửa cổ phiếu GSP trong 60 phiên gần nhất (tính đến ngày 23/3/2021) là 12.190 đồng/Cổ phiếu.

Căn cứ vào chiến lược phát triển và nhu cầu vốn của Công ty, đồng thời để đảm bảo quyền lợi cho các Cổ đông và khuyến khích cổ đông gắn bó và đóng góp cho sự phát triển chung của Công ty nên HĐQT đề xuất mức giá phát hành Cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu là 10.000 đồng/Cổ phần.

3.25 Mức độ pha loãng cổ phiếu dự kiến sau phát hành:

Việc chào bán cổ phiếu sẽ gây ra pha loãng giá Cổ phiếu, pha loãng thu nhập ròng trên mỗi Cổ phiếu (EPS), pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi Cổ phiếu, pha loãng tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết.

❖ Pha loãng giá Cổ phiếu:

Điều chỉnh kỹ thuật giá Cổ phiếu đối với phát hành cho Cổ đông hiện hữu: việc phát hành cho Cổ đông hiện hữu sẽ khiến giá Cổ phiếu bị điều chỉnh kỹ thuật do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSX) tính toán. Theo đó, công thức tính như sau:

$$P_{tc} = \frac{PR_{t-1} + (I_1 \times P_{R1})}{1 + I_1}$$

Trong đó:

P_{tc}	:	Giá tham chiếu điều chỉnh trong ngày giao dịch không hưởng quyền
PR_{t-1}	:	Giá tham chiếu của cổ phiếu trước ngày chốt danh sách thực hiện quyền
P_{R1}	:	Giá chào bán cho Cổ đông hiện hữu
I_1	:	Tỷ lệ vốn tăng thêm do phát hành quyền mua Cổ phiếu

❖ Rủi ro pha loãng EPS:

Theo chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 30 – Lãi cơ bản trên một Cổ phiếu:

$EPS = \text{Lợi nhuận sau thuế} / \text{Số lượng Cổ phiếu lưu hành bình quân}$

$$SL \text{ Cổ phiếu lưu hành bình quân} = \frac{X \times 12 + Y \times t}{12}$$

+ X : Số lượng Cổ phiếu lưu hành trước khi phát hành.

+ Y : Số lượng Cổ phiếu phát hành thêm.

+ t : Thời gian lưu hành thực tế trong năm của Cổ phiếu phát hành thêm.

Sau khi hoàn thành đợt chào bán, thu nhập cơ bản trên mỗi Cổ phần (EPS) sẽ bị thay đổi do có sự thay đổi về vốn chủ sở hữu và tốc độ tăng trưởng lợi nhuận.

❖ **Về pha loãng giá trị sổ sách:**

Sau khi hoàn thành đợt phát hành, giá trị sổ sách của mỗi Cổ phần sẽ bị thay đổi trong trường hợp giá phát hành thấp hơn giá trị sổ sách mỗi Cổ phần tại thời điểm phát hành.

❖ **Về tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết:**

Do việc phát hành được thực hiện theo phương thức thực hiện quyền cho Cổ đông hiện hữu, nên không làm giảm tỷ lệ nắm giữ, quyền biểu quyết của các Cổ đông nếu các Cổ đông thực hiện quyền đầy đủ. Trong trường hợp Cổ đông từ bỏ hoặc chuyển nhượng quyền có thể làm giảm tỷ lệ sở hữu, giảm tỷ lệ biểu quyết tương ứng.

3.26 *Tỷ lệ chào bán thành công dự kiến và phương án xử lý trong trường hợp chào bán không thu đủ số tiền tối thiểu như dự kiến:*

- Tỷ lệ chào bán thành công dự kiến: 100%.
- Gas Shipping sẽ thực hiện tăng vốn điều lệ theo đúng số tiền thực tế huy động được. Trong trường hợp kết thúc thời gian chào bán theo quy định, Công ty không chào bán hết số Cổ phiếu như đăng ký, số tiền thu được từ đợt phát hành không đủ theo đúng dự kiến, để thực hiện những dự án đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua, tùy tình hình thực tế, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT thực hiện các giải pháp như sau:
 - Xin gia hạn đợt chào bán để tiếp tục chào bán nốt số Cổ phiếu còn lại;
 - Tiến hành bổ sung nguồn vốn còn thiếu thông qua các hình thức khác như vay ngân hàng, phát hành trái phiếu doanh nghiệp.

3.27 *Kế hoạch sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành:*

- Số tiền của đợt phát hành sẽ được dùng để: Bổ sung vốn đầu tư 02 tàu dầu/hóa chất trọng tải khoảng 20.000 DWT.
- Số tiền thu được dự kiến từ đợt chào bán Cổ phiếu:

Cổ đông	Số lượng Cổ phiếu chào bán (CP)	Giá chào bán dự kiến (VND)	Số tiền thu được (VND)		
			Tăng vốn điều lệ	Thặng dư vốn	Số tiền thu được từ đợt phát hành
Cổ đông hiện hữu	20.000.000	10.000	200.000.000.000	0	200.000.000.000
Tổng cộng	20.000.000		200.000.000.000	0	200.000.000.000

- Kế hoạch sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành:

Stt	Mục đích sử dụng vốn	Số tiền giải ngân	Thời điểm giải ngân dự kiến
1	Đầu tư 02 tàu dầu/hóa chất trọng tải khoảng 20.000 DWT	200.000.000.000	Quý III-IV năm 2021
Tổng cộng		200.000.000.000	

3.28 Cổ phiếu phát hành thêm của Công ty Gas Shipping sẽ được đăng ký lưu ký tại Trung tâm lưu ký Chứng khoán VN và được đăng ký niêm yết bổ sung tại HOSE.

3.29 Chấp thuận ủy quyền cho HĐQT:

- Chủ động xây dựng và giải trình hồ sơ xin phép phát hành chứng khoán gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan chức năng khác. Đồng thời, chủ động điều chỉnh Phương án phát hành và các hồ sơ khác có liên quan theo yêu cầu của Ủy ban Chứng Khoán Nhà nước và các cơ quan chức năng khác phù hợp với quy định của pháp luật, điều lệ Công ty và sẽ báo cáo lại Đại hội đồng Cổ đông trong kỳ họp gần nhất;
- Lựa chọn thời điểm thích hợp để chốt ngày thực hiện quyền và thời điểm triển khai việc thực hiện phát hành.
- Thực hiện việc xử lý Cổ phiếu lẻ và cổ phiếu Cổ đông hiện hữu từ bỏ quyền mua... Thực hiện các biện pháp xử lý trong trường hợp không chào bán hết số Cổ phiếu đăng ký phát hành; Hội đồng quản trị được quyết định điều kiện, phương thức và giá chào bán cho cổ đông hiện hữu/đối tượng khác với điều kiện không được ưu đãi hơn so với phương án đã được thông qua.
- Chủ động xây dựng và điều chỉnh phương án sử dụng vốn chi tiết cho từng mục đích; Chủ động điều chỉnh việc phân bổ, sử dụng nguồn vốn huy động được cho phù hợp với tình hình thực tế, lợi ích của Công ty và báo cáo ĐHCĐ gần nhất về các nội dung điều chỉnh này (nếu có).
- Thực hiện đăng ký lưu ký bổ sung cổ phiếu phát hành thêm tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh đối với toàn bộ số lượng cổ phần phổ thông được phát hành theo phương án nêu trên.
- Thực hiện việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ liên quan đến việc thay đổi vốn điều lệ và đăng ký lại giấy phép đăng ký kinh doanh theo quy định.
- Ủy quyền cho HĐQT thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.
- Thực hiện các thủ tục pháp lý cần thiết theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty để hoàn tất việc phát hành cổ phiếu ra công chúng.

4. Cơ cấu cổ đông dự kiến của Công ty Gas Shipping:

- Cơ cấu cổ đông của Công ty Gas Shipping trước khi tăng vốn:

Stt	Tên cổ đông	Số lượng CP nắm giữ (CP)	Giá trị CP (đồng)	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	Tổng Công ty CP Vận tải Dầu khí	24.385.080	243.850.800.000	67,74%
2	Cổ đông khác	11.614.920	116.149.200.000	32,26%
	Tổng cộng	36.000.000	360.000.000.000	100,00%

- Cơ cấu cổ đông của Công ty Gas Shipping sau khi tăng vốn:

Stt	Tên cổ đông	Số lượng CP nắm giữ (CP)	Giá trị CP (đồng)	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	Tổng Công ty CP Vận tải Dầu khí	37.932.347	379.323.470.000	67,74%
2	Cổ đông khác	18.067.653	180.676.530.000	32,26%
	Tổng cộng	56.000.000	560.000.000.000	100,00%

5. Hiệu quả của phương án tăng vốn:

- a. Dự kiến kết quả SXKD và các chỉ tiêu tài chính của Gas Shipping trong các năm tiếp theo trong trường hợp tăng vốn như sau:

Stt	Nội dung	Đvt	2021	2022	2023	2024	2025
1	Doanh thu	Triệu đồng	1.500.000	1.697.368	1.697.368	1.684.350	1.694.504
2	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	75.000	100.576	112.798	110.998	132.243
3	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	60.000	80.461	90.238	88.798	105.794
4	Tỷ lệ chia cổ tức	%	14%	13%	13%	13%	14%
5	Vốn điều lệ cuối năm	Triệu đồng	560.000	560.000	560.000	560.000	560.000
6	Tỷ suất LN trước thuế/VĐL bình quân	%	16.3%	18.0%	20.1%	19.8%	23.6%
7	Tỷ suất LN sau thuế/VĐL BQ	%	13.0%	14.4%	16.1%	15.9%	18.9%
8	Tổng tài sản	Triệu đồng	1.281.891	1.155.083	1.032.544	919.318	836.635
9	Nợ phải trả	Triệu đồng	675.074	542.266	411.680	289.431	197.868
10	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	606.817	612.817	620.863	629.887	638.767

(Cơ sở tính toán số liệu trên lợi nhuận của 2 tàu theo FS của dự án, trong trường hợp tính trên lợi nhuận bình quân của cả đời dự án thì tỷ suất lợi nhuận/vốn điều lệ sẽ đạt trên 25%).

- b. Dự kiến kết quả SXKD và các chỉ tiêu tài chính của Gas Shipping trong các năm tiếp theo trong trường hợp không tăng vốn như sau:

Stt	Nội dung	Đvt	2021	2022	2023	2024	2025
1	Doanh thu	Triệu đồng	1.400.000	1.400.000	1.400.000	1.400.000	1.400.000
2	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	70.000	74.607	76.910	78.859	79.522
3	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	56.000	59.686	61.528	63.087	63.618
4	Tỷ lệ chia cổ tức	%	14%	12%	14%	14%	14%
5	Vốn điều lệ cuối năm	Triệu đồng	360.000	360.000	360.000	360.000	360.000
6	Tỷ suất LN trước thuế/VĐL BQ	%	19.4%	20.7%	21.4%	21.9%	22.1%
7	Tỷ suất LN sau thuế/VĐL bình quân	%	15.6%	16.6%	17.1%	17.5%	17.7%
8	Tổng tài sản	Triệu đồng	591.475	540.331	491.848	449.977	439.786
9	Nợ phải trả	Triệu đồng	184.657	125.114	67.678	19.654	3.154
10	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	406.817	415.217	424.170	430.323	436.632

Theo số liệu ở hai bảng trên, việc tăng vốn giúp tăng quy mô đơn vị, doanh thu và lợi nhuận của Gasshipping tăng trưởng tốt qua các năm (từ 2021-2025: doanh thu tăng thêm gần 1.300 tỷ đồng, LN tăng thêm 150 tỷ đồng), duy trì việc chia cổ tức trên 13%/năm, tỷ suất LNTT/Vốn điều lệ trên 20%, đặc biệt tăng cao vào giai đoạn khi khoản nợ vay ngân hàng giảm.

c. Dự kiến nguồn vốn của Gas Shipping trong các năm tiếp theo:

- Nguồn vốn của Gasshipping tại ngày 31/12/2020 theo Báo cáo Tài chính đã kiểm toán như sau:

Stt	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
1	Vốn điều lệ	360.000	Theo BCTC kiểm toán 2020
2	Quỹ ĐTPT + khác VCSH	40.817	Tạm sử dụng
3	Giá trị còn lại của TSCĐ	481.342	
4	Số dư nợ vay ngân hàng	236.543	
5	Số tiền ký quỹ vay tàu ĐN Gas	50.000	Shinhan Bank
6	Vốn lưu động của đơn vị	55.000	
7	Nguồn vốn còn lại có thể sử dụng để đầu tư	51.018	(7 = 1+2+4-3-5-6)
8	Nguồn vốn đối ứng cần thiết để đầu tư 02 tàu	252.014	
9	Số vốn tối thiểu Gas Shipping cần phải bổ sung	200.996	

(Khoản tiền ký quỹ vay tàu ĐN sẽ được giảm theo tỷ lệ nợ vay khoảng 10 tỷ đồng/năm, khoản vay tàu Thăng Long - 7 năm & Tàu ĐN - 5 năm nên sẽ cần thêm khoảng 15 tỷ đồng/năm để bù đắp khoản trả nợ gốc).

- Nguồn vốn của Gas Shipping khi không tăng vốn:

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Nội dung	2020	2021	2022	2023	2024	2025
I	Nguồn vốn chủ sở hữu (không bao gồm LNST)	400.817	406.817	415.217	424.170	430.323	436.632
1	+ Vốn điều lệ	360.000	360.000	360.000	360.000	360.000	360.000
2	+ Quỹ ĐTPT + khác VCSH	40.817	46.817	55.217	64.170	70.323	76.632
II	Vốn chủ sở hữu sử dụng vào:	287.295	292.797	305.694	322.288	330.013	305.601

	+ Vốn lưu động	45.000	45.000	45.000	45.000	45.000	45.000
	+ Đầu tư TSCĐ:	242.295	247.797	260.694	277.288	285.013	260.601
1	Sài Gòn Gas	14.789	3.697				
2	Thăng Long Gas	96.655	100.001	103.346	106.692	110.038	107.858
3	Đà Nẵng Gas	130.851	144.100	157.348	170.596	174.975	152.744
	Vốn chủ sở hữu còn lại	113.522	114.020	109.523	101.882	100.310	131.030

- Nguồn vốn của Gas Shipping khi tăng vốn:

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Nội dung	2020	2021	2022	2023	2024	2025
I	Nguồn vốn chủ sở hữu (không bao gồm LNST)	400.817	606.817	612.817	620.863	629.887	638.767
1	+ Vốn điều lệ	360.000	560.000	560.000	560.000	560.000	560.000
2	+ Quỹ ĐTPT + khác VCSH	40.817	46.817	52.817	60.863	69.887	78.767
II	Vốn chủ sở hữu sử dụng vào:	287.295	553.689	563.592	577.192	581.922	554.517
	+ Vốn lưu động	45.000	55.000	55.000	55.000	55.000	55.000
	+ Đầu tư TSCĐ:	242.295	498.689	508.592	522.192	526.922	499.517
1	Sài Gòn Gas	14.789	3.697				
2	Thăng Long Gas	96.655	100.001	103.346	106.692	110.038	107.858
3	Đà Nẵng Gas	130.851	144.100	157.348	170.596	174.975	152.744
4	Tàu dầu/HC 20.000 DWT số 1		125.259	123.762	122.265	120.768	119.271
5	Tàu dầu/HC 20.000 DWT số 2		125.633	124.136	122.639	121.142	119.645
	Vốn chủ sở hữu còn lại	113.522	53.129	49.225	43.671	47.965	84.250

d. Dự kiến dòng tiền của Gas Shipping trong các năm tiếp theo:

- Dòng tiền trong trường hợp không tăng vốn như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	DIỄN GIẢI	2020	2021	2022	2023	2024	2025
1	Vốn điều lệ đầu năm	360.000	360.000	360.000	360.000	360.000	360.000
I	SỐ DƯ ĐẦU KỲ	207.000	214.674	214.771	218.360	212.894	217.857
II	THU	112.057	108.080	104.372	102.517	104.076	104.607
1	Lợi nhuận sau thuế	60.001	56.000	59.686	61.528	63.087	63.618
2	Khấu hao	52.056	52.080	44.686	40.989	40.989	40.989
III	CHI	104.383	107.983	100.783	107.983	99.113	66.978
1	Đầu tư Tài sản cố định						
2	Trả nợ gốc vay	57.583	57.583	57.583	57.583	48.713	16.578
	Thăng long Gas	22.104	22.104	22.104	22.104	22.104	16.578
	Đà Nẵng Gas	35.480	35.480	35.480	35.480	26.610	
3	Trả cổ tức	46.800	50.400	43.200	50.400	50.400	50.400
IV	SỐ DƯ CUỐI KỲ	214.674	214.771	218.360	212.894	217.857	255.486

- Dòng tiền trong trường hợp tăng vốn như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	DIỄN GIẢI	2020	2021	2022	2023	2024	2025
1	Vốn điều lệ đầu năm	360.000	360.000	560.000	560.000	560.000	560.000
I	SỐ DƯ ĐẦU KỲ	207.000	214.674	167.880	191.638	195.476	206.744
II	THU	112.057	859.139	202.166	208.246	206.806	223.802
1	Lợi nhuận sau thuế	60.001	60.000	80.461	90.238	88.798	105.794
2	Khấu hao	52.056	80.963	121.705	118.008	118.008	118.008
3	Nhận nợ vay		518.176				
	Tàu dầu/HC 20.000 DWT số 1		259.088				
	Tàu dầu/HC 20.000 DWT số 2		259.088				
4	Tăng vốn trong kỳ		200.000				
III	CHI	104.383	905.933	178.408	204.408	195.538	169.003
1	Đầu tư Tài sản cố định		770.190				
	Tàu dầu/HC 20.000 DWT số 1		385.095				
	Tàu dầu/HC 20.000 DWT số 2		385.095				
2	Trả nợ gốc vay	57.583	85.343	131.608	131.608	122.738	90.603
	Thăng long Gas	22.104	22.104	22.104	22.104	22.104	16.578
	Đà Nẵng Gas	35.480	35.480	35.480	35.480	26.610	
	Tàu dầu/HC 20.000 DWT số 1		18.506	37.013	37.013	37.013	37.013
	Tàu dầu/HC 20.000 DWT số 2		9.253	37.013	37.013	37.013	37.013
3	Trả cổ tức	46.800	50.400	46.800	72.800	72.800	78.400
IV	SỐ DƯ CUỐI KỲ	214.674	167.880	191.638	195.476	206.744	261.544

III. Kết luận và kiến nghị:

Việc tăng vốn sẽ giúp Công ty Gas Shipping có nguồn để đầu tư trong những năm tiếp theo, sẽ đảm bảo và nâng cao quy mô và khả năng tài chính cho Công ty Gas Shipping trong giai đoạn thị trường vận tải đang phát triển và ngày càng cạnh tranh khốc liệt và phù hợp với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, kế hoạch, định hướng phát triển của Công ty Gas Shipping và phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành. Để có cơ sở thực hiện, Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét thông qua: Phương án Phát hành cổ phiếu của Công ty như trên. Trong đó bao gồm nội dung ủy quyền cho HĐQT các vấn đề sau:

- Chủ động xây dựng và giải trình hồ sơ xin phép phát hành chứng khoán gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan chức năng khác. Đồng thời, chủ động điều chỉnh Phương án phát hành và các hồ sơ khác có liên quan theo yêu cầu của Ủy ban Chứng Khoán Nhà nước và các cơ quan chức năng khác phù hợp với quy định của pháp luật, điều lệ Công ty và sẽ báo cáo lại Đại hội đồng Cổ đông trong kỳ họp gần nhất;
- Lựa chọn thời điểm thích hợp để chốt ngày thực hiện quyền và thời điểm triển khai việc thực hiện phát hành.
- Thực hiện việc xử lý Cổ phiếu lẻ và cổ phiếu Cổ đông hiện hữu từ bỏ quyền mua... Thực hiện các biện pháp xử lý trong trường hợp không chào bán hết số Cổ phiếu

đăng ký phát hành; Hội đồng Quản trị được quyết định điều kiện, phương thức và giá chào bán cho cổ đông hiện hữu/đối tượng khác với điều kiện không được ưu đãi hơn so với phương án đã được thông qua.

- Chủ động xây dựng và điều chỉnh phương án sử dụng vốn chi tiết cho từng mục đích; Chủ động điều chỉnh việc phân bổ, sử dụng nguồn vốn huy động được cho phù hợp với tình hình thực tế, lợi ích của Công ty và báo cáo ĐHĐCĐ gần nhất về các nội dung điều chỉnh này (nếu có);
- Thực hiện đăng ký lưu ký bổ sung cổ phiếu phát hành thêm tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh đối với toàn bộ số lượng cổ phần phổ thông được phát hành theo phương án nêu trên.
- Thực hiện việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ liên quan đến việc thay đổi vốn điều lệ và đăng ký lại giấy phép đăng ký kinh doanh theo quy định.
- Ủy quyền cho HĐQT thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.
- Thực hiện các thủ tục pháp lý cần thiết theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty để hoàn tất việc phát hành cổ phiếu ra công chúng.



PHỤ LỤC 07

PHÊ DUYỆT DỰ ÁN ĐẦU TƯ MUA TÀU DẦU/HÓA CHẤT TRỌNG TẢI KHOẢNG 20.000 DWT.

(Đính kèm Nghị quyết số 02/NQ-VTSPK-ĐHĐCĐ ngày 08 tháng 04 năm 2021)

Thông qua Dự án đầu tư mua tàu chở dầu/hóa chất số 1 (Phụ lục 07-1) và Dự án đầu tư mua tàu chở dầu/hóa chất số 2 (Phụ lục 07-2) có trọng tải khoảng 20.000 DWT và ủy quyền cho HĐQT Công ty:

1. Phê duyệt điều chỉnh Dự án trong quá trình thực hiện cho phù hợp với tình hình thực tế, trên nguyên tắc đảm bảo hiệu quả đầu tư không thấp hơn các chỉ tiêu của Dự án đã được ĐHĐCĐ phê duyệt.
2. Phê duyệt/quyết định các bước tiếp theo để triển khai thực hiện dự án đầu tư (Kế hoạch mua tàu; Kết quả chào giá, Lựa chọn tàu để đầu tư; Quyết toán hoàn thành dự án đầu tư...) trên cơ sở quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ và các Quy chế của Công ty.

39
NG
PH
ISA
QU
P. H

PHỤ LỤC 07-1

THÔNG TIN DỰ ÁN ĐẦU TƯ MUA TÀU CHỞ DẦU/HÓA CHẤT SỐ 1 CÓ TRỌNG TẢI KHOẢNG 20.000 DWT.

(Đính kèm Nghị quyết số 02/NQ-VTSPK-ĐHĐCĐ ngày 08 tháng 04 năm 2021)

I. Thông tin dự án:

1. Tên dự án: **Dự án Đầu tư mua tàu chở dầu/hóa chất số 1 có trọng tải khoảng 20.000 DWT.**
2. Tên chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế (Gas Shipping).
3. Tên đơn vị thực hiện: Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế.
4. Tổng mức đầu tư dự án (bao gồm giá mua tàu, chi phí khảo sát, giám định, nhận tàu, đào tạo, thuế nhập khẩu...): **16.387.000 USD.**
5. Mục đích của dự án: Đầu tư tàu chở dầu/hóa chất để khai thác trên thị trường quốc tế và tham gia vận chuyển nhập khẩu.
6. Phương thức thực hiện dự án: Mua tàu đã qua sử dụng.
7. Phương thức lựa chọn nhà cung cấp: Chào hàng cạnh tranh theo thông lệ quốc tế.
8. Tiến độ thực hiện: **Quý II-III/2021.**
9. Nguồn vốn cho dự án: Vốn chủ sở hữu và vốn vay.

II. Các chỉ tiêu chính của dự án như sau (cho 01 tàu):

Stt	Chỉ tiêu	USD
1	Tổng vốn đầu tư	16.387.000
	Trong đó: Giá mua tàu	15.750.000
	- Vốn vay	11.025.000
	- Vốn chủ sở hữu	5.362.000
2	TCE năm đầu	11.892
3	Hiệu quả đầu tư của dự án	
	- NPV (i=7,5%)	1.424.606
	- IRR	8,97%
4	Hiệu quả đầu tư của Chủ đầu tư	
	- NPV (i=7,5%)	2.086.816
	- ROE	11,15%

(Chi tiết như Báo cáo nghiên cứu khả thi đính kèm).

PHỤ LỤC 07-2

THÔNG TIN DỰ ÁN ĐẦU TƯ MUA TÀU CHỞ DẦU/HÓA CHẤT SỐ 2 CÓ TRỌNG TẢI KHOẢNG 20.000 DWT.

(Đính kèm Nghị quyết số 02/NQ-VTSPK-ĐHĐCĐ ngày 08 tháng 04 năm 2021)

I. Thông tin dự án:

1. Tên dự án: **Dự án Đầu tư mua tàu chở dầu/hóa chất số 2 có trọng tải khoảng 20.000 DWT.**
2. Tên chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế (Gas Shipping).
3. Tên đơn vị thực hiện: Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế.
4. Tổng mức đầu tư dự án (bao gồm giá mua tàu, chi phí khảo sát, giám định, nhận tàu, đào tạo, thuế nhập khẩu...): **16.387.000 USD.**
5. Mục đích của dự án: Đầu tư tàu chở dầu/hóa chất để khai thác trên thị trường quốc tế và tham gia vận chuyển nhập khẩu.
6. Phương thức thực hiện dự án: Mua tàu đã qua sử dụng.
7. Phương thức lựa chọn nhà cung cấp: Chào hàng cạnh tranh theo thông lệ quốc tế.
8. Tiến độ thực hiện: **Quý III-IV/2021.**
9. Nguồn vốn cho dự án: Vốn chủ sở hữu và vốn vay.

II. Các chỉ tiêu chính của dự án như sau (cho 01 tàu):

Stt	Chỉ tiêu	USD
1	Tổng vốn đầu tư	16.387.000
	Trong đó: Giá mua tàu	15.750.000
	- Vốn vay	11.025.000
	- Vốn chủ sở hữu	5.362.000
2	TCE năm đầu	11.892
3	Hiệu quả đầu tư của dự án	
	- NPV (i=7,5%)	1.424.606
	- IRR	8,97%
4	Hiệu quả đầu tư của Chủ đầu tư	
	- NPV (i=7,5%)	2.086.816
	- ROE	11,15%

(Chi tiết như Báo cáo nghiên cứu khả thi đính kèm).



Số: 33 /NQ-VTSPK-HĐQT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 5 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

V/v: Thông qua chỉnh sửa, bổ sung Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ năm 2021 và nội dung Hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng.

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 số 02/NQ-VTSPK-DHĐCĐ ngày 08/4/2021;
- Căn cứ Nghị quyết Hội đồng quản trị số 25/NQ-VTSPK-HĐQT ngày 26/04/2021;
- Căn cứ Biên bản Tổng hợp ý kiến Hội đồng Quản trị số: 32 /BB-VTSPK-HĐQT ngày 24 / 5 /2021.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua sửa đổi, bổ sung Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ năm 2021 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ngày 08/4/2021. Chi tiết như sau:

Phương án xử lý cổ phiếu lẻ, cổ phiếu còn dư:

- Đối với số cổ phiếu lẻ và cổ phiếu còn dư mà cổ đông không mua hết (nếu có) sẽ do Hội đồng Quản trị (“HĐQT”) xác định tiêu chí, lựa chọn bán cho cổ đông hiện hữu hoặc nhà đầu tư bên ngoài với điều kiện chào bán, điều kiện về quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư không thuận lợi hơn so với điều kiện chào bán cho cổ đông hiện hữu. Công ty cam kết thực hiện xử lý cổ phiếu lẻ, cổ phiếu còn dư do cổ đông không đăng ký hết đảm bảo quy định tại Điều 42 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
- Công ty cam kết không phân phối cho các Công ty con đảm bảo thực hiện theo Khoản 2 Điều 195 Luật doanh nghiệp 2020 số 59/2020/QH14: “Công ty con không được đầu tư mua cổ phần, góp vốn vào công ty mẹ. Các công ty con của cùng một công ty mẹ không được đồng thời cùng góp vốn, mua cổ phần để sở hữu chéo lẫn nhau.”.

Điều 2. Thông qua nội dung Hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng của Công ty cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế.

Hồ sơ đăng ký chào bán Cổ phiếu ra công chúng của Công ty cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước bao gồm:

- Giấy đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng;
- Bản cáo bạch chào bán cổ phiếu ra công chúng;
- Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phát hành, phương án sử dụng vốn;
- Bản sao ĐKKD, Điều lệ hoạt động của Công ty;
- Quyết định của Hội đồng quản trị thông qua hồ sơ đăng ký chào bán; phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán và các cam kết;
- BCTC kiểm toán năm 2019, 2020 và BCTC Quý I/2021;
- Danh sách người có liên quan với thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng của tổ chức chào bán;
- Văn bản xác nhận của ngân hàng về việc mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu của đợt chào bán;
- Hợp đồng tư vấn hồ sơ đăng ký chào bán;
- Các tài liệu liên quan khác.

Điều 3. Thông qua ủy quyền cho Giám đốc Công ty tổ chức chỉ đạo, triển khai ký kết các văn bản liên quan bao gồm cả các văn bản giải trình với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (nếu có) để hoàn tất đợt chào bán, đăng ký bổ sung cổ phiếu, niêm yết bổ sung cổ phiếu và thay đổi vốn điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Điều 4. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 5. Các thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và các Phòng chức năng liên quan của Công ty có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- UBCKNN;
- Lưu VT, TK. HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

MAI THẾ TOÀN

Số: 25 /NQ-VTSPK-HĐQT.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 4 năm 2021.

NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

V/v: Thông qua việc triển khai hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng;
Các cam kết của Công ty và Phương án sử dụng vốn dự kiến thu được từ đợt phát hành.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Nghị định số 55/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;
- Điều lệ của Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua;
- Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 số 02/NQ-VTSPK-DHĐCĐ ngày 08/4/2021;
- Biên bản Tổng hợp ý kiến Thành viên HĐQT số: 24/BB-VTSPK-HĐQT ngày 26 / 4 /2021.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua việc triển khai phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ của Công ty năm 2021 đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 ngày 08/4/2021. Chi tiết như sau:

1. Cổ phiếu chào bán: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế.
2. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông.
3. Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu.
4. Số lượng cổ phiếu đăng ký chào bán: 20.000.000 (Hai mươi triệu) cổ phiếu.

Trong đó:

- Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu: 20.000.000 cổ phiếu, tương ứng tỷ lệ thực hiện là 9: 5 (tại thời điểm chốt danh sách, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ được 01



quyền mua và cứ 09 quyền mua sẽ được mua 05 cổ phiếu mới).

5. Giá chào bán cổ phiếu:

- Chào bán cho cổ đông hiện hữu: 10.000 đồng/cổ phiếu.

6. Thời gian dự kiến chào bán: Hội đồng Quản trị lựa chọn thời gian cụ thể sau khi nhận được quyết định chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

7. Tổng khối lượng vốn huy động dự kiến: 200.000.000.000 (Hai trăm tỷ) đồng.

8. Tỷ lệ số cổ phần đăng ký chào bán thêm trên tổng số cổ phần hiện có: 55,6%.

9. Thời gian đăng ký mua cổ phiếu dự kiến: Quý III/2021, sau khi có văn bản chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN).

10. Tỷ lệ chào bán thành công dự kiến: 100%.

11. Phương thức phân phối: Theo phương thức thực hiện quyền:

- Đối với các cổ đông đã lưu ký chứng khoán: Phân phối thông qua các thành viên lưu ký của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam;
- Đối với các cổ đông chưa lưu ký chứng khoán: Phân phối tại trụ sở Công ty cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế.

12. Đơn vị tư vấn phát hành: Công ty Cổ phần Chứng khoán Agribank.

13. Phương án xử lý cổ phiếu lẻ, cổ phiếu còn dư:

- Cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị;
- Đối với số cổ phiếu lẻ và cổ phiếu còn dư mà cổ đông không mua hết (nếu có) sẽ do Hội đồng Quản trị ("HDQT") xác định tiêu chí, lựa chọn bán cho cổ đông hiện hữu hoặc nhà đầu tư bên ngoài với điều kiện chào bán, điều kiện về quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư không thuận lợi hơn so với điều kiện chào bán cho cổ đông hiện hữu;
- Trong trường hợp đối tượng được Hội đồng Quản trị lựa chọn để tiếp tục phân phối cổ phiếu dư thuộc đối tượng phải thực hiện chào mua công khai thì đối tượng đó có trách nhiệm thực hiện thủ tục chào mua công khai theo quy định của pháp luật;
- Hạn chế chuyển nhượng: phần cổ phiếu lẻ và còn dư được xử lý nói trên sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 01 (một) năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.

Điều 2. Thông qua phương án sử dụng vốn chi tiết thu được từ đợt chào bán:

- Tổng số tiền dự kiến thu được: 200.000.000.000 đồng.
- Toàn bộ số tiền thu được từ đợt phát hành này được sử dụng làm vốn đối ứng mua thêm tàu chở dầu/hóa chất phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty. Cụ thể:

Nhu cầu sử dụng vốn	Số tiền	Thời điểm giải ngân dự kiến	Nguồn vốn tài trợ	Số tiền (VND)
Tàu chở dầu/hóa chất số 1 có trọng tải khoảng 20.000	16.387.000 USD, tương đương 376,5	Quý II-III/2021	1. Nguồn vốn thu được từ phát hành thêm cổ phiếu.	100.000.000.000

Nhu cầu sử dụng vốn	Số tiền	Thời điểm giải ngân dự kiến	Nguồn vốn tài trợ	Số tiền (VND)
DWT (Tàu số 1).	tỷ đồng.		2. Nguồn vốn chủ sở hữu.	23.218.760.000
			3. Nguồn vốn vay.	253.354.500.000
Tàu chở dầu/hóa chất số 2 có trọng tải khoảng 20.000 DWT (Tàu số 2).	16.387.000 USD, tương đương 376,5 tỷ đồng.	Quý III-IV/2021	1. Nguồn vốn thu được từ phát hành thêm cổ phiếu.	100.000.000.000
			2. Nguồn vốn chủ sở hữu.	23.218.760.000
			3. Nguồn vốn vay.	253.354.500.000
Tổng cộng				753.146.520.000

Tỷ giá USD áp dụng là: 22.980 đồng/USD.

- Trường hợp số tiền thu được từ đợt chào bán không đủ thì Công ty sẽ xử lý theo hướng:
 - Xin gia hạn đợt chào bán để tiếp tục chào bán nốt số cổ phiếu còn lại.
 - Tiến hành bổ sung nguồn vốn còn thiếu thông qua hình thức khác như vay ngân hàng, phát hành trái phiếu doanh nghiệp.
- Căn cứ vào tình hình thực tế Hội đồng Quản trị Công ty có thể tiến hành điều chỉnh kế hoạch sử dụng vốn nói trên nếu thấy cần thiết. Hội đồng Quản trị sẽ thực hiện báo cáo Cổ đông tại kỳ Đại hội gần nhất đối với trường hợp điều chỉnh kế hoạch sử dụng vốn.

Điều 3. Thông qua các cam kết của Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế khi thực hiện chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng:

Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế cam kết:

- Công ty không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích;
- Công ty cam kết triển khai thực hiện niêm yết bổ sung cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh ngay sau khi kết thúc đợt chào bán.

Điều 4. Thông qua phương án đảm bảo việc chào bán cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài: (Phụ lục I kèm theo nghị quyết này).

Điều 5. Thông qua Hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng của Công ty cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế:

Hồ sơ đăng ký chào bán Cổ phiếu ra công chúng của Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế bao gồm:

- Giấy đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng;
- Bản cáo bạch chào bán cổ phiếu ra công chúng;
- Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông thông qua phương án phát hành, phương án sử dụng vốn; ;
- Bản sao ĐKKD, Điều lệ hoạt động của Công ty;
- Quyết định của Hội đồng quản trị thông qua hồ sơ đăng ký chào bán; phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán và các cam kết; ;
- BCTC kiểm toán năm 2019, 2020 và BCTC Quý I/2021;
- Danh sách người có liên quan với thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng của tổ chức chào bán;
- Văn bản xác nhận của ngân hàng về việc mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu của đợt chào bán;
- Hợp đồng tư vấn hồ sơ đăng ký chào bán;
- Các tài liệu liên quan khác.

Điều 6. Thông qua ủy quyền cho Giám đốc Công ty kiêm Người đại diện theo pháp luật tổ chức chỉ đạo, triển khai ký kết các văn bản liên quan bao gồm cả các văn bản giải trình với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (nếu có) để hoàn tất đợt chào bán, đăng ký bổ sung cổ phiếu, niêm yết bổ sung cổ phiếu và thay đổi vốn điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Điều 7. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 8. Các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và các Phòng chức năng liên quan của Công ty có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Như Điều 8;
- UBCKNN;
- Lưu VT, TK. HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



MAI THẾ TOÀN

Phụ lục I

Phương án đảm bảo tỷ lệ nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty

(Kèm theo Nghị quyết số 25 /NQ-VTSPK-HĐQT ngày 26 tháng 4 năm 2021)

Mã ngành	Tên ngành, nghề kinh doanh	Tỷ lệ nắm giữ	Địa chỉ trích dẫn/giải thích
3520	Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống (Không hoạt động tại Thành phố Hồ Chí Minh)	100%	Các văn bản, pháp luật liên quan không quy định tỷ lệ sở hữu tối đa của nhà đầu tư nước ngoài. Không thuộc Danh mục ngành nghề kinh doanh có điều kiện theo Luật Đầu tư 2020 (<i>Phụ lục 04</i>).
4610	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG), khí thiên nhiên (CNG), khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG), xăng, dầu lửa, dầu DO, dầu FO và các sản phẩm liên quan (không hoạt động tại trụ sở)	100%	Các văn bản, pháp luật liên quan không quy định tỷ lệ sở hữu tối đa của nhà đầu tư nước ngoài. Không thuộc Danh mục ngành nghề kinh doanh có điều kiện theo Luật Đầu tư 2020 (<i>Phụ lục 04</i>).
7730	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Chi tiết: - Cho thuê tàu, phương tiện nổi, giàn khoan; - Cho thuê máy móc, thiết bị công nghiệp; - Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính)	100%	Các văn bản, pháp luật liên quan không quy định tỷ lệ sở hữu tối đa của nhà đầu tư nước ngoài. Không thuộc Danh mục ngành nghề kinh doanh có điều kiện theo Luật Đầu tư 2020 (<i>Phụ lục 04</i>).
4661	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Bán buôn khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG), khí thiên nhiên (CNG), khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG), xăng, dầu lửa, dầu DO, dầu FO và các sản phẩm liên quan (không hoạt động tại trụ sở)	100%	Các văn bản, pháp luật liên quan không quy định tỷ lệ sở hữu tối đa của nhà đầu tư nước ngoài. Không thuộc Danh mục ngành nghề kinh doanh có điều kiện theo Luật Đầu tư 2020 (<i>Phụ lục 04</i>).
5229 (Chính)	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Dịch vụ: đại lý tàu biển, môi giới hàng hải, cung ứng tàu biển, cho thuê tàu biển. Kinh doanh vận tải biển	49%	- Thuộc Danh mục ngành nghề kinh doanh có điều kiện theo Luật đầu tư 2020 (<i>Phụ lục 04</i>); - Điều 3 Nghị định 163/2017/NĐ-CP

2

Mã ngành	Tên ngành, nghề kinh doanh	Tỷ lệ nắm giữ	Địa chỉ trích dẫn/giải thích
8532	Giáo dục nghề nghiệp Chi tiết: Đào tạo nghề	50%	- Thuộc Danh mục ngành nghề kinh doanh có điều kiện theo Luật đầu tư 2020 (Phụ lục 04 - stt 62); - Các văn bản, pháp luật liên quan không quy định rõ tỷ lệ sở hữu tối đa của nhà đầu tư nước ngoài.
4669	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn phân bón, hóa chất sử dụng trong công nghiệp, nông nghiệp (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật) (không tồn trữ hóa chất tại trụ sở); - Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh, cao su, hạt nhựa, tơ, xơ, sợi dệt; Bán buôn nguyên phụ liệu may, hàng may mặc (không tồn trữ tại trụ sở); - Bán buôn nhựa đường và các sản phẩm dầu khí (không tồn trữ tại trụ sở); - Bán buôn dung môi (không tồn trữ tại trụ sở); - Bán buôn hóa chất công nghiệp (không tồn trữ tại trụ sở); - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại (không tồn trữ tại trụ sở); - Bán buôn thiết bị, vật tư, phụ tùng, hóa chất ngành dầu khí, ngành xây dựng, ngành giao thông vận tải, nông lâm ngư nghiệp, hóa chất phục vụ khai thác và chế biến sản phẩm dầu khí (không tồn trữ tại trụ sở); - Bán buôn trang thiết bị phòng cháy chữa cháy, trang thiết bị bảo vệ môi trường, trang thiết bị y tế, trang thiết bị trường học (không tồn trữ tại trụ sở); - Bán buôn tinh dầu, hương liệu và nguyên liệu sản xuất hóa mỹ phẩm (không tồn trữ tại trụ sở); - Bán buôn phương tiện vận tải; - Bán buôn chuyên doanh khác còn chưa được phân vào đâu. (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh kể từ	100%	Các văn bản, pháp luật liên quan không quy định tỷ lệ sở hữu tối đa của nhà đầu tư nước ngoài. Không thuộc Danh mục ngành nghề kinh doanh có điều kiện theo Luật Đầu tư 2020 (Phụ lục 04).

530
TỶ
ÁN
PH
T
CH

2

Mã ngành	Tên ngành, nghề kinh doanh	Tỷ lệ nắm giữ	Địa chỉ trích dẫn/giải thích
	khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật và phải bảo đảm đáp ứng các điều kiện đó trong suốt quá trình hoạt động)		
4933	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)	50%	– Thuộc Danh mục ngành nghề kinh doanh có điều kiện theo Luật đầu tư 2020 (Phụ lục 04); – Các văn bản, pháp luật liên quan không quy định rõ tỷ lệ sở hữu tối đa của nhà đầu tư nước ngoài.
5222	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy Chi tiết: Kiểm đếm hàng hóa, vệ sinh tàu biển, sửa chữa tàu biển tại cảng, giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu	50%	– Thuộc Danh mục ngành nghề kinh doanh có điều kiện theo Luật đầu tư 2020 (Phụ lục 04); – Các văn bản, pháp luật liên quan không quy định rõ tỷ lệ sở hữu tối đa của nhà đầu tư nước ngoài.
5022	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng bằng đường thủy nội địa.	49%	– Thuộc Danh mục ngành nghề kinh doanh có điều kiện theo Luật đầu tư 2020 (Phụ lục 04, stt 79); - Điều 3 Nghị định 163/2017/NĐ-CP

Theo bảng tỷ lệ sở hữu trên thì tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tối đa tại Gas Shipping theo quy định của pháp luật là 49%.

Tại thời điểm chốt danh sách tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 (ngày 02/03/2021), nhà đầu tư nước ngoài đang sở hữu 3.063.170 cổ phiếu, chiếm 8,51% vốn Điều lệ Công ty.

Để đảm bảo tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tối đa tại Gas Shipping là 49% theo quy định của pháp luật, Công ty sẽ phối hợp cùng Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam thực hiện phân phối cổ phiếu chào bán thêm cho các nhà đầu tư nước ngoài theo đúng tỷ lệ nắm giữ của các nhà đầu tư tại thời điểm chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền và cam kết không phân phối cổ phiếu lẻ, cổ phiếu dư của đợt chào bán cho các nhà đầu tư nước ngoài để làm tăng tỷ lệ sở hữu tại Công ty.

Số: 25 /NQ-VTSPK-HĐQT.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 4 năm 2021.

NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

V/v: Thông qua việc triển khai hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng;
Các cam kết của Công ty và Phương án sử dụng vốn dự kiến thu được từ đợt phát hành.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Nghị định số 55/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;
- Điều lệ của Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua;
- Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 số 02/NQ-VTSPK-DHĐCĐ ngày 08/4/2021;
- Biên bản Tổng hợp ý kiến Thành viên HĐQT số: 24/BB-VTSPK-HĐQT ngày 26 / 4 /2021.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua việc triển khai phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ của Công ty năm 2021 đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 ngày 08/4/2021. Chi tiết như sau:

1. Cổ phiếu chào bán: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế.
2. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông.
3. Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu.
4. Số lượng cổ phiếu đăng ký chào bán: 20.000.000 (Hai mươi triệu) cổ phiếu.

Trong đó:

- Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu: 20.000.000 cổ phiếu, tương ứng tỷ lệ thực hiện là 9: 5 (tại thời điểm chốt danh sách, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ được 01



quyền mua và cứ 09 quyền mua sẽ được mua 05 cổ phiếu mới).

5. Giá chào bán cổ phiếu:

- Chào bán cho cổ đông hiện hữu: 10.000 đồng/cổ phiếu.

6. Thời gian dự kiến chào bán: Hội đồng Quản trị lựa chọn thời gian cụ thể sau khi nhận được quyết định chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

7. Tổng khối lượng vốn huy động dự kiến: 200.000.000.000 (Hai trăm tỷ) đồng.

8. Tỷ lệ số cổ phần đăng ký chào bán thêm trên tổng số cổ phần hiện có: 55,6%.

9. Thời gian đăng ký mua cổ phiếu dự kiến: Quý III/2021, sau khi có văn bản chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN).

10. Tỷ lệ chào bán thành công dự kiến: 100%.

11. Phương thức phân phối: Theo phương thức thực hiện quyền:

- Đối với các cổ đông đã lưu ký chứng khoán: Phân phối thông qua các thành viên lưu ký của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam;
- Đối với các cổ đông chưa lưu ký chứng khoán: Phân phối tại trụ sở Công ty cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế.

12. Đơn vị tư vấn phát hành: Công ty Cổ phần Chứng khoán Agribank.

13. Phương án xử lý cổ phiếu lẻ, cổ phiếu còn dư:

- Cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị;
- Đối với số cổ phiếu lẻ và cổ phiếu còn dư mà cổ đông không mua hết (nếu có) sẽ do Hội đồng Quản trị ("HDQT") xác định tiêu chí, lựa chọn bán cho cổ đông hiện hữu hoặc nhà đầu tư bên ngoài với điều kiện chào bán, điều kiện về quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư không thuận lợi hơn so với điều kiện chào bán cho cổ đông hiện hữu;
- Trong trường hợp đối tượng được Hội đồng Quản trị lựa chọn để tiếp tục phân phối cổ phiếu dư thuộc đối tượng phải thực hiện chào mua công khai thì đối tượng đó có trách nhiệm thực hiện thủ tục chào mua công khai theo quy định của pháp luật;
- Hạn chế chuyển nhượng: phần cổ phiếu lẻ và còn dư được xử lý nói trên sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 01 (một) năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.

Điều 2. Thông qua phương án sử dụng vốn chi tiết thu được từ đợt chào bán:

- Tổng số tiền dự kiến thu được: 200.000.000.000 đồng.
- Toàn bộ số tiền thu được từ đợt phát hành này được sử dụng làm vốn đối ứng mua thêm tàu chở dầu/hóa chất phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty. Cụ thể:

Nhu cầu sử dụng vốn	Số tiền	Thời điểm giải ngân dự kiến	Nguồn vốn tài trợ	Số tiền (VND)
Tàu chở dầu/hóa chất số 1 có trọng tải khoảng 20.000	16.387.000 USD, tương đương 376,5	Quý II-III/2021	1. Nguồn vốn thu được từ phát hành thêm cổ phiếu.	100.000.000.000

Nhu cầu sử dụng vốn	Số tiền	Thời điểm giải ngân dự kiến	Nguồn vốn tài trợ	Số tiền (VND)
DWT (Tàu số 1).	tỷ đồng.		2. Nguồn vốn chủ sở hữu.	23.218.760.000
			3. Nguồn vốn vay.	253.354.500.000
Tàu chở dầu/hóa chất số 2 có trọng tải khoảng 20.000 DWT (Tàu số 2).	16.387.000 USD, tương đương 376,5 tỷ đồng.	Quý III-IV/2021	1. Nguồn vốn thu được từ phát hành thêm cổ phiếu.	100.000.000.000
			2. Nguồn vốn chủ sở hữu.	23.218.760.000
			3. Nguồn vốn vay.	253.354.500.000
Tổng cộng				753.146.520.000

Tỷ giá USD áp dụng là: 22.980 đồng/USD.

- Trường hợp số tiền thu được từ đợt chào bán không đủ thì Công ty sẽ xử lý theo hướng:
 - Xin gia hạn đợt chào bán để tiếp tục chào bán nốt số cổ phiếu còn lại.
 - Tiến hành bổ sung nguồn vốn còn thiếu thông qua hình thức khác như vay ngân hàng, phát hành trái phiếu doanh nghiệp.
- Căn cứ vào tình hình thực tế Hội đồng Quản trị Công ty có thể tiến hành điều chỉnh kế hoạch sử dụng vốn nói trên nếu thấy cần thiết. Hội đồng Quản trị sẽ thực hiện báo cáo Cổ đông tại kỳ Đại hội gần nhất đối với trường hợp điều chỉnh kế hoạch sử dụng vốn.

Điều 3. Thông qua các cam kết của Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế khi thực hiện chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng:

Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế cam kết:

- Công ty không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích;
- Công ty cam kết triển khai thực hiện niêm yết bổ sung cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh ngay sau khi kết thúc đợt chào bán.

Điều 4. Thông qua phương án đảm bảo việc chào bán cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài: (Phụ lục I kèm theo nghị quyết này).

Điều 5. Thông qua Hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng của Công ty cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế:

Hồ sơ đăng ký chào bán Cổ phiếu ra công chúng của Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế bao gồm:

- Giấy đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng;
- Bản cáo bạch chào bán cổ phiếu ra công chúng;
- Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông thông qua phương án phát hành, phương án sử dụng vốn; ;
- Bản sao ĐKKD, Điều lệ hoạt động của Công ty;
- Quyết định của Hội đồng quản trị thông qua hồ sơ đăng ký chào bán; phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán và các cam kết; ;
- BCTC kiểm toán năm 2019, 2020 và BCTC Quý I/2021;
- Danh sách người có liên quan với thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng của tổ chức chào bán;
- Văn bản xác nhận của ngân hàng về việc mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu của đợt chào bán;
- Hợp đồng tư vấn hồ sơ đăng ký chào bán;
- Các tài liệu liên quan khác.

Điều 6. Thông qua ủy quyền cho Giám đốc Công ty kiêm Người đại diện theo pháp luật tổ chức chỉ đạo, triển khai ký kết các văn bản liên quan bao gồm cả các văn bản giải trình với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (nếu có) để hoàn tất đợt chào bán, đăng ký bổ sung cổ phiếu, niêm yết bổ sung cổ phiếu và thay đổi vốn điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Điều 7. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 8. Các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và các Phòng chức năng liên quan của Công ty có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Như Điều 8;
- UBCKNN;
- Lưu VT, TK. HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



MAI THẾ TOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ
(GAS SHIPPING)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 4 năm 2021

[Signature]

[Signature]

[Signature]

[Signature]

[Signature]

[Signature]
L



MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU.....	4
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ.....	4
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	4
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	5
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty.....	5
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	5
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	5
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	5
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty	6
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN.....	6
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần.....	6
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu.....	7
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác.....	7
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần.....	8
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT.....	8
Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	8
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	8
Điều 11. Quyền của cổ đông:.....	8
Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông	10
Điều 13. Đại hội đồng Cổ đông.....	11
Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng Cổ đông	12
Điều 15. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng Cổ đông	14
Điều 16. Thay đổi các quyền.....	15
Điều 17. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng Cổ đông.....	15
Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông	17
Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.....	17
Điều 20. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông được thông qua	19

Handwritten signatures and stamps at the bottom of the page. There are several blue ink signatures and a red circular stamp on the right side.

Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông	20
Điều 22. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông.....	22
Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.....	23
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	23
Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng Quản trị.....	23
Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị.....	24
Điều 26. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị.....	26
Điều 27. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị.....	28
Điều 28. Chủ tịch Hội đồng Quản trị.....	29
Điều 29. Cuộc họp của Hội đồng Quản trị.....	30
Điều 30. Người phụ trách quản trị Công ty	32
VIII. GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	33
Điều 31. Tổ chức bộ máy quản lý	33
Điều 32. Người điều hành Công ty.....	33
Điều 33. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc	33
IX. BAN KIỂM SOÁT.....	34
Điều 34. Ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm soát (Kiểm soát viên).....	34
Điều 35. Thành phần Ban Kiểm soát.....	35
Điều 36. Trưởng Ban Kiểm soát	36
Điều 37. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát	36
Điều 38. Cuộc họp của Ban Kiểm soát.....	37
Điều 39. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát	37
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	38
Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	38
Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	39
XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.....	39
Điều 42. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ.....	39
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	40
Điều 43. Công nhân viên và công đoàn.....	40
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	40

Điều 44. Phân phối lợi nhuận	40
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	41
Điều 45. Tài khoản ngân hàng.....	41
Điều 46. Năm tài chính	41
Điều 47. Chế độ kế toán.....	41
XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	42
Điều 48. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý	42
Điều 49. Báo cáo thường niên.....	42
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY	42
Điều 50. Kiểm toán.....	42
XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP	42
Điều 51. Dấu của doanh nghiệp	42
XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY.....	43
Điều 52. Giải thể Công ty	43
Điều 53. Gia hạn hoạt động.....	43
Điều 54. Thanh lý	43
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	44
Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ	44
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	44
Điều 56. Điều lệ Công ty	44
XXI. NGÀY HIỆU LỰC.....	45
Điều 57. Ngày hiệu lực	45

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông số 02/NQ-VTSPK-DHĐCĐ ngày 08 tháng 4 năm 2021.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ:

Điều 1. Giải thích thuật ngữ.

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a. *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
 - b. *Vốn có quyền biểu quyết* là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông;
 - c. *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
 - d. *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
 - e. *Việt Nam* là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
 - f. *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
 - g. *Người điều hành doanh nghiệp* là Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty;
 - h. *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý Công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ Công ty;
 - i. *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
 - j. *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty;
 - k. *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại Khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;
 - l. *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng Cổ đông của Công ty thông qua;
 - m. *Sở giao dịch chứng khoán* là Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và các công ty con.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.
3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY:

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty.

1. Tên Công ty:
 - Tên tiếng Việt : CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ.
 - Tên tiếng Anh : INTERNATIONAL GAS PRODUCT SHIPPING JOINT STOCK COMPANY.
 - Tên viết tắt : GAS SHIPPING JSC.
2. Công ty là Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
3. Trụ sở đăng ký của Công ty:
 - Địa chỉ : 35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.
 - Điện thoại : 028 22205388.
 - Fax : 028 22205366.
 - E-mail : postmaster@gasshipping.com.vn
 - Website : www.gasshipping.com.vn
4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng Quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.
5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại Khoản 2 Điều 52 hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều 53 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Công ty có 1 người đại diện theo pháp luật là Giám đốc

Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Pháp luật hiện hành.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY:

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty.

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là:
Mua bán phươg tiện vận tải. Cho thuê tàu. Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô, đường thủy nội địa. Kinh doanh vận tải biển. Dịch vụ: Đại lý tàu biển, môi giới hàng hải, cung ứng tàu biển, kiểm đếm hàng hóa, vệ sinh tàu biển, sửa chữa tàu biển tại cảng, giao nhận

hàng hóa xuất nhập khẩu. Đào tạo nghề. Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống (không hoạt động tại Tp. Hồ Chí Minh). Đại lý, môi giới, đầu giá: Đại lý kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG), khí thiên nhiên (CNG), khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG), xăng, dầu lửa, dầu DO, dầu FO, hóa chất, dung môi). Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan: Kinh doanh, xuất nhập khẩu khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG), khí thiên nhiên (CNG), khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG), xăng, dầu lửa, dầu DO, dầu FO và các sản phẩm liên quan (trừ bán buôn gas tại TP. Hồ Chí Minh). Bán buôn chuyên doanh: Phân bón, hóa chất sử dụng trong công - nông nghiệp (trừ thuốc bảo vệ thực vật); Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh, cao su, hạt nhựa, tơ, xơ, sợi dệt, bán buôn nguyên phụ liệu may, hàng may mặc; Bán buôn nhựa đường, và các sản phẩm dầu khí; Bán buôn dung môi (không tồn trữ tại trụ sở); Bán buôn hóa chất công nghiệp (không tồn trữ hóa chất tại trụ sở); Kinh doanh kim loại, phế liệu kim loại, phi kim; Mua bán thiết bị, vật tư, phụ tùng, hóa chất ngành dầu khí, ngành xây dựng, ngành giao thông vận tải, nông lâm ngư nghiệp, hóa chất phục vụ khai thác và chế biến sản phẩm dầu khí; Mua bán trang thiết bị phòng cháy chữa cháy, trang thiết bị bảo vệ môi trường, trang thiết bị y tế, trang thiết bị trường học; Mua bán tinh dầu, hương liệu và nguyên liệu sản xuất hóa mỹ phẩm. Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác: Cho thuê phương tiện nổi, giàn khoan. Cho thuê máy móc, thiết bị công nghiệp. Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính).

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là: Giữ vững vị thế là Công ty vận tải khí hóa lỏng LPG hàng đầu tại thị trường nội địa, đồng thời xây dựng và phát triển để từng bước trở thành thương hiệu vận tải mạnh trong khu vực và quốc tế. Không ngừng phát triển các hoạt động sản xuất kinh doanh, khai thác, thương mại và các dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động kinh doanh nhằm tối đa hóa giá trị cho Công ty và các cổ đông. Không ngừng cải thiện đời sống, điều kiện làm việc, thu nhập cho người lao động và đóng góp tích cực cho cộng đồng và xã hội.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty.

1. Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề mà luật không cấm và được Đại hội đồng Cổ đông thông qua.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN:

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần.

1. Vốn điều lệ của Công ty là **360.000.000.000 đồng** (Ba trăm sáu mươi tỷ đồng chẵn).
Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành **36.000.000 cổ phần** (Ba mươi sáu triệu cổ phần) với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.
2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng Cổ đông thông qua và phù

hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm 36.000.000 cổ phần phổ thông (Ba mươi sáu triệu cổ phần), các quyền và nghĩa vụ kèm theo được quy định tại Điều 11, Điều 12 Điều lệ này.
4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng Cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng Cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng Quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng Quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng Cổ đông có chấp thuận khác.
6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.
7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu.

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại Khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.
3. Trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai (02) tháng kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.
4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:
 - a. Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
 - b. Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác.

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần.

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT:

Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát.

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng Cổ đông.
2. Hội đồng Quản trị.
3. Ban Kiểm soát.
4. Giám đốc.

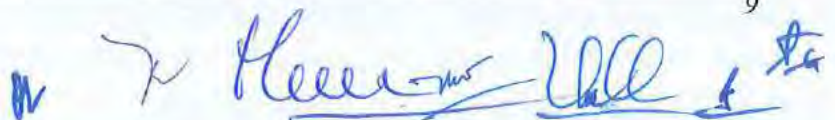
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG:

Điều 11. Quyền của cổ đông.

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
 - a. Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông;
 - c. Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
 - d. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 120, Khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
 - e. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
 - f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông;
 - g. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty, sau khi Công ty đã thanh toán các khoản



- nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;
- h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;
 - i. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng Cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
 - j. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;
 - k. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - l. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:
- a. Yêu cầu Hội đồng Quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo các quy định tại Khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
 - b. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban Kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng Quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;
 - c. Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
 - d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng Cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là năm (05) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
 - e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát phải thông báo về việc



hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước năm (05) ngày làm việc khi khai mạc Đại hội đồng Cổ đông. Việc đề cử người vào Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát thực hiện theo Điều 24 và Điều 34 của Điều lệ này.

Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông.

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Tuân thủ Điều lệ Công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị.
5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật; Chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; Nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp; Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng Quản trị Công ty làm đại diện cho mình tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - e. Gửi phiếu biểu quyết bằng hình thức khác theo quy định của pháp luật và quy định cụ thể của Công ty khi tổ chức cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.
7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.
8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Handwritten signature and blue ink stamp at the bottom of the page.

Điều 13. Đại hội đồng Cổ đông.

1. Đại hội đồng Cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng Cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng Quản trị có quyền quyết định gia hạn họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng Cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng Cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
2. Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng Cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên của Công ty.
3. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng Quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
 - c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp và Điều 11 của Điều lệ này. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
 - d. Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát;
 - e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
4. Triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông bất thường:
 - a. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên độc lập Hội đồng Quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm c và Điểm d Khoản 3 Điều này;
 - b. Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát thay thế Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;



- c. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng Cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

- d. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại Khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng Cổ đông.

1. Đại hội đồng Cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; Quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;
- c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
- d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính đã kiểm toán gần nhất của Công ty;
- e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
- f. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
- g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát;
- k. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty; Quy chế hoạt động Hội đồng Quản trị; Quy chế hoạt động Ban Kiểm soát;
- l. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; Quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

W   

2. Đại hội đồng Cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a. Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
- b. Báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán;
- c. Báo cáo của Hội đồng Quản trị về quản trị, kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị và từng thành viên Hội đồng Quản trị;
- d. Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị, Giám đốc;
- e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát;
- f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- g. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát;
- h. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
- i. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát;
- j. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết;
- k. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
- l. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;
- m. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- n. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- o. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính đã kiểm toán gần nhất của Công ty;
- p. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- q. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã kiểm toán gần nhất;
- r. Chấp thuận các giao dịch quy định tại Khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- s. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; Quy chế hoạt động Hội đồng Quản trị; Quy chế hoạt động Ban Kiểm soát;
- t. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.



3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.
4. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
 - a. Thông qua các hợp đồng quy định tại Khoản 2 Điều 14 này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
 - b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của Pháp luật.

Điều 15. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng Cổ đông.

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại Khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.
2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại Khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:
 - a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

4. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện. Trường hợp cổ đông Công ty không xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu ủy quyền cho từng người đại diện thì số cổ phần và số phiếu bầu ủy quyền sẽ được chia đều cho số lượng người đại diện theo ủy quyền.



Điều 16. Thay đổi các quyền.

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.
3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18, 19 và 20 Điều lệ này.
4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 17. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng Cổ đông.

1. Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 13 Điều lệ này.
2. Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng Cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng Cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

The bottom of the page features several handwritten signatures in blue ink. There are also two red circular stamps: one on the right side with the text 'M.S.D.N. 2' and another partially visible on the far right with 'C.P. H.A.'.

- c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
 - d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
 - e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
 - f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
 - g. Các công việc khác phục vụ đại hội.
3. Thông báo mời họp Đại hội đồng Cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng Cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:
- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
 - c. Phiếu biểu quyết;
 - d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản 2 Điều 11 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng Cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại Khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại Khoản 2 Điều 11 và Khoản 4 Điều này;
 - b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 05% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại Khoản 2 Điều 11 Điều lệ này;
 - c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.



6. Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại Khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại Khoản 5 Điều này; Kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận.

Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông.

1. Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông lần thứ nhất.

Điều 19. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:
 - a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Phiếu biểu quyết phải bao gồm các nội dung cần được thông qua tại Đại hội theo chương trình nghị sự đã được thông qua. Khi được phát phiếu biểu quyết cổ đông/đại diện được ủy quyền phải kiểm tra thông tin trên phiếu nhận được, nếu có sai sót phải thông báo ngay tại thời điểm nhận phiếu. Đại hội đồng Cổ đông thảo luận và biểu quyết các vấn đề trong nội dung chương trình. Phiếu biểu quyết được coi là hợp lệ khi có đầy đủ, chính xác các thông tin theo yêu cầu trên phiếu biểu quyết. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, cổ đông hoặc người đại diện được ủy quyền sẽ thực hiện biểu quyết bằng cách đánh dấu vào các mục tán thành hoặc không tán thành hoặc không có ý kiến để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng Cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;



- b. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:
- Chủ tịch Hội đồng Quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng Quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông do Hội đồng Quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng Quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban Kiểm soát điều hành để Đại hội đồng Cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - Trường hợp quy định tại Điểm a Khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông điều hành để Đại hội đồng Cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;
 - Đại hội đồng Cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.
3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng Cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
- Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng Cổ đông;
 - Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
 - Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
5. Đại hội đồng Cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.



6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; Trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông có quyền sau đây:
 - a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
 - b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; Trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.
8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá ba (03) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
 - a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng Cổ đông trái với quy định tại Khoản 8 Điều này, Đại hội đồng Cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; Tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.
10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và Khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 20. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông được thông qua.

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các Khoản 1 Điều 16, Khoản 3 Điều này và Khoản 8 Điều 21:
 - a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
 - d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính đã kiểm toán gần nhất của Công ty;



- e. Tổ chức lại, giải thể Công ty.
2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các Khoản 1 Điều 16, Khoản 1, 3 Điều này và Khoản 8 Điều 21.
 3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát có thể thực hiện theo phương thức biểu quyết theo tỷ lệ sở hữu hoặc theo phương thức bầu dồn phiếu. Trước khi họp Đại hội đồng Cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để bầu thành viên Hội đồng Quản trị và/hoặc Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị sẽ quyết định phương thức biểu quyết phù hợp với các quy định tại Điều lệ này. Trường hợp bầu theo phương thức bầu dồn phiếu, mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử của Đại hội.
 4. Các Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.

1. Hội đồng Quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty
2. Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 17 Điều lệ này.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích lấy ý kiến;
 - c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở

The bottom of the page features several handwritten signatures in blue ink. To the right of the signatures, there is a red circular stamp with the text "M.S.D.N." and a star. Further to the right, there is a red rectangular stamp with the text "C.P." and a star. The page number "20" is printed in the bottom right corner.

chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; Số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

- d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:
- a. Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - b. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
 - c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
5. Hội đồng Quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - e. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.
- Các thành viên Hội đồng Quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới



chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.

Điều 22. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông.

1. Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi/lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng Cổ đông;
 - c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
 - f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết; Tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ; Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến; Tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i. Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng Quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.



2. Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng Anh thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
5. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Toà án, huỷ bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại Điều 23 Điều lệ này thì nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi có quyết định huỷ bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Toà án có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 23. Yêu cầu huỷ bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng Cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 11 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án xem xét, huỷ bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng Cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều 20 Điều lệ này.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Trường hợp nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông bị huỷ bỏ theo quyết định của Toà án, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông bị huỷ bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông trong vòng ba mươi (30) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng Quản trị.

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng Quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng Cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng Quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được

công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng Quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng Quản trị được công bố bao gồm:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ chuyên môn;
 - c. Quá trình công tác;
 - d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng Quản trị của Công ty khác);
 - e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - f. Các thông tin khác (nếu có);
 - g. Công ty có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng Quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng Quản trị (nếu có).
2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng Quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; Từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; Từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; Từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; Từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; Từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; Từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; Từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.
3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng Quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại Khoản 2 Điều này, Hội đồng Quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế Nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế Hoạt động của Hội đồng Quản trị. Việc Hội đồng Quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng Cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định của pháp luật.
4. Thành viên Hội đồng Quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị.

1. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị cụ thể sẽ do Đại hội đồng Cổ đông quyết định.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc



lập Hội đồng Quản trị của Công ty không quá hai (02) nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng Quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng Quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng Quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng Quản trị của Công ty đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng Quản trị là thành viên không điều hành.

Hội đồng Quản trị của Công ty có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng Quản trị 05 thành viên; Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng Quản trị từ 06 đến 08 thành viên; Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng Quản trị từ 09 đến 11 thành viên.

4. Thành viên Hội đồng Quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng Quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng Cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Khoản 5, 6 và 7 Điều này.

5. Thành viên Hội đồng Quản trị bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- Thành viên đó không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng Quản trị;
- Có đơn từ chức bằng văn bản gửi Công ty và được chấp thuận;
- Thành viên đó không còn năng lực hành vi và thành viên khác của Hội đồng Quản trị có những bằng chứng chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

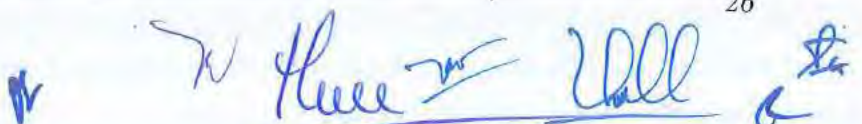
Đại hội đồng Cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị Công ty có thể tạm miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị trong các trường hợp nêu trên. Việc tạm miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng Cổ đông gần nhất. Sau khi được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận, việc miễn nhiệm thành viên đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng Quản trị tạm miễn nhiệm.

Đại hội đồng Cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị Công ty có thể bầu người khác có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Luật doanh nghiệp tạm thời làm thành viên Hội đồng Quản trị để thay thế thành viên bị miễn nhiệm. Việc bầu bổ sung tạm thời thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng Cổ đông gần nhất. Sau khi được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận, việc tạm bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng Quản trị tạm bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị mới được tính từ ngày việc tạm bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị đó. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng Quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng Cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng Quản trị tạm bổ nhiệm vẫn được coi là có hiệu lực.

6. Thành viên Hội đồng Quản trị bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Thành viên đó không tham gia các hoạt động của Hội đồng Quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của thành viên Hội đồng Quản trị quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ, quy định của Công ty;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.
7. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng Cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng Quản trị; Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị ngoài trường hợp quy định tại Khoản 5 và Khoản 6 Điều này.
8. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
9. Thành viên Hội đồng Quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 26. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị.

1. Hội đồng Quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng Cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng Quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại. Kiến nghị việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;
 - c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; Quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
 - e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
 - f. Quyết định phương án đầu tư, dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính đã kiểm toán gần nhất của Công ty, trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại

Handwritten signature and stamp at the bottom of the page.

hội đồng Cổ đông theo quy định tại Điều 14 của Điều lệ này và Điểm d Khoản 2 Điều 138, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

- i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng Quản trị; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ và quy định nội bộ của Công ty quy định; Quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; Cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát tại các doanh nghiệp có vốn đầu tư của Công ty, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó theo các quy chế nội bộ của Công ty;
 - j. Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;
 - k. Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị;
 - l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng Cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng Cổ đông thông qua nghị quyết;
 - m. Trình báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng Cổ đông;
 - n. Kiến nghị mức cổ tức được trả; Quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - o. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; Yêu cầu phá sản Công ty;
 - p. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng Quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng Cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của Công ty;
 - q. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với Người điều hành Công ty cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với Người điều hành đó;
 - r. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.
3. Hội đồng Quản trị phải báo cáo Đại hội đồng Cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
 4. Đại hội đồng Cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị tạm phê duyệt bổ sung ngành nghề kinh doanh phù hợp với chiến lược phát triển dài hạn của Công ty và theo quy định của pháp luật. Việc tạm phê duyệt bổ sung ngành nghề kinh doanh phải được chấp thuận tại Đại hội đồng Cổ đông gần nhất.



5. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng Quản trị phê chuẩn:
- Thành lập chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;
 - Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển hàng năm của Công ty.
 - Thành lập công ty con của Công ty; Mục tiêu chiến lược, kế hoạch phát triển dài hạn của công ty con của Công ty.
 - Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 153 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 138 và Khoản 1, Khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng Cổ đông phê chuẩn, Hội đồng Quản trị quyết định việc ký kết, thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng của Công ty;
 - Việc vay nợ, thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty theo phân cấp tại các quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - Các khoản đầu tư, thanh lý tài sản dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong Báo cáo tài chính đã kiểm toán gần nhất của Công ty và theo phân cấp tại các quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các doanh nghiệp khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
 - Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết công nghệ và các loại tài sản phi tiền tệ khác;
 - Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;
 - Quyết định mức giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;
 - Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng Quản trị quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.
6. Hội đồng Quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 27. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị.

- Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng Quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
- Thành viên Hội đồng Quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng Quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng Quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí và căn cứ quy định nội bộ của Công ty. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng Cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.



3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng Quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng Quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng Quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng Quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng Quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng Quản trị.
5. Thành viên Hội đồng Quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng Quản trị.
6. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng Cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng Quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 28. Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị do Hội đồng Quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng Quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị không được kiêm Giám đốc Công ty.
3. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng Quản trị;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; Triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng Quản trị;
 - c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị;
 - d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị;
 - e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông;
 - f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng Quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.



5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng Quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng Quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng Quản trị.

Điều 29. Cuộc họp của Hội đồng Quản trị.

1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng Quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng Quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng Quản trị.
2. Hội đồng Quản trị phải họp ít nhất mỗi quý một (01) lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng Quản trị triệu tập họp Hội đồng Quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Có đề nghị của Ban Kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng Quản trị;
 - b. Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;
 - c. Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng Quản trị;
4. Đề nghị quy định tại Khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng Quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; Người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng Quản trị triệu tập họp Hội đồng Quản trị.
6. Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng Quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng Quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng Quản trị được đăng ký tại Công ty.







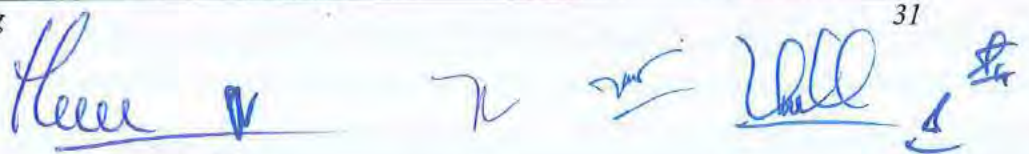




7. Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng Quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng Quản trị; Có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng Quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng Quản trị dự họp.
9. Thành viên Hội đồng Quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại Khoản 11 Điều này;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng Quản trị chậm nhất là một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
11. Biểu quyết:
- a. Mỗi thành viên Hội đồng Quản trị hoặc người được ủy quyền có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng Quản trị có một (01) phiếu biểu quyết.
 - b. Thành viên Hội đồng Quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người có liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Tổng công ty. Thành viên Hội đồng Quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng Quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết
12. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng Quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng Quản trị chấp thuận.
13. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về



phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng Quản trị/người được uỷ quyền có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng Quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp. Biên bản họp Hội đồng Quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng. Biên bản phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng Quản trị tham dự họp và người ghi biên bản cuộc họp hoặc biên bản có thể lập thành nhiều bản và mỗi biên bản phải có chữ ký của ít nhất một (01) thành viên Hội đồng Quản trị tham dự cuộc họp và người ghi biên bản. Chủ toạ và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng Quản trị.

Điều 30. Người phụ trách quản trị Công ty.

1. Hội đồng Quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất một (01) người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo quy định tại Khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.
2. Người phụ trách quản trị Công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
3. Người phụ trách quản trị Công ty có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Tư vấn Hội đồng Quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
 - b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Đại hội đồng Cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát;
 - c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d. Tham dự các cuộc họp;
 - e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng Quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
 - f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng Quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ban Kiểm soát;
 - g. Giám sát và báo cáo Hội đồng Quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
 - h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
 - i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
 - j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

The bottom of the page features several handwritten signatures in blue ink. From left to right, there is a signature that appears to be 'V K Hee', followed by a signature that looks like 'VCC', and then a signature that is partially obscured. To the right of these signatures, there is a red circular stamp with some text inside, and a small red rectangular stamp.

VIII. GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC:

Điều 31. Tổ chức bộ máy quản lý.

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng Quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Giám đốc, các Phó Giám đốc và Kế toán trưởng. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị.

Điều 32. Người điều hành Công ty.

1. Người điều hành Công ty bao gồm: Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo Điều lệ/quy định nội bộ của Công ty.
2. Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng Quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác, với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng Quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
3. Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Giám đốc do Hội đồng Quản trị quyết định căn cứ quy định nội bộ của Công ty.
4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 33. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc.

1. Hội đồng Quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng Quản trị hoặc thuê người khác làm Giám đốc.
2. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; Chịu sự giám sát của Hội đồng Quản trị; Chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
3. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy chế nội bộ của Công ty.
4. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị;
 - b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị;
 - c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

- d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị;
 - f. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc;
 - g. Tuyển dụng lao động;
 - h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - i. Quyết định các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng Quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
 - j. Kiến nghị số lượng Người điều hành Công ty mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng Quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ của Công ty và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với Người điều hành Công ty để Hội đồng Quản trị quyết định;
 - k. Trình Hội đồng Quản trị phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư cho năm tài chính tiếp theo;
 - l. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị, quy chế nội bộ của Công ty.
5. Hội đồng Quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng Quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Giám đốc mới thay thế.
6. Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị, Đại hội đồng Cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.

IX. BAN KIỂM SOÁT:

Điều 34. Ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm soát.

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 24 Điều lệ này.
2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban Kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng Cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật.



Điều 35. Thành phần Ban Kiểm soát.

1. Số lượng thành viên Ban Kiểm soát của Công ty từ ba (03) đến năm (05) người. Số lượng thành viên Ban Kiểm soát cụ thể do Đại hội đồng Cổ đông quyết định. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban Kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.
2. Thành viên Ban Kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:
 - a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó.
3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Khoản 2 Điều này;
 - b. Có đơn từ chức bằng văn bản gửi Công ty và được chấp thuận;
 - c. Thành viên Ban Kiểm soát đó không còn năng lực hành vi và thành viên Ban Kiểm soát khác của Ban Kiểm soát có những bằng chứng chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi.

Đại hội đồng Cổ đông ủy quyền cho Ban Kiểm soát Công ty có thể tạm miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong các trường hợp nêu trên. Việc tạm miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng Cổ đông gần nhất. Sau khi được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận, việc miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Ban Kiểm soát tạm miễn nhiệm.

Đại hội đồng Cổ đông ủy quyền cho Ban Kiểm soát Công ty có thể bầu người khác có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp tạm thời làm thành viên Ban Kiểm soát để thay thế thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm. Việc bầu bổ sung tạm thời thành viên Ban Kiểm soát mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng Cổ đông gần nhất. Sau khi được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận, việc tạm bổ nhiệm thành viên Ban Kiểm soát mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Ban Kiểm soát tạm bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát mới được tính từ ngày việc tạm bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát đó. Trong trường hợp thành viên Ban Kiểm soát mới không được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Ban Kiểm soát cho đến trước thời điểm diễn ra cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Ban Kiểm soát tạm bổ nhiệm vẫn được coi là có hiệu lực.

4. Thành viên Ban Kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

Handwritten signatures and stamps at the bottom of the page. There are several blue ink signatures, including one that appears to be 'Hieu' and another 'Ull'. There are also red circular stamps on the right side, one of which contains the text 'N.S.M.' and another 'T.C.P. H.N.'.

- a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
- d. Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông.

Điều 36. Trưởng Ban Kiểm soát.

1. Trưởng Ban Kiểm soát do Ban Kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban Kiểm soát; Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban Kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban Kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.
2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban Kiểm soát:
 - a. Triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát;
 - b. Yêu cầu Hội đồng Quản trị, Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban Kiểm soát;
 - c. Lập và ký báo cáo của Ban Kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị để trình Đại hội đồng Cổ đông.

Điều 37. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát.

Ban Kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; Quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc, người quản lý khác.
4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng Quản trị, Giám đốc và cổ đông.
5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc và người điều hành khác của Công ty, Ban Kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng Quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.



6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát và trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua.
7. Báo cáo tại Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; Có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
9. Có quyền yêu cầu Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.
10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 38. Cuộc họp của Ban Kiểm soát.

1. Ban Kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban Kiểm soát. Biên bản họp Ban Kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban Kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban Kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban Kiểm soát.
2. Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 39. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát.

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban Kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông. Đại hội đồng Cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Kiểm soát.
2. Thành viên Ban Kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng Cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.



X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC:

Thành viên Hội đồng Quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng Quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.
2. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng Cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
4. Thành viên Hội đồng Quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
5. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.
6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:
 - a. Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính đã kiểm toán gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng Quản trị và được Hội đồng Quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng Quản trị không có lợi ích liên quan;

(Handwritten signatures and initials)

- b. Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính đã kiểm toán gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng Cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.
3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY:

Điều 42. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ.

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:
 - a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; Yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông;
 - b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban Kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng Quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.



Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

2. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
3. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị, biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị, các báo cáo của Hội đồng Quản trị, các báo cáo của Ban Kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.
4. Điều lệ Công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN:

Điều 43. Công nhân viên và công đoàn.

1. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng Quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.
2. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng Quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN:

Điều 44. Phân phối lợi nhuận.

1. Đại hội đồng Cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
3. Hội đồng Quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng Cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng Quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản

The bottom of the page features several handwritten signatures in blue ink. To the right of the signatures, there is a red circular stamp with the text 'M.S.D.N.' and a star. Further to the right, there is another red circular stamp with the text 'C.P.H.' and a star.

ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng Quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN:

Điều 45. Tài khoản ngân hàng.

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 46. Năm tài chính.

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm.

Điều 47. Chế độ kế toán.

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.



XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN:

Điều 48. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý.

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 49. Báo cáo thường niên.

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY:

Điều 50. Kiểm toán.

1. Đại hội đồng Cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập, ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng Quản trị.
2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông, được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông, được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP:

Điều 51. Dấu của doanh nghiệp.

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng Quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).

Handwritten signature and stamp in blue ink at the bottom of the page.

3. Hội đồng Quản trị, Giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY:

Điều 52. Giải thể Công ty.

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a. Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ Công ty mà không có quyết định gia hạn;
 - b. Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông;
 - c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng Cổ đông quyết định, Hội đồng Quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 53. Gia hạn hoạt động.

1. Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị.
2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng Cổ đông tán thành.

Điều 54. Thanh lý.

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng Quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên, trong đó hai (02) thành viên do Đại hội đồng Cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng Quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a. Các chi phí thanh lý;



- b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c. Nợ thuế;
- d. Các khoản nợ khác của Công ty;
- e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ:

Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ.

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:
 - a. Cổ đông với Công ty;
 - b. Cổ đông với Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc hay người điều hành khác;Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Hội đồng Quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban chấp hành Công đoàn Công ty chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.
2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.
3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ:

Điều 56. Điều lệ Công ty.

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng Cổ đông xem xét, quyết định.
2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

The bottom of the page features several handwritten signatures in blue ink. To the right, there is a red circular stamp with the text 'HÀ TẾ' and 'HI' visible. The signatures are spread across the width of the page, with some appearing to be official or legal signatures.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC:

Điều 57. Ngày hiệu lực.

1. Bản Điều lệ này gồm 21 Mục, 57 Điều được Đại hội đồng Cổ đông Công ty cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế thông qua ngày 08 tháng 4 năm 2021 tại Khách sạn Sofitel Saigon Plaza – 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP HCM và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ được lập thành 05 bản, có giá trị như nhau và được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Người Đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

HỌ, TÊN, CHỮ KÝ CỦA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

01 Mai Thế Toàn



02 Phạm Thị Trúc

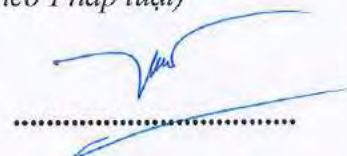


03 Nguyễn Duyên Hiếu



(Giám đốc và là Người đại diện theo Pháp luật)

04 Vũ Thị Phương Nga



05 Nguyễn Thế Anh



**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 0305390530

Đăng ký lần đầu: ngày 24 tháng 12 năm 2007

Đăng ký thay đổi lần thứ: 9, ngày 23 tháng 07 năm 2021

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: INTERNATIONAL GAS PRODUCT SHIPPING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: GAS SHIPPING JSC

2. Địa chỉ trụ sở chính

35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 028.222.053.88

Fax: 028.222.053.66

Email: *postmaster@gasshipping.com.vn*

Website: *www.gasshipping.com.vn*

3. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ: 360.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: *Ba trăm sáu mươi tỷ đồng*

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 36.000.000

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: ĐOÀN ĐỨC TRỌNG

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *19/10/1986*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *031086000566*

Ngày cấp: *27/10/2014*

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Địa chỉ thường trú: *117 Lê Văn Thuyết, Phường Kênh Dương, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *03-01 T3 Chung cư Riviera Point, Nguyễn Văn Trường, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*



Hồ Hoàng Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 26

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ

Lầu 9, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Mai Thế Toàn	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 11 tháng 12 năm 2019)
Ông Nguyễn Tài Cương	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 1 tháng 11 năm 2019)
Bà Phạm Thị Trúc	Phó Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2019)
Ông Nguyễn Duyên Hiếu	Thành viên
Ông Nguyễn Thế Anh	Thành viên
Bà Vũ Thị Phương Nga	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Duyên Hiếu	Giám đốc
Ông Vũ Văn Đức	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Thế Anh	Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 22 tháng 7 năm 2019)
Ông Đoàn Đức Trọng	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 26 tháng 11 năm 2019)
Ông Nguyễn Cảnh Toàn	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc.



Nguyễn Duyên Hiếu
Giám đốc

Ngày 19 tháng 3 năm 2020

Số: 0426 /VN1A-HC-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 19 tháng 3 năm 2020, từ trang 3 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Vũ Thái Hòa
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0138-2018-001-1
CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH
DELOITTE VIỆT NAM
Ngày 19 tháng 3 năm 2020
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Phạm Hoàng Khánh Phương
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2756-2020-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		367.343.996.019	410.398.082.575
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	53.229.188.747	24.902.199.025
1. Tiền	111		8.229.188.747	4.902.199.025
2. Các khoản tương đương tiền	112		45.000.000.000	20.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		153.970.000.000	185.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	153.970.000.000	185.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		98.995.948.631	149.010.496.076
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	91.001.841.549	140.663.174.230
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		736.037.456	743.377.741
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	7.258.069.626	7.603.944.105
IV. Hàng tồn kho	140	8	17.158.920.107	24.297.941.773
1. Hàng tồn kho	141		17.158.920.107	24.297.941.773
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		43.989.938.534	27.187.445.701
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		5.292.230.270	5.839.761.290
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		38.697.708.264	21.347.684.411
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		535.173.336.649	280.338.045.032
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.070.905.502	1.030.344.002
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	1.070.905.502	1.030.344.002
II. Tài sản cố định	220		534.102.431.147	279.307.701.030
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	534.102.431.147	279.294.219.552
- Nguyên giá	222		809.727.208.952	520.968.124.902
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(275.624.777.805)	(241.673.905.350)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	13.481.478
- Nguyên giá	228		435.570.550	435.570.550
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(435.570.550)	(422.089.072)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		902.517.332.668	690.736.127.607

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		450.320.181.814	287.126.245.440
I. Nợ ngắn hạn	310		204.044.953.686	157.936.802.694
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	10	111.488.392.025	97.226.434.490
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		323.474.825	163.932.734
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	11	4.169.119.964	4.084.863.211
4. Phải trả người lao động	314		15.227.297.063	8.207.802.881
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		1.883.050.566	1.039.482.205
6. Phải trả ngắn hạn khác	319		336.851.033	411.450.701
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	12	57.376.620.000	21.942.900.000
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	13	12.275.999.994	24.202.714.290
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		964.148.216	657.222.182
II. Nợ dài hạn	330		246.275.228.128	129.189.442.746
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	12	237.105.225.000	126.171.675.000
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342	13	9.170.003.128	3.017.767.746
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		452.197.150.854	403.609.882.167
I. Vốn chủ sở hữu	410	14	452.197.150.854	403.609.882.167
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		360.000.000.000	300.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		360.000.000.000	300.000.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		1.709.511.521	1.709.511.521
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		26.005.785.387	22.794.970.353
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		64.481.853.946	79.105.400.293
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		12.074.770.225	14.889.099.615
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		52.407.083.721	64.216.300.678
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		902.517.332.668	690.736.127.607


 Phạm Tiến Nam
 Người lập biểu


 Lê Anh Nam
 Kế toán trưởng


 Nguyễn Duyên Hiếu
 Giám đốc
 Ngày 19 tháng 3 năm 2020



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.390.979.827.086	1.550.251.171.779
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	8.640.700
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	17	1.390.979.827.086	1.550.242.531.079
4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	18	1.282.323.562.164	1.436.757.082.141
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		108.656.264.922	113.485.448.938
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	14.799.147.034	16.880.551.763
7. Chi phí tài chính	22	21	9.186.313.191	2.102.637.368
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		8.005.646.390	1.992.774.759
8. Chi phí bán hàng	25	22	9.070.476.251	7.569.214.148
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22	40.164.623.975	40.699.238.102
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		65.033.998.539	79.994.911.083
11. Thu nhập khác	31		868.549.582	190.910.100
12. Chi phí khác	32		219.037.833	17.160.000
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		649.511.749	173.750.100
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		65.683.510.288	80.168.661.183
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	23	13.276.426.567	15.952.360.505
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		52.407.083.721	64.216.300.678
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	1.369	1.678

Phạm Tiến Nam
 Người lập biểu

Lê Anh Nam
 Kế toán trưởng



Nguyễn Duyên Hiều
 Giám đốc
 Ngày 19 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	65.683.510.288	80.168.661.183
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	33.964.353.933	17.356.980.090
Các khoản dự phòng	03	15.570.662.251	15.300.704.480
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(434.688.612)	(996.791.223)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(13.324.694.908)	(15.426.840.740)
Chi phí lãi vay	06	8.005.646.390	1.992.774.759
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	109.464.789.342	98.395.488.549
Thay đổi các khoản phải thu	09	32.412.336.401	(51.499.401.597)
Thay đổi hàng tồn kho	10	7.139.021.666	(12.230.372.672)
Thay đổi các khoản phải trả	11	22.741.025.930	5.024.163.474
Thay đổi chi phí trả trước	12	547.531.020	2.102.913.576
Tiền lãi vay đã trả	14	(7.884.110.124)	(1.854.542.616)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(13.323.425.828)	(15.597.836.803)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	116.960.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(24.789.591.665)	(9.056.764.741)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	126.307.576.742	15.400.607.170
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21	(288.759.084.050)	(244.036.717.987)
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(83.970.000.000)	(185.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	115.000.000.000	230.000.000.000
4. Tiền thu lãi tiền gửi	27	13.467.882.099	16.766.060.320
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(244.261.201.951)	(182.270.657.667)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	177.046.520.000	154.724.850.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(30.822.856.513)	(5.506.987.500)
3. Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(45.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	146.223.663.487	104.217.862.500
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	28.270.038.278	(62.652.187.997)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	24.902.199.025	87.553.380.275
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	56.951.444	1.006.747
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	53.229.188.747	24.902.199.025


 Phạm Tiến Nam
 Người lập biểu


 Lê Anh Nam
 Kế toán trưởng




 Nguyễn Duyên Hiếu
 Giám đốc
 Ngày 19 tháng 3 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế (gọi tắt là "Công ty") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305390530, do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp và sửa đổi lần thứ 7 ngày 08 tháng 4 năm 2015. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp này thay thế cho Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103008857, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 12 năm 2007.

Cổ phiếu của Công ty niêm yết trên sàn giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch là "GSP".

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 193 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 185 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải, dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ môi giới hàng hải, dịch vụ cung ứng tàu biển, dịch vụ cho thuê tàu biển, kinh doanh vận tải biển; vận tải hàng hóa bằng đường bộ; hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; giáo dục nghề nghiệp; bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng khí và các sản phẩm có liên quan; bán buôn chuyên doanh khác.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua và các chi phí liên quan nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Máy móc, thiết bị	3
Thiết bị văn phòng	3 - 5
Phương tiện vận tải	5 - 13

Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện chủ yếu là giá trị phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thuê văn phòng, bảo hiểm và các khoản chi phí khác thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán.

Dự phòng chi phí sửa chữa tàu định kỳ

Dự phòng sửa chữa tàu định kỳ được trích vào chi phí sản xuất kinh doanh hàng năm căn cứ vào dự toán cho đến năm dự kiến việc sửa chữa tài sản xảy ra. Tại năm phát sinh việc sửa chữa, nếu chi phí sửa chữa thực tế lớn hơn số trích theo dự toán hoặc ngược lại thì số chênh lệch được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của niên độ kế toán đó.

Các khoản dự phòng phải trả khác

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho người sử dụng lao động trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được người sử dụng lao động chi trả trợ cấp thôi việc. Mức trích cho mỗi năm làm việc bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập tính thuế trong năm. Thu nhập tính thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	409.292.381	79.163.226
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.819.896.366	4.823.035.799
Các khoản tương đương tiền	45.000.000.000	20.000.000.000
	53.229.188.747	24.902.199.025

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam, có kỳ hạn từ một đến ba tháng tại ngân hàng thương mại, với lãi suất hàng năm được hưởng 5%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 5,2%/năm).

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đầu tư năm giữ tới ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam, có kỳ hạn từ sáu tháng đến một năm tại các ngân hàng thương mại, với lãi suất hàng năm được hưởng từ 6%/năm - 7%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: từ 5,4%/năm đến 7%/năm).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty đã sử dụng một số khoản tiền gửi ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại với tổng số tiền là 53.500.000.000 đồng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay dài hạn (Thuyết minh số 12) và số tiền 40.000.000.000 đồng làm tài sản đảm bảo cho Thư bảo lãnh tín dụng đảm bảo thực hiện các hợp đồng kinh tế.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Bên thứ ba		
Công ty TNHH Totalgaz Việt Nam	6.672.652.828	6.277.922.588
Các đối tượng khác	23.457.980.835	16.420.813.798
b. Các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	60.871.207.886	117.964.437.844
	91.001.841.549	140.663.174.230

7. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Lãi tiền gửi dự thu	5.649.844.165	5.793.031.356
Tạm ứng cho nhân viên	1.573.137.280	1.633.625.000
Ký cược, ký quỹ	11.000.000	11.000.000
Phải thu khác	24.088.181	166.287.749
	7.258.069.626	7.603.944.105
b. Dài hạn		
Ký cược, ký quỹ	1.070.905.502	1.030.344.002
	1.070.905.502	1.030.344.002

8. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm VND		Số đầu năm VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đi đường	1.101.001.249	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	16.057.918.858	-	24.297.941.773	-
	17.158.920.107	-	24.297.941.773	-

9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	5.893.625.449	987.878.935	514.086.620.518	520.968.124.902
Tăng trong năm	91.800.000	-	288.667.284.050	288.759.084.050
Số dư cuối năm	5.985.425.449	987.878.935	802.753.904.568	809.727.208.952
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu năm	(5.862.579.229)	(779.519.484)	(235.031.806.637)	(241.673.905.350)
Khấu hao trong năm	(31.480.484)	(110.683.922)	(33.808.708.049)	(33.950.872.455)
Số dư cuối năm	(5.894.059.713)	(890.203.406)	(268.840.514.686)	(275.624.777.805)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Số dư cuối năm	91.365.736	97.675.529	533.913.389.882	534.102.431.147
Số dư đầu năm	31.046.220	208.359.451	279.054.813.881	279.294.219.552

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty đã thế chấp một số phương tiện vận tải của Công ty với nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 532.519.220.219 đồng và 506.111.228.571 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 243.851.936.169 đồng và 239.162.475.858 đồng) để đảm bảo cho khoản vay tài trợ bởi Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam (Thuyết minh số 12).

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 137.790.086.221 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 137.495.095.312 đồng).

10. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Bên thứ ba		
Công ty Cổ phần Dầu khí FGas	8.015.139.594	12.372.344.568
Công ty TNHH Vận tải Dầu khí OPEC	12.848.521.412	18.467.209.768
Phải trả cho các đối tượng khác	36.351.326.263	27.877.948.805
b. Các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	54.273.404.756	31.829.702.877
	111.488.392.025	97.226.434.490

Công ty có khả năng thanh toán toàn bộ số dư phải trả người bán ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và 31 tháng 12 năm 2018.

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số cuối năm VND
Thuế giá trị gia tăng	-	29.785.743.422	29.785.743.422	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.906.603.708	13.276.426.567	13.323.425.828	3.859.604.447
Thuế thu nhập cá nhân	48.306.259	1.152.748.110	963.690.572	237.363.797
Thuế xuất nhập khẩu	-	26.788.705.811	26.716.554.091	72.151.720
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Thuế khác	129.953.244	1.098.825.986	1.228.779.230	-
	4.084.863.211	72.105.449.896	72.021.193.143	4.169.119.964

12. VAY

	Số đầu năm	Trong năm				Số cuối năm
	VND Giá trị	VND Tăng	VND Giảm	VND Chênh lệch tỷ giá	VND Giá trị	
Vay dài hạn	148.114.575.000	177.046.520.000	30.822.856.513	143.606.513	294.481.845.000	

Công ty có khả năng thanh toán toàn bộ số dư nợ vay dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Vay dài hạn thể hiện khoản vay tài trợ bởi Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam với tổng hạn mức tín dụng là 14.630.000 Đô la Mỹ. Khoản vay này có thời hạn 5-7 năm và chịu lãi suất lãi tiền vay hàng năm bằng lãi suất đồng Đô la Mỹ LIBOR 03 tháng cộng 2,5% một năm.

Theo quy định tại hợp đồng tín dụng số SHBVN/BC/102019/HDTD/GSP ngày 18 tháng 9 năm 2019, Công ty phải đảm bảo tài khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam với số tiền không thấp hơn 30% số dư nợ vay phải trả vào bất cứ thời điểm nào. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, số dư nợ vay còn phải trả của hợp đồng này là 168.310.170.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 0 đồng).

Các khoản vay được đảm bảo bằng các khoản tiền gửi ngắn hạn (Thuyết minh số 5), và phương tiện vận tải hình thành từ vốn vay của Công ty (Thuyết minh số 9).

Khoản vay này được hoàn trả theo lịch sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	57.376.620.000	21.942.900.000
Trong năm thứ hai	57.376.620.000	21.942.900.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	163.271.430.000	65.828.700.000
Sau năm năm	16.457.175.000	38.400.075.000
	294.481.845.000	148.114.575.000
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	57.376.620.000	21.942.900.000
Số phải trả sau 12 tháng	237.105.225.000	126.171.675.000

13. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	Dự phòng chi phí sửa chữa tàu định kỳ VND	Dự phòng trợ cấp thôi việc VND	Tổng cộng VND
Tại ngày đầu năm	26.930.714.285	289.767.751	27.220.482.036
Trích lập trong năm	19.253.083.840	14.825.000	19.267.908.840
Hoàn nhập các khoản dự phòng	(3.670.193.838)	(27.052.750)	(3.697.246.589)
Các khoản dự phòng đã sử dụng	(21.309.806.165)	(35.335.000)	(21.345.141.165)
Tại ngày cuối năm	21.203.798.122	242.205.001	21.446.003.122
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND	
Chi tiết:			
Dự phòng phải trả ngắn hạn	12.275.999.994	24.202.714.290	
Dự phòng phải trả dài hạn	9.170.003.128	3.017.767.746	
	21.446.003.122	27.220.482.036	

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số cổ phần	VND	Số cổ phần	VND
Được phép phát hành	36.000.000	360.000.000.000	30.000.000	300.000.000.000
Đã phát hành và góp vốn đủ	36.000.000	360.000.000.000	30.000.000	300.000.000.000

Cổ phần	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng		
Cổ phần phổ thông	36.000.000	30.000.000
Số lượng cổ phần đang lưu hành		
Cổ phần phổ thông	36.000.000	30.000.000

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng cổ tức cố định với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với số tài sản thuần của Công ty.

Chi tiết các cổ đông sở hữu từ 5% cổ phần trở lên tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	243.850.800.000	67,74	203.209.000.000	67,74
Nguyễn Hồng Hiệp	30.202.920.000	8,39	17.671.800.000	6,09

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư đầu năm trước	300.000.000.000	1.709.511.521	20.166.317.970	65.760.404.381	387.636.233.872
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	64.216.300.678	64.216.300.678
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	2.628.652.383	(2.628.652.383)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(2.628.652.383)	(2.628.652.383)
Quỹ khen thưởng ban điều hành	-	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)
Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát không chuyên trách	-	-	-	(114.000.000)	(114.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	(45.000.000.000)	(45.000.000.000)
Số dư đầu năm nay	300.000.000.000	1.709.511.521	22.794.970.353	79.105.400.293	403.609.882.167
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	52.407.083.721	52.407.083.721
Tăng vốn (1)	60.000.000.000	-	-	(60.000.000.000)	-
Trích quỹ đầu tư phát triển (2)	-	-	3.210.815.034	(3.210.815.034)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (2)	-	-	-	(3.210.815.034)	(3.210.815.034)
Quỹ khen thưởng ban điều hành (2)	-	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)
Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát không chuyên trách (2)	-	-	-	(109.000.000)	(109.000.000)
Số dư cuối năm nay	360.000.000.000	1.709.511.521	26.005.785.387	64.481.853.946	452.197.150.854

(1) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 04/NQ-VTSPK-ĐHĐCĐ ngày 05 tháng 11 năm 2019, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2018 đồng thời ủy quyền cho Hội đồng Quản trị triển khai thực hiện các công việc có liên quan đến việc phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2018 với mức đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt (60.000.000.000 đồng). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty đã được Ủy Ban Chứng khoán chấp thuận thay đổi niêm yết theo Quyết định số 579/QĐ-SGDHCM ngày 30 tháng 12 năm 2019 với giá trị chứng khoán thay đổi niêm yết là 60.000.000.000 đồng.

(2) Đây là số trích lập các quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng phúc lợi, thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát không chuyên trách và quỹ khen thưởng ban điều hành từ lợi nhuận sau thuế của năm tài chính 2018 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/NQ-VTSPK-ĐHĐCĐ ngày 10 tháng 4 năm 2019.

15. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đô la Mỹ ("USD")	102.955	4.243

16. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành hai bộ phận hoạt động: Bộ phận kinh doanh dịch vụ vận tải và Bộ phận kinh doanh thương mại. Công ty lập báo cáo bộ phận theo hai bộ phận kinh doanh này. Hoạt động chủ yếu của hai bộ phận kinh doanh trên như sau:

Bộ phận kinh doanh dịch vụ vận tải: kinh doanh vận tải bằng tàu;

Bộ phận kinh doanh thương mại: kinh doanh hàng hóa là nhiên liệu rắn, khí hóa lỏng và các sản phẩm có liên quan.

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

Bảng cân đối kế toán

Số đầu năm	Dịch vụ vận tải VND	Thương mại VND	Tổng VND
Tài sản bộ phận	879.493.510.696	23.023.821.972	902.517.332.668
Tổng tài sản			902.517.332.668
Nợ phải trả bộ phận	422.129.519.640	28.190.662.174	450.320.181.814
Tổng nợ phải trả			450.320.181.814
Số cuối năm	Dịch vụ vận tải VND	Thương mại VND	Tổng VND
Tài sản bộ phận	671.401.248.987	19.334.878.620	690.736.127.607
Tổng tài sản			690.736.127.607
Nợ phải trả bộ phận	270.667.698.641	16.458.546.799	287.126.245.440
Tổng nợ phải trả			287.126.245.440

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Năm nay	Dịch vụ vận tải VND	Thương mại VND	Tổng VND
Doanh thu			
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	755.993.140.246	634.986.686.840	1.390.979.827.086
Tổng doanh thu	755.993.140.246	634.986.686.840	1.390.979.827.086
Giá vốn			
Giá vốn từ bán hàng ra bên ngoài	648.722.393.643	633.601.168.521	1.282.323.562.164
Tổng giá vốn	648.722.393.643	633.601.168.521	1.282.323.562.164
Kết quả hoạt động kinh doanh			
Kết quả hoạt động kinh doanh	107.270.746.603	1.385.518.319	108.656.264.922
Chi phí không phân bổ			(49.235.100.226)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			59.421.164.696
Doanh thu hoạt động tài chính			14.799.147.034
Lợi nhuận khác			649.511.749
Chi phí tài chính			(9.186.313.191)
Lợi nhuận trước thuế			65.683.510.288
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp			(13.276.426.567)
Lợi nhuận trong năm			52.407.083.721
Thông tin khác			
Khấu hao			33.964.353.933
Năm trước	Dịch vụ vận tải VND	Thương mại VND	Tổng VND
Doanh thu			
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	1.031.886.520.190	518.356.010.889	1.550.242.531.079
Tổng doanh thu	1.031.886.520.190	518.356.010.889	1.550.242.531.079
Giá vốn			
Giá vốn từ bán hàng ra bên ngoài	919.116.977.489	517.640.104.652	1.436.757.082.141
Tổng giá vốn	919.116.977.489	517.640.104.652	1.436.757.082.141
Kết quả hoạt động kinh doanh			
Kết quả hoạt động kinh doanh	112.769.542.701	715.906.237	113.485.448.938
Chi phí không phân bổ			(48.268.452.250)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			65.216.996.688
Doanh thu hoạt động tài chính			16.880.551.763
Lợi nhuận khác			173.750.100
Chi phí tài chính			(2.102.637.368)
Lợi nhuận trước thuế			80.168.661.183
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp			(15.952.360.505)
Lợi nhuận trong năm			64.216.300.678
Thông tin khác			
Khấu hao			17.356.980.090

Bộ phận theo khu vực địa lý

Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế là cung cấp dịch vụ vận tải và dịch vụ thương mại, chủ yếu được thực hiện từ Nhà máy lọc dầu Dung Quất đến các tỉnh lân cận. Về mặt địa lý, Công ty chủ yếu hoạt động kinh doanh trong lãnh thổ Việt Nam. Theo đó, Ban Giám đốc đã đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo tài chính bộ phận theo khu vực địa lý trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 là phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 "Báo cáo bộ phận" và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của Công ty.

17. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng doanh thu thuần		
Dịch vụ vận tải	755.993.140.246	1.031.895.160.890
Thương mại	634.986.686.840	518.356.010.889
	1.390.979.827.086	1.550.251.171.779
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Giảm giá hàng bán	-	(8.640.700)
	-	(8.640.700)
Doanh thu thuần	1.390.979.827.086	1.550.242.531.079

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Dịch vụ vận tải	633.601.168.521	919.116.977.489
Thương mại	648.722.393.643	517.640.104.652
	1.282.323.562.164	1.436.757.082.141

19. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu	126.618.112.893	108.786.797.454
Chi phí nhân công	67.479.864.204	54.965.922.820
Chi phí khấu hao tài sản cố định	33.964.353.933	17.356.980.090
Chi phí dịch vụ mua ngoài	451.828.014.564	772.215.459.840
Chi phí khác	12.065.267.398	14.060.269.535
	691.955.612.992	967.385.429.739

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi	13.324.694.908	15.437.202.785
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.474.452.126	1.443.348.978
	14.799.147.034	16.880.551.763

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	8.005.646.390	1.992.774.759
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.180.666.801	109.862.609
	9.186.313.191	2.102.637.368

22. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
- Chi phí lương quản lý	16.401.903.341	13.788.568.089
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.312.559.787	26.244.607.102
- Chi phí khác	450.160.847	666.062.911
	40.164.623.975	40.699.238.102
Chi phí bán hàng		
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.891.787.660	4.205.515.331
- Chi phí khác	2.178.688.591	3.363.698.817
	9.070.476.251	7.569.214.148

23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập tính thuế năm hiện hành	13.023.661.205	15.847.908.742
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành	252.765.362	104.451.763
	13.276.426.567	15.952.360.505

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	65.683.510.288	80.168.661.183
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(56.951.444)	(1.010.701.574)
Trừ: Chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(1.024.965.507)	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	516.712.690	81.584.099
Thu nhập tính thuế năm hiện hành	65.118.306.027	79.239.543.708
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập tính thuế năm hiện hành	13.023.661.205	15.847.908.742

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% (năm 2018: 20%) trên thu nhập tính thuế.

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả vì không có khoản chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị sổ sách của tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập tương ứng.

24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty như sau:

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Lợi nhuận trong năm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (VND)	52.407.083.721	64.216.300.678
Trừ: Trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi, ban điều hành và thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát (VND)	(3.117.360.610)	(3.819.815.034)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	49.289.723.111	60.396.485.644
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	36.000.000	36.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	1.369	1.678

Quỹ khen thưởng, phúc lợi và thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 được ước tính dựa trên tỷ lệ trích thực tế của năm 2018 là 6% lợi nhuận sau thuế. Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu dựa trên cơ sở nêu trên nhằm phục vụ thông tin so sánh giữa hai năm do Công ty chưa có kế hoạch trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2019.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 04/NQ-VTSPK-DHĐCĐ ngày 05 tháng 11 năm 2019. Đại hội đồng cổ đông đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2018 đồng thời ủy quyền cho Hội đồng Quản trị triển khai thực hiện các công việc có liên quan đến việc phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2018 với mức đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt (60.000.000.000 đồng). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty đã được Ủy Ban Chứng khoán chấp thuận thay đổi niêm yết theo Quyết định số 579/QĐ-SGDHCM ngày 30 tháng 12 năm 2019 với giá trị chứng khoán thay đổi niêm yết là 60.000.000.000 đồng. Theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 (VAS 30) "Lãi trên cổ phiếu", sự kiện này dẫn đến việc điều chỉnh hồi tố số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 từ 30.000.000 cổ phiếu lên 36.000.000 cổ phiếu.

Ngoài ra lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước cũng được trình bày lại do ảnh hưởng của số thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Số liệu lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 được trình bày lại như sau:

	<u>Số đã trình bày</u>	<u>Thay đổi</u>	<u>Số trình bày lại</u>
Lợi nhuận trong năm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty (VND)	64.216.300.678	-	64.216.300.678
Trừ: Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (VND)	(3.852.978.041)	33.163.007	(3.819.815.034)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	60.363.322.637	33.163.007	60.396.485.644
Số bình quân gia quyền của cổ phần phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	30.000.000	6.000.000	36.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	2.012	(334)	1.678

25. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	<u>Năm nay VND</u>	<u>Năm trước VND</u>
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	4.680.954.601	4.856.304.530

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	<u>Số cuối năm VND</u>	<u>Số đầu năm VND</u>
Trong vòng một năm	4.286.316.004	4.000.616.004
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	2.949.474.314	6.521.679.525
	7.235.790.318	10.522.295.529

Các khoản cam kết thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền Công ty phải trả cho việc thuê xe và thuê văn phòng tại Lầu 9, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh đến ngày 30 tháng 9 năm 2021.

26. CAM KẾT VỐN

Ngày 10 tháng 4 năm 2019, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phê duyệt kế hoạch đầu tư trong năm 2019, đầu tư tàu chở khí hóa lỏng loại VLGC số tiền 50 triệu Đô la Mỹ (tương đương 1.057 tỷ đồng), dự án này sẽ được chuyển tiếp đầu tư trong năm 2020. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty đã hoàn thành đầu tư tàu vận tải LPG có sức chở từ khoảng 5.000 cbm với số tiền 10,9 triệu Đô la Mỹ, đây là dự án được chuyển tiếp đầu tư từ năm 2018.

27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 12 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Các khoản vay	294.481.845.000	148.114.575.000
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	53.229.188.747	24.902.199.025
Nợ thuần	241.252.656.253	123.212.375.975
Vốn chủ sở hữu	452.197.150.854	403.609.882.167
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,53	0,31

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	53.229.188.747	24.902.199.025
Phải thu khách hàng và phải thu khác	97.733.591.216	147.497.549.588
Các khoản đầu tư tài chính	153.970.000.000	185.000.000.000
	304.932.779.963	357.399.748.613
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	294.481.845.000	148.114.575.000
Phải trả người bán và phải trả khác	111.737.125.675	97.637.885.191
Chi phí phải trả	1.883.050.566	1.039.482.205
	408.102.021.241	246.791.942.396

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ. Theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Đô la Mỹ ("USD")	6.416.403.853	105.100.867	308.242.502.821	152.632.238.752
Yên Nhật ("JPY")	-	-	1.870.412.933	3.741.318.610
Euro ("EUR")	-	-	14.922.291	-

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá đồng Đô la Mỹ.

Công ty phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam tăng/giảm 3% so với đồng Đô la Mỹ. Tỷ lệ thay đổi 3% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 3% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá đồng Đô la Mỹ so với đồng Việt Nam tăng/giảm 3% thì lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm của Công ty sẽ giảm/tăng một khoản tương ứng là 9.054.782.969 đồng (năm 2018: 4.575.814.137 đồng).

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Ban Giám đốc đánh giá rằng không có rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở tài sản và công nợ thuần.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU B 09-DN

Số cuối năm	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Sau 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	53.229.188.747	-	-	53.229.188.747
Phải thu khách hàng và phải thu khác	96.662.685.714	1.070.905.502	-	97.733.591.216
Các khoản đầu tư tài chính	153.970.000.000	-	-	153.970.000.000
	303.861.874.461	1.070.905.502	-	304.932.779.963
Các khoản vay	57.376.620.000	151.214.686.875	85.890.538.125	294.481.845.000
Phải trả người bán và phải trả khác	111.737.125.675	-	-	111.737.125.675
Chi phí phải trả	1.883.050.566	-	-	1.883.050.566
	170.996.796.241	151.214.686.875	85.890.538.125	408.102.021.241
Chênh lệch thanh khoản thuần	132.865.078.220	(150.143.781.373)	(85.890.538.125)	(103.169.241.278)
Số đầu năm	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Sau 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	24.902.199.025	-	-	24.902.199.025
Phải thu khách hàng và phải thu khác	146.467.205.586	1.030.344.002	-	147.497.549.588
Các khoản đầu tư tài chính	185.000.000.000	-	-	185.000.000.000
	356.369.404.611	1.030.344.002	-	357.399.748.613
Các khoản vay	21.942.900.000	82.285.875.000	43.885.800.000	148.114.575.000
Phải trả người bán và phải trả khác	97.637.885.191	-	-	97.637.885.191
Chi phí phải trả	1.039.482.205	-	-	1.039.482.205
	120.620.267.396	82.285.875.000	43.885.800.000	246.791.942.396
Chênh lệch thanh khoản thuần	235.749.137.215	(81.255.530.998)	(43.885.800.000)	110.607.806.217

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

28. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

Bên liên quan

Mối quan hệ

Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt	Cùng chủ sở hữu (Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí)
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	Cùng chủ sở hữu (Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí)
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu	Cùng chủ sở hữu (Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí)
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi	Cùng chủ sở hữu (Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí)
Công ty Cổ phần Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long	Cùng chủ sở hữu (Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí)
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	Cùng chủ sở hữu (Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí)
Công ty Cổ phần Lọc hoá dầu Bình Sơn (tên cũ Công ty TNHH MTV Lọc hoá dầu Bình Sơn)	Công ty thuộc Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam
Công ty Kinh doanh Sản phẩm khí - Chi nhánh Tổng	Công ty thuộc Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam
Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	Công ty thuộc Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Bắc	Công ty thuộc Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam
Công ty Cổ phần Kinh doanh khí Miền Nam	Công ty thuộc Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam

Bên liên quan

Công ty Bảo hiểm Dầu khí Phía Nam
Công ty Bảo hiểm Dầu khí Hà Nội
Công ty Bảo hiểm Dầu khí Bến Thành
Công ty Bảo hiểm Dầu khí Sài Gòn
Công ty Cổ phần Sơn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hải Phòng
Công ty Cổ Phần Dầu Tư Phát Triển Gas Đô Thị
Tổng Công ty Bảo dưỡng Sửa chữa Công trình Dầu Khí
- Công ty Cổ phần
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần
- Công ty Chế biến Khí Vũng Tàu
Công ty TNHH Kiểm định Kỹ thuật An Toàn Dầu khí Việt Nam

Mối quan hệ

Công ty thuộc Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam
Công ty thuộc Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam
Công ty thuộc Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam
Công ty thuộc Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam
Công ty thuộc Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam
Công ty thuộc Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam
Công ty thuộc Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam
Công ty thuộc Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam
Công ty thuộc Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam
Công ty thuộc Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam
Công ty thuộc Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam
Công ty thuộc Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam
Công ty thuộc Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam
Công ty thuộc Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu cho thuê tàu và vận tải		
Công ty Kinh doanh Sản phẩm khí - Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	447.059.759.134	447.994.814.417
Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt	131.814.254.459	-
Công ty Cổ phần Lọc hoá dầu Bình Sơn	44.051.611.837	458.022.656.827
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	43.628.523.398	51.438.182.716
Công ty Cổ phần Kinh Doanh Khí Miền Bắc	3.968.081.248	1.542.204.247
Công ty Cổ phần Kinh doanh khí Miền Nam	5.050.035.37	1.756.459.252
Doanh thu bán nhiên liệu		
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gas Đô Thị	34.060.235.356	39.607.588.326
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đồng Dương	-	16.656.430.609
Chi phí thuê tàu vận chuyển và mua nhiên liệu		
Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt	120.278.294.994	70.775.592.504
Công ty Kinh doanh Sản phẩm khí - Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	1.489.071.727	16.425.241.827
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	133.928.827	-
Chi phí mua dịch vụ đại lý tàu và hàng hóa		
Công ty Kinh doanh Sản phẩm khí - Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	172.142.549.443	36.245.647.510
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hải Phòng	59.783.440.346	36.472.514.257
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam	55.437.262.701	165.066.862.675
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu	7.716.566.762	5.168.088.566
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	7.220.229.084	5.943.733.349
Tập Đoàn Dầu Khí Quốc gia Việt Nam	801.686.612	162.565.676
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi	4.945.799.684	4.775.818.326
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	680.588.827	481.074.873
Tổng Công ty Bảo dưỡng Sửa chữa Công trình Dầu Khí - Công ty Cổ phần	550.955.845	375.940.910
Công ty TNHH Kiểm định Kỹ thuật An toàn Dầu khí Việt Nam	226.550.000	167.200.000
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Chế biến Khí Vũng Tàu	134.642.569	54.361.256
Công ty Cổ phần Chứng Khoán Dầu khí	20.000.000	-
Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa Tàu dầu khí Nhơn Trạch	-	947.545.179
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gas Đô Thị	-	1.181.798

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuê xe		
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	1.357.045.650	1.261.729.272
Chi phí mua dịch vụ bảo hiểm		
Tổng Công ty Bảo Hiểm PVI	11.225.019.886	7.345.868.075
Chi phí mua sơn bảo dưỡng		
Công ty Cổ phần Sơn Dầu khí Việt Nam	2.574.938.636	1.162.290.907
Cổ tức đã chia		
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	40.641.800.000	30.481.350.000

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lương, thưởng	4.607.076.203	4.039.364.179

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu khách hàng		
Công ty Kinh doanh Sản phẩm khí - Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	40.467.209.720	33.332.699.854
Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt	11.599.948.636	-
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	4.405.405.274	12.538.706.035
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gas Đô Thị	3.812.299.717	4.609.110.711
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam	586.344.539	785.820.815
Công ty Cổ phần Lọc hoá dầu Bình Sơn	-	66.698.100.429
	60.871.207.886	117.964.437.844

Phải trả nhà cung cấp

Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Kinh doanh Sản phẩm Khí	25.120.344.249	4.625.111.059
Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt	15.597.876.553	8.417.704.479
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PVOil Hải Phòng	7.556.567.980	2.556.556.320
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu	1.823.684.036	1.235.384.576
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	1.635.080.618	1.086.883.953
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam	1.507.666.657	12.623.361.888
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi	706.900.553	532.766.922
Tổng Công ty Bảo dưỡng Sửa chữa Công trình Dầu Khí- Công ty Cổ phần	134.800.600	-
Công ty Cổ phần Sơn Dầu khí Việt Nam	127.432.500	531.044.000
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	63.051.010	204.444.680
Công ty TNHH Kiểm định Kỹ thuật An toàn Dầu khí Việt Nam	-	16.445.000
	54.273.404.756	31.829.702.877

29. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền thu lãi tiền gửi không bao gồm 5.649.844.165 đồng (năm 2018: 5.793.031.356 đồng), là số lãi tiền gửi phát sinh trong năm nhưng chưa thu được. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng các khoản phải thu.

Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu trong năm không bao gồm số tiền 60.000.000.000 đồng (năm 2018: không có), là số tiền chi trả cổ tức bằng cổ phiếu. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu.



Phạm Tiến Nam
Người lập biểu



Lê Anh Nam
Kế toán trưởng



Nguyễn Duyên Hiếu
Giám đốc
Ngày 19 tháng 3 năm 2020





CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6 - 7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 30



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Mai Thế Toàn	Chủ tịch
Bà Phạm Thị Trúc	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Duyên Hiếu	Thành viên
Ông Nguyễn Thế Anh	Thành viên
Bà Vũ Thị Phương Nga	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Duyên Hiếu	Giám đốc
Ông Vũ Văn Đức	Phó Giám đốc
Ông Đoàn Đức Trọng	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Cảnh Toàn	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Duyên Hiếu
Giám đốc

Ngày 15 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 15 tháng 3 năm 2021, từ trang 3 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Thị Thu Sang

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1144-2018-001-1

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 15 tháng 3 năm 2021

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam



Phạm Hoàng Khánh Phương

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 2756-2020-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		394.824.362.506	367.343.996.019
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	78.805.217.023	53.229.188.747
1. Tiền	111		28.805.217.023	8.229.188.747
2. Các khoản tương đương tiền	112		50.000.000.000	45.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		177.500.000.000	153.970.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	177.500.000.000	153.970.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		91.761.229.764	98.995.948.631
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	86.427.544.822	91.001.841.549
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.031.419.779	736.037.456
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	3.302.265.163	7.258.069.626
IV. Hàng tồn kho	140	8	13.673.610.101	17.158.920.107
1. Hàng tồn kho	141		13.673.610.101	17.158.920.107
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		33.084.305.618	43.989.938.534
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.208.590.836	5.292.230.270
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		30.875.714.782	38.697.708.264
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		482.422.177.588	535.173.336.649
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.080.044.588	1.070.905.502
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	1.080.044.588	1.070.905.502
II. Tài sản cố định	220		481.342.133.000	534.102.431.147
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	481.342.133.000	534.102.431.147
- Nguyên giá	222		810.148.103.680	809.727.208.952
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(328.805.970.680)	(275.624.777.805)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		435.570.550	435.570.550
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(435.570.550)	(435.570.550)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		877.246.540.094	902.517.332.668

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		415.516.051.937	450.320.181.814
I. Nợ ngắn hạn	310		231.693.666.933	204.044.953.686
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	10	98.614.210.208	111.488.392.025
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		289.953.027	323.474.825
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	11	4.281.660.209	4.169.119.964
4. Phải trả người lao động	314		19.584.262.339	15.227.297.063
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		4.893.875.095	1.883.050.566
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		798.026.743	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319		10.725.948.974	336.851.033
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	12	57.240.715.000	57.376.620.000
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	13	33.880.571.262	12.275.999.994
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.384.444.076	964.148.216
II. Nợ dài hạn	330		183.822.385.004	246.275.228.128
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	12	179.302.891.250	237.105.225.000
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342	13	4.519.493.754	9.170.003.128
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		461.730.488.157	452.197.150.854
I. Vốn chủ sở hữu	410	14	461.730.488.157	452.197.150.854
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		360.000.000.000	360.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		360.000.000.000	360.000.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		1.709.511.521	1.709.511.521
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		39.107.556.317	26.005.785.387
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		60.913.420.319	64.481.853.946
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		911.587.156	12.074.770.225
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		60.001.833.163	52.407.083.721
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		877.246.540.094	902.517.332.668


Phạm Tiến Nam
Người lập biểu

Lê Anh Nam
Kế toán trưởngNguyễn Duyên Hiếu
Giám đốc
Ngày 15 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.547.234.672.709	1.390.979.827.086
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10	17	1.547.234.672.709	1.390.979.827.086
3. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	18	1.437.867.767.617	1.282.323.562.164
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		109.366.905.092	108.656.264.922
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	14.532.098.815	14.799.147.034
6. Chi phí tài chính	22	21	9.565.037.326	9.186.313.191
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		9.314.400.273	8.005.646.390
7. Chi phí bán hàng	25	22	7.510.738.255	9.070.476.251
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22	37.504.843.538	40.164.623.975
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		69.318.384.788	65.033.998.539
10. Thu nhập khác	31		5.859.696.335	868.549.582
11. Chi phí khác	32		-	219.037.833
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		5.859.696.335	649.511.749
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		75.178.081.123	65.683.510.288
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	23	15.176.247.960	13.276.426.567
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		60.001.833.163	52.407.083.721
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	1.550	1.354


Phạm Tiến Nam
Người lập biểu

Lê Anh Nam
Kế toán trưởng

 Nguyễn Duyên Hiếu
Giám đốc
Ngày 15 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	75.178.081.123	65.683.510.288
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	53.181.192.875	33.964.353.933
Các khoản dự phòng	03	30.214.012.042	15.570.662.251
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(227.516.698)	(434.688.612)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(12.644.558.916)	(13.324.694.908)
Chi phí lãi vay	06	9.314.400.273	8.005.646.390
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	155.015.610.699	109.464.789.342
Thay đổi các khoản phải thu	09	11.949.909.280	32.412.336.401
Thay đổi hàng tồn kho	10	3.485.310.006	7.139.021.666
Thay đổi các khoản phải trả	11	5.334.590.492	22.741.025.930
Thay đổi chi phí trả trước	12	3.083.639.434	547.531.020
Tiền lãi vay đã trả	14	(9.448.020.663)	(7.884.110.124)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(14.966.785.783)	(13.323.425.828)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(16.517.289.234)	(24.789.591.665)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	137.936.964.231	126.307.576.742
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21	(82.500.000)	(288.759.084.050)
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(306.500.000.000)	(83.970.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	282.970.000.000	115.000.000.000
4. Tiền thu lãi tiền gửi	27	15.751.361.985	13.467.882.099
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(7.861.138.015)	(244.261.201.951)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	-	177.046.520.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(57.646.576.750)	(30.822.856.513)
3. Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	36	(46.800.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(104.446.576.750)	146.223.663.487
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	25.629.249.466	28.270.038.278
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	53.229.188.747	24.902.199.025
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(53.221.190)	56.951.444
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	78.805.217.023	53.229.188.747


Phạm Tiến Nam
Người lập biểu

Lê Anh Nam
Kế toán trưởngNguyễn Duyên Hiếu
Giám đốc

Ngày 15 tháng 3 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế (gọi tắt là "Công ty") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305390530, do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp và sửa đổi lần thứ 8 ngày 08 tháng 5 năm 2020. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp này thay thế cho Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103008857, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 12 năm 2007.

Cổ phiếu của Công ty niêm yết trên sàn giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch là "GSP".

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 209 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 193 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải, dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ môi giới hàng hải, dịch vụ cung ứng tàu biển, dịch vụ cho thuê tàu biển, kinh doanh vận tải biển; vận tải hàng hóa bằng đường bộ; hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; giáo dục nghề nghiệp; bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm có liên quan; bán buôn chuyên doanh khác.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Sự bất ổn của tình hình đại dịch virus Corona ("Covid-19") trên thế giới trong năm đã gây ra một số biến động đối với nền kinh tế thế giới và ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Việc giá dầu thế giới giảm đã làm giảm giá cước dịch vụ vận chuyển của Công ty. Tuy nhiên, do nhu cầu vận chuyển của khách hàng tăng nên doanh thu vận tải trong năm vẫn tăng 40% so với năm trước. Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá các tác động tiềm tàng của Covid-19 đối với hoạt động kinh doanh, hoạt động tài chính và quản trị của Công ty, xây dựng và áp dụng các kế hoạch phù hợp để kiểm soát tình hình, đảm bảo duy trì hoạt động kinh doanh của Công ty.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.



3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua và các chi phí liên quan nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Máy móc, thiết bị	3
Thiết bị văn phòng	3 - 5
Phương tiện vận tải	5 - 13

Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện chủ yếu là giá trị phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thuê văn phòng, bảo hiểm và các khoản chi phí khác thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán.

Dự phòng chi phí sửa chữa tàu định kỳ

Dự phòng sửa chữa tàu định kỳ được trích vào chi phí sản xuất kinh doanh hàng năm căn cứ vào dự toán cho đến năm dự kiến việc sửa chữa tài sản xảy ra. Tại năm phát sinh việc sửa chữa, nếu chi phí sửa chữa thực tế lớn hơn số trích theo dự toán hoặc ngược lại thì số chênh lệch được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của niên độ kế toán đó.

Các khoản dự phòng phải trả khác

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho người sử dụng lao động trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được người sử dụng lao động chi trả trợ cấp thôi việc. Mức trích cho mỗi năm làm việc bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập tính thuế trong năm. Thu nhập tính thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	331.491.810	409.292.381
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	28.473.725.213	7.819.896.366
Các khoản tương đương tiền	50.000.000.000	45.000.000.000
	78.805.217.023	53.229.188.747

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam, có kỳ hạn từ một đến ba tháng tại ngân hàng thương mại, với lãi suất hàng năm được hưởng từ 3%/năm đến 3,55%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 5%/năm).

5. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đầu tư nắm giữ tới ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam, có kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng tại các ngân hàng thương mại, với lãi suất hàng năm được hưởng từ 3,9%/năm đến 7%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: từ 6%/năm đến 7%/năm).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty đã sử dụng một số khoản tiền gửi ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại với tổng số tiền là 50.000.000.000 đồng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay dài hạn (Thuyết minh số 12) và số tiền 15.000.000.000 đồng làm tài sản đảm bảo cho Thư bảo lãnh tín dụng đảm bảo thực hiện các hợp đồng kinh tế.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Bên thứ ba		
Công ty TNHH Totalgaz Việt Nam	15.554.427.372	6.672.652.828
Các đối tượng khác	29.283.045.760	23.457.980.835
b. Các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	41.590.071.690	60.871.207.886
	86.427.544.822	91.001.841.549

7. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Lãi tiền gửi dự thu	2.543.041.096	5.649.844.165
Tạm ứng cho nhân viên	612.603.176	1.573.137.280
Ký cược, ký quỹ	12.000.000	11.000.000
Phải thu khác	134.620.891	24.088.181
	3.302.265.163	7.258.069.626
b. Dài hạn		
Ký cược, ký quỹ	1.080.044.588	1.070.905.502
	1.080.044.588	1.070.905.502

8. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đi đường	-	-	1.101.001.249	-
Nguyên liệu, vật liệu	13.673.610.101	-	16.057.918.858	-
	13.673.610.101	-	17.158.920.107	-

9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	5.985.425.449	987.878.935	802.753.904.568	809.727.208.952
Tăng trong năm	82.500.000	-	338.394.728	420.894.728
Số dư cuối năm	6.067.925.449	987.878.935	803.092.299.296	810.148.103.680
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu năm	(5.894.059.713)	(890.203.406)	(268.840.514.686)	(275.624.777.805)
Khấu hao trong năm	(71.958.072)	(28.781.575)	(53.080.453.228)	(53.181.192.875)
Số dư cuối năm	(5.966.017.785)	(918.984.981)	(321.920.967.914)	(328.805.970.680)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Số dư cuối năm	101.907.664	68.893.954	481.171.331.382	481.342.133.000
Số dư đầu năm	91.365.736	97.675.529	533.913.389.882	534.102.431.147

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty đã thế chấp một số phương tiện vận tải của Công ty với nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 532.857.614.947 đồng và 465.457.171.013 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 532.519.220.219 đồng và 506.111.228.571 đồng) để đảm bảo cho khoản vay tài trợ bởi Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam (Thuyết minh số 12).

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 137.841.922.585 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 137.790.086.221 đồng).

10. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Bên thứ ba		
Công ty TNHH Thương mại Vận tải Sao Phương Nam	8.980.245.145	6.733.859.446
Công ty TNHH Vận tải Dầu khí OPEC	6.757.856.188	12.848.521.412
Công ty Cổ phần Dầu khí FGas	6.665.338.219	8.015.139.594
Phải trả cho các đối tượng khác	21.898.706.805	29.617.466.817
b. Các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	54.312.063.851	54.273.404.756
	98.614.210.208	111.488.392.025

Công ty có khả năng thanh toán toàn bộ số dư phải trả người bán ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và 31 tháng 12 năm 2019.

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Số cuối năm
VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	484.325.337	46.666.000
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.859.604.447	15.176.247.960	4.069.066.624
Thuế thu nhập cá nhân	237.363.797	1.417.175.548	123.503.949
Thuế xuất nhập khẩu	72.151.720	278.022.690	42.423.636
Thuế môn bài	-	3.000.000	-
Thuế khác	-	215.888.104	-
4.169.119.964	17.574.659.639	17.462.119.394	4.281.660.209

12. VAY

Số đầu năm	Trong năm	Số cuối năm
VND	VND	VND
Giá trị	Giá trị	Giá trị
(57.646.576.750)	(291.662.000)	236.543.606.250

Công ty có khả năng thanh toán toàn bộ số dư nợ vay dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Vay dài hạn thể hiện khoản vay tài trợ bởi Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam với tổng hạn mức tín dụng là 14.630.000 Đô la Mỹ. Khoản vay này có thời hạn 5-7 năm và chịu lãi suất lãi tiền vay hàng năm bằng lãi suất đồng Đô la Mỹ LIBOR 03 tháng cộng 2,5% một năm.

Theo quy định tại hợp đồng tín dụng số SHBVN/BC/10/2019/HDTD/GSP ngày 18 tháng 9 năm 2019, Công ty phải đảm bảo tài khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam với số tiền không thấp hơn 30% số dư nợ vay phải trả vào bất cứ thời điểm nào. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, số dư nợ vay còn phải trả của hợp đồng này là 132.539.351.437 đồng (tài ngày 31 tháng 12 năm 2019: 168.310.170.000 đồng).

Các khoản vay được đảm bảo bằng các khoản tiền gửi ngân hàng (Thuyết minh số 5), và phương tiện vận tải hình thành từ vốn vay của Công ty (Thuyết minh số 9).

Khoản vay này được hoàn trả theo lịch sau:

Số cuối năm	Số đầu năm
VND	VND
Trong vòng một năm	57.240.715.000
Trong năm thứ hai	57.240.715.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	122.062.176.250
Sau năm năm	-
236.543.606.250	294.481.845.000
Từ: số phải trả trong vòng 12 tháng	57.376.620.000
(được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	57.376.620.000
Số phải trả sau 12 tháng	237.105.225.000

13. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	Dự phòng chi phí sửa chữa tàu định kỳ VND	Dự phòng trợ cấp thôi việc VND	Tổng cộng VND
Tại ngày đầu năm	21.203.798.122	242.205.001	21.446.003.122
Trích lập trong năm	30.603.936.891	-	30.603.936.891
Hoàn nhập các khoản dự phòng	(380.049.851)	(9.874.998)	(389.924.849)
Các khoản dự phòng đã sử dụng	(13.259.950.148)	-	(13.259.950.148)
Tại ngày cuối năm	38.167.735.014	232.330.002	38.400.065.016
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND	
Chi tiết:			
Dự phòng phải trả ngắn hạn	33.880.571.262	12.275.999.994	
Dự phòng phải trả dài hạn	4.519.493.754	9.170.003.128	
	38.400.065.016	21.446.003.122	

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số cổ phần	VND	Số cổ phần	VND
Được phép phát hành	36.000.000	360.000.000.000	36.000.000	360.000.000.000
Đã phát hành và góp vốn đủ	<u>36.000.000</u>	<u>360.000.000.000</u>	<u>36.000.000</u>	<u>360.000.000.000</u>

Cổ phần	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng		
Cổ phần phổ thông	36.000.000	36.000.000
Số lượng cổ phần đang lưu hành		
Cổ phần phổ thông	36.000.000	36.000.000

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng cổ tức cố định với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với số tài sản thuần của Công ty.

Chi tiết các cổ đông sở hữu từ 5% cổ phần trở lên tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	243.850.800.000	67,74	243.850.800.000	67,74
Nguyễn Hồng Hiệp	<u>30.202.920.000</u>	<u>8,39</u>	<u>30.202.920.000</u>	<u>8,39</u>

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư đầu năm trước	300.000.000.000	1.709.511.521	22.794.970.353	79.105.400.293	403.609.882.167
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	52.407.083.721	52.407.083.721
Tăng vốn	60.000.000.000	-	-	(60.000.000.000)	-
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	3.210.815.034	(3.210.815.034)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(3.210.815.034)	(3.210.815.034)
Quỹ khen thưởng ban Quản lý điều hành	-	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)
Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát không chuyên trách	-	-	-	(109.000.000)	(109.000.000)
Số dư đầu năm nay	360.000.000.000	1.709.511.521	26.005.785.387	64.481.853.946	452.197.150.854
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	60.001.833.163	60.001.833.163
Trích quỹ đầu tư phát triển (2)	-	-	13.101.770.930	(13.101.770.930)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (2)	-	-	-	(2.620.354.186)	(2.620.354.186)
Quỹ khen thưởng ban Quản lý điều hành (2)	-	-	-	(1.048.141.674)	(1.048.141.674)
Chia cổ tức (1)	-	-	-	(46.800.000.000)	(46.800.000.000)
Số dư cuối năm nay	360.000.000.000	1.709.511.521	39.107.556.317	60.913.420.319	461.730.488.157

(1) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/NQ-VTSPK-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 6 năm 2020, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua việc chia cổ tức bằng tiền mặt số tiền 46.800.000.000 đồng. Việc thanh toán cổ tức đã được thực hiện trong năm 2020.

(2) Đây là số trích lập các quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ khen thưởng ban điều hành từ lợi nhuận sau thuế của năm tài chính 2019 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/NQ-VTSPK-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 6 năm 2020.

15. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đô la Mỹ ("USD")	7.404	102.955

16. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành hai bộ phận hoạt động: Bộ phận kinh doanh dịch vụ vận tải và Bộ phận kinh doanh thương mại. Công ty lập báo cáo bộ phận theo hai bộ phận kinh doanh này. Hoạt động chủ yếu của hai bộ phận kinh doanh trên như sau:

Bộ phận kinh doanh dịch vụ vận tải: kinh doanh vận tải bằng tàu;

Bộ phận kinh doanh thương mại: kinh doanh hàng hóa là nhiên liệu rắn, khí hóa lỏng và các sản phẩm có liên quan.

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

Bảng cân đối kế toán

Số cuối năm	Dịch vụ vận tải VND	Thương mại VND	Tổng VND
Tài sản bộ phận	854.289.387.630	22.957.152.464	877.246.540.094
Tổng tài sản			877.246.540.094
Nợ phải trả bộ phận	397.375.971.068	18.140.080.869	415.516.051.937
Tổng nợ phải trả			415.516.051.937
Số đầu năm	Dịch vụ vận tải VND	Thương mại VND	Tổng VND
Tài sản bộ phận	879.493.510.696	23.023.821.972	902.517.332.668
Tổng tài sản			902.517.332.668
Nợ phải trả bộ phận	422.129.519.640	28.190.662.174	450.320.181.814
Tổng nợ phải trả			450.320.181.814

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Năm nay	Dịch vụ vận tải VND	Thương mại VND	Tổng VND
Doanh thu			
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	1.058.934.239.533	488.300.433.176	1.547.234.672.709
Tổng doanh thu	1.058.934.239.533	488.300.433.176	1.547.234.672.709
Giá vốn			
Giá vốn từ bán hàng ra bên ngoài	952.340.624.468	485.527.143.149	1.437.867.767.617
Tổng giá vốn	952.340.624.468	485.527.143.149	1.437.867.767.617
Kết quả hoạt động kinh doanh			
Kết quả hoạt động kinh doanh	106.534.663.780	2.832.241.312	109.366.905.092
Chi phí không phân bổ			(45.015.581.793)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			64.351.323.299
Doanh thu hoạt động tài chính			14.532.098.815
Lợi nhuận khác			5.859.696.335
Chi phí tài chính			(9.565.037.326)
Lợi nhuận trước thuế			75.178.081.123
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp			(15.176.247.960)
Lợi nhuận trong năm			60.001.833.163
Năm trước	Dịch vụ vận tải VND	Thương mại VND	Tổng VND
Doanh thu			
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	755.993.140.246	634.986.686.840	1.390.979.827.086
Tổng doanh thu	755.993.140.246	634.986.686.840	1.390.979.827.086
Giá vốn			
Giá vốn từ bán hàng ra bên ngoài	648.722.393.643	633.601.168.521	1.282.323.562.164
Tổng giá vốn	648.722.393.643	633.601.168.521	1.282.323.562.164
Kết quả hoạt động kinh doanh			
Kết quả hoạt động kinh doanh	107.270.746.603	1.385.518.319	108.656.264.922
Chi phí không phân bổ			(49.235.100.226)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			59.421.164.696
Doanh thu hoạt động tài chính			14.799.147.034
Lợi nhuận khác			649.511.749
Chi phí tài chính			(9.186.313.191)
Lợi nhuận trước thuế			65.683.510.288
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp			(13.276.426.567)
Lợi nhuận trong năm			52.407.083.721

Bộ phận theo khu vực địa lý

Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế là cung cấp dịch vụ vận tải và dịch vụ thương mại. Doanh thu từ dịch vụ thương mại toàn bộ được thực hiện ở Việt Nam, trong khi doanh thu vận tải được thực hiện ở cả Việt Nam (chủ yếu từ Nhà máy lọc dầu Dung Quất, kho cảng Thị Vải đến các địa phương) và quốc tế (vận chuyển tại khu vực Đông Nam Á và Nam Trung Quốc).

Chi tiết doanh thu vận tải theo khu vực địa lý như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu vận tải		
Vận tải nội địa	795.207.204.165	617.282.994.688
Vận tải quốc tế	263.727.035.368	138.710.145.558
	1.058.934.239.533	755.993.140.246
Giá vốn vận tải		
Vận tải nội địa	724.003.423.286	529.694.359.050
Vận tải quốc tế	228.337.201.182	119.028.034.593
	952.340.624.468	648.722.393.643

Do đặc thù kinh doanh vận tải bằng tàu biển, tàu biển có thể vừa chạy tuyến nội địa, vừa chạy tuyến quốc tế nên Công ty không tách được tài sản và nợ phải trả cho hoạt động vận tải nội địa và vận tải quốc tế. Theo đó, Ban Giám đốc đã đánh giá và tin tưởng rằng việc không tách và trình bày tài sản và nợ phải trả cho hoạt động vận tải nội địa và vận tải quốc tế là phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 “Báo cáo bộ phận” và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của Công ty.

17. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Dịch vụ vận tải	1.058.934.239.533	755.993.140.246
Thương mại	488.300.433.176	634.986.686.840
	1.547.234.672.709	1.390.979.827.086

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Dịch vụ vận tải	952.340.624.468	648.722.393.643
Thương mại	485.527.143.149	633.601.168.521
	1.437.867.767.617	1.282.323.562.164

19. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu	113.571.161.359	126.618.112.893
Chi phí nhân công	81.897.576.499	67.479.864.204
Chi phí khấu hao tài sản cố định	53.181.192.875	33.964.353.933
Chi phí dịch vụ mua ngoài	742.103.568.413	451.828.014.564
Chi phí khác	6.602.707.115	12.065.267.398
	997.356.206.261	691.955.612.992

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi	12.644.558.916	13.324.694.908
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.887.539.899	1.474.452.126
	14.532.098.815	14.799.147.034

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	9.314.400.273	8.005.646.390
Lỗ chênh lệch tỷ giá	250.637.053	1.180.666.801
	9.565.037.326	9.186.313.191

22. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
- Chi phí lương quản lý	16.396.244.754	16.401.903.341
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.965.451.868	23.312.559.787
- Chi phí khác	1.143.146.916	450.160.847
	37.504.843.538	40.164.623.975
Chi phí bán hàng		
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.984.400.255	6.891.787.660
- Chi phí khác	526.338.000	2.178.688.591
	7.510.738.255	9.070.476.251

23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập tính thuế năm hiện hành	14.967.733.423	13.023.661.205
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành	208.514.537	252.765.362
	15.176.247.960	13.276.426.567

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	75.178.081.123	65.683.510.288
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	(56.951.444)
Trừ: Chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(759.874.998)	(1.024.965.507)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	420.460.989	516.712.690
Thu nhập tính thuế năm hiện hành	74.838.667.114	65.118.306.027
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập tính thuế năm hiện hành	14.967.733.423	13.023.661.205

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% (năm 2019: 20%) trên thu nhập tính thuế.

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả vì không có khoản chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị sổ sách của tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập tương ứng.

24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty như sau:

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Lợi nhuận trong năm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (VND)	60.001.833.163	52.407.083.721
Trừ: Trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi và khen thưởng Ban Quản lý điều hành (VND)	(4.200.128.321)	(3.668.495.860)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	55.801.704.842	48.738.587.861
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	36.000.000	36.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	1.550	1.354

Quỹ khen thưởng, phúc lợi và khen thưởng Ban Quản lý điều hành cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được ước tính dựa trên tỷ lệ trích thực tế của năm 2019 là 7% lợi nhuận sau thuế. Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu dựa trên cơ sở nêu trên nhằm phục vụ thông tin so sánh giữa hai năm do Công ty chưa có kế hoạch trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2020.

Ngoài ra, lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước cũng được trình bày lại do ảnh hưởng của số thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và khen thưởng Ban Quản lý điều hành. Số liệu lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 được trình bày lại như sau:

	Số đã trình bày	Thay đổi	Số trình bày lại
Lợi nhuận trong năm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty (VND)	52.407.083.721	-	52.407.083.721
Trừ: Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và khen thưởng Ban Quản lý điều hành (VND)	(3.117.360.610)	(551.135.250)	(3.668.495.860)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	49.289.723.111	(551.135.250)	48.738.587.861
Số bình quân gia quyền của cổ phần phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	36.000.000	-	36.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	1.369	(15)	1.354

25. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	4.523.056.004	4.680.954.601

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trong vòng một năm	3.074.912.003	4.286.316.004
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	95.370.000	2.949.474.314
	3.170.282.003	7.235.790.318

Các khoản cam kết thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền Công ty phải trả cho việc thuê xe và thuê văn phòng tại Lầu 9, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh đến ngày 30 tháng 9 năm 2021.

26. CAM KẾT VỐN

Ngày 19 tháng 6 năm 2020, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phê duyệt kế hoạch đầu tư trong năm 2020, đầu tư tàu chở khí hóa lỏng loại VLGC có sức chở từ khoảng 75.000 cbm - 85.000 cbm với số tiền 41,73 triệu Đô la Mỹ (tương đương 980,655 tỷ đồng), dự án này sẽ được chuyển tiếp đầu tư trong năm 2021.

27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 12 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Các khoản vay	236.543.606.250	294.481.845.000
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	78.805.217.023	53.229.188.747
Nợ thuần	157.738.389.227	241.252.656.253
Vốn chủ sở hữu	461.730.488.157	452.197.150.854
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,34	0,53

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	78.805.217.023	53.229.188.747
Phải thu khách hàng và phải thu khác	90.062.630.506	97.733.591.216
Các khoản đầu tư tài chính	177.500.000.000	153.970.000.000
	346.367.847.529	304.932.779.963
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	236.543.606.250	294.481.845.000
Phải trả người bán và phải trả khác	109.239.767.337	111.737.125.675
Chi phí phải trả	4.893.875.095	1.883.050.566
	350.677.248.682	408.102.021.241

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ. Theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ ("USD")	1.414.376.536	6.416.403.853	236.805.792.585	308.242.502.821
Yên Nhật ("JPY")	-	-	65.808.890	1.870.412.933
Euro ("EUR")	-	-	-	14.922.291
Đô la Singapore ("SGD")	1.307.572	-	115.836.227	-

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá đồng Đô la Mỹ.

Công ty phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam tăng/giảm 3% so với đồng Đô la Mỹ. Tỷ lệ thay đổi 3% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 3% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá đồng Đô la Mỹ so với đồng Việt Nam tăng/giảm 3% thì lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm của Công ty sẽ giảm/tăng một khoản tương ứng là 7.061.742.481 đồng (năm 2019: 9.054.782.969 đồng).

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Ban Giám đốc đánh giá rằng không có rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở tài sản và công nợ thuần.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Số cuối năm	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Sau 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	78.805.217.023	-	-	78.805.217.023
Phải thu khách hàng và phải thu khác	88.982.585.918	1.080.044.588	-	90.062.630.506
Các khoản đầu tư tài chính	177.500.000.000	-	-	177.500.000.000
	345.287.802.941	1.080.044.588	-	346.367.847.529
Các khoản vay	57.240.715.000	179.302.891.250	-	236.543.606.250
Phải trả người bán và phải trả khác	109.239.767.337	-	-	109.239.767.337
Chi phí phải trả	4.893.875.095	-	-	4.893.875.095
	171.374.357.432	179.302.891.250	-	350.677.248.682
Chênh lệch thanh khoản thuần	173.913.445.509	(178.222.846.662)	-	(4.309.401.153)
Số đầu năm	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Sau 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	53.229.188.747	-	-	53.229.188.747
Phải thu khách hàng và phải thu khác	96.662.685.714	1.070.905.502	-	97.733.591.216
Các khoản đầu tư tài chính	153.970.000.000	-	-	153.970.000.000
	303.861.874.461	1.070.905.502	-	304.932.779.963
Các khoản vay	57.376.620.000	220.648.050.000	16.457.175.000	294.481.845.000
Phải trả người bán và phải trả khác	111.737.125.675	-	-	111.737.125.675
Chi phí phải trả	1.883.050.566	-	-	1.883.050.566
	170.996.796.241	220.648.050.000	16.457.175.000	408.102.021.241
Chênh lệch thanh khoản thuần	132.865.078.220	(219.577.144.498)	(16.457.175.000)	(103.169.241.278)

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

28. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

Bên liên quan

Mối quan hệ

Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (gọi tắt là "PVT")	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt	Cùng chủ sở hữu (PVT)
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	Cùng chủ sở hữu (PVT)
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu	Cùng chủ sở hữu (PVT)
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi	Cùng chủ sở hữu (PVT)
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	Cùng chủ sở hữu (PVT)
Công ty Cổ phần Lọc Hoá dầu Bình Sơn	Công ty thuộc Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (gọi tắt là "PVN")
Công ty Kinh doanh Sản phẩm Khí – Chi nhánh Tổng	Công ty thuộc PVN
Công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần	
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Bắc	Công ty thuộc PVN
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam	Công ty thuộc PVN
Công ty TNHH Khí Hóa lỏng Việt Nam - VT Gas	Công ty thuộc PVN
Công ty Cổ phần Kinh doanh LPG Việt Nam	Công ty thuộc PVN
Công ty Bảo hiểm Dầu khí Phía Nam	Công ty thuộc PVN
Công ty Bảo hiểm Dầu khí Hà Nội	Công ty thuộc PVN
Công ty Bảo hiểm Dầu khí Bến Thành	Công ty thuộc PVN
Công ty Bảo hiểm Dầu khí Sài Gòn	Công ty thuộc PVN
Công ty Cổ phần Sơn Dầu khí Việt Nam	Công ty thuộc PVN
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hải Phòng	Công ty thuộc PVN
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gas Đô thị	Công ty thuộc PVN
Công ty Cổ phần Chứng Khoán Dầu khí	Công ty thuộc PVN
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	Công ty thuộc PVN
Tổng Công ty Bảo dưỡng - Sửa chữa Công trình Dầu Khí - Công ty Cổ phần	Công ty thuộc PVN
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	Công ty thuộc PVN
- Công ty Chế biến Khí Vũng Tàu	
Công ty TNHH Kiểm định Kỹ thuật An toàn Dầu khí Việt Nam	Công ty thuộc PVN
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam	Công ty thuộc PVN

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu cho thuê tàu và vận tải		
Công ty Kinh doanh Sản phẩm Khí - Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt	738.484.404.528	447.059.759.134
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	86.091.653.859	131.814.254.459
Công ty Cổ phần Kinh Doanh Khí Miền Bắc	44.326.070.248	43.628.523.398
Công ty TNHH Khí Hóa lỏng Việt Nam - VT Gas	3.724.561.864	3.968.081.248
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam	2.203.587.282	-
Công ty Cổ phần Lọc hoá dầu Bình Sơn	1.046.637.855	5.050.035.371
	-	44.051.611.837
Doanh thu bán nhiên liệu		
Công ty TNHH Khí hóa lỏng Việt Nam - VT Gas	164.215.957.027	-
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gas Đô Thị	-	34.060.235.356
Thu nhập tài chính (lãi tiền gửi ngân hàng)		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam	2.340.411.119	29.481
Chi phí thuê tàu vận chuyển và mua nhiên liệu		
Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt	243.208.529.828	120.278.294.994
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam	1.977.379.721	133.928.827
Công ty Kinh doanh Sản phẩm Khí - Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	1.475.205	1.489.071.727
Chi phí mua dịch vụ đại lý tàu và hàng hóa		
Công ty Kinh doanh Sản phẩm Khí - Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam	209.948.757.797	172.142.549.443
Công ty Cổ phần Kinh doanh LPG Việt Nam	209.128.665.884	55.437.262.701
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	60.613.507.210	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hải Phòng	17.997.926.529	7.220.229.084
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu	17.519.253.591	59.783.440.346
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi	5.950.607.364	7.716.566.762
Tổng Công ty Bảo dưỡng - Sửa chữa Công trình Dầu Khí - Công ty Cổ phần	3.340.093.337	4.945.799.684
Công ty TNHH Kiểm định Kỹ thuật An toàn Dầu khí Việt Nam	296.413.545	550.955.845
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Chế biến Khí Vũng Tàu	216.900.000	226.550.000
Công ty TNHH Khí Hóa lỏng Việt Nam - VT Gas	140.433.221	134.642.569
Công ty Cổ phần Chứng Khoán Dầu khí	91.043.767	-
Công ty cổ phần Lọc Hóa Dầu Bình Sơn	2.230.410	20.000.000
Tập Đoàn Dầu Khí Quốc gia Việt Nam	909.091	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	-	801.686.612
	-	680.588.827
Chi phí lưu tàu		
Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt	10.345.757.500	-
Chi phí thuê xe		
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	1.149.830.525	1.357.045.650

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí mua dịch vụ bảo hiểm		
Tổng Công ty Bảo Hiểm PVI	10.841.219.688	11.225.019.886
Chi phí mua sơn bảo dưỡng		
Công ty Cổ phần Sơn Dầu khí Việt Nam	1.785.607.729	2.574.938.636
Cổ tức đã chia		
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	31.700.604.000	40.641.800.000

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Mai Thế Toàn	36.000.000	2.045.455
Nguyễn Thế Anh	24.000.000	24.000.000
Vũ Thị Phương Nga	24.000.000	24.000.000
Lương, thưởng và các phúc lợi khác	4.366.327.516	4.557.030.748
	4.450.327.516	4.607.076.203

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

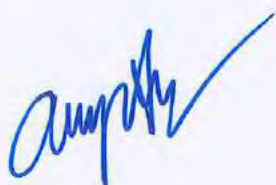
	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Công ty Kinh doanh Sản phẩm Khí - Chi nhánh	29.392.288.046	40.467.209.720
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần		
Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt	6.261.293.032	11.599.948.636
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	5.600.895.372	4.405.405.274
Công ty TNHH Khí Hóa lỏng Việt Nam - VT Gas	335.595.240	-
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển	-	3.812.299.717
Gas Đô Thị		
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam	-	586.344.539
	41.590.071.690	60.871.207.886
Phải trả người bán ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt	33.116.786.493	15.597.876.553
Công ty Cổ phần Kinh doanh LPG Việt Nam	7.802.262.540	-
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	5.314.571.046	25.120.344.249
Công ty Kinh doanh Sản phẩm Khí		
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam	3.950.040.904	1.507.666.657
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hải Phòng	1.621.004.840	7.556.567.980
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	1.450.895.448	1.635.080.618
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu	485.478.439	1.823.684.036
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi	347.309.541	706.900.553
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đồng Dương	102.850.000	63.051.010
Công ty Cổ phần Sơn Dầu khí Việt Nam	65.436.500	127.432.500
Công ty TNHH Khí Hóa lỏng Việt Nam - VT Gas	33.997.900	-
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty	12.520.200	-
Cổ phần - Công ty Chế biến Khí Vũng Tàu		
Công ty TNHH Kiểm định Kỹ thuật An toàn Dầu	8.910.000	-
khí Việt Nam		
Tổng Công ty Bảo dưỡng Sửa chữa Công trình	-	134.800.600
Dầu Khí - Công ty Cổ phần		
	54.312.063.851	54.273.404.756

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu ngắn hạn khác (lãi dự thu)		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam	883.726.028	-
	883.726.028	-
Phải trả ngắn hạn khác		
Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt	10.345.757.500	-
	10.345.757.500	-

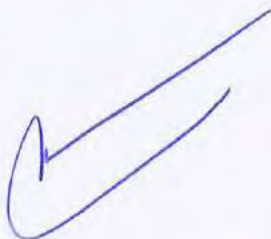
29. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền thu lãi tiền gửi không bao gồm 2.543.041.096 đồng (năm 2019: 5.649.844.165 đồng), là số lãi tiền gửi phát sinh trong năm nhưng chưa thu được. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng các khoản phải thu.



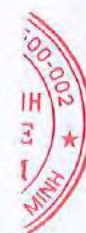
Phạm Tiến Nam
Người lập biểu



Lê Anh Nam
Kế toán trưởng



Nguyễn Duyên Hiếu
Giám đốc
Ngày 15 tháng 3 năm 2021



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ
GAS SHIPPING**

Tầng 9, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, P.Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM



BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ II NĂM 2021

TP. HỒ CHÍ MINH, THÁNG 7 NĂM 2021



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	MS	TM	30/6/2021	31/12/2020
A TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		451.372.334.687	394.824.362.506
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110		100.379.198.339	78.805.217.023
1 Tiền	111	1	26.879.198.339	28.805.217.023
2 Các khoản tương đương tiền	112	1	73.500.000.000	50.000.000.000
II Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		105.000.000.000	177.500.000.000
1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	2b	105.000.000.000	177.500.000.000
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130		180.294.442.036	91.761.229.764
1 Phải thu của khách hàng	131	3	170.863.092.122	86.427.544.822
2 Trả trước cho người bán	132		4.046.050.544	2.031.419.779
3 Các khoản phải thu khác	136	3	5.385.299.370	3.302.265.163
IV Hàng tồn kho	140		18.537.320.495	13.673.610.101
1 Hàng tồn kho	141	5	18.537.320.495	13.673.610.101
V Tài sản ngắn hạn khác	150		47.161.373.817	33.084.305.618
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	17.922.602.362	2.208.590.836
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		29.238.771.455	30.875.714.782
B TÀI SẢN DÀI HẠN	200		458.266.242.620	482.422.177.588
I Các khoản phải thu dài hạn	210		1.469.107.988	1.080.044.588
1 Phải thu dài hạn khác	216	4b	1.469.107.988	1.080.044.588
II Tài sản cố định	220		454.796.504.632	481.342.133.000
1 Tài sản cố định hữu hình	221		454.796.504.632	481.342.133.000
- Nguyên giá	222	6	810.197.167.316	810.148.103.680
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223	6	(355.400.662.684)	(328.805.970.680)
2 Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228	7	435.570.550	435.570.550
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229	7	(435.570.550)	(435.570.550)
III Tài sản dở dang dài hạn	240		2.000.630.000	-
I Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	6b	2.000.630.000	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		909.638.577.307	877.246.540.094



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/6/2021	31/12/2020
A NỢ PHẢI TRẢ	300		475.891.879.535	415.516.051.937
I Nợ ngắn hạn	310		322.817.148.285	231.693.666.933
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311		150.470.573.725	98.614.210.208
2 Người mua trả tiền trước	312		17.145.386	289.953.027
3 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	10	6.949.295.751	4.281.660.209
4 Phải trả người lao động	314		21.692.847.009	19.584.262.339
5 Chi phí phải trả ngắn hạn	315	11	982.663.168	4.893.875.095
8 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	13	3.158.820.000	798.026.743
6 Phải trả ngắn hạn khác	319	12	37.068.609.444	10.725.948.974
7 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	16	57.080.100.000	57.240.715.000
8 Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	14	42.665.921.405	33.880.571.262
9 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.731.172.397	1.384.444.076
II Nợ dài hạn	330		153.074.731.250	183.822.385.004
1 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	16	150.259.725.000	179.302.891.250
2 Dự phòng phải trả dài hạn	342	14	2.815.006.250	4.519.493.754
B VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		433.746.697.772	461.730.488.157
I Vốn chủ sở hữu	410	15	433.746.697.772	461.730.488.157
1 Vốn góp của chủ sở hữu	411		360.000.000.000	360.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		360.000.000.000	360.000.000.000
2 Quỹ đầu tư phát triển	418		39.107.556.317	39.107.556.317
3 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		1.709.511.521	1.709.511.521
4 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		32.929.629.934	60.913.420.319
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		2.713.291.998	911.587.156
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		30.216.337.936	60.001.833.163
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		909.638.577.307	877.246.540.094

Tp HCM, ngày 19 tháng 7 năm 2021

NGƯỜI LẬP BIỂU

Cao Thanh Nga

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Lê Anh Nam

GIÁM ĐỐC



Đoàn Đức Trọng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

QUÝ II NĂM 2021

Đơn vị tính : đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ báo cáo		Lũy kế đầu năm đến kỳ báo cáo	
		Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng, cung cấp dv	01	425.078.969.548	371.091.381.244	887.966.133.166	683.832.638.597
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	425.078.969.548	371.091.381.244	887.966.133.166	683.832.638.597
4. Giá vốn hàng bán	11	395.132.544.930	346.570.901.367	831.169.480.018	630.280.439.390
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	29.946.424.618	24.520.479.877	56.796.653.148	53.552.199.207
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	3.468.796.557	3.178.861.144	6.554.579.198	6.511.364.768
7. Chi phí tài chính	22	1.629.332.364	(1.949.397.691)	3.239.853.293	6.598.141.741
Trong đó : Chi phí lãi vay	23	1.480.039.256	2.438.832.395	3.064.921.372	5.723.696.068
8. Chi phí bán hàng	25	950.558.726	762.632.305	3.093.147.078	1.337.344.531
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	11.637.532.876	9.175.077.746	19.654.895.860	15.913.933.973
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	19.197.797.209	19.711.028.661	37.363.336.115	36.214.143.730
11. Thu nhập khác	31	418.147.309	846.002	418.147.309	846.002
12. Chi phí khác	32	13.646.397	724.862.172	13.646.397	724.862.172
13. Lợi nhuận khác	40	404.500.912	(724.016.170)	404.500.912	(724.016.170)
14. Lãi /(lỗ) trong Cty LD, LK	45	-	-	-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	19.602.298.121	18.987.012.491	37.767.837.027	35.490.127.560
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	4.312.949.136	3.769.784.793	7.551.499.091	7.085.316.898
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	-	-	-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	15.289.348.985	15.217.227.698	30.216.337.936	28.404.810.662
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	425	423	839	789
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71				

Tp HCM, ngày 19 tháng 7 năm 2021

NGƯỜI LẬP BIỂU



Cao Thanh Nga

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Lê Anh Nam

GIÁM ĐỐC



Đoàn Đức Trọng



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế đầu năm đến kỳ báo cáo	
		Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	37.767.837.027	35.490.127.560
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ	02	26.594.692.004	26.578.871.437
- Các khoản dự phòng	03	12.021.815.710	16.149.621.528
- Lãi, lỗ CLTG hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(996.896.066)	663.471.616
- Lãi/ lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(5.049.824.088)	(5.827.839.385)
- Chi phí lãi vay	06	3.064.921.372	5.723.696.068
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	73.402.545.959	78.777.948.824
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(85.085.751.330)	(30.176.686.359)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(4.863.710.394)	6.769.951.142
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	41.801.563.454	(2.010.675.676)
- Tăng giảm chi phí trả trước	12	(15.714.011.526)	1.889.635.684
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(3.099.322.892)	(5.866.698.224)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(4.744.263.137)	(4.181.468.885)
- Tiền thu khác từ hoạt động sản xuất kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động sản xuất kinh doanh	17	(7.951.086.471)	(641.300.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(6.254.036.337)	44.560.706.506
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(2.000.630.000)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(10.000.000.000)	(169.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	82.500.000.000	125.970.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.362.958.250	6.871.673.962
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	73.862.328.250	(36.158.326.038)



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)

Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế đầu năm đến kỳ báo cáo	
		Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(28.555.493.750)	(28.958.266.750)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(17.422.380.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(45.977.873.750)	(28.958.266.750)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	21.630.418.163	(20.555.886.282)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	78.805.217.023	53.229.188.747
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(56.436.847)	216.664.970
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	100.379.198.339	32.889.967.435

NGƯỜI LẬP BIỂU

Cao Thanh Nga

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Lê Anh Nam

Tp HCM, ngày 19 tháng 7 năm 2021

GIÁM ĐỐC



Đoàn Đức Trọng



Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

I Đặc điểm hoạt động của Doanh nghiệp:

- 1 Hình thức sở hữu vốn: Công ty cổ phần.
- 2 Lĩnh vực kinh doanh: Dịch vụ - Thương mại.
- 3 Ngành nghề kinh doanh: Hoạt động chính của công ty là hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải, dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ môi giới hàng hải, dịch vụ cung ứng tàu biển, dịch vụ cho thuê tàu biển, kinh doanh vận tải biển; vận tải hàng hóa bằng đường bộ; hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; giáo dục nghề nghiệp; bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng khí và các sản phẩm có liên quan; bán buôn chuyên doanh khác.
- 4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: 12 tháng theo năm Dương lịch.
- 5 Đặc điểm hoạt động doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính: không có.
- 6 Cấu trúc doanh nghiệp: Công ty có 06 phòng chức năng; Không có các công ty con, công ty liên kết.

II Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

- 1 Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc ngày 31/12 hàng năm.
- 2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam.

III Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng:

- 1 Chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng chế độ kế toán theo Thông tư 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành ngày 22/12/2014 và có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015.
- 2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán: Công ty tuân thủ nghiêm túc Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán căn cứ theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và tuân thủ kịp thời các Thông tư khác của Bộ tài chính ban hành.

IV Các chính sách kế toán áp dụng:

- 1 Nguyên tắc chuyển đổi Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam: Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.
- 2 Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền: Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.
- 3 Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính:
Đầu tư vào công ty con: Công ty con là một công ty mà công ty giữ cổ phần chi phối cũng như quyền kiểm soát tương ứng. Các khoản đầu tư vào công ty con được hạch toán theo giá gốc bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản đầu tư. Tại các kỳ kế toán tiếp theo khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư.
Các khoản cổ tức nhận được bằng tiền được ghi nhận giảm nguyên giá khoản đầu tư đối với phần phát sinh trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu hoạt động tài chính đối với phần phát sinh kể từ ngày mua.
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: giá trị ghi sổ được hạch toán theo giá gốc.
- 4 Nguyên tắc kế toán nợ phải thu: Theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, theo dõi theo thời hạn nợ và thường xuyên tiến hành đối chiếu kiểm tra, đôn đốc việc thu hồi được kịp thời.
- 5 Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua và các chi phí có liên quan để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định theo đúng quy định của chuẩn mực kế toán "hàng tồn kho". Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập trên cơ sở chênh lệch giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.



Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

- 6 Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuế tài chính, bất động sản đầu tư: Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.
Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính:

Máy móc thiết bị: 03 năm.
Phương tiện vận tải: 05-15 năm.
Thiết bị văn phòng: 03-05 năm.
- 7 Nguyên tắc kế toán thuế TNDN hoãn lại: Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.
- 8 Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước:
Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê văn phòng, thuê xe và các khoản chi phí trả trước khác. Tiền thuê văn phòng và thuê xe trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.
Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị vật tư xuất dùng cho tàu và chi phí sửa chữa lớn tàu định kỳ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng từ hai năm rưỡi đến ba năm.
- 9 Nguyên tắc kế toán nợ phải trả theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, theo dõi theo thời hạn nợ và thường xuyên tiến hành đối chiếu kiểm tra, đôn đốc việc thanh toán được kịp thời.
- 10 Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuế tài chính: Phải theo dõi chi tiết số tiền đã vay, lãi vay, số tiền vay đã trả (gốc và lãi vay), số tiền còn phải trả theo từng đối tượng cho vay, theo từng khế ước vay.
- 11 Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay: Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán hiện hành.
- 12 Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả, ghi nhận các khoản chi phí ước tính cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ nhưng thực tế chưa phát sinh việc chi trả do chưa có số liệu quyết toán chính thức với đơn vị cung cấp hàng hóa, dịch vụ.
- 13 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu:
Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:
(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
(c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:
(a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
(b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.
- 14 Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:
Ghi nhận và trình bày cổ phiếu mua lại: Căn cứ điều lệ hoạt động, cổ phiếu đang lưu hành được mua lại là cổ phiếu ngân quỹ được hạch toán giảm nguồn vốn cổ phần.
Ghi nhận cổ tức: Cổ tức được ghi nhận trên cơ sở trích theo tỷ lệ đăng ký trên lợi nhuận sau thuế được thông qua tại kỳ họp đại hội cổ đông thường niên.
Nguyên tắc trích lập các khoản dự trừ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: Các quỹ Công ty được ghi nhận trên cơ sở trích theo tỷ lệ % trên lợi nhuận sau thuế được thông qua tại kỳ họp đại hội cổ đông thường niên.



Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

15 Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính: ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi có phát sinh.

16 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các Luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

V Các chính sách kế toán áp dụng:

1 Có tái phân loại tài sản dài hạn và nợ phải trả dài hạn thành ngắn hạn.

2 Nguyên tắc xác định giá trị từng loại tài sản và nợ phải trả (theo giá trị thuần có thể thực hiện được, giá trị có thể thu hồi, giá trị hợp lý, giá trị hiện tại, giá trị hiện hành...).

3 Nguyên tắc xử lý tài chính đối với:

- Các khoản dự phòng;
- Chênh lệch đánh giá lại tài sản và chênh lệch tỷ giá.

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.

VI Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán:

1 Tiền:

	30/6/2021	31/12/2020
	VND	VND
Tiền mặt	171.178.020	331.491.810
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	26.708.020.319	28.473.725.213
Các khoản tương đương tiền	73.500.000.000	50.000.000.000
Cộng	100.379.198.339	78.805.217.023

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng bằng VND tại các ngân hàng thương mại trong nước:

	30/6/2021		31/12/2020	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
NH TMCP Công Thương Việt Nam - CN 2	10.500.000.000	10.500.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000
NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội - CN Ba Đình	33.000.000.000	33.000.000.000	-	-
NH TMCP Đại chúng VN - CN HCM	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000
NH Nông nghiệp và PTNT Việt Nam - CN SG	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
Cộng	73.500.000.000	73.500.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000

2 Các khoản đầu tư tài chính:

b Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:

	30/6/2021		31/12/2020	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
b1 Ngắn hạn:				
NH TMCP Ngoại Thương Việt Nam	-	-	-	-
NH TNHH MTV Shinhan Việt Nam (1)	50.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000
NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội - CN Ba Đình	-	-	32.500.000.000	32.500.000.000
NH TMCP Công Thương Việt Nam - CN 2	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000
NH TMCP Hàng hải Việt Nam - CN HCM	-	-	-	-
NH Phát triển Nhà TPHCM	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
NH TMCP Đại chúng VN - CN HCM	25.000.000.000	25.000.000.000	65.000.000.000	65.000.000.000
Cộng	105.000.000.000	105.000.000.000	177.500.000.000	177.500.000.000

Tiền gửi ngắn hạn có kỳ hạn thể hiện các khoản tiền gửi bằng đồng Việt Nam có kỳ hạn từ trên 03 tháng đến 01 năm tại các ngân hàng thương mại, lãi suất hàng tháng được hưởng là 3,0%- 7%.

(1) Công ty sử dụng 05 hợp đồng tiền gửi tại NH TNHH MTV Shinhan Việt Nam với số tiền 50 tỷ đồng làm tài sản đảm bảo cho Hợp đồng tín dụng số SHBVN/BC/10/2019/HDTD/GSP ngày 15/9/2019.

3 Phải thu của khách hàng:		30/6/2021	31/12/2020
		VND	VND
a	Ngắn hạn:	170.863.092.122	86.427.544.822
	<i>(Chi tiết KH chiếm từ 10% tổng phải thu)</i>	170.863.092.122	86.427.544.822
	<i>Bên thứ ba</i>	62.232.646.110	44.837.473.132
	Công ty TNHH TOTALGAZ Việt Nam	12.923.876.393	15.554.427.372
	Các đối tượng khác	49.308.769.717	29.283.045.760
	<i>Khách hàng là các bên có liên quan</i>	108.630.446.012	41.590.071.690
	<i>(Chi tiết tại thuyết minh số IX.2)</i>		
b	Dài hạn:	-	-
	<i>(Chi tiết KH chiếm từ 10% tổng phải thu)</i>		
	Cộng	170.863.092.122	86.427.544.822
4 Phải thu khác:		30/6/2021	31/12/2020
		VND	VND
a	Ngắn hạn:		
	Phải thu người lao động	468.954.254	612.603.176
	Ký cược ký quỹ	12.000.000	12.000.000
	Lãi tiền gửi dự thu	4.879.512.329	2.543.041.096
	Phải thu khác	24.832.787	134.620.891
		5.385.299.370	3.302.265.163
b	Dài hạn:		
	Ký cược ký quỹ	1.469.107.988	1.080.044.588
		1.469.107.988	1.080.044.588
5 Hàng Tồn Kho:		30/6/2021	31/12/2020
		VND	VND
		Giá gốc	Giá gốc
		Dự phòng	Dự phòng
	Nguyên liệu, vật liệu	17.275.987.366	13.673.610.101
	Hàng đi đường	1.261.333.129	-
	Cộng	18.537.320.495	13.673.610.101

8 Chi phí trả trước:

	30/6/2021 VND	31/12/2020 VND
Ngắn hạn		
Cước thuê tàu	15.169.210.247	219.418.470
Chi phí Bảo hiểm P&I của đội tàu	1.335.363.337	1.423.252.000
Chi phí đăng kiểm	47.437.828	146.208.833
Chi phí Bảo hiểm PVI Bến Thành	671.333.334	250.400.000
Chi phí Bảo hiểm thân tàu Hull	579.990.000	-
Chi phí lớp, BH xe bồn	19.034.290	24.522.018
Chi phí phần mềm online	100.233.326	77.217.373
Phí bảo lãnh thanh toán	-	27.881.976
Trả trước ngắn hạn khác	-	39.690.165
Cộng	17.922.602.362	2.208.590.836

9 Phải trả người bán:

	30/6/2021 VND	31/12/2020 VND
a Bên thứ ba	125.013.043.910	44.302.146.357
Công ty Cổ phần Năng lượng Vietpetrol	26.966.401.293	-
Công ty TNHH Sellan Gas	10.362.239.800	-
Công ty TNHH vận tải dầu khí OPEC	25.851.959.147	-
Công ty TNHH Vận tải TM Tường Vy	18.809.175.033	5.777.411.173
Phải trả cho đối tượng khác	43.023.268.637	38.524.735.184
b Các bên liên quan	25.457.529.815	54.312.063.851
(Chi tiết tại thuyết minh số LX.2)		
Cộng	150.470.573.725	98.614.210.208

10 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước:

	01/01/2021 VND	Số phải nộp VND	Số thực nộp VND	30/6/2021 VND
Thuế GTGT NK	46.666.000	342.450.349	389.116.349	-
Thuế nhập khẩu	42.423.636	201.424.183	243.847.819	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.069.066.624	7.551.499.091	4.744.263.137	6.876.302.578
Thuế thu nhập cá nhân	123.503.949	1.246.546.206	1.297.056.982	72.993.173
Các loại thuế khác	-	160.233.171	160.233.171	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	-	-
Cộng	4.281.660.209	9.502.153.000	6.834.517.458	6.949.295.751

* Trong đó số thuế TNDN được hoàn nộp theo Nghị định số 52/2021/NĐ-CP với số tiền thuế phải nộp quý I là 2.916.685.517 hạn nộp 30/7/2021 và số tiền thuế quý 2/2021 là 3.959.617.061 đồng hạn nộp 30/10/2021.

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.

6 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:

	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị VP	Cộng
	VND	VND	VND	VND
I. Nguyên giá:				
Tại ngày 01/01/2021	6.067.925.449	803.092.299.296	987.878.935	810.148.103.680
Tăng trong kỳ	-	-	49.063.636	49.063.636
Mua sắm mới	-	-	49.063.636	49.063.636
Khác				-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Bán thanh lý		-	-	-
Khác				-
Tại ngày 30/6/2021	6.067.925.449	803.092.299.296	1.036.942.571	810.197.167.316
II. Giá trị hao mòn lũy kế:				
Tại ngày 01/01/2021	6.005.007.801	321.920.967.914	879.994.965	328.805.970.680
Tăng trong kỳ	51.588.773	26.541.827.216	1.276.015	26.594.692.004
Khấu hao trong kỳ	51.588.773	26.541.827.216	1.276.015	26.594.692.004
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Bán thanh lý		-		-
Khác			-	-
Tại ngày 30/6/2021	6.056.596.574	348.462.795.130	881.270.980	355.400.662.684
III. Giá trị còn lại:				
Tại ngày 01/01/2021	62.917.648	481.171.331.382	107.883.970	481.342.133.000
Tại ngày 30/6/2021	11.328.875	454.629.504.166	155.671.591	454.796.504.632

7 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình:

	Giấy phép và giấy phép nhượng quyền	Phần mềm vi tính	Tổng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2021	126.340.550	309.230.000	435.570.550
Tăng trong kỳ			-
Giảm trong kỳ			-
Tại ngày 30/6/2021	126.340.550	309.230.000	435.570.550
Khấu hao lũy kế			
Tại ngày 01/01/2021	126.340.550	309.230.000	435.570.550
Khấu hao trong kỳ		-	-
Giảm trong kỳ		-	-
Tại ngày 30/6/2021	126.340.550	309.230.000	435.570.550

11 Chi phí phải trả ngắn hạn:

	30/6/2021	31/12/2020
	VND	VND
Giá vốn trích trước phí đại lý	153.295.050	657.750.412
Tạm trích tiền lãi vay Ngân hàng	91.746.499	126.148.019
Phí môi giới	98.917.560	-
Phí nhân hiệu tập đoàn	375.890.406	-
Chi phí khác	105.313.653	3.856.568.700
Phí kiểm toán	157.500.000	131.140.000
Cộng	982.663.168	4.893.875.095

12 Phải trả ngắn hạn khác:

	30/6/2021	31/12/2020
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	223.726.920	41.981.845
Cổ tức phải trả	36.636.030.000	58.410.000
Phải trả, phải nộp khác	208.852.524	10.625.557.129
Cộng	37.068.609.444	10.725.948.974

13 Doanh thu chưa thực hiện:

	30/6/2021	31/12/2020
	VND	VND
a Ngắn hạn		
Cước tàu Thăng Long Gas cho thuê định hạn từ ngày 01/7/2021 đến ngày 21/7/2021.	3.158.820.000	798.026.743
Cộng	3.158.820.000	798.026.743

14 Dự phòng phải trả:

	Dự phòng sửa chữa tàu định kỳ	Dự phòng trợ cấp thôi việc	Dự phòng quỹ lương	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01	38.167.735.016	232.330.000	-	38.400.065.016
Dự phòng trong kỳ:	12.021.815.710	-	-	12.021.815.710
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ:	-	(232.330.000)	-	(232.330.000)
Các khoản dự phòng đã sử dụng:	(4.708.623.071)			(4.708.623.071)
Tại thời điểm cuối kỳ	45.480.927.655	-	-	45.480.927.655
Chi tiết				
			30/6/2021	31/12/2020
			VND	VND
Dự phòng phải trả khác ngắn hạn			42.665.921.405	33.880.571.262
Dự phòng phải trả khác dài hạn			2.815.006.250	4.519.493.754
Cộng			45.480.927.655	38.400.065.016

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.

15 Vốn chủ sở hữu:

	30/6/2021		31/12/2020	
	Số cổ phần	VND	Số cổ phần	VND
Được phép phát hành	36.000.000	360.000.000.000	36.000.000	360.000.000.000
Đã phát hành và góp vốn đủ	36.000.000	360.000.000.000	36.000.000	360.000.000.000
Cổ phiếu				
		30/6/2021		31/12/2020
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng				
Cổ phiếu phổ thông		36.000.000		36.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông		36.000.000		36.000.000

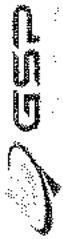
Cty chi phát hành một loại cổ phiếu phổ thông không được hưởng hưởng lợi tức với mệnh giá 10.000 đồng một cổ phiếu. Cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phiếu sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Cty. Các cổ phiếu đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với số tài sản thuần của Công ty.

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	CỘNG
Tại ngày 01/01/2020	360.000.000.000	1.709.511.521	26.005.785.387	64.481.853.946	452.197.150.854
- Lãi trong kỳ	-	-	-	60.001.833.163	60.001.833.163
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	13.101.770.930	(13.101.770.930)	-
- Trích quỹ KT-PL	-	-	-	(2.620.354.186)	(2.620.354.186)
- Trích quỹ Thương BĐH	-	-	-	(1.048.141.674)	(1.048.141.674)
- Chia cổ tức	-	-	-	(46.800.000.000)	(46.800.000.000)
Tại ngày 31/12/2020	360.000.000.000	1.709.511.521	39.107.556.317	60.913.420.319	461.730.488.157
Tại ngày 01/01/2021	360.000.000.000	1.709.511.521	39.107.556.317	60.913.420.319	461.730.488.157
- Lãi trong kỳ	-	-	-	30.216.337.936	30.216.337.936
Tại ngày 30/6/2021	360.000.000.000	1.709.511.521	39.107.556.317	32.929.629.934	433.746.697.772

Chi tiết các cổ đông:

Tổng Công ty CP Vận tải Dầu khí (PVTrans)	67,74%	243.850.800.000
Nguyễn Hồng Hiệp	8,39%	30.202.920.000
Cổ đông khác	23,87%	85.946.280.000
Cộng	100,00%	360.000.000.000



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II/2021

Mẫu số B 09a-DN
Tiếp theo

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.

16 Vay và nợ thuê tài chính:

Diễn giải	30/6/2021		Phát sinh trong kỳ		31/12/2020	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	CLT/G	Phân loại nợ	Trả nợ vay	Giá trị
Vay dài hạn đến hạn trả	57.080.100.000	57.080.100.000	169.881.250	28.564.760.000	28.555.493.750	57.240.715.000
Ngân hàng TNHH MTV Shinhanbank Việt Nam	57.080.100.000	57.080.100.000	169.881.250	28.564.760.000	28.555.493.750	57.240.715.000
Vay dài hạn (Chi tiết theo kỳ hạn)	150.259.725.000	150.259.725.000	478.406.250	(28.564.760.000)	-	179.302.891.250
Ngân hàng TNHH MTV Shinhanbank Việt Nam	150.259.725.000	150.259.725.000	478.406.250	(28.564.760.000)	-	179.302.891.250
Cộng	207.339.825.000	207.339.825.000	648.287.500	-	28.555.493.750	236.543.606.250

Vay dài hạn thể hiện khoản tài trợ của Ngân hàng TNHH MTV Shinhanbank Việt Nam thông qua 02 Hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng tín dụng số SHBVN/BC-GSP/HDTĐ/092018 ngày 24/9/2018.

+ Tổng hạn mức tín dụng: 6.615.000 USD.

+ Thời hạn: 07 năm kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng.

+ Lãi suất tiền vay được thỏa thuận và thống nhất theo mỗi lần điều chỉnh, dựa trên công thức: lãi suất = USD LIBOR 03 tháng cộng 2,5%/năm.

+ Mục đích vay: đầu tư mua sắm Tàu vận tải LPG có sức chở đến 7500 CBM.

+ Tài sản đảm bảo: tài sản thế chấp là con tàu Thăng Long Gas được mua dựa trên khoản vay theo HĐ tín dụng số SHBVN/BC-GSP/HDTĐ/092018 ngày 24/9/2018.

+ Dư nợ gốc vào thời điểm 30/06/2021: 4.016.250 USD.

- Hợp đồng tín dụng số SHBVN/BC/10/2019/HDTĐ/GSP ngày 18/9/2019.

+ Tổng hạn mức tín dụng: 8.015.000 USD, đã giải ngân 7.630.000 USD.

+ Thời hạn: 05 năm kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng.

+ Lãi suất tiền vay được thỏa thuận và thống nhất theo mỗi lần điều chỉnh, dựa trên công thức: lãi suất = USD LIBOR 03 tháng cộng 2,5%/năm.

+ Mục đích vay: đầu tư mua sắm Tàu vận tải LPG có sức chở từ khoảng 3.500 - 5.000 CBM.

+ Tài sản đảm bảo: tài sản thế chấp là con tàu Đà Nẵng Gas được mua dựa trên khoản vay theo HĐ tín dụng số SHBVN/BC/102019/HDTĐ/GSP ngày 27/12/2019

+ Dư nợ gốc vào thời điểm 30/06/2021: 4.959.500 USD.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II/2021



Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.

17 Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán:

Ngoại tệ các loại

	30/6/2021	31/12/2020
Đô la Mỹ (USD)	20.135,35	7.404,00

VII Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:

1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:

	QUÝ II/2021 VND	QUÝ II/2020 VND
Doanh thu bán hàng	136.753.884.407	103.330.132.435
Doanh thu cung cấp dịch vụ	288.325.085.141	267.761.248.809
Cộng	425.078.969.548	371.091.381.244
	06 THÁNG 2021 VND	06 THÁNG 2020 VND
Doanh thu bán hàng	290.837.469.601	175.369.393.292
Doanh thu cung cấp dịch vụ	597.128.663.565	508.463.245.305
Cộng	887.966.133.166	683.832.638.597

2 Giá vốn hàng bán:

	QUÝ II/2021 VND	QUÝ II/2020 VND
Giá vốn hàng hoá đã bán	136.282.937.789	102.613.240.701
Giá vốn dịch vụ cung cấp	258.849.607.141	243.957.660.666
Cộng	395.132.544.930	346.570.901.367
	06 THÁNG 2021 VND	06 THÁNG 2020 VND
Giá vốn hàng hoá đã bán	289.840.619.404	174.175.928.786
Giá vốn dịch vụ cung cấp	541.328.860.614	456.104.510.604
Cộng	831.169.480.018	630.280.439.390

3 Doanh thu hoạt động tài chính:

	QUÝ II/2021 VND	QUÝ II/2020 VND
Thu lãi tiền gửi	11.027.613	6.078.559
Thu lãi tiền gửi có kỳ hạn (VND)	2.389.032.878	3.049.841.089
Thu lãi do chênh lệch tỷ giá	687.095.691	122.895.206
Thu nhập về hoạt động đầu tư khác	-	46.290
Thu lãi do chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	381.640.375	-
Cộng	3.468.796.557	3.178.861.144
	06 THÁNG 2021 VND	06 THÁNG 2020 VND
Thu nhập về cho thuê tài sản	-	-
Thu lãi tiền gửi	21.554.073	14.426.461
Thu lãi tiền gửi có kỳ hạn (VND)	5.028.270.015	5.813.366.634
Thu lãi do chênh lệch tỷ giá	735.375.742	683.525.383
Thu nhập về hoạt động đầu tư khác	-	46.290
Thu lãi do chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	769.379.368	-
Cộng	6.554.579.198	6.511.366.768

4 Chi phí tài chính:

	QUÝ II/2021	QUÝ II/2020
	VND	VND
Lãi tiền vay	1.480.039.256	2.438.832.395
Lỗ do chênh lệch tỷ giá	149.293.108	181.701.115
Lỗ do chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	(4.569.931.201)
Cộng	1.629.332.364	-1.949.397.691
	06 THÁNG 2021	06 THÁNG 2020
	VND	VND
Lãi tiền vay	3.064.921.372	5.723.696.068
Lỗ do chênh lệch tỷ giá	174.931.921	210.974.057
Lỗ do chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	663.471.616
Cộng	3.239.853.293	6.598.141.741

5 Thu nhập khác

	QUÝ II/2021	QUÝ II/2020
	VND	VND
Thu nhập khác	418.147.309	846.002
Cộng	418.147.309	846.002
	06 THÁNG 2021	06 THÁNG 2020
	VND	VND
Thu nhập khác	418.147.309	846.002
Cộng	418.147.309	846.002

6 Chi phí khác

	QUÝ II/2021	QUÝ II/2020
	VND	VND
Chi tiền do phạt vi phạm hợp đồng	-	724.862.172
Chi phí khác	13.646.397	-
Cộng	13.646.397	724.862.172
	06 THÁNG 2021	06 THÁNG 2020
	VND	VND
Chi tiền do phạt vi phạm hợp đồng	-	724.862.172
Chi phí khác	13.646.397	-
Cộng	13.646.397	724.862.172

7 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố:

	QUÝ II/2021	QUÝ II/2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	34.029.044.385	24.225.017.251
Chi phí nhân công	21.562.964.284	24.979.457.744
Chi phí khấu hao tài sản cố định	13.299.317.761	13.288.204.837
Chi phí dịch vụ mua ngoài	337.488.112.041	292.670.412.568
Chi phí khác bằng tiền	1.341.198.062	1.345.519.018
Cộng	407.720.636.533	356.508.611.418
	06 THÁNG 2021	06 THÁNG 2020
	VND	VND



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II/2021

Mẫu số B 09a-DN

Tiếp theo

Chi phí nguyên liệu, vật liệu	66.718.317.856	63.733.643.769
Chi phí nhân công	41.583.665.486	38.029.218.761
Chi phí khấu hao tài sản cố định	26.594.692.004	26.578.871.437
Chi phí dịch vụ mua ngoài	716.539.227.664	516.344.544.325
Chi phí khác bằng tiền	2.481.619.947	
	853.917.522.957	647.531.717.894

8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành:

	QUÝ II/2021 VND	QUÝ II/2020 VND
- Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ báo cáo:	19.602.298.121	18.987.012.491
- Điều chỉnh trong kỳ:	195.787.185	-138.088.524
Điều chỉnh tăng	195.787.185	88.451.444
Điều chỉnh giảm	0	226.539.968
- Thu nhập chịu thuế trong kỳ báo cáo	19.798.085.306	18.848.923.967
Lỗ kỳ trước mang sang (-)		
Thuế suất trong kỳ báo cáo	20%	20%
Thuế TNDN theo BB Kiểm toán- Thanh tra	353.332.075	
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.312.949.136	3.769.784.793
	06 THÁNG 2021	06 THÁNG 2020
	VND	VND
- Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ báo cáo:	37.767.837.027	35.490.127.560
- Điều chỉnh trong kỳ:	-1.777.001.946	-63.543.069
Điều chỉnh tăng	202.753.185	162.996.899
Điều chỉnh giảm	1.979.755.131	226.539.968
- Thu nhập chịu thuế trong kỳ báo cáo	35.990.835.081	35.426.584.491
Thuế suất trong kỳ báo cáo	20%	20%
Thuế TNDN theo BB Thanh tra thuế năm 2020	33.332.075	
Thuế TNDN bổ sung theo BC quyết toán thuế TNDN 2020	320.000.000	
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	7.551.499.091	7.085.316.898

9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại:

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế.
 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế.
 Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ (-).
 Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ khoản lỗ tính thuế, ưu đãi thuế chưa sử dụng.
 Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ hoãn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả.
 Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

VIII Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ:

Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.

- 1 Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính.
- 2 Mua và thanh lý công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác trong kỳ báo cáo.
- 3 Trình bày giá trị và lý do của các khoản tiền và tương đương tiền lớn do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng do có sự hạn chế của pháp luật hoặc các ràng buộc khác mà doanh nghiệp phải thực hiện.

IX Những thông tin khác:

- 1 Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác:



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II/2021

Mẫu số B 09a-DN

Tiếp theo

- a Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết:
 Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo KQKD trong kỳ:
 Không phát sinh
- b Công cụ tài chính:

	QUÝ II/2021	QUÝ II/2020
	VND	VND
b.1 Hệ số đòn bẩy tài chính:		
Các khoản vay	207.339.825.000	266.423.106.250
Trừ: Tiền và tương đương tiền	100.379.198.339	32.889.967.435
Nợ thuần	106.960.626.661	233.533.138.815
Vốn chủ sở hữu	433.746.697.772	476.933.465.656
Tỷ lệ nợ thuần trên Vốn chủ sở hữu	0,25	0,49

- b.2 Quản lý rủi ro thanh khoản:

	30/6/2021	31/12/2020
	VND	VND
Tài sản tài chính:		
Tiền và các khoản tương đương tiền	100.379.198.339	78.805.217.023
Phải thu khách hàng và phải thu khác	181.763.550.024	92.841.274.352
Đầu tư tài chính	105.000.000.000	177.500.000.000
Cộng	387.142.748.363	349.146.491.375
Công nợ tài chính:		
Các khoản vay	207.339.825.000	236.543.606.250
Phải trả người bán và phải trả khác	187.539.183.169	109.340.159.182
Chi phí phải trả	982.663.168	4.893.875.095
Cộng	395.861.671.337	350.777.640.527
Chênh lệch thanh khoản thuần	(8.718.922.974)	(1.631.149.152)

Tính thanh khoản này được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà công ty tin tưởng rằng đơn vị có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn (dứt hạn).

Chênh lệch trên được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phải sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

- b.3 Quản lý rủi ro tỷ giá:

Công ty thực hiện một số giao dịch có gốc ngoại tệ. Theo đó, Cty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Giá trị ghi sổ của tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm 31/3/2021 như sau:

	30/6/2021	31/12/2020
	VND	VND
Phải thu có gốc ngoại tệ (USD)	13.991.839.544	-
Phải trả có gốc ngoại tệ (USD)	214.747.633.904	236.987.437.702
Cộng	228.739.473.448	236.987.437.702

Công ty phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của công ty trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam tăng/giảm 2% so với đồng Đô la Mỹ. Tỷ lệ thay đổi 2% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức độ thay đổi có thể của tỷ giá.

2 Thông tin về các bên liên quan:

- a Nghiệp vụ, số dư Công ty với các đơn vị thành viên Tổng công ty:

QUÝ II/2021	QUÝ II/2020
VND	VND



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II/2021

Mẫu số B 09a-DN

Tiếp theo

a1 Doanh thu dịch vụ - thương mại:	28.463.504.191	36.065.570.153
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	9.378.904.345	11.241.134.691
Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt	19.084.599.846	24.824.435.462
	06 THÁNG 2021	06 THÁNG 2020
Doanh thu dịch vụ - thương mại	66.188.972.543	74.758.606.985
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	18.917.278.104	26.211.128.797
Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt	47.271.694.439	48.547.478.188
a2 Phải thu thương mại, dịch vụ:	30/6/2021	31/12/2020
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	7.466.025.248	5.600.895.372
Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt	20.993.059.832	6.261.293.032
Cộng	28.459.085.080	11.862.188.404
	QUÝ II/2021	QUÝ II/2020
	VND	VND
a3 Chi phí mua hàng hóa - dịch vụ:	49.820.402.192	65.901.000.882
Công ty CP Vận Tải Dầu Khí Quảng Ngãi	663.758.238	903.928.290
Công ty Cổ phần Hàng hải Thăng Long	1.363.837.016	1.372.674.009
Công ty CP Vận tải Dầu Khí Hà Nội	2.181.688.355	1.702.292.959
Công ty CP Vận tải Dầu Khí Đông Dương	35.411.050	72.033.725
Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt	44.362.580.048	45.717.346.349
CN Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương tại TP Hồ Chí Minh	328.425.000	237.575.000
	06 THÁNG 2021	06 THÁNG 2020
	VND	VND
Chi phí mua hàng hóa - dịch vụ	112.017.621.976	162.529.876.905
Công ty CP Vận Tải Dầu Khí Quảng Ngãi	1.480.396.483	1.587.889.423
Công ty Cổ phần Hàng hải Thăng Long	2.545.350.513	2.967.341.525
Công ty CP Vận tải Dầu Khí Hà Nội	4.506.055.843	3.640.793.587
Công ty CP Vận tải Dầu Khí Đông Dương	110.354.650	117.504.625
Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt	101.045.963.223	114.365.201.403
CN Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương tại TP Hồ Chí Minh	627.870.000	543.795.000
a4 Phải trả thương mại, dịch vụ:	30/6/2021	31/12/2020
	VND	VND
Công ty CP Vận Tải Dầu Khí Quảng Ngãi	463.614.929	347.309.541
Công ty Cổ phần Hàng hải Thăng Long	1.183.828.912	485.478.439
Công ty CP Vận tải Dầu Khí Hà Nội	2.072.057.327	1.450.895.448
Công ty CP Vận tải Dầu Khí Đông Dương	4.840.000	31.757.000
Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt	2.994.675.078	33.116.786.493
CN Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương tại TP Hồ Chí Minh	80.267.000	71.093.000
Cộng	6.799.283.246	35.503.319.921
b Nghiệp vụ, số dư Công ty với các đơn vị của Tập Đoàn Dầu Khí:	QUÝ II/2021	QUÝ II/2020



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II/2021

Mẫu số B 09a-DN

Tiếp theo

	VND	VND
Doanh thu dịch vụ - thương mại	203.245.006.732	187.247.514.801
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí PV Oil Hải Phòng	-	-
CN.Tổng công ty Khí VN-CTCP-Công ty Kinh doanh sản phẩm khí	166.337.714.863	180.028.844.284
Tổng công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt nam	7.489.004.827	-
CN.Tổng công ty Khí VN - CTCP - Công ty Kinh doanh sản phẩm khí	29.418.287.042	7.188.078.244
Công ty CP Kinh doanh Khí Miền Nam - CN.Miền Tây	-	30.592.273
	06 THÁNG 2021	06 THÁNG 2020
Doanh thu dịch vụ - thương mại	423.410.916.978	381.407.129.005
CN.Tổng công ty Khí VN-CTCP-Công ty Kinh doanh sản phẩm khí	350.924.345.573	325.999.666.908
Công ty CP kinh doanh khí Miền Nam-CN VT-Gas	-	172.151.874
Tổng công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt nam	7.489.004.827	-
CN.Tổng công ty Khí VN - CTCP - Công ty Kinh doanh sản phẩm khí	54.629.631.305	18.210.287.481
Công ty CP Kinh doanh Khí Miền Nam - CN.Miền Tây	-	30.592.273
Công ty CP Kinh Doanh Khí Miền Nam - CN Miền Đông	-	1.016.045.582
Công ty Cổ phần Kinh Doanh Khí Miền Bắc	-	3.724.561.864
Công ty TNHH Khí hóa lỏng Việt Nam - VT Gas	10.367.935.273	32.253.823.023
	30/6/2021	31/12/2020
	VND	VND
Phải thu thương mại, dịch vụ	88.409.266.242	29.727.883.286
CN.Tổng công ty Khí VN - CTCP - Công ty Kinh doanh sản phẩm khí	26.085.866.932	14.345.048.371
CN.Tổng công ty Khí VN-CTCP-Công ty Kinh doanh sản phẩm khí	54.085.494.000	15.047.239.675
Công ty TNHH Khí hóa lỏng Việt Nam - VT Gas	-	335.595.240
Tổng công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt nam	8.237.905.310	-
	30/6/2021	31/12/2020
	VND	VND
Phải trả thương mại, dịch vụ	18.658.246.569	18.808.743.930
CN Tổng Công ty Khí VN - CTCP - Công ty Kinh doanh Sản phẩm khí	6.037.905.310	4.927.971.977
CN.Tổng công ty Khí VN - CTCP - Công ty Kinh doanh sản phẩm khí	20.825.123	-
CN.Tổng công ty Khí VN-CTCP-Công ty Kinh doanh sản phẩm khí	493.939.632	386.599.069
Công ty Bảo Hiểm PVI Phía Nam	637.989.000	-
Công ty CP Kinh doanh LPG Việt Nam - CN Miền Nam	2.044.222.774	7.802.262.540
Công ty CP Kinh doanh khí Miền Nam - CN Miền Tây	-	3.950.040.904
CN TCty Khí Việt Nam-Công ty CP-Cty Chế biến Khí Vũng tàu	17.544.450	12.520.200
Công ty TNHH Khí hóa lỏng Việt Nam - VT Gas	-	33.997.900
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí PV Oil Hải Phòng	9.376.120.280	1.621.004.840
Cty CP Sơn Dầu Khí Việt Nam	-	65.436.500
Cty TNHH kiểm định kỹ thuật an toàn dầu khí VN - PVEIC	-	8.910.000
Tổng Công ty Bảo dưỡng Sửa chữa Công trình Dầu Khí, CTCP	29.700.000	-
Thu nhập của HĐQT và Ban Giám đốc được hưởng trong kỳ	06 THÁNG 2021	06 THÁNG 2020
Mai Thế Toàn	18.000.000	18.000.000
Nguyễn Thế Anh	12.000.000	12.000.000
Vũ Thị Phương Nga	12.000.000	12.000.000
Lương, thưởng và các phúc lợi khác:	1.864.387.355	1.593.607.079
	1.906.387.355	1.635.607.079



X Báo cáo Bộ phận:

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành hai bộ phận hoạt động:

Bộ phận kinh doanh hàng hóa: Kinh doanh các mặt hàng khí hóa lỏng và xăng dầu,

Bộ phận kinh doanh dịch vụ vận tải: Kinh doanh vận tải khí hóa lỏng bằng tàu, xe và các dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải biển.

a Bảng cân đối kế toán:

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

	Cộng VND	Thương mại VND	Dịch vụ vận tải VND
Tài sản			
Tài sản bộ phận	909.638.577.307	16.981.742.865	892.656.834.442
Tổng tài sản hợp nhất	909.638.577.307	16.981.742.865	892.656.834.442
Nợ phải trả			
Nợ phải trả bộ phận	475.891.879.535	37.365.421.331	438.526.458.204
Tổng nợ phải trả hợp nhất	475.891.879.535	37.365.421.331	438.526.458.204

b Theo Kết quả kinh doanh:

b.1 Doanh thu theo bộ phận:

	QUÝ II/2021 VND	QUÝ II/2020 VND
Thương mại	136.753.884.407	103.330.132.435
Dịch vụ vận tải	288.325.085.141	267.761.248.809
+ Quốc tế	51.422.970.111	64.322.345.035
+ Nội địa	236.902.115.030	203.438.903.774
Cộng	425.078.969.548	371.091.381.244

	06 THÁNG 2021	06 THÁNG 2020
Thương mại	290.837.469.601	175.369.393.292
Dịch vụ vận tải	597.128.663.565	508.463.245.305
+ Quốc tế	157.237.183.859	129.024.455.301
+ Nội địa	439.891.479.706	379.438.790.004
Cộng	887.966.133.166	683.832.638.597

b.2 Giá vốn kinh doanh theo bộ phận:

	QUÝ II/2021	QUÝ II/2020
Thương mại	136.282.937.789	102.613.240.701
Dịch vụ vận tải	258.849.607.141	243.957.660.666
+ Quốc tế	46.165.999.066	58.604.181.498
+ Nội địa	212.683.608.075	185.353.479.168
Cộng	395.132.544.930	346.570.901.367

	06 THÁNG 2021	06 THÁNG 2020
Thương mại	289.840.619.404	174.175.928.786
Dịch vụ vận tải	541.328.860.614	456.104.510.604
+ Quốc tế	142.543.861.613	115.738.230.018
+ Nội địa	398.784.999.001	340.366.280.586
Cộng	831.169.480.018	630.280.439.390

b.3 Kết quả kinh doanh theo lĩnh vực bộ phận:

	QUÝ II/2021	QUÝ II/2020
Thương mại	470.946.618	716.891.734
Dịch vụ vận tải	29.475.478.000	23.803.588.143
+ Quốc tế	5.256.971.045	5.718.163.537
+ Nội địa	24.218.506.955	18.085.424.606
Cộng	29.946.424.618	24.520.479.877

	06 THÁNG 2021	06 THÁNG 2020
Thương mại	996.850.197	1.193.464.506



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II/2021

Mẫu số B 09a-DN

Tiếp theo

Dịch vụ vận tải	55.799.802.951	52.358.734.701
+ Quốc tế	14.693.322.246	13.286.225.283
+ Nội địa	41.106.480.705	39.072.509.418
Cộng	56.796.653.148	53.552.199.207

XI Thông tin so sánh:

Các chỉ tiêu doanh thu

	Tỷ lệ 2021/2020	QUÝ II/2021 VND	QUÝ II/2020 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	114,55%	425.078.969.548	371.091.381.244
Thương mại	132,35%	136.753.884.407	103.330.132.435
Dịch vụ vận tải	107,68%	288.325.085.141	267.761.248.809
Giá vốn hàng bán	114,01%	395.132.544.930	346.570.901.367
Thương mại	132,81%	136.282.937.789	102.613.240.701
Dịch vụ vận tải	106,10%	258.849.607.141	243.957.660.666
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	122,13%	29.946.424.618	24.520.479.877
Thương mại	65,69%	470.946.618	716.891.734
Dịch vụ vận tải	123,83%	29.475.478.000	23.803.588.143
Doanh thu hoạt động tài chính	109,12%	3.468.796.557	3.178.861.144
Chi phí tài chính	-83,58%	1.629.332.364	(1.949.397.691)
Chi phí bán hàng	124,64%	950.558.726	762.632.305
Chi phí quản lý doanh nghiệp	126,84%	11.637.532.876	9.175.077.746
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	97,40%	19.197.797.209	19.711.028.661
Lợi nhuận khác	-55,87%	404.500.912	(724.016.170)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	103,24%	19.602.298.121	18.987.012.491
Các tỷ lệ cơ bản		QUÝ II/2021	QUÝ II/2020
Giá vốn trên doanh thu			
Thương mại		99,66%	99,31%
Dịch vụ vận tải		89,78%	91,11%
Chi phí bán hàng		0,22%	0,21%
Chi phí quản lý		2,74%	2,47%
Tỷ lệ doanh thu			
Thương mại		32,17%	27,84%
Dịch vụ vận tải		67,83%	72,16%
Tỷ lệ lợi nhuận			
Thương mại		1,57%	2,92%
Dịch vụ vận tải		98,43%	97,08%

NGƯỜI LẬP BIỂU

Cao Thanh Nga

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Lê Anh Nam



Đoàn Đức Trọng



CÔNG TY CP VẬN TẢI
SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp Hồ Chí Minh.

Công ty : Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế.

Mã chứng khoán : GSP.

Địa chỉ trụ sở chính : Tầng 9, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM.

Điện thoại : 028 222 05388,

Fax: 028 222 05367.

Người CBTT : Ông Lê Anh Nam.

Địa chỉ : Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM.

Loại thông tin công bố: ☒ 24h ☐ Yêu cầu ☐ Bất thường ☐ Định kỳ.

Nội dung thông tin công bố:

Ngày 09/8/2021 Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế nhận được Hồ sơ chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng. Công ty xin Công bố thông tin:

Bản cáo bạch đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phê duyệt.

Bản cáo bạch trên cũng được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty tại đường dẫn <https://www.gasshipping.com.vn/quan-he-co-dong>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 8 năm 2021.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS (để b/c);
- Lưu: VT, TCKT.

Đính kèm:

- Bản Cáo bạch;



Lê Anh Nam

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY VÀ GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305390530 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24/12/2007, cấp thay đổi lần thứ 9 ngày 23/07/2021)

CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 424/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 05 tháng 08 năm 2021)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp từ ngày .../.../2021, tại:

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ

- Trụ sở chính : 35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại : 028 22205388. Fax: 028 22205366.
- Website : www.gasshipping.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AGRIBANK

- Trụ sở chính : Tầng 5, Tòa nhà Artex, 172 Ngọc Khánh, P. Giảng Võ, Q.Ba Đình, Tp. Hà Nội.
- Điện thoại : 024 6276 2666. Fax: 024 6276 5666.
- Website : www.agriseco.com.vn

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Lê Anh Nam.

Chức vụ: Kế toán trưởng.

Số điện thoại: 028 22205388.

Fax: 028 22205366.

King



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305390530 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24/12/2007, cấp thay đổi lần thứ 9 ngày 23/07/2021)

CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

- ♦ Tên cổ phiếu : Cổ phiếu Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế.
- ♦ Loại cổ phiếu : Cổ phiếu phổ thông.
- ♦ Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phiếu.
- ♦ Giá chào bán : 10.000 đồng/cổ phiếu.
- ♦ Tổng số lượng cổ phiếu chào bán : 20.000.000 cổ phiếu.
- ♦ Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá : 200.000.000.000 đồng.

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Văn phòng Thành phố Hồ Chí Minh:

- Địa chỉ : Tầng 18, Tòa nhà Times Square, 57-69F Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại : 028 7101 4555. Fax: 028 3910 0750.
- Website : www.deloitte.com/vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AGRIBANK

- Trụ sở chính : Tầng 5, Tòa nhà Artex, 172 Ngọc Khánh, P. Giảng Võ, Q.Ba Đình, Tp. Hà Nội.
- Điện thoại : 024 6276 2666. Fax: 024 6276 5666.
- Website : <https://agriseco.com.vn>

Ký tên

**MỤC LỤC**

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH:	5
II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO:	6
1. Rủi ro về kinh tế:	6
2. Rủi ro về luật pháp:	8
3. Rủi ro đặc thù:	9
4. Rủi ro về đợt chào bán:	10
5. Rủi ro pha loãng:	12
6. Rủi ro quản trị Công ty:	13
7. Rủi ro khác:	14
III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT:	14
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH:	16
1. Thông tin chung về Tổ chức phát hành:	16
2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ chức phát hành:	18
3. Cơ cấu tổ chức của Tổ chức phát hành:	20
4. Cơ cấu quản trị và Bộ máy quản lý của Tổ chức phát hành:	24
5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối:	26
6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ chức phát hành:	27
7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ chức phát hành tại các doanh nghiệp khác:	28
8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành:	28
9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài:	28
10. Hoạt động kinh doanh:	29
11. Chính sách đối với người lao động:	47
12. Chính sách cổ tức:	49
13. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất:	49



14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức phát hành:.....	49
15. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán:.....	49
16. Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích:.....	50
V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH:	50
1. Kết quả hoạt động kinh doanh:.....	50
2. Tình hình tài chính.....	52
3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức phát hành:	57
4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức:	57
VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG:	61
1. Thông tin về cổ đông sáng lập:.....	61
2. Thông tin về cổ đông lớn:.....	61
3. Thông tin về thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng:	64
VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN:.....	90
1. Loại cổ phiếu:	90
2. Mệnh giá:.....	90
3. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán:.....	90
4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá:.....	90
5. Giá chào bán dự kiến:	90
6. Phương pháp tính giá:.....	90
7. Phương thức phân phối:.....	91
8. Đăng ký mua cổ phiếu:	92
9. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu:.....	93



10. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu:.....	94
11. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu:.....	94
12. Hủy bỏ đợt chào bán:.....	94
13. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài:	95
14. Các loại thuế có liên quan:.....	95
15. Thông tin về các cam kết:.....	96
VIII.MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN:	97
IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN:	97
1. Dự kiến số tiền thu được từ đợt phát hành:.....	97
2. Kế hoạch sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành:	97
3. Thông tin chi tiết về các tàu dự kiến mua:	98
4. Thông tin chi tiết về tình hình mua tàu:	106
X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN:	108
XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ:	109
XII. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH, TỔ CHỨC TƯ VẤN:	110
XIII.PHỤ LỤC:	112



I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH:

1. Tổ chức phát hành:

- | | |
|------------------------|--------------------------------------|
| ✧ Ông: Mai Thế Toàn. | Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị. |
| ✧ Ông: Đoàn Đức Trọng. | Chức vụ: Giám đốc. |
| ✧ Ông: Lê Anh Nam. | Chức vụ: Kế toán trưởng. |

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản cáo bạch.

2. Tổ chức tư vấn:

Đại diện được ủy quyền:

Ông: Đinh Ngọc Phương. Chức vụ: Tổng Giám đốc.

(Theo Quyết định số 88A/QĐ-CT.HĐQT ngày 11/08/2018 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị về ủy quyền thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của người đại diện theo pháp luật).

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng do Công ty Cổ phần Chứng khoán Agribank tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng số 04/2021/AGRISECO-GSP ngày 30 tháng 03 năm 2021 với Công ty cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế cung cấp.



II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO:

Là một Công ty cổ phần hoạt động trong nền kinh tế nền hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế (Gas Shipping) chịu tác động trực tiếp từ thay đổi của nền kinh tế như tăng giảm tốc độ tăng trưởng GDP, biến động của lạm phát hay thay đổi trong chính sách tài khóa, tiền tệ và các rủi ro khác trong ngành.

Bên cạnh việc Gas Shipping đã cố gắng nỗ lực trong hoạt động sản xuất kinh doanh, thì hoạt động quản trị rủi ro cũng luôn được quan tâm, nghiên cứu và áp dụng trên toàn Công ty. Nhiệm vụ chính của quản trị rủi ro là phát hiện những yếu tố rủi ro tiềm ẩn, những yếu tố bất ngờ ảnh hưởng đến chiến lược mục tiêu mà Công ty đề ra, nhằm đưa ra giải pháp ứng phó kịp thời giúp Công ty giải quyết khó khăn. Hiện tại, các rủi ro trọng yếu đang được kiểm soát, phù hợp với mức độ chịu rủi ro của Công ty.

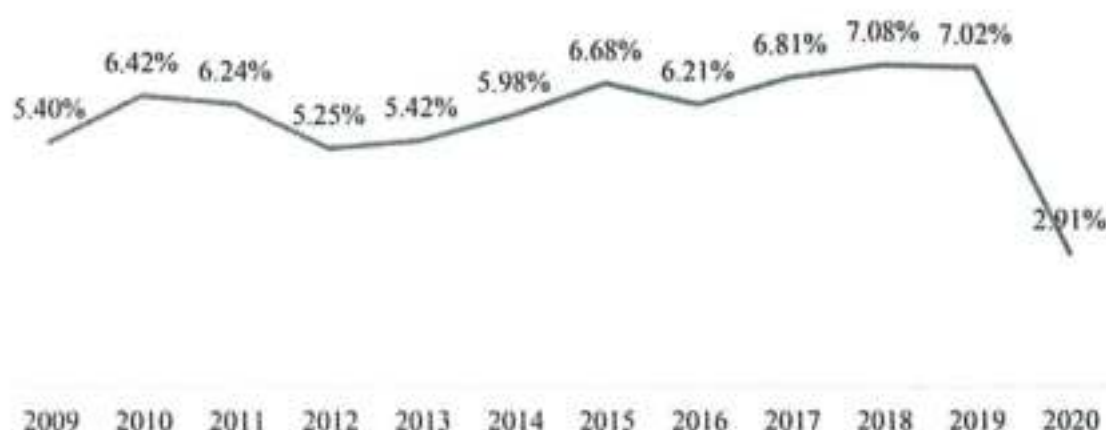
1. Rủi ro về kinh tế:

1.1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP):

Năm 2020 được xem là một năm của những khó khăn và thách thức lớn đối với kinh tế thế giới nói chung, trong đó có Việt Nam. Kinh tế thế giới được dự báo suy thoái nghiêm trọng nhất trong lịch sử, tăng trưởng của các nền kinh tế lớn đều giảm sâu do ảnh hưởng tiêu cực của dịch COVID-19. Tuy nhiên, kinh tế Việt Nam vẫn duy trì tăng trưởng với tốc độ tăng GDP ước tính đạt 2,91%.

Trong mức tăng GDP chung toàn nền kinh tế năm 2020, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,68%, đóng góp 13,5%; Khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 3,98%, đóng góp 53%; Khu vực dịch vụ tăng 2,34%, đóng góp 33,5% vào tốc độ tăng GDP của cả nước.

Biểu đồ 1: Tốc độ tăng trưởng GDP qua các năm (%)



Nguồn: Tổng hợp từ Tổng cục thống kê

Năm 2021, mặc dù dịch bệnh COVID-19 trên thế giới tiếp tục diễn biến khó lường, nhưng



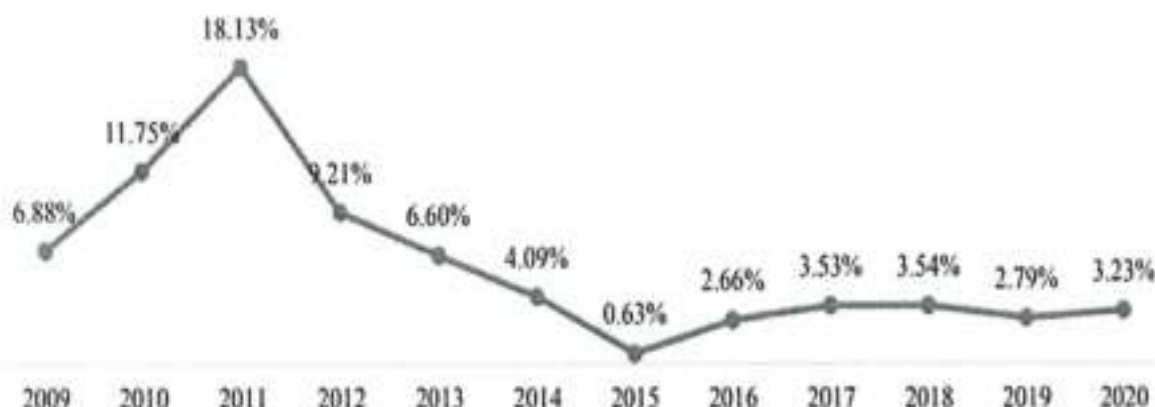
những dấu hiệu tích cực đang dần sáng rõ. Nền kinh tế thế giới sẽ ấm dần lên, kéo theo đó hoạt động đầu tư, thương mại của nền kinh tế nước ta. Theo dự báo của Viện kinh tế Việt Nam, tăng trưởng GDP năm 2021 của Việt Nam dự báo đạt 5,49% (kịch bản cơ sở), 6,9% (kịch bản cao) và 3,48% (kịch bản thấp). Khả năng đạt được mỗi kịch bản trong thực tế phụ thuộc vào tình hình kinh tế thế giới và sự tăng cường năng lực hấp thụ vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI).

1.2. Lạm phát:

Theo số liệu từ Tổng cục Thống kê, bình quân năm 2020, CPI tăng 3,23% so với năm 2019; trong đó: CPI khu vực thành thị tăng 2,91%, khu vực nông thôn tăng 3,53% so với năm 2019. Lạm phát cơ bản năm 2020 tăng 2,31% so với năm 2019. Năm 2020 được coi là thành công trong việc kiểm soát lạm phát.

Điều này phản ánh biến động giá chủ yếu do giá lương thực, thực phẩm, giá xăng dầu và giá dịch vụ giáo dục tăng. Lạm phát cơ bản so cùng kỳ giảm dần từ mức 3,25% trong tháng 1/2020 về mức 0,99% trong tháng 12/2020. Điều này phản ánh kết quả của điều hành chính sách tiền tệ trong năm 2020.

Biểu đồ 2: Lạm phát ở Việt Nam qua các năm (%)



Nguồn: Tổng hợp từ Tổng cục thống kê

Mục tiêu tốc độ tăng giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm 2021 đặt mục tiêu dưới 4%. Dù mục tiêu kiểm soát lạm phát thực hiện trong năm 2020 đã thành công ở mức 3,23%, song việc kiểm soát lạm phát năm 2021 vẫn đang hiện hữu nhiều thách thức do Chính phủ thực hiện các chính sách tài khoản và tiền tệ để hỗ trợ doanh nghiệp giảm tác động của COVID-19.

Đối với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực vận tải sản phẩm khí, trong trường hợp lạm phát tăng cao sẽ ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Gas Shipping thông qua sự gia tăng của các chi phí đầu vào, đặc biệt là chi phí nguyên vật liệu, nhân công, lãi vay...

Tỷ lệ lạm phát nếu được duy trì ổn định ở mức thấp sẽ tác động tích cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp cũng như của Gas Shipping, giúp Gas Shipping kiểm



soát được giá cả chi phí các yếu tố đầu vào, nâng cao được hiệu quả hoạt động kinh doanh.

1.3. Lãi suất:

Năm 2020, kinh tế thế giới diễn biến phức tạp, căng thẳng thương mại giữa các nền kinh tế lớn gia tăng, cộng hưởng với đại dịch COVID-19 tác động tiêu cực đến nền kinh tế toàn cầu. Năm 2020, NHNN đã điều chỉnh giảm 1,5-2,0%/năm lãi suất điều hành, sẵn sàng hỗ trợ thanh khoản, tạo điều kiện cho TCTD tiếp cận nguồn vốn chi phí thấp từ NHNN; Giảm 0,6-1,0%/năm trần lãi suất tiền gửi VND các kỳ hạn dưới 6 tháng, giảm 1,5%/năm trần lãi suất cho vay ngắn hạn VND đối với các lĩnh vực ưu tiên để hỗ trợ giảm chi phí vay vốn của doanh nghiệp, người dân.

Mục tiêu của ngành Ngân hàng trong năm 2021 là điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, thận trọng, phối hợp hài hòa với chính sách tài khóa và các chính sách kinh tế vĩ mô khác nhằm kiểm chế lạm phát bình quân; Duy trì ổn định kinh tế vĩ mô, hỗ trợ tăng trưởng kinh tế, ổn định thị trường tiền tệ và ngoại hối.

Mức lãi suất ở mức phù hợp với khả năng chi trả của doanh nghiệp sẽ cải thiện tính thanh khoản cũng như tăng khả năng tiếp cận tín dụng của các doanh nghiệp cũng như của Gas Shipping. Gas Shipping có lợi thế là Công ty niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh (HSX) có tính minh bạch cao, có năng lực tài chính tốt, hệ số tín nhiệm tại các ngân hàng cao. Do đó, Gas Shipping nhận được nhiều sự quan tâm và những chính sách hỗ trợ, hợp tác của các tổ chức tín dụng giúp cho các hoạt động của Gas Shipping được diễn ra thông suốt và tạo nên những giá trị lớn về kinh tế, xã hội.

1.4. Tỷ giá:

Năm 2020 tỷ giá USD/VND gần như duy trì ổn định và được dự báo sẽ duy trì ổn định đến cuối năm 2021 nhờ chính sách lãi suất thấp của FED, chính sách điều hành tỷ giá linh hoạt của NHNN, bên cạnh đó nhờ vào nguồn cung USD dồi dào và xu hướng giảm giá trên thị trường quốc tế. Trong năm 2021 Gas Shipping sẽ có các hoạt động đầu tư thêm tàu nên biến động tỷ giá sẽ có tác động đến Gas Shipping do các hợp đồng mua tàu được trả bằng đồng USD. Vì vậy, sẽ tác động đến chi phí tài chính và hiệu quả hoạt động của Gas Shipping trong năm. Để hạn chế và khắc phục rủi ro đến từ tỷ giá, Gas Shipping bố trí nguồn lực theo dõi sát sao các biến động giá trên thị trường, tăng cường vận tải quốc tế để tăng nguồn thu ngoại tệ, lập kế hoạch đầu tư cũng như thanh toán các khoản vay có gốc ngoại tệ.

2. Rủi ro về luật pháp:

Gas Shipping là công ty đại chúng và được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh (HSX), do đó Công ty chịu tác động của hệ thống văn bản pháp luật bao gồm: Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế hay một số quy định về bảo vệ môi trường và an toàn lao động... Đặc biệt, Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 có hiệu lực thi hành từ 01/01/2021. Để thích nghi với những thay đổi trong hệ



thống pháp luật Việt Nam năm 2021, Gas Shipping đã bố trí nhân sự chủ động cập nhật các văn bản pháp luật mới được ban hành nhằm hạn chế rủi ro xuống mức thấp nhất và đảm bảo tính ổn định khi vận hành doanh nghiệp. Ban lãnh đạo Gas Shipping luôn coi việc tuân thủ pháp luật và điều kiện tiên quyết trong công tác quản trị và là một trong những mục tiêu trọng yếu trong việc phát triển Gas Shipping.

3. Rủi ro đặc thù:

3.1. Rủi ro giá nhiên liệu và giá dầu:

Gas Shipping là công ty chuyên kinh doanh về vận tải, do đó việc biến động giá dầu sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến ngành vận tải nói chung và Gas Shipping nói riêng. Những rủi ro này sẽ được Gas Shipping giảm thiểu đến mức thấp nhất từ việc theo dõi tình hình kinh tế thế giới để có những dự báo về xu hướng giá dầu trong thời gian sắp tới từ đó đề ra chiến lược ứng phó kịp thời. Với tình hình giá dầu biến động như hiện nay, nếu giá dầu giảm sẽ gây tác động hai chiều đến tình hình kinh doanh của Gas Shipping như sau: giúp Gas Shipping tiết kiệm chi phí nhiên liệu vận hành tàu, nhưng giá dầu giảm sẽ làm giảm doanh thu/lợi nhuận của các khách hàng lớn của Gas Shipping trong lĩnh vực dầu khí. Do đó, việc đưa ra các kịch bản để phân tích độ nhạy và theo dõi tình hình diễn biến giá dầu là điều rất cần thiết trong tình hình hiện nay.

Gas Shipping là công ty chuyên về vận tải sản phẩm khí, do đó tình hình kinh doanh của Công ty bị ảnh hưởng trực tiếp bởi hoạt động sản xuất kinh doanh của ngành dầu khí và giá dầu thế giới. Với đặc thù ngành, sự biến động của giá dầu thế giới sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Gas Shipping. Năm 2020, sự ảnh hưởng của dịch COVID-19 đã tác động mạnh đến giá dầu thế giới, giá dầu đã mất đi 20% giá trị do các đợt phong tỏa để chống dịch của các nước đã làm suy giảm hoạt động thương mại và nhu cầu năng lượng. Sau cuộc chiến giá dầu giữa Saudi Arabia và Nga, các nhà sản xuất đã cắt giảm sản lượng để phù hợp với tình hình nhu cầu yếu đi. Năm 2020, được chú ý với những diễn biến bất thường, giá dầu bắt đầu với một mức giảm sâu đột ngột rồi đến một đợt phục hồi nhanh chóng. Cuối năm 2020, khi tin tức vaccine ngừa COVID-19 xuất hiện, giá dầu kỳ hạn lại được hồi phục lên mức cao nhất trong khoảng 10 tháng. Tuy nhiên việc xuất hiện biến thể mới của Virus Sars-Cov-2 khiến cho thị trường lo ngại các nước phải đóng cửa thêm lần nữa để chống dịch. Do đó, triển vọng về nhu cầu nhiên liệu vẫn còn chưa được rõ ràng trong thời gian tới.

Nguồn khí tại Việt Nam hiện nay được khai thác triệt để và phân phối rộng khắp các ngành. Chủ yếu khoảng 80% sản lượng khí khô được cung ứng đến các nhà máy điện khí ở Việt Nam, cung cấp khí để sản xuất 35% sản lượng điện trong nước, các nhà máy đạm tiêu thụ 11% tổng sản lượng khí khô, đáp ứng khoảng 70% nhu cầu sản xuất, 9% sản lượng khí khô còn lại phân phối cho các khách hàng công nghiệp. Tình hình trong nước hiện nay nguồn khí cần cho việc sản xuất điện đang có nhu cầu tăng cao do khai thác thủy điện ngày càng suy giảm, nhiệt điện ngày càng được chú trọng hơn. Với tình hình kinh tế khó khăn kéo theo đó là tiêu





dùng giảm mạnh, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 của Gas Shipping sẽ khó tránh khỏi gặp những rủi ro, thách thức mới. Trước những diễn biến khó lường của nền kinh tế hiện nay, Công ty cố gắng nỗ lực trong việc đưa ra nhiều kịch bản kinh tế và giá dầu để hạn chế tối đa rủi ro có thể rủi ro.

3.2. Rủi ro cạnh tranh trong ngành:

Là một công ty hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ, Công ty phải đối mặt với sự cạnh tranh gay gắt từ các doanh nghiệp cùng ngành trong nước cũng như các công ty nước ngoài có quy mô lớn. Bên cạnh đó, vốn chủ sở hữu của công ty nhỏ cũng là một hạn chế lớn cho Công ty trong việc cạnh tranh cung cấp dịch vụ. Áp lực cạnh tranh đòi hỏi Công ty phải có chính sách đầu tư phù hợp, đẩy mạnh đầu tư trẻ hóa đội tàu, con người để nâng cao chất lượng dịch vụ cung cấp, đồng thời có chiến lược hợp lý để tăng quy mô vốn hoạt động nhằm tăng khả năng tài chính, nâng cao hiệu quả cạnh tranh, hiệu quả hoạt động kinh doanh.

Tuy nhiên, với vị thế là một Công ty thành viên của Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (PV Trans), đã có nhiều năm hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ vận tải dầu sản phẩm/hóa chất bằng đường biển, chất lượng dịch vụ, con người luôn được gia tăng, Công ty đã xây dựng và duy trì cho mình một hệ thống khách hàng truyền thống bền vững, uy tín, đảm bảo cho Công ty có được hệ thống phân phối tốt, doanh thu ổn định.

Gas Shipping nỗ lực thực hiện tốt vai trò đầu mối vận tải LPG cho PVGas và phối hợp với NVTrans vận chuyển an toàn, kịp thời 100% khối lượng LPG cho Công ty Lọc hoá dầu Bình Sơn. Công tác khai thác của đội tàu không ngừng được cải thiện và nâng cao. Công ty tích cực chú trọng việc quản lý, vận hành an toàn, hạn chế xảy ra các sự cố gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh.

4. Rủi ro về đợt chào bán:

4.1. Rủi ro của đợt chào bán:

Đợt chào bán này không được bảo lãnh phát hành của đơn vị tư vấn nên có thể xảy ra rủi ro cổ phiếu chào bán không được mua hết. Trong trường hợp kết thúc thời gian chào bán theo quy định, Gas Shipping không chào bán hết số cổ phiếu như đăng ký, số tiền thu được từ đợt phát hành không đủ theo đúng dự kiến, để thực hiện phương án mua tàu đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua, tùy tình hình thực tế, ĐHĐCĐ đã ủy quyền cho HĐQT thực hiện các giải pháp như sau:

- Xin gia hạn đợt chào bán để tiếp tục chào bán nốt số cổ phiếu còn lại.
- Tiến hành bổ sung nguồn vốn còn thiếu thông qua vay ngân hàng và/hoặc phát hành trái phiếu doanh nghiệp.

Tuy nhiên, với những lợi thế là Công ty đã niêm yết, có tỷ suất lợi nhuận cao, tỷ lệ chia cổ tức tốt trong suốt thời gian vừa qua, bên cạnh đó với sự hỗ trợ của Công ty mẹ PV Trans



(chiếm tỷ lệ gần 68% vốn của Gas Shipping) và qua trao đổi nhận thấy PV Trans có dự kiến mua số cổ phần được phát hành thêm, điều này giúp giảm thiểu rủi ro không thành công của đợt chào bán.

4.2. Rủi ro của việc sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán:

Đối với thị trường vận tải dầu/hóa chất sau thời gian đạt cực thịnh vào các năm 2006 - 2007, giá cước/giá thuê tàu trời sập dưới đáy các năm sau đó, đến nay thị trường vận tải hàng lỏng nói riêng đã có dấu hiệu dần cải thiện, hồi phục. Một trong những nhân tố tác động tích cực lên thị trường vận tải biển đó là “cung - cầu” số lượng tàu dần lấy lại tình trạng cân bằng. Số lượng lớn các tàu cũ dần không còn phù hợp dẫn tới bị thị trường đào thải và phải phá dỡ. Các đơn đóng mới xuất hiện không nhiều nên đã giảm đáng kể tình trạng dư thừa “cung” tàu, số lượng tàu đóng mới đưa vào khai thác trong năm 2020 chỉ là 34 tàu thay vì từ 58 - 107 tàu/năm trong giai đoạn 2017 - 2019. Bên cạnh đó, theo dự báo của Clarksons thì nhu cầu vận chuyển các sản phẩm hóa chất bằng đường biển năm 2021 là 325 triệu tấn, tăng 13 triệu tấn, tương đương tăng 4% so với năm 2020. Ngoài ra, khối lượng hàng hóa luân chuyển bằng đường biển (Tonne miles) đối với tàu hóa chất trong năm 2021 cũng được dự báo là 1.343 tỷ tấn hải lý, tăng 4,2% so với năm 2020, việc này cũng dẫn đến phát sinh nhu cầu sử dụng đối với loại tàu này trên thị trường. Các tuyến hàng xung quanh khu vực Trung Đông, Đông Nam Á, Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản cũng đã dần nhộn nhịp trở lại và tập trung nhiều vào các tàu dầu/hóa chất (oil/chemical tanker), phổ biến là các tàu có trọng tải khoảng 20.000 DWT.

Nhu cầu về vận tải dầu/hóa chất trong nước và quốc tế trong thời gian gần đây có sự tăng trưởng tích cực, Việc đầu tư tàu sẽ góp phần nâng cao thị phần dịch vụ dầu khí của Gas Shipping tại thị trường trong nước và quốc tế cùng với nguồn vốn đối ứng hiện có, Gas Shipping nhận thấy việc đầu tư tàu chở dầu/hóa chất với trọng tải đến khoảng 20.000 DWT là thật sự cần thiết, phù hợp với khả năng tài chính của đơn vị và tình hình thực tế của thị trường khai thác, nhằm giúp Gas Shipping đa dạng và trẻ hóa đội tàu, duy trì sự ổn định và phát triển hoạt động SXKD. Loại tàu dầu/hóa chất (oil/chemical tanker) trọng tải đến khoảng 20.000 DWT vừa phù hợp với chiến lược phát triển của PV Trans vừa phù hợp với nhu cầu vận chuyển cho các nhà máy lọc hóa dầu của PVN trong thời gian tới. Bên cạnh đó, size tàu dầu/hóa chất đến khoảng 20.000 DWT đang dần khẳng định vị thế do thuận lợi trong khai thác Quốc tế bởi tính linh hoạt trong size hàng, lịch trình.

Việc tăng vốn để phục vụ vốn cho hoạt động SXKD và đầu tư mua sắm tài sản cũng góp phần gia tăng hiệu quả cho Gas Shipping trong những năm tiếp theo, đem lại sự phát triển bền vững cho Công ty và lợi ích ổn định cho các cổ đông. Với nguồn vốn có được từ việc tăng vốn, dự kiến trong 05 năm quy mô doanh thu của Gas Shipping tăng bình quân 8%/năm, lợi nhuận tăng 15%, duy trì cổ tức trên 13%/VĐL mỗi năm.

Với tất cả các yếu tố trên, rủi ro của việc sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán là không



đáng kể.

5. Rủi ro pha loãng:

5.1. Rủi ro pha loãng Thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phần (EPS):

Dự kiến mức độ pha loãng EPS sau phát hành cho cổ đông hiện hữu của Gas Shipping năm 2021 như sau:

Stt	Nội dung	ĐVT	Giá trị
1	Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2021 (dự kiến).	Đồng	52.000.000.000
2	Số lượng cổ phiếu lưu hành vào thời điểm phát hành.	cổ phần	36.000.000
3	Số lượng cổ phiếu lưu hành sau khi phát hành.	cổ phần	56.000.000
4	Thu nhập trên mỗi cổ phiếu năm 2021 (dự kiến) khi chưa phát hành.	Đồng	1.444
5	Thu nhập trên mỗi cổ phiếu năm 2021 (dự kiến) khi hoàn thành đợt phát hành.	Đồng	929

Việc tăng số lượng cổ phiếu từ việc phát hành thêm đã làm cho EPS dự kiến năm 2021 giảm từ 1.444 đồng/cổ phiếu xuống 929 đồng/cổ phiếu, tương ứng mức giảm 35,7%. Tuy nhiên, việc EPS dự kiến năm 2021 điều chỉnh giảm chỉ là nhất thời, với nguồn vốn thu được từ đợt phát hành thì hoạt động kinh doanh của Gas Shipping trong thời gian tới sẽ đạt được những hiệu quả nhất định và sẽ tạo được sự tăng trưởng dài hạn EPS trong những năm tiếp theo. Bên cạnh đó, các tàu đầu tư mới sẽ đưa vào hoạt động dự kiến vào Quý IV/2021 nên hiệu quả đóng góp của các tàu này vào kết quả SXKD năm 2021 chưa thể rõ nét, số liệu SXKD từ năm 2022 sẽ có mức tăng rõ rệt.

5.2. Đánh giá mức độ pha loãng giá cổ phiếu:

Tại thời điểm chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, giá thị trường của cổ phiếu GSP sẽ được điều chỉnh theo công thức như sau:

$$\text{Trong đó: } P_{TC} = \frac{PR_{t-1} + (I \times PR)}{1 + I}$$

PTC : Giá Cổ phiếu trong ngày thực hiện quyền mua cổ phiếu.

I : tỷ lệ vốn tăng (%).

PR_{t-1} : Giá trị giao dịch mỗi cổ phiếu trước ngày thực hiện quyền mua cổ phiếu.



PR : là giá trung bình cổ phiếu phát hành mới.

Công ty thực hiện phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua tổng số lượng: 20.000.000 cổ phiếu. Phần vốn điều lệ tăng thêm tương ứng với tỷ lệ 55,6% vốn điều lệ trước khi thực hiện đợt phát hành. Vì vậy, với phương án phát hành thêm cổ phiếu ra công chúng như trên sẽ dẫn tới việc pha loãng cổ phiếu và ảnh hưởng đến tỷ lệ sở hữu hay quyền bỏ phiếu của các cổ đông hiện hữu giảm xuống nếu cổ đông hiện hữu không thực hiện quyền mua.

Cụ thể, giá định giá đóng cửa cổ phiếu GSP của Gas Shipping vào ngày liền trước ngày giao dịch không hưởng quyền là: 13.000 VND/cổ phiếu. Giá điều chỉnh kỹ thuật vào ngày giao dịch không hưởng quyền được tính như sau:

$$P_{TC} = \frac{13.000 + (55,6\% \times 10.000)}{1 + 55,6\%} = 11.928 \text{ đồng/cổ phiếu}$$

Như vậy, giá cổ phiếu sau khi phát hành được điều chỉnh và làm tròn là: 11.900 đồng/cổ phiếu, giảm 1.100 đồng/cổ phiếu so với giá của cổ phiếu trước ngày phát hành.

Trong trường hợp giá chào bán cho cổ đông hiện hữu cao hơn giá tham chiếu của cổ phiếu GSP ngay trước ngày giao dịch không hưởng quyền (giá chào bán cho cổ đông hiện hữu là 10.000 VND/cổ phiếu, giá định giá tham chiếu là: 8.000 VND/cổ phiếu) thì không thực hiện điều chỉnh kỹ thuật thị giá cổ phiếu theo quy định tại quy chế giao dịch của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

5.3. Tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết:

Do việc phát hành được thực hiện theo phương thức thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu nên sẽ không làm giảm tỷ lệ nắm giữ, quyền biểu quyết của các cổ đông nếu các cổ đông thực hiện quyền đầy đủ. Trong trường hợp cổ đông từ bỏ hoặc chuyển nhượng quyền có thể làm giảm tỷ lệ sở hữu, giảm tỷ lệ biểu quyết tương ứng.

6. Rủi ro quản trị Công ty:

Đối với bất kỳ công ty nào thì việc lựa chọn cơ cấu quản trị, cơ cấu tổ chức quản trị rủi ro phù hợp là nền tảng quan trọng trong chiến lược quản trị rủi ro của doanh nghiệp.

Rủi ro xuất phát từ quản trị công ty yếu kém là rủi ro tiềm ẩn, nhưng có thể ảnh hưởng lớn đến sự phát triển lâu dài và bền vững của một doanh nghiệp, gây thiệt hại cho cổ đông và các nhà đầu tư khác.

Đối với Gas Shipping, dự kiến sau khi phát hành quy mô vốn chủ sở hữu của Công ty tăng 55,6%. Việc quy mô có thể kéo theo những khó khăn, rủi ro về mặt quản trị Công ty cũng như quản lý, sử dụng nguồn vốn, nhân lực sao cho hiệu quả nhất.

Để khắc phục rủi ro về quản trị như trên, Gas Shipping luôn hoàn thiện các quy chế hoạt



động, năng lực quản lý, trình độ chuyên môn của Hội đồng Quản trị, Ban điều hành nâng cao hiệu quả công tác quản lý, điều hành, giám sát trong hoạt động kinh doanh. Thực hiện đúng chủ trương, kế hoạch hoạt động kinh doanh đã trình và được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Bên cạnh đó, Công ty không ngừng hoàn thiện website, thực hiện công bố, cập nhật thông tin thường xuyên tới cổ đông, thực hiện tốt công tác quan hệ Cổ đông, làm cầu nối giữa cổ đông và Công ty.

7. Rủi ro khác:

Bên cạnh những nhân tố rủi ro trên thì rủi ro về môi trường cũng là yếu tố mà mỗi doanh nghiệp cần quan tâm. Ý thức được tầm quan trọng của vấn đề này Gas Shipping luôn có những kế hoạch cụ thể để giảm sự ảnh hưởng đến môi trường. Ngoài ra, còn một số nhân tố rủi ro mang tính chất bất khả kháng như: thiên tai, chiến tranh hay dịch bệnh hiểm nghèo trên quy mô lớn, cháy nổ... Những rủi ro này hiếm khi xảy ra nhưng nếu xảy ra sẽ để lại những hậu quả thực sự nghiêm trọng, tác động trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh và phát triển của Gas Shipping. Vì vậy, Gas Shipping thường xuyên đánh giá nắm bắt kịp thời thông tin và đảm bảo thực hiện tốt công tác phòng cháy chữa cháy... đồng thời lên kế hoạch điều hành công việc một cách tối ưu, thường xuyên tham gia mua bảo hiểm cho hàng hóa và tài sản của Gas Shipping.

III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT:

Trong Bản cáo bạch này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

Cổ đông	: Tổ chức hoặc cá nhân sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế.
Điều lệ	: Điều lệ của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế thông qua.
Vốn điều lệ	: Là số vốn do tất cả các cổ đông góp và được ghi vào Điều lệ của Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế.
Cổ phần	: Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau.
Cổ phiếu	: Chứng chỉ do Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế phát hành xác nhận quyền sở hữu của một hoặc một số cổ phần của Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế.
Người có liên quan	: Được hiểu như tại Quy định của Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019, Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020.

Ngoài ra, những thuật ngữ khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019, Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, và các văn bản pháp luật khác có liên quan.



Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản cáo bạch này có nội dung như sau:

Gas Shipping/Công ty	: Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế.
BKS	: Ban Kiểm soát.
ĐHĐCĐ	: Đại hội đồng Cổ đông.
HDQT	: Hội đồng Quản trị.
CTCP	: Công ty Cổ phần.
VSD	: Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.
ĐVT	: Đơn vị tính.
HDKD	: Hoạt động kinh doanh.
SXKD	: Sản xuất kinh doanh.
KHKD	: Kế hoạch kinh doanh.
LNTT	: Lợi nhuận trước thuế.
AGRISECO	: Công ty Cổ phần Chứng khoán Agribank.
BCTC	: Báo cáo tài chính.
UBCKNN	: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
VNĐ	: Đơn vị tiền tệ của Việt Nam.
CBCNV	: Cán bộ công nhân viên.
CMND	: Chứng minh nhân dân.
CP	: Cổ phần.
BDS	: Bất động sản.
TSCĐ	: Tài sản cố định.
GDP	: Tổng sản phẩm quốc nội.
CNTT	: Công nghệ thông tin.
PR	: Quan hệ công chúng.
GD	: Giám đốc.
CNĐKDN	: Chứng nhận đăng ký \doanh nghiệp.
Tp.	: Thành phố.
QLDN	: Quản lý doanh nghiệp.

**IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH:****1. Thông tin chung về Tổ chức phát hành:****1.1. Giới thiệu chung về Tổ chức phát hành:**

Tên đầy đủ : Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế.
 Tên giao dịch quốc tế : INTERNATIONAL GAS PRODUCT SHIPPING JOIN STOCK COMPANY.
 Tên viết tắt : GAS SHIPPING JSC.
 Trụ sở chính : 35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
 Điện thoại : 028 22205388. Fax: 028 22205366.
 Website : www.gasshipping.com.vn
 Logo :



Vốn điều lệ đăng ký : 360.000.000.000 đồng (Ba trăm sáu mươi tỷ đồng).
 Giấy CNĐKDN : Số 0305390530 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24/12/2007, cấp thay đổi lần thứ 9 ngày 23/07/2021.
 Mã số thuế : 0305390530.
 Người đại diện theo pháp luật : Ông Đoàn Đức Trọng, Chức danh: Giám đốc.
 Mã cổ phiếu : GSP.
 Sàn niêm yết : HSX.

1.2. Ngành nghề kinh doanh:

Mã ngành	Tên ngành, nghề kinh doanh
3520	Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống. (Không hoạt động tại Thành phố Hồ Chí Minh).
4610	Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG), khí thiên nhiên (CNG), khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG), xăng, dầu lửa, dầu DO, dầu FO và các sản phẩm liên quan (không hoạt động tại trụ sở).
7730	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Chi tiết: - Cho thuê tàu, phương tiện nổi, giàn khoan; - Cho thuê máy móc, thiết bị

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ

16

Điện thoại: 028 22205388 Fax: 028 22205366 Website: www.gasshipping.com.vn



Mã ngành	Tên ngành, nghề kinh doanh
	công nghiệp; - Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính).
4661	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Bán buôn khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG), khí thiên nhiên (CNG), khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG), xăng, dầu lửa, dầu DO, dầu FO và các sản phẩm liên quan (không hoạt động tại trụ sở).
5229 (Chính)	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Dịch vụ: đại lý tàu biển, môi giới hàng hải, cung ứng tàu biển, cho thuê tàu biển. Kinh doanh vận tải biển.
8532	Giáo dục nghề nghiệp. Chi tiết: Đào tạo nghề.
4669	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: - Bán buôn phân bón, hóa chất sử dụng trong công nghiệp, nông nghiệp (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật) (không tồn trữ hóa chất tại trụ sở); - Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh, cao su, hạt nhựa, tơ, xơ, sợi dệt; Bán buôn nguyên phụ liệu may, hàng may mặc (không tồn trữ tại trụ sở); - Bán buôn nhựa đường và các sản phẩm dầu khí (không tồn trữ tại trụ sở); - Bán buôn dung môi (không tồn trữ tại trụ sở); - Bán buôn hóa chất công nghiệp (không tồn trữ tại trụ sở); - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại (không tồn trữ tại trụ sở); - Bán buôn thiết bị, vật tư, phụ tùng, hóa chất ngành dầu khí, ngành xây dựng, ngành giao thông vận tải, nông lâm ngư nghiệp, hóa chất phục vụ khai thác và chế biến sản phẩm dầu khí (không tồn trữ tại trụ sở); - Bán buôn trang thiết bị phòng cháy chữa cháy, trang thiết bị bảo vệ môi trường, trang thiết bị y tế, trang thiết bị trường học (không tồn trữ tại trụ sở); - Bán buôn tinh dầu, hương liệu và nguyên liệu sản xuất hóa mỹ phẩm (không tồn trữ tại trụ sở); - Bán buôn phương tiện vận tải; - Bán buôn chuyên doanh khác còn chưa được phân vào đâu. (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh kể từ khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật và phải bảo đảm đáp ứng các điều kiện đó trong suốt quá trình hoạt động).
4933	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển).
5222	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy. Chi tiết: Kiểm đếm hàng hóa, vệ sinh tàu biển, sửa chữa tàu biển tại cảng, giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu.
5022	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa. Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng bằng đường thủy nội địa.



2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ chức phát hành:

2.1. Quá trình hình thành và phát triển:

– **Năm 2007:** Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế (Gas Shipping) được thành lập từ việc góp vốn của 03 cổ đông lớn là: Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (PV Trans), Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí (PTSC) và Tổng Công ty Khí Việt Nam (PV Gas). Việc thành lập Gas Shipping nhằm tập trung phát triển và chuyên nghiệp hóa các loại hình cung cấp dịch vụ vận tải khí hóa lỏng trong và ngoài nước. Công ty chính thức đi vào hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103008857 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24/12/2007 với vốn điều lệ là 300.000.000.000 đồng.

– **Năm 2010:** Công ty đã đầu tư thêm 01 tàu chở LPG (tàu Sài Gòn Gas), trọng tải 2.999 DWT, nâng tổng số tàu thuộc sở hữu của Công ty lên 04 chiếc với nhiều chủng loại khác nhau. Tháng 12/2010, Công ty đã đầu tư cổ phần và chính thức có một đơn vị thành viên (Công ty con) là Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt, nâng tổng số tàu thuộc Đội tàu mà Gas Shipping có quyền chi phối quản lý là 06 chiếc và trở thành Đội tàu mạnh nhất Việt Nam, chiếm 70% thị phần cung cấp dịch vụ vận tải khí hoá lỏng (LPG) trong nước.

– **Năm 2012:** Cổ phiếu của Gas Shipping đã chính thức được niêm yết trên Sàn Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán là GSP. Tổng khối lượng cổ phiếu niêm yết là 30.000.000 cổ phiếu.

– **Năm 2013:** Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt – Công ty con của Gas Shipping đã thực hiện đầu tư thêm một tàu chở LPG (Tàu Oceanus 09), trọng tải 5.054 DWT, nâng tổng số tàu thuộc Đội tàu mà Gas Shipping có quyền chi phối quản lý là 07 chiếc và hiện là đội tàu chở LPG mạnh nhất Việt Nam.

– **Năm 2016:** Thực hiện theo đề án tái cấu trúc Tập đoàn Dầu khí đã được Thủ tướng chính phủ phê duyệt và Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2016 của Công ty, Gas Shipping đã chuyển nhượng toàn bộ 51% vốn điều lệ nắm giữ tại Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt cho Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (PVTrans). Gas Shipping chính thức không còn Công ty con nhưng vẫn là đơn vị đầu mối để phối kết hợp với Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt trong việc thực hiện các hợp đồng vận chuyển LPG cho ngành Dầu khí của Tổng Công ty PVTrans.

– **Năm 2017:** Thông qua hợp đồng Time Chart của tàu Sài Gòn Gas, chính thức khai thác ổn định tuyến quốc tế vào tháng 01/2017 với Công ty Marubeni, tạo tiền đề cho cơ hội đầu tư phát triển đội tàu Gas Shipping ngày càng lớn mạnh trong tương lai. Đây cũng là năm đầu tiên Gas Shipping đảm nhận vận chuyển nội thủy cho nhà máy GPP Cà Mau.

– **Năm 2018:** Đầu tư thêm 01 tàu vận tải khí hóa lỏng Thăng Long Gas, có tải trọng 4.002 DWT, nâng tổng số tàu của Đội tàu Gas Shipping lên 5 chiếc.

– **Năm 2019:** Đầu tư thêm 01 tàu vận tải khí hóa lỏng Đà Nẵng Gas, có trọng tải 4.771 DWT, đây là tàu LPG có trọng tải lớn nhất của Gas Shipping đến thời điểm hiện nay, nâng tổng số tàu của Đội tàu Gas Shipping lên 6 chiếc và có tổng trọng tải là 18.000 DWT. Cũng trong năm 2019, Công ty đã nâng vốn điều lệ từ 300 tỷ đồng lên 360 tỷ đồng theo hình thức phát hành cổ phiếu trả cổ tức.

– **Năm 2020:** Công ty tiếp tục được Tổ chức uy tín Vietnam Report đánh giá và xếp hạng 4 trong “Top 10 Công ty uy tín Ngành Logistics năm 2020”, đồng thời ghi danh trong Top 500



doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (VNR500).

Giải thưởng đã đạt được:

Trong quá trình hình thành và phát triển, Công ty nhận được sự tín nhiệm và tin tưởng của người tiêu dùng và được công nhận chất lượng bởi các tổ chức quốc tế hàng đầu cụ thể:

- GCN Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015 do DNV cấp.
- GCN Hệ thống quản lý an toàn ISM Code do Cơ quan đăng kiểm Việt Nam (VNQC) cấp.
- GCN phù hợp Công ước lao động hàng hải MLC 2006 do Cơ quan đăng kiểm Việt Nam (VNQC) cấp.



**GCN Hệ thống quản lý
chất lượng ISO 9001:2015**



**GCN Hệ thống quản lý an
toàn ISM Code (DOC)**



**GCN Lao động hàng hải
MLC 2006**

2.2. Tầm nhìn, sứ mệnh và Giá trị cốt lõi:

♦ Tầm nhìn

Trở thành Công ty hàng đầu về vận tải sản phẩm khí và hóa chất trong nước, có uy tín cao trong khu vực và thế giới.

♦ Sứ mệnh

- Đáp ứng nhu cầu dịch vụ vận tải các sản phẩm khí và hóa chất trong nước và mở rộng ra thị trường quốc tế.
- Tham gia góp phần đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia.

♦ Giá trị cốt lõi

- Hướng đến khách hàng: Dịch vụ vận tải chỉ có giá trị khi mang lại lợi ích cho khách hàng.
- Hướng đến cổ đông: Luôn công tâm, minh bạch và tôn trọng lợi ích của các cổ đông, những người đứng sau hậu thuẫn để Công ty phát triển.



- Yếu tố con người: Con người là tài sản quý giá nhất, là nhân tố chủ đạo cho sức mạnh của Gas Shipping nên luôn được tôn trọng và phát huy khả năng.
- Tính hiệu quả, chuyên nghiệp: Chủ động, sáng tạo và chuyên nghiệp để đảm bảo sử dụng các nguồn lực hiệu quả nhất.
- Trách nhiệm với môi trường, xã hội: Quan tâm tới các yếu tố an toàn, bảo vệ môi trường, tăng tính bền vững của quá trình phát triển doanh nghiệp.

3. Cơ cấu tổ chức của Tổ chức phát hành.

Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020, Điều lệ của Công ty và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Công ty có trụ sở chính tại: Tầng 9, Tòa nhà Green Power, số 35 Tôn Đức Thắng, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh. Giấy CNĐKKD số: 0305390530 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24/12/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 23/07/2021.

Gas Shipping được tổ chức theo mô hình Công ty Cổ phần, trụ sở chính là nơi làm việc, tổ chức hợp của các cơ quan quan trọng của Công ty. Bao gồm:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng Quản trị;
- Ban Kiểm soát;
- Ban Giám đốc và các Phòng/Ban trực thuộc, cụ thể:



Nguồn: Gas Shipping

✧ Phòng Tổ chức Hành chính:



– Chức năng: Tham mưu, giúp việc cho Giám đốc và thực hiện công tác chuyên môn trong các lĩnh vực nhân sự, thuyền viên, tuyển dụng, đào tạo, điều động, tiền lương và chế độ chính sách, khen thưởng – kỷ luật và công tác hành chính tổng hợp.

– Nhiệm vụ:

+ Quản lý và điều động thuyền viên: Lập kế hoạch và điều động thuyền viên. Quản lý, theo dõi hộ chiếu, bằng cấp, chứng chỉ và các giấy tờ liên quan của thuyền viên đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

+ Quản lý và phát triển nguồn nhân lực: Xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực, kế hoạch lao động. Công tác nhân sự như lập kế hoạch tuyển dụng, tổ chức, quản lý và theo dõi công tác tuyển dụng; Lập kế hoạch, tổ chức các khóa đào tạo, theo dõi và đánh giá kết quả đào tạo; Điều động, bổ nhiệm nhân sự; Quản lý hợp đồng lao động, hồ sơ của người lao động trong Công ty; Phối hợp các phòng chức năng xây dựng bản mô tả công việc, xây dựng hệ thống đánh giá việc thực hiện công việc và thực hiện đánh giá kết quả công việc của nhân viên.

+ Công tác lao động tiền lương – chế độ chính sách: Công tác tiền lương, thưởng, trợ cấp như: xây dựng kế hoạch lương, thưởng; Quản lý, theo dõi mức lương của CBCNV; Tính lương, thưởng, trợ cấp cho CBCNV. Phúc lợi cho người lao động như: Quản lý, theo dõi BHXH, BHYT, BH thất nghiệp. Theo dõi công tác thi đua khen thưởng, kỷ luật lao động.

+ Công tác hành chính tổng hợp: Công tác lễ tân, văn thư, lưu trữ, tạp vụ. Quản lý và sử dụng con dấu của Công ty. Quản lý và cung cấp máy móc, thiết bị dụng cụ văn phòng và văn phòng phẩm cho văn phòng và đội tàu của Công ty. Quản lý và điều hành xe ô tô. Quản lý, khai thác và sử dụng an toàn, bảo mật, có hiệu quả các hệ thống thông tin liên lạc tại Văn phòng Công ty.

♦ **Phòng Tài chính Kế toán:**

– Chức năng: Tham mưu cho Giám đốc về việc bảo toàn, khai thác, đánh giá hiệu quả và phát triển nguồn vốn, tài sản và công tác kế toán của Công ty.

– Nhiệm vụ:

+ Thực hiện công tác kế toán thống nhất trong toàn Công ty đảm bảo tuân thủ các chuẩn mực kế toán, Luật kế toán và Luật thống kê hiện hành; Lập báo cáo, phân tích thông tin, số liệu kế toán và đề xuất các giải pháp quản trị nhằm tăng cường hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; Thực hiện quản lý công nợ, nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước, thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của Công ty; Thực hiện công tác thanh toán, tạm ứng, quản lý quỹ theo quy định; Lập kế hoạch tài chính, thu xếp vốn và quản lý vốn; Tham gia công tác kiểm kê, đánh giá lại vật tư, tài sản, tiền vốn của Công ty; Phối hợp với các Phòng/Đơn vị trong Công ty tham gia đấu thầu, chuẩn bị, đàm phán ký kết và thực hiện hợp đồng kinh tế.



♦ **Phòng Kinh doanh:**

- Chức năng: Tham mưu cho Giám đốc nghiên cứu, xây dựng chiến lược phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Nhiệm vụ:
 - + Đầu mối nghiên cứu, xây dựng chiến lược phát triển và kế hoạch sản xuất kinh doanh ngắn hạn, dài hạn.
 - + Theo dõi, kiểm tra, đánh giá và báo cáo việc triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.
 - + Thực hiện các công việc khác theo sự phân công của Giám đốc.

♦ **Phòng Kỹ thuật Vật tư:**

- Chức năng: Tham mưu, giúp việc cho Giám đốc về Quản lý kỹ thuật đội tàu của Công ty, đảm bảo các tàu luôn trong tình trạng đủ điều kiện đi biển theo quy phạm tàu biển hiện hành của các cơ quan phân cấp tàu biển, chính quyền hành chính tàu đăng ký Quốc tịch và các Công ước Quốc tế khác có liên quan; về lập kế hoạch, quản lý và thực hiện mua sắm vật tư, phụ tùng và dịch vụ bảo dưỡng sửa chữa cho đội tàu; về đầu tư, nâng cấp đội tàu của Công ty.
- Nhiệm vụ:
 - + Quản lý kỹ thuật đội tàu: Quản lý và đảm bảo các hồ sơ, tài liệu kỹ thuật của đội tàu Công ty luôn sẵn có và được cập nhật kịp thời. Quản lý và tổ chức thực hiện hiệu quả hệ thống kế hoạch bảo dưỡng sửa chữa đội tàu, đảm bảo phù hợp với hướng dẫn của Nhà sản xuất và thỏa mãn các yêu cầu của quy định Công ước Quốc tế, chính quyền hành chính, cơ quan đăng kiểm tàu và tuân thủ các quy định của Công ty. Đầu mối xử lý các báo cáo kỹ thuật từ tàu, đánh giá và đưa ra các hành động khắc phục, phòng ngừa đảm bảo tàu hoạt động an toàn, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu của khách hàng. Đầu mối xây dựng và kiểm soát các định mức kinh tế kỹ thuật đội tàu của Công ty. Tham gia hướng dẫn nghiệp vụ, chuyên môn quản lý kỹ thuật cho thuyền viên.
 - + Kiểm soát giấy tờ đăng kiểm, pháp lý tàu đảm bảo trong tình trạng đầy đủ và có hiệu lực: Đầu mối tổ chức kiểm tra, cấp mới/gia hạn các Giấy chứng nhận đăng kiểm và Oil major. Kiểm soát và cập nhật các yêu cầu của đăng kiểm, chính quyền hành chính, Công ước Quốc tế.
 - + Công tác mua sắm vật tư và dịch vụ bảo dưỡng sửa chữa: Lập kế hoạch và thực hiện mua sắm vật tư, phụ tùng đội tàu, mua sắm dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa đội tàu theo đúng quy trình/quy định của Công ty/Tổng Công ty và quy định của pháp luật. Quản lý, giám sát sử dụng vật tư, phụ tùng đội tàu, đảm bảo cung cấp đúng, đủ, kịp thời và sử dụng hiệu quả. Phối hợp với Phòng Kế hoạch Đầu tư, Phòng Tài chính Kế toán và tàu thu hồi vật tư cũ, hỏng và xử lý theo quy định Công ty. Kiểm tra, đánh giá tình trạng



kỹ thuật và tham mưu cho Giám đốc trong việc đầu tư, nâng cấp đội tàu.

♦ **Phòng An toàn Pháp chế:**

– Chức năng: Tham mưu cho Giám đốc và quản lý Hệ thống quản lý chất lượng, Hệ thống quản lý ATSKMT và công tác bảo hiểm rủi ro.

– Nhiệm vụ:

- + Quản lý hệ thống chất lượng: Kiểm soát tài liệu của hệ thống quản lý chất lượng, đảm bảo được cập nhật áp dụng trong toàn Công ty; Tổng hợp các ý kiến để sửa đổi, cải tiến hệ thống quản lý chất lượng; Phối hợp lập kế hoạch, tổ chức thực hiện đánh giá nội bộ.
- + Quản lý hệ thống An toàn, Sức khỏe và Môi trường: Phối hợp kiểm soát tài liệu của hệ thống quản lý ATSKMT, đảm bảo được cập nhật áp dụng trong toàn Công ty; Phối hợp tổng hợp các ý kiến để sửa đổi, cải tiến hệ thống quản lý ATSKMT; Phối hợp lập kế hoạch, tổ chức thực hiện đánh giá nội bộ; Tổ chức quản lý, theo dõi, cung ứng vật tư, dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa các trang thiết bị an toàn (cứu sinh, cứu hoả) và an ninh; Tổ chức công tác khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV khối văn phòng và tổ chức tiến hành kiểm tra nồng độ rượu cồn và các chất kích thích không thông báo trước cho thuyền viên.
- + Quản lý Rủi ro - Bảo hiểm: Lập kế hoạch, thực hiện đánh giá các rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và đề ra các biện pháp phòng ngừa; Quản lý và thực hiện hợp đồng bảo hiểm cho các phương tiện, tài sản và bảo hiểm tai nạn sự cố cho toàn thể CBCNV của Công ty; Phối hợp giải quyết các tranh chấp, khiếu nại phát sinh trong quá trình hoạt động, sản xuất kinh doanh của Công ty.
- + Thực hiện các công việc khác theo sự phân công của Giám đốc.

♦ **Phòng Khai thác:**

– Chức năng: Tham mưu, giúp việc cho Giám đốc tổ chức, điều hành, khai thác đội tàu và các công tác thương mại của Công ty.

– Nhiệm vụ:

- + Quản lý và khai thác đội tàu: Lập kế hoạch khai thác, điều động và tổng hợp báo cáo hoạt động khai thác tàu bao gồm cả tàu thuê ngoài; Lập, đàm phán và làm đầu mối tổ chức thực hiện các hợp đồng thuê/cho thuê tàu, thực hiện công tác theo dõi thanh toán cước thuê/cho thuê tàu; Quản lý lịch trình tàu; Tổ chức quản lý, theo dõi, cung ứng nhiên liệu, trang thiết bị hàng hải ấn phẩm hàng hải, vật tư tiêu dùng thường xuyên liên quan đến hoạt động khai thác đội tàu; Đầu mối mời đơn vị vetting tàu khi có yêu cầu của khách hàng thuê tàu.
- + Quản lý và phát triển dịch vụ & thương mại: Lập kế hoạch, tổ chức tìm kiếm và phát triển thị trường thuê/cho thuê tàu; Xây dựng chiến lược phát triển dịch vụ nhằm mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; Quản lý các hợp đồng thương mại và



làm đầu mối xử lý các vấn đề liên quan đến khiếu nại của khách hàng.

+ Thực hiện các công việc khác theo sự phân công của Giám đốc.

♦ **Đội tàu:**

– Chức năng: Tổ chức quản lý trực tiếp đưa tàu vào khai thác theo yêu cầu của Công ty; Tham gia thực hiện hệ thống QLAT theo tiêu chuẩn để Đội tàu hoạt động tốt.

– Nhiệm vụ: Vận hành và thực hiện trực tiếp dịch vụ vận tải LPG cho các khách hàng của Gas Shipping; Phối hợp với các Phòng Ban của Công ty để đảm bảo Đội tàu được hoạt động liên tục và an toàn tuyệt đối khi trong quá trình khai thác.

♦ **Đội xe bồn LPG:**

– Chức năng: Tổ chức quản lý trực tiếp đội xe bồn vận tải LPG trên đường bộ phục vụ nhu cầu cho các đơn vị kinh doanh LPG trong và ngoài nước.

– Nhiệm vụ: Vận hành và thực hiện trực tiếp dịch vụ xe bồn vận tải LPG cho các khách hàng của Gas Shipping; Đảm bảo Đội tàu được hoạt động uy tín và hiệu quả khi phục vụ khách hàng.

Công ty không có Công ty con, Công ty liên kết.

4. Cơ cấu quản trị và Bộ máy quản lý của Tổ chức phát hành:

Hình 1: Cơ cấu quản trị và Bộ máy quản lý của Công ty



Nguồn: Gas Shipping

♦ **Đại hội đồng Cổ đông:**

Đại hội đồng Cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. ĐHĐCĐ có quyền

Thuy



thảo luận và thông qua: Báo cáo tài chính hàng năm; Báo cáo của Ban Kiểm soát; Báo cáo của Hội đồng Quản trị; Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty; Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát; Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty; Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty; Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

♦ **Hội đồng Quản trị:**

Hội đồng Quản trị là cơ quan quản lý của Công ty gồm 05 (năm) thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu, nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị không quá 05 (năm) năm. HĐQT có toàn quyền nhân danh Công ty quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích và quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. Các quyền và nghĩa vụ của HĐQT được quy định trong Luật doanh nghiệp, Điều lệ và các Quy chế của Công ty.

Hội đồng Quản trị Công ty bao gồm: 01 Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch và 03 thành viên Hội đồng Quản trị. Ngoài ra, còn có 01 nhân sự phụ trách quản trị Công ty.

Bảng 1: Danh sách thành viên Hội đồng Quản trị

Stt	Họ và tên	Chức vụ
1.	Mai Thế Toàn	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
2.	Phạm Thị Trúc	Phó chủ tịch Hội đồng Quản trị
3.	Nguyễn Duyên Hiếu	Thành viên Hội đồng Quản trị
4.	Vũ Thị Phương Nga	Thành viên Hội đồng Quản trị
5.	Nguyễn Thế Anh	Thành viên Hội đồng Quản trị

Nguồn: Gas Shipping

♦ **Ban Kiểm soát:**

Ban Kiểm soát (BKS) của Công ty gồm 03 (ba) thành viên do ĐHĐCĐ bổ nhiệm, nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát không quá 05 (năm) năm; Thành viên BKS có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

BKS thực hiện giám sát Hội đồng Quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ trong thực hiện các nhiệm vụ được giao. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính nhằm đảm bảo các lợi ích hợp pháp của các cổ đông. Ban Kiểm soát hoạt động độc lập với HĐQT và Giám đốc Công ty.

Bảng 2: Danh sách Ban Kiểm soát



Stt	Họ và tên	Chức vụ
1.	Nguyễn Thị Thu Sương	Trưởng Ban Kiểm soát.
2.	Huỳnh Thị Hồng Hạnh	Thành viên Ban Kiểm soát.
3.	Nguyễn Bá Nghị	Thành viên Ban Kiểm soát.

Nguồn: Gas Shipping

♦ **Ban Giám đốc:**

Ban Giám đốc của Công ty gồm bốn (04) người gồm: 01 Giám đốc và 02 Phó Giám đốc. Nhiệm kỳ không quá 05 (năm) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Giám đốc là người quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất - kinh doanh của Công ty. Giám đốc chịu sự giám sát của HĐQT, chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao;

Phó Giám đốc giúp việc cho Giám đốc trong từng lĩnh vực cụ thể và chịu trách nhiệm trước Giám đốc về các nội dung công việc được Giám đốc phân công.

Bảng 3: Thành viên Ban Giám đốc

Stt	Họ và tên	Chức vụ
1.	Đoàn Đức Trọng	Giám đốc.
2.	Vũ Văn Đức	Phó Giám đốc.
3.	Nguyễn Cảnh Toàn	Phó Giám đốc.

Nguồn: Gas Shipping

5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối:

5.1. Danh sách công ty mẹ của Tổ chức phát hành:

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ.

- ♦ Tên viết tắt: PVTrans Corp.
- ♦ Trụ sở chính: Tầng 2, Tòa nhà PVFCCo, số 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.
- ♦ Giấy CNĐKKD: số 0302743192 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 08/10/2008, thay đổi lần thứ 14 ngày 31/12/2020.
- ♦ Ngành nghề kinh doanh chính: Vận chuyển dầu thô, Vận chuyển dầu sản phẩm/hóa chất, Vận tải khí hóa lỏng, Vận tải hàng rời (than), Dịch vụ kỹ thuật dầu khí, Dịch vụ hàng hải và logistics.

King



- ♦ Vốn điều lệ (theo BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2020): 3.236.512.460.000 đồng (Ba nghìn hai trăm ba mươi sáu tỷ năm trăm mười hai triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng).
- ♦ Tỷ lệ sở hữu tại Gas Shipping (theo BCTC đã kiểm toán năm 2020): 67,74% vốn điều lệ của Gas Shipping.
- ♦ Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (theo BCTC đã kiểm toán năm 2020): 67,74% vốn điều lệ của Gas Shipping.

5.2. Danh sách công ty con của Tổ chức phát hành:

Không có.

5.3. Danh sách những công ty mà Tổ chức phát hành đang nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối:

Không có.

5.4. Danh sách những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành

Không có.

6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ chức phát hành:

6.1. Quá trình tăng vốn:

Kể từ khi thành lập đến nay Công ty đã thực hiện 01 đợt tăng vốn điều lệ nhằm mục đích mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh như sau:

Bảng 4: Quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty

Đvt: Triệu đồng

Thời gian	SL cổ phiếu tăng/giảm	Giá trị vốn tăng/giảm	Vốn ĐL sau tăng/giảm	Hình thức tăng/giảm vốn	Cơ sở tăng/giảm vốn	Đơn vị cấp
2007			300.000	Góp vốn bằng tiền	Đại hội đồng cổ đông thành lập	Sở kế hoạch đầu tư TP.HCM
2019	6.000.000	60.000	360.000	Trả cổ tức bằng cổ phiếu	Đại hội đồng cổ đông	Sở kế hoạch đầu tư TP.HCM UBCKNN

Nguồn: Gas Shipping

6.2. Ý kiến kiểm toán về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất:

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ

Điện thoại: 028 22205388 Fax: 028 22205366 Website: www.gasshipping.com.vn



Kể từ khi thành lập, Công ty chỉ thực hiện 01 đợt tăng vốn duy nhất theo phương thức trả cổ tức bằng cổ phiếu tăng vốn từ 300 tỷ đồng lên 360 tỷ đồng vào năm 2019.

7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ chức phát hành tại các doanh nghiệp khác:

Không có.

8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành:

8.1. Cổ phiếu phổ thông:

Bảng 5: Cơ cấu Cổ đông của Công ty

Stt	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)
I	Cổ đông trong nước	466	32.936.830	91,5%
1	Tổ chức	11	24.396.862	67,8%
2	Cá nhân	455	8.539.968	23,7%
II	Cổ đông nước ngoài	21	3.063.170	8,5%
1	Tổ chức nước ngoài, Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ	9	2.891.856	8,0%
2	Cá nhân	12	171.314	0,5%
	Tổng cộng	487	36.000.000	100%

Nguồn: Tổng hợp từ Danh sách Cổ đông của Gas Shipping chốt ngày 02/3/2021

8.2. Cổ phiếu ưu đãi:

Không có.

8.3. Các loại chứng khoán khác:

Không có.

9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.

9.1. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổ chức phát hành theo quy định pháp luật:

Tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của người nước ngoài tại Công ty tuân theo Luật đầu tư nước ngoài năm 2020 và Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Theo Văn bản số 3156/UBCK-PTTT ngày 28/06/2021 của Ủy ban Chứng khoán Nhà



nước, tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tối đa tại Gas Shipping là 0%.

9.2. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổ chức phát hành theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và quy định tại Điều lệ Công ty (nếu có):

Không quy định.

9.3. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Tổ chức phát hành hiện tại:

Tại thời điểm chốt danh sách tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 (ngày 02/03/2021), nhà đầu tư nước ngoài đang sở hữu 3.063.170 cổ phiếu, chiếm 8,51% vốn Điều lệ Công ty.

10. Hoạt động kinh doanh:

10.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh:

♦ **Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Gas Shipping bao gồm:**

- Kinh doanh vận tải biển.
- Cho thuê tàu.
- Kinh doanh xăng dầu và khí hoá lỏng (LPG).
- Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống.
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan.
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.
- Bán buôn chuyên doanh khác.

♦ **Địa bàn kinh doanh:**

Công ty thực hiện kinh doanh tại thị trường trong nước và quốc tế. Cụ thể:

- Thị trường trong nước:
 - ✓ Miền Bắc: Hà Nội, Hải Phòng.
 - ✓ Miền Trung: Thanh Hóa, Hà Tĩnh, Nghệ An, Quảng Ngãi, Nha Trang, Phú Yên.
 - ✓ Miền Nam: Vũng Tàu, Đồng Nai, TP. Hồ Chí Minh, Long An, Tây Ninh, Bình Phước, Đồng Tháp, Cần Thơ, Cà Mau.
- Thị trường quốc tế: Đông Á, Đông Bắc Á, Nam Trung Quốc, Đông Nam Á, Nam Á.

a) Sản phẩm của Công ty:



♦ **Dịch vụ vận tải LPG bằng tàu biển:** Vận tải LPG bằng đường biển là lĩnh vực chủ đạo của Gas Shipping. Gas Shipping hiện đang sở hữu đội tàu gồm 6 con tàu có trọng tải từ 1.600DWT đến 4.771 DWT, phù hợp với hệ thống kho cảng chuyên dùng cho LPG tại Việt Nam nên phát huy được lợi thế khai thác, đáp ứng nhu cầu vận chuyển LPG của ngành dầu khí Việt Nam.



Gas Shipping tiếp tục làm tốt vai trò đầu mối vận tải LPG cho PVGas và phối hợp với NVTrans vận chuyển an toàn, kịp thời 100% khối lượng LPG cho Công ty Lọc hoá dầu Bình Sơn.

Tàu Đà Nẵng Gas, tàu Thăng Long Gas hoạt động khai thác chủ yếu quốc tế. Khai thác an toàn, hiệu quả các tàu Sài Gòn Gas, Cừu Long Gas và các tàu thuê ngoài, kết hợp hiệu quả các chuyến quốc tế phù hợp cho đội tàu. Tàu Việt Gas/Hồng Hà Gas vẫn đảm bảo hiệu suất khai thác theo hợp đồng định hạn với khách hàng truyền thống PV Gas Trading.

Năm 2020, đội tàu Gas Shipping vận chuyển được 1.010 chuyến hàng với tổng khối lượng vận chuyển khoảng 1.200.000 tấn LPG (trong đó 171 chuyến Quốc tế với khối lượng 310.771 tấn LPG và 839 chuyến nội địa với khối lượng 889.229 tấn LPG). Đối với vận chuyển nội địa, trong năm vận chuyển 799 chuyến cho khách hàng KDK (khối lượng đạt khoảng 823.229 tấn); 40 chuyến nội địa cho khách hàng BSR (khối lượng đạt 66.000 tấn).

Hoạt động kinh doanh vận tải LPG của Nhà máy GPP Cà Mau đã được thực hiện an toàn, hiệu quả. Trung bình mỗi tháng Công ty thực hiện vận chuyển khoảng 4.500 tấn bằng tàu và 2.000 tấn đường bộ, tổng lượng hàng cả năm 2020 là 71.000 tấn LPG.

♦ **Dịch vụ vận tải LPG bằng xe bồn:**



Từ giữa năm 2016, sau khi tổ chức nghiên cứu, đánh giá các lĩnh vực kinh doanh phù hợp nhằm mở rộng quy mô và ngành nghề sản xuất kinh doanh, Gas Shipping đã đề xuất và được PVTrans chấp thuận cho phép phát triển một số lĩnh vực kinh doanh mới như kinh doanh các sản phẩm dầu khí (dầu, LPG...) và vận tải LPG đường bộ.



Các xe bồn của Công ty luôn đạt chất lượng cao, bồn chứa chịu được áp lực cao, sử dụng chủ yếu trong việc vận chuyển và lưu chứa dung môi khí hóa lỏng, bồn chứa được làm bằng thép cacbon và thép không rỉ hai lớp; bình trụ bên ngoài và bồn chứa bên trong có khả năng cách nhiệt cao và tỷ lệ bay hơi thấp, hệ thống đường ống được bố trí khoa học và dễ dàng vận hành, tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy về đảm bảo an toàn trong suốt quá trình vận hành, giúp tăng hiệu suất sử dụng, phù hợp với nhiều điều kiện các loại hình đường bộ tại Việt Nam hiện nay. Đối với thị trường vận tải LPG đường bộ nội địa, Gas Shipping đang cung cấp dịch vụ với địa bàn trải dài từ Đà Nẵng đến miền Tây Nam Bộ. Đối với thị trường xuất khẩu, Gas Shipping là đầu mối cung cấp dịch vụ vận tải cho các đơn vị xuất khẩu LPG sang Campuchia.

♦ **Dịch vụ kinh doanh thương mại LPG:**

Nhằm đa dạng hóa loại hình dịch vụ và sử dụng đội tàu/xe bồn hiện có, lĩnh vực kinh doanh LPG cũng được Gas Shipping chú trọng, góp phần gia tăng đáng kể Doanh thu SXKD của Công ty.

Phối hợp với PVGas Trading xây dựng và thực hiện thành công phương án bán hàng mới là giao hàng tận kho cho khách hàng bằng xe bồn. Việc này không những giúp cho Gas Shipping gia tăng sản lượng vận chuyển mà còn hỗ trợ PVGas Trading cạnh tranh ở các thị trường mục tiêu, không lãng phí nguồn lực với việc chỉ sử dụng phương án bán FOB như trước kia.

Hệ thống khách hàng cũng được mở rộng và đa dạng hơn, Gas Shipping cung cấp dịch vụ cho các khách hàng trong nước như: PVGas LPG, Saigon Petro, Petrolimex... cho đến các



khách hàng nước ngoài như: Total Gas, Phoenix Việt Nam. Năm 2020, đã thực hiện vận chuyển 4.690 chuyến xe bồn với khối lượng 80.000 tấn LPG.

♦ **Dịch vụ cho thuê tàu:**

Bên cạnh việc tự khai thác đội tàu hiện có, nhằm nâng cao hiệu quả khai thác, Gas Shipping cung cấp các dịch vụ cho thuê định hạn để có nguồn doanh thu ổn định, phối hợp với cho thuê tàu chuyển để hạn chế tàu phải nằm chờ không được đưa vào khai thác.

♦ **Một số dịch vụ khác:**

Ngoài các mảng hoạt động kinh doanh nêu trên, Công ty còn thực hiện các lĩnh vực sau:

- Mua bán phương tiện vận tải.
- Đại lý tàu biển.
- Môi giới hàng hải.
- Kiểm đếm hàng hóa.
- Vệ sinh tàu biển.
- Sửa chữa tàu biển tại cảng.
- Giao nhận hàng hóa XNK.
- Đào tạo nghề.

b) Trình độ công nghệ:

Công ty sở hữu đội ngũ tàu biển hiện đại, có tuổi đời còn trẻ, công suất lớn. Thông tin một số tàu biển như sau:

Tàu Cừ Long Gas

- Ship No./IMO No: 297/9143142
- Builder: Watanabe shipbuilding Co.,Ltd
- Flag / Call Sign: VIET NAM / 3WDW
- Class & Class No.: NK964336 - VR961841
- DWT/GT/LW: 2.999/3.556/2.105
- L x B x D (m): 99,5 x 16,6 x 7,1
- Khu vực hoạt động: Nội địa / Đông Nam Á – Nam Trung Quốc.





Tàu Việt Gas

- Ship No./IMO No: 341/9046875
- Builder: Murakami Hide Shipbuilding Co.,Ltd
- Flag / Call Sign: VIET NAM/3WDW
- Class & Class No.: NK923297 - VR923434
- DWT/GT/LW: 1.601/1.683/1.418
- L x B x D (m): 72,03 x 12,6 x 5,5
- Khu vực hoạt động: Nội địa.



Tàu Sài Gòn Gas

- Ship No./IMO No: 296/9143130
- Builder: Watanabe shipbuilding Co.,Ltd
- Flag / Call Sign: VIET NAM/XVOV
- Class & Class No.: NK 962329 - VR 963385
- DWT/GT/LW: 2.999/3.556/2.105
- L x B x D (m): 99,5 x 16,6 x 7,1
- Khu vực hoạt động: Nội địa/Đông Nam Á – Nam Trung Quốc.



Tàu Thăng Long Gas

- Ship No./IMO No: 712/9343704
- Builder: Naikai Zosen Corp Innoshima Shipyard
- Flag / Call Sign: VIET NAM/ XVDB7
- Class & Class No.: LR9343704 - VR064349
- DWT/GT/LW: 4.002/3.434/2.091
- L x B x D (m): 95,3 x 16,5 x 7,25
- Khu vực hoạt động: Nội địa/Đông Nam Á – Nam Trung Quốc – Việt Nam.



**Tàu Hồng Hà Gas**

- Ship No./IMO No: 342/9046887
- Builder: Murakami Hide Shipbuilding Co.,Ltd
- Flag / Call Sign: VIET NAM/3WOH
- Class & Class No.: NK930394 - VR933911
- DWT/GT/LW: 1.601/1.683/1.418
- L x B x D (m): 72,03 x 12,6 x 5,5
- Khu vực hoạt động: Nội địa.

**Tàu Đà Nẵng Gas**

- Ship No./IMO No: 1313/9388429
- Builder: Sanuki Shipbuilding and Iron Works Co., Ltd.
- Flag / Call Sign: VIETNAM/ XVXR7
- Class & Class No.: LR9388429 - VR064398
- DWT/GT/LW: 4.771/4.306/2.804
- L x B x D (m): 99,9 x 17,0 x 8,2
- Khu vực hoạt động: Đông Nam Á – Nam Trung Quốc – Việt Nam.



c) Cơ cấu doanh thu thuần và lợi nhuận gộp các mảng hoạt động qua các năm:

Bảng 6: Cơ cấu doanh thu thuần qua các năm

Đơn vị: triệu đồng

Stt	Doanh thu thuần	Năm 2019		Năm 2020		Lũy kế đến Quý II/2021	
		Giá trị	% doanh thu	Giá trị	% doanh thu	Giá trị	% doanh thu
1.	Dịch vụ vận tải	755.993	54,3%	1.058.934	68,4%	597.129	67,25%
2.	Thương mại	634.987	45,7%	488.300	31,6%	290.837	32,75%
	Tổng cộng	1.390.980	100,0%	1.547.234	100,0%	887.966	100,00%



Nguồn: Gas Shipping

Doanh thu thuần năm 2020 của Gas Shipping tăng 11,2% so với năm 2019, đạt 1.547 tỷ đồng. Cơ cấu doanh thu có sự dịch chuyển lớn, doanh thu từ dịch vụ vận tải từ 54,3% năm 2019 lên 68,4% năm 2020; doanh thu thương mại chỉ còn chiếm khoảng 31,6%. Kết thúc Quý II/2021, doanh thu thuần của Công ty đạt gần 888 tỷ đồng trong đó mảng dịch vụ vận tải chiếm 67,25%.

Bảng 7: Cơ cấu lợi nhuận gộp các mảng hoạt động qua các năm

Đvt: triệu đồng

Stt	Lợi nhuận gộp	Năm 2019		Năm 2020		Lũy kế đến Quý II/2021	
		Giá trị	% LN gộp	Giá trị	% LN gộp	Giá trị	% LN gộp
1.	Dịch vụ vận tải	107.271	98,72%	106.593	97,46%	55.800	98,24%
2.	Thương mại	1.386	1,28%	2.773	2,54%	997	1,76%
	Tổng cộng	108.657	100,0%	109.366	100,0%	56.797	100,00%

Nguồn: Gas Shipping

Dịch vụ vận tải mang lại phần lớn trong cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty, chiếm tỷ lệ 98,72% và 97,46% lần lượt cho các năm 2019 và năm 2020. Kết thúc Quý II/2021, lợi nhuận từ dịch vụ vận tải vẫn chiếm tỷ lệ cao với 98,24% đạt gần 56 tỷ đồng.

d) Chi phí sản xuất:**Bảng 8: Cơ cấu chi phí sản xuất của Công ty qua các năm**

Đvt: triệu đồng

Stt	Chi tiêu	Năm 2019		Năm 2020		Quý II/2021	
		Giá trị	% tổng chi phí	Giá trị	% tổng chi phí	Giá trị	% tổng chi phí
1.	Giá vốn hàng bán	1.282.324	95,1%	1.437.868	95,7%	831.169	96,97%
2.	Chi phí tài chính	9.186	0,7%	9.565	0,6%	3.240	0,38%
	Chi phí lãi vay	8.006	0,6%	9.314	0,6%	3.065	0,36%
3.	Chi phí quản lý	40.164	3,0%	37.505	2,5%	19.655	2,29%
4.	Chi phí bán hàng	9.070	0,7%	7.511	0,5%	3.093	0,36%
5.	Chi phí khác	219	0,0%	0	0,0%	14	0%
	Tổng cộng	1.348.969	100,0%	1.501.763	100,0%	857.171	100,0%

Nguồn: BCTC năm 2019, 2020 được kiểm toán và BCTC Quý II/2021 của Gas Shipping



Phần lớn chi phí sản xuất của Công ty là giá vốn hàng bán, cụ thể giá vốn hàng bán chiếm từ 95% đến hơn 97% tổng chi phí của Công ty, các chi phí khác như chi phí quản lý và chi phí bán hàng chiếm tỷ lệ nhỏ.

10.2. Tài sản:

Bảng 9: Thông tin về các tài sản lớn của Công ty

Đvt: triệu đồng

STT	Tên tài sản	Nguyên giá	Giá trị còn lại
1.	Tàu Cửu Long Gas	60.822	-
2.	Tàu Sài Gòn Gas	133.097	11.091
3.	Tàu Thăng Long Gas	243.852	196.957
4.	Tàu Đà Nẵng Gas	289.006	258.253
5.	Tàu Hồng Hà Gas	32.833	-
6.	Tàu Việt Gas	36.767	-
7.	Xe bồn chuyên dụng vận chuyển LPG biển 51C-427.19	2.996	799
8.	Xe bồn chuyên dụng vận chuyển LPG biển 51C-427.77	2.996	799

Nguồn: Gas Shipping

Các Tàu Cửu Long Gas, Tàu Hồng Hà Gas, Tàu Việt Gas hiện tại đã hết khấu hao nhưng vẫn đang được sử dụng trong thời gian dự kiến 10 năm kể từ thời điểm hết khấu hao.

10.3. Thị trường hoạt động:

Bảng 10: Doanh thu của từng thị trường

Đvt: triệu đồng

Stt	Thị trường	Năm 2019	Năm 2020	Lũy kế đến Quý II/2021
1	Hoạt động vận tải	755.993	1.058.934	597.129
-	Nội địa	617.283	795.207	439.891
-	Quốc tế	138.710	263.727	157.237
2	Hoạt động kinh doanh	634.987	488.300	290.837
-	Nội địa	634.987	488.300	290.837
-	Quốc tế	-	-	-

Ký



Stt	Thị trường	Năm 2019	Năm 2020	Lũy kế đến Quý II/2021
	Tổng cộng	1.390.980	1.547.235	887.966

Nguồn: Gas Shipping

Bảng 11: Lợi nhuận của từng thị trường

Đvt: triệu đồng

Stt	Thị trường	Năm 2019	Năm 2020	Lũy kế đến Quý II/2021
1.	Hoạt động vận tải	107.271	106.593	55.800
-	Nội địa	87.589	71.203	41.106
-	Quốc tế	19.682	35.390	14.693
2.	Hoạt động kinh doanh	1.386	2.773	997
-	Nội địa	1.386	2.773	997
-	Quốc tế	-	-	-
	Tổng cộng	108.657	109.366	56.797

Nguồn: Gas Shipping

Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế là cung cấp dịch vụ vận tải và dịch vụ thương mại. Doanh thu dịch vụ thương mại toàn bộ được thực hiện ở Việt Nam, trong khi doanh thu vận tải được thực hiện ở cả Việt Nam (chủ yếu từ Nhà máy lọc dầu Dung Quất, kho cảng Thị Vải đến các địa phương) và quốc tế (vận chuyển tại khu vực Đông Nam Á và Nam Trung Quốc...).

Đối với hoạt động vận tải, doanh thu phần lớn đến từ thị trường trong nước trong năm 2019 khi chiếm hơn 81,7%; tỷ lệ này giảm chỉ còn 66,8% năm 2020; Cùng với đó là sự đóng góp tương ứng vào lợi nhuận của Công ty. Thị trường phát triển mạnh chủ yếu của Công ty là tại khu vực Miền Bắc và Miền Nam. Thị trường quốc tế đang ngày càng được mở rộng được thể hiện qua sự tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận, điển hình là sự tăng trưởng 90% doanh thu và gần 80% lợi nhuận năm 2020 so với 2019. Công ty hiện đang tích lũy tiềm lực thông qua thị trường trong nước làm bàn đạp để đầu tư phát triển đội tàu, tham gia thị trường vận tải LPG nhập khẩu và thị trường quốc tế.

Đối với hoạt động thương mại, hiện nay Công ty chưa thực hiện khai thác tại thị trường quốc tế mà chủ yếu phục vụ nhu cầu các khách hàng trong nước. Trong thời gian tới, với sự hội nhập ngày càng sâu rộng của nền kinh tế Việt Nam, sẽ là cơ hội lớn giúp Công ty mở rộng



thị trường hoạt động thương mại góp phần với mục tiêu đưa Gas Shipping trở thành Công ty hàng đầu về vận tải sản phẩm khí và hóa chất có uy tín cao trong khu vực và thế giới.

10.4. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động chính:

♦ Về tình hình đầu tư:

Trong năm 2020, do tình hình dịch bệnh COVID-19 bùng phát và thị trường chưa thuận lợi nên Công ty chưa triển khai phương án đầu tư tàu VLGC có trọng tải đến 85.000 CBM như kế hoạch. Trong năm 2021, Công ty sẽ đầu tư thay thế bằng 02 tàu chở dầu/hóa chất có tải trọng khoảng 20.000 DWT để gia tăng quy mô, năng lực cạnh tranh của đơn vị, phối hợp các đơn vị khác trong cùng Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí và tối đa hóa lợi ích cho các cổ đông của Công ty.

♦ Về hiệu quả sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ:

Năm 2020 là một năm hết sức khó khăn với nền kinh tế thế giới nói chung và ngành vận tải biển nói riêng, tuy nhiên với sự quyết tâm/đồng lòng của Ban Lãnh đạo và toàn thể CBCNV, Công ty Gas Shipping đã đạt được các thành tích nổi bật sau:

- **Hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu SXKD được giao:** Tổng doanh thu đạt 1.547 tỷ đồng, đạt 124% kế hoạch, trong đó cơ cấu doanh thu thương mại chỉ còn chiếm hơn 31%; Lợi nhuận trước thuế 75 tỷ đồng, đạt 114% kế hoạch. Năm 2020, Gas Shipping đạt thêm một cột mốc mới nữa về số lượng chuyển tàu và khối lượng vận chuyển với 1.010 chuyển hàng được vận chuyển an toàn, tổng khối lượng vận chuyển 1.200.000 tấn LPG.

- **Đồng hành cùng Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt giữ vững vị thế chi phối ở thị trường nội địa:** Tiếp tục làm tốt vai trò đầu mối vận tải LPG cho PVGas và phối hợp với NVTrans vận chuyển an toàn, kịp thời 100% khối lượng LPG cho Công ty Lọc hoá dầu Bình Sơn, sản lượng vận chuyển đạt 889.200 tấn.

- **Đẩy mạnh phát triển ra thị trường quốc tế:** Tàu Đà Nẵng Gas và Thăng Long Gas hoạt động khai thác liên tục cho khách hàng PNX Singapore/Itochu Singapore với 2 lần gia hạn và không off-hire ngày nào; Số chuyến khai thác quốc tế của tàu Sài Gòn Gas và Cửu Long Gas gia tăng đáng kể. Trong năm 2020, đội tàu của Gas Shipping đã thực hiện vận chuyển 171 chuyến quốc tế (tăng 3 lần so với năm 2019), gần đạt đến cơ cấu 50/50 giữa thị trường quốc tế và nội địa. Việc gia tăng khai thác quốc tế giúp Công ty tăng nguồn thu ngoại tệ, xây dựng thương hiệu Gas Shipping trên thị trường quốc tế, có dư địa để ứng phó với các thay đổi của thị trường trong nước.

- **Công tác quản lý kỹ thuật và an toàn đã thích ứng với hoàn cảnh khó khăn của**



đại dịch: Tình trạng kỹ thuật đội tàu trong năm đảm bảo hoạt động liên tục, đáp ứng các yêu cầu khai thác; Tổ chức thành công toàn bộ 16 đợt vetting, hơn 70 lần screening của các chủ hãng dầu có yêu cầu khắt khe về kỹ thuật và an toàn. Về quản lý quản trị, Gas Shipping cũng đã rà soát, bổ sung và hoàn thiện một loạt quy chế, quy định để kiểm soát rủi ro và sử dụng hiệu quả các nguồn lực. Năm 2020, Công ty tiếp tục được Tổ chức uy tín Vietnam Report đánh giá và xếp hạng 4 trong “Top 10 Công ty uy tín Ngành Logistics năm 2020”, đồng thời ghi danh trong Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (VNR500).

- **Việc làm của người lao động được đảm bảo:** Trong bối cảnh khó khăn của đại dịch thu nhập người lao động bình quân vẫn đạt trên 24 triệu đồng/người/tháng, góp phần tạo điều kiện cho người lao động yên tâm gắn bó với Công ty.

10.5. Các hợp đồng lớn:

Bảng 12: Các hợp đồng Công ty đang thực hiện hoặc đã được ký kết nhưng chưa thực hiện

Đvt: triệu đồng

Stt	Tên hợp đồng	Khách hàng	Giá trị HĐ	Sản phẩm	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Mối quan hệ với các đối tượng (*)
Hợp đồng đã được thực hiện:							
1.	369/2018/HĐ VC-COA/GSP-VXMMN	Công ty CP Việt Xuân Mới Miền Nam	23.000	Thuê tàu	03/12/2018	03/12/2018-31/12/2020	
2.	319/2017/HĐVC-COA/GSP-OPEC	Công ty TNHH Vận tải dầu khí Opec	51.000	Thuê tàu	28/11/2017	28/11/2017-31/12/2020	
3.	427/2018/HĐVC-COA/GSP-NVT	Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt	17.000	Thuê tàu	28/12/2018	01/01/2019-31/12/2019	Công ty con trong cùng một công ty mẹ
4.	428/2018/HĐVC-COA/GSP-	Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt	115.000	Thuê tàu	28/12/2018	01/01/2019-31/12/2019	Công ty con trong cùng một



Stt	Tên hợp đồng	Khách hàng	Giá trị HĐ	Sản phẩm	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Mối quan hệ với các đối tượng (*)
	NVT						công ty mẹ
5.	104/2019/HĐVC-COA/GSP-FG	Công ty CP Dầu Khí Fgas	75.000	Thuê tàu	29/03/2019	01/04/2019-31/03/2020	
6.	56/2019/HĐV C-COA/KDK-GSP/D4	CN.TCT Khí VN-CTCP- Công ty kinh doanh sản phẩm khí	62.202	Cho thuê tàu	29/03/2019	01/04/2019-31/03/2020	
7.	322/2019/KD K/KD-GSP/D4	CN.TCT Khí VN-CTCP- Công ty kinh doanh sản phẩm khí	79.268	Cho thuê tàu	30/12/2019	01/01/2020-31/12/2020	
8.	321/2019/HĐ VC-COA/KDK-GSP/D4	CN.TCT Khí VN-CTCP- Công ty kinh doanh sản phẩm khí	402.459	Cho thuê tàu	30/12/2019	01/01/2020-31/12/2020	
9.	46/2020/HĐV C-COA/KDK-GSP/D4	CN.TCT Khí VN-CTCP- Công ty kinh doanh sản phẩm khí	90.267	Cho thuê tàu	31/03/2020	01/04/2020-31/03/2021	
10.	48/2020/KDK /XNK-GSP/D4	CN.TCT Khí VN-CTCP- Công ty kinh doanh sản	66.902	Cho thuê tàu	31/03/2020	01/04/2020-31/12/2020	



Stt	Tên hợp đồng	Khách hàng	Giá trị HĐ	Sản phẩm	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Mối quan hệ với các đối tượng (*)
		phẩm khí					
11.	73/HĐVC-COA-2021/NVT - GSP	Công ty Cổ phần vận tải Nhật Việt	Căn cứ theo KL thực tế thực hiện	Cho thuê tàu	30/12/2020	01/01/2021-31/12/2021	Công ty con trong cùng một công ty mẹ
12.	179/2020/KD K/TMKD-GSP/D4	CN.TCT Khí VN-CTCP- Công ty kinh doanh sản phẩm khí	80.665	Cho thuê tàu	26/11/2020	01/01/2021-31/12/2021	
13.	70/2017/HĐV C-COA/PVT-GSP	Tổng Công ty CP vận tải Dầu Khí	502.892	Cho thuê tàu	17/04/2020	01/05/2017-31/12/2022	Công ty mẹ
Hợp đồng đã ký kết nhưng chưa thực hiện: Không có							

Nguồn: Gas Shipping

(*): Mối quan hệ với các đối tượng là thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, cổ đông lớn của Tổ chức phát hành.

10.6. Các khách hàng, nhà cung cấp lớn:**Bảng 13: Các khách hàng, nhà cung cấp lớn**

Đvt: triệu đồng

Stt	Tên	Giá trị giao dịch	Thời gian giao dịch	Sản phẩm, dịch vụ	Mối quan hệ với các đối tượng
A. Các khách hàng lớn					
1.	CN.TCT Khí VN-CTCP- Công ty kinh doanh sản phẩm khí	62.202	01/04/2019-31/03/2020	Cho thuê tàu	Trong cùng Tập đoàn
		66.902	01/04/2020-31/12/2020		
		481.727	01/01/2020-31/12/2020		
		90.267	01/04/2020-		



Stt	Tên	Giá trị giao dịch	Thời gian giao dịch	Sản phẩm, dịch vụ	Mối quan hệ với các đối tượng
			31/03/2021		
		80.665	01/01/2021-31/12/2021		
2.	Công ty Cổ phần vận tải Nhật Việt	Căn cứ theo KL thực tế thực hiện	01/01/2021-31/12/2021	Cho thuê tàu	Công ty con trong cùng một công ty mẹ
3.	Tổng Công ty Cổ phần vận tải Dầu Khí	502.892	01/05/2017-31/12/2022	Cho thuê tàu	Công ty mẹ
B. Các nhà cung cấp lớn					
1.	Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt	132.000	01/01/2019-31/12/2019	Thuê tàu	Công ty con trong cùng một công ty mẹ
2.	Công ty TNHH Vận tải dầu khí Opec	51.000	28/11/2017-31/12/2020	Thuê tàu	
3.	Công ty Cổ phần Dầu Khí Fgas	75.000	01/04/2019-31/03/2020	Thuê tàu	
4.	Công ty Cổ phần Việt Xuân Mới Miền Nam	23.000	03/12/2018-31/12/2020	Thuê tàu	

Nguồn: Gas Shipping

10.7. Vị thế của Tổ chức phát hành trong ngành:**a) Vị thế của Tổ chức phát hành so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành:**

Hiện nay, Gas Shipping đang chiếm lĩnh vị trí số 1 trên thị trường vận tải LPG trong nước. GSP hiện đang sở hữu 06 tàu chở LPG có trọng tải lên tới 18.000 DWT, hàng đầu trong số các Công ty vận tải LPG tại Việt Nam.

Do thuộc thành viên của Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí, vì vậy Gas Shipping là đơn vị tham gia vận chuyển cho các khách hàng lớn như Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí (PVGas), Công ty Lọc Hóa dầu Bình Sơn, Nhà máy GPP Cà Mau... Vì vậy, nguồn khách hàng của Gas Shipping rất ổn định, rủi ro thấp và ngày càng được mở rộng do có uy tín cung cấp dịch vụ cho các khách hàng lớn.

Bảng 14: So sách GSP và các doanh nghiệp khác cùng ngành

STT	Chỉ tiêu	Đvt	GSP	VIP	PTS	PSC	PJC
1.	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	360	685	56	72	73
2.	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	1.547	517	322	421	725

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾĐiện thoại: 028 22205388 Fax: 028 22205366 Website: www.gasshipping.com.vn



3.	Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	109	81	46	52	67
4.	LNST	Tỷ đồng	60	64	7	12	17
5.	EPS	Nghìn đồng/cp	1,55	0,79	1,28	1,65	2,43

Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2020 được kiểm toán của các Công ty

b) Triển vọng phát triển của ngành:

Do dịch bệnh COVID-19, Thương mại thế giới bị ảnh hưởng và có nguy cơ gián đoạn bất ngờ, thiên tai (lũ lụt ở Châu Á) và căng thẳng thương mại giữa các nền kinh tế lớn sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến các xu hướng logistics toàn cầu trong thời gian tới. Cùng với đó là những tác động lớn khác có thể đến từ Brexit, vai trò của WTO đối với thương mại toàn cầu, cuộc bầu cử Tổng thống Hoa Kỳ hoặc việc làm thế nào để thu thuế đối với các sản phẩm và dịch vụ số và xu hướng Logistics trong thời gian được tóm gọn như sau:

- Thương mại điện tử (TMDT) nở rộ trong bối cảnh người dân tăng cường mua hàng trực tuyến vì COVID-19 cũng là yếu tố đáng chú ý giúp thị trường phục vụ TMDT phát triển mạnh. Hành vi mua hàng và kỳ vọng của người tiêu dùng thay đổi với những yêu cầu cao hơn về hàng nhanh, miễn phí giao hàng với cước ngắn, giá cả cạnh tranh và “logistics thu hồi” thuận tiện. Lịch trình giao hàng khắt khe thách thức các mô hình chuỗi cung ứng và logistics truyền thống, buộc các Công ty hiện phải điều chỉnh chiến lược của mình để cung cấp dịch vụ giao hàng theo yêu cầu với chi phí thấp. Thị phần TMDT trong thị trường bán lẻ ngày càng tăng, thậm chí là theo cấp số nhân.

- Các giải pháp trực tuyến sáng tạo, tùy chỉnh, đáp ứng yêu cầu đặc thù của khách hàng... sẽ hình thành phân khúc dịch vụ logistics cao cấp.

- Các thách thức từ dịch bệnh COVID-19 đang thúc đẩy quá trình tự động hóa trong lĩnh vực logistics (từ vận chuyển, dịch vụ cảng, kho bãi, vận tải...) và sẽ trở thành xu hướng chính trong thời gian tới. Các tác nhân trong toàn bộ chuỗi giá trị sẽ ưu tiên nâng cao hiệu quả hoạt động bằng cách đầu tư vào công nghệ.

Ngành kho bãi dự kiến sẽ chuyển đổi đáng kể với quá trình tự động hóa để đáp ứng sự phát triển nhanh chóng của TMDT xuyên biên giới và nhu cầu ngày càng tăng về các giải pháp chuỗi cung ứng tích hợp:

- Để hỗ trợ các Doanh nghiệp trong ngành đổi mới bắt kịp xu hướng chung, thị trường phát triển và ứng dụng các phần mềm Logistics sẽ là một trong những điểm sáng của lĩnh vực Logistics toàn cầu trong thời gian tới.

- Xu hướng logistics “xanh” tiếp tục là điểm nhấn quan trọng. Thiên tai và dịch bệnh trong



những năm gần đây và đặc biệt là năm 2020 không chỉ còn là hồi chuông cảnh báo mà như sự khẳng định cho việc thế giới phải quyết tâm hơn nữa trong bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. Là một trong những lĩnh vực gây ô nhiễm lớn (bên cạnh sản xuất công nghiệp), ngành logistics nói chung và vận tải nói riêng sẽ bị siết chặt hơn các quy định về bảo vệ môi trường và an toàn lao động trong thời gian tới.

Với các xu hướng trên, để tận dụng tối đa mọi cơ hội, các nhà cung cấp Dịch vụ Logistics nên tập trung nhiều hơn vào các phân khúc tăng trưởng nhanh như vận tải đa phương thức, Logistics trong TMĐT, Logistics chuỗi lạnh... đồng thời hợp tác chặt chẽ hơn để đảm bảo các mục tiêu về “xanh hóa” theo các quy định, cam kết quốc tế cũng như vì sự phát triển bền vững của chính mình.

c) Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Tổ chức phát hành so với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, xu thế chung trên thế giới:

Việt Nam có vị trí địa lý quan trọng trong khu vực châu Á, nằm trong khu vực có mạng lưới vận chuyển hàng hóa bằng đường biển năng động vào bậc nhất trên thế giới. Mặt khác, với hơn 3.260 km bờ biển, Việt Nam có tiềm năng rất lớn trong việc phát triển vận tải biển và các dịch vụ khác liên quan đến biển.

Phát triển vận tải biển theo hướng hiện đại hóa với chất lượng ngày càng cao, chi phí hợp lý, an toàn, hạn chế ô nhiễm môi trường và tiết kiệm năng lượng; tăng sức cạnh tranh của vận tải biển để chủ động hội nhập và mở rộng thị trường vận tải biển trong khu vực và trên thế giới” - đó là một trong những mục tiêu của Quy hoạch phát triển vận tải biển Việt Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 được Thủ tướng phê duyệt tại Quyết định số 1601/QĐ-TTg ngày 15/10/2009.

Cùng với chủ trương quan tâm và tạo điều kiện của Nhà nước vào ngành vận tải biển nói riêng và ngành vận tải nói chung, hoạt động của Công ty được đánh giá là phù hợp với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu hướng chung trên thế giới.

10.8. Hoạt động Marketing:

Nhằm tìm kiếm khách hàng, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, góp phần nâng cao vị thế và thương hiệu Gas Shipping, Công ty luôn chú trọng đến hoạt động marketing. Công ty đặc biệt chú trọng đến các chiến lược sản phẩm, chiến lược giá... nhằm gia tăng hiệu quả hoạt động kinh doanh.

10.9. Quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế:

Logo và nhãn hiệu của Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế:



Biểu tượng trên dùng làm nhãn hiệu quảng bá hình ảnh Công ty, sử dụng trên các ấn phẩm giới thiệu sản phẩm và dịch vụ của Công ty tính tới thời điểm hiện tại.

10.10. Chính sách nghiên cứu và phát triển:

- Ngoài khả năng cung cấp dịch vụ vận chuyển khí hóa lỏng (LPG), vận chuyển xăng dầu; Gas Shipping hiện đang xúc tiến thăm dò thị trường vận chuyển khí tự nhiên (CNG, LNG) và hóa chất (VCM).

- Việc nghiên cứu và phát triển sản phẩm dịch vụ mới là một yêu cầu cấp bách để đi trước và đón bắt được nhu cầu của thị trường, nhằm thực hiện chủ trương phát triển bền vững của Tổng Công ty PV Trans/Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

- Quá trình đưa ra sản phẩm dịch vụ mới trong tương lai, đòi hỏi Gas Shipping phải có kế hoạch đầu tư lớn, kết hợp với việc xác định các tiêu chuẩn dịch vụ theo yêu cầu của khách hàng và tình hình tiêu thụ sản phẩm tại thị trường Việt Nam cũng như trong khu vực Đông Nam Á.

- Dự kiến trong thời gian tới, Công ty tiếp tục thăm dò, khảo sát nghiên cứu thị trường vận tải VLGC, lên kế hoạch đầu tư tàu chở sản phẩm dầu, hoá chất và dự kiến triển khai cung cấp dịch vụ vận chuyển hoá chất bằng tàu biển chuyên dụng.

10.11. Chiến lược kinh doanh:

Công ty xây dựng chiến lược phát triển đến năm 2025 như sau:

➤ Quan điểm phát triển:

- Phát triển Gas Shipping một cách đồng bộ, có trọng tâm, theo hướng chuyên nghiệp hóa, đáp ứng yêu cầu của khách hàng trong nước và quốc tế; Lấy hiệu quả kinh doanh làm mục tiêu chủ đạo; Lấy chất lượng nguồn nhân lực và trình độ quản lý, quản trị để cạnh tranh lâu dài, bên cạnh các lợi thế thương mại hiện có; Lấy vận tải LPG bằng tàu định áp size coaster làm nền tảng cho việc phát triển; Mở rộng loại hình vận tải hỗ trợ đảm bảo an toàn hiệu quả.

- Đảm bảo hài hòa giữa phát triển Công ty, lợi ích kinh tế của cổ đông và đời sống của người lao động với bảo vệ môi trường, góp phần đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia và bảo vệ chủ quyền biển đảo.

➤ Mục tiêu phát triển:

- Nâng cao hiệu quả và năng lực cạnh tranh của đội tàu định áp ở thị trường nội địa và



khu vực. Đầu tư khai thác an toàn hiệu quả tàu VLGC trên thị trường quốc tế và tham gia nhập khẩu. Tiến tới tham gia dự án tàu LNG phục vụ nhập khẩu cùng các đối tác khác.

- Duy trì tốc độ tăng trưởng doanh thu/lợi nhuận từ 15% trở lên. Đến năm 2025, tổng tài sản đạt trên 2.000 tỷ đồng; Tỷ suất lợi nhuận trước thuế bình quân trên VDL không thấp hơn 20%.

- Tiếp tục nâng cao chất lượng dịch vụ, năng lực cạnh tranh, đạt trình độ quản lý chuyên nghiệp của các Công ty vận tải biển quốc tế.

➤ **Định hướng chung:**

- Phát huy tối đa lợi thế là đơn vị đầu mối vận tải sản phẩm LPG, lấy thị trường trong nước làm bàn đạp để đầu tư phát triển đội tàu tham gia khai thác thị trường vận tải LPG nhập khẩu và thị trường quốc tế; Đầu tư đội tàu trẻ khai thác thị trường quốc tế; Tập trung đầu tư khai thác đội tàu LPG định áp size coaster, triển khai đầu tư khai thác các loại tàu chở LPG khác (tàu bán lạnh, tàu lạnh size lớn).

- Tiếp tục phát triển Gas Shipping một cách đồng bộ, an toàn, hiệu quả với dịch vụ vận tải LPG và hóa chất là chủ đạo; Giữ vững vị trí là đơn vị vận tải LPG và hóa chất số 1 Việt Nam.

- Nâng cao chất lượng dịch vụ, năng lực cạnh tranh trong các lĩnh vực hoạt động, đảm bảo cung cấp các dịch vụ chất lượng, giá cả cạnh tranh tại cả thị trường nội địa và quốc tế.

- Tiếp tục mở rộng các loại hình dịch vụ khác liên quan đến hoạt động kinh doanh chính mà Gas Shipping có thể mạnh và kinh nghiệm như kinh doanh LPG, vận tải LPG bằng đường bộ...

Công ty xây Chiến lược phát triển đến năm 2035:

- Mục tiêu phát triển đến năm 2035, Gas Shipping trở thành Công ty vận tải khí có tên tuổi trong khu vực với đội tàu định áp đủ kiểm soát thị trường nội địa và có thương hiệu mạnh trong khu vực; Khai thác 04 – 05 tàu VLGC trên thị trường quốc tế và nhập khẩu, tham gia vào dự án tàu LNG nhập khẩu theo hình thức hợp tác đầu tư (BCC).

- Đảm bảo kinh doanh hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn; đảm bảo lợi ích tối đa của cổ đông; Đảm bảo quyền lợi và điều kiện làm việc tốt cho người lao động và đóng góp tích cực cho cộng đồng và xã hội.

Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:

Trách nhiệm đối với môi trường, xã hội và cộng đồng là cam kết của doanh nghiệp trong việc đóng góp cho sự phát triển bền vững thông qua việc cân bằng ba yếu tố: kinh tế, xã hội và



môi trường, đó cũng chính là tôn chỉ hoạt động của Gas Shipping. Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực vận tải khí yếu tố đặc thù của ngành nghề sẽ có tác động nhất định đến với môi trường. Do đó, Công ty luôn ý thức rõ trách nhiệm của mình đối với vấn đề môi trường, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững trong tương lai.

11. Chính sách đối với người lao động:

11.1. Cơ cấu lao động:

Số lượng và cơ cấu lao động của Công ty tại thời điểm 31/03/2021 và bình quân năm 2019, 2020 như sau:

Bảng 15: Tình hình lao động của Công ty

Stt	Chỉ tiêu phân loại	Năm 2019		Năm 2020		30/06/2021	
		Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
1.	Đại học và trên Đại học	101	49,0%	98	46,9%	99	45,41%
2.	Cao đẳng, trung cấp	86	41,8%	86	41,2%	87	39,91%
3.	Sơ cấp và công nhân kỹ thuật	19	9,2%	25	11,9%	32	14,68%
4.	Lao động khác	0	0%	0	0%	0	0%
TỔNG CỘNG		206	100%	209	100%	218	100%

Nguồn: Gas Shipping

11.2. Các chính sách đối với người lao động:

♦ Công tác đào tạo:

Tổng số lao động Công ty đến 30/06/2021 là 218 người, trong đó có 162 thuyền viên. Năm 2020, Công ty đã tuyển dụng bổ sung 26 thuyền viên, trong đó có 11 sỹ quan trẻ có trình độ ngoại ngữ tốt và kinh nghiệm làm việc quốc tế nhằm xây dựng, phát triển lực lượng lao động trực tiếp đủ về số lượng và chất lượng, kịp thời đáp ứng yêu cầu mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Công tác tuyển dụng kịp thời đã từng bước cụ thể hoá chiến lược chuyên nghiệp và chuyên biệt hoá lực lượng thuyền viên. Công ty đẩy mạnh việc đào tạo và phát triển nội bộ, tạo điều kiện cho đội ngũ thuyền viên trẻ phát triển chức danh cao hơn, bổ nhiệm 02 thuyền trưởng, 01 máy trưởng, 09 sỹ quan cấp quản lý và vận hành trẻ.

Tổ chức các khóa huấn luyện đào tạo bồi dưỡng, cập nhật kiến thức chuyên môn nghiệp



vụ, kỹ năng công tác: đào tạo đánh giá viên nội bộ hệ thống quản lý an toàn và chất lượng; Huấn luyện về an toàn vệ sinh lao động, phòng cháy chữa cháy; Huấn luyện kỹ năng sử dụng hải đồ điện tử cho sỹ quan boong; Kiểm tra trình độ tiếng Anh cho CBCNV và thuyền viên; Kỹ năng nghiệp vụ quản lý tài chính, thương mại phù hợp với yêu cầu mới... Tổng số khoá đào tạo đã thực hiện là 121 khoá với 303 lượt người, trong đó đào tạo cho thuyền viên là 101 khóa với 201 người.

♦ **Chính sách tiền lương:**

Để đảm bảo chất lượng đời sống CBCNV, Công ty đã có các kế hoạch trả lương, trả thưởng năm 2020 theo đúng quy chế và quy định của Công ty. Quy định về chế độ khen thưởng định kỳ được xét theo tiêu chí, thang điểm đánh giá cụ thể để đảm bảo tính công bằng và khách quan trong quá trình nhận xét đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của nhân viên. Việc đánh giá xếp loại sẽ được thực hiện vào hàng tháng/quý đối với CBNV và căn cứ theo Quy định đánh giá mức độ hoàn thành công việc của Công ty.

Chi phí thuyền viên (tiền lương, tiền ăn ca, phụ cấp biển...) cũng đã được Công ty rà soát và điều chỉnh phù hợp với mặt bằng chung giữa các đơn vị trong Tổng Công ty.

Trong bối cảnh khó khăn của đại dịch COVID-19, thu nhập người lao động bình quân vẫn đạt trên 25 triệu đồng/người/tháng, góp phần tạo điều kiện cho người lao động yên tâm gắn bó với Công ty.

♦ **Chính sách phúc lợi:**

Đối người lao động trong Công ty, chính sách trả lương sẽ được tính theo hệ số, hệ số lương được tính căn cứ theo trình độ, năng lực và hiệu quả công việc được giao. Để đảm bảo quyền lợi cho người lao động Công ty thường xuyên tiến hành kiểm tra việc thực hiện các chế độ chính sách về tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và nâng bậc lương theo niên hạn cho cán bộ công nhân viên.

Ngoài những quyền lợi được quy định trong Luật Lao động, người lao động trong Công ty còn được hưởng các đãi ngộ dưới các hình thức như du lịch, nghỉ mát, trợ cấp khi thai sản và ốm đau, trợ cấp khó khăn...

♦ **Chính sách bảo hộ lao động:**

Mọi CBCNV được trang bị dụng cụ bảo hộ lao động đạt tiêu chuẩn, được kiểm tra sức khỏe định kỳ hàng năm để hạn chế tối đa rủi ro cũng như phát hiện, điều trị kịp thời bệnh nghề nghiệp. CBCNV Công ty được tham gia đủ 03 loại bảo hiểm gồm: bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và được xem xét hỗ trợ các chính sách, bồi thường độc hại trong các chế độ phụ cấp ngoài lương. Tòa nhà văn phòng, nhà máy sản xuất được trang bị hệ thống cháy,

bảo cháy, bình chữa cháy, vòi nước... nhằm ứng phó kịp thời với các tình huống khẩn cấp.

12. Chính sách cổ tức:

Công ty thực hiện chi trả cổ tức theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các quy định về chi trả cổ tức trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và các văn bản pháp lý liên quan. Công ty sẽ chi trả cổ tức cho các cổ đông khi kinh doanh có lãi và đã hoàn thành các nghĩa vụ nộp thuế, các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Kết thúc niên độ tài chính, HĐQT có trách nhiệm xây dựng phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ để trình Đại hội đồng cổ đông. Phương án này được xây dựng trên cơ sở lợi nhuận sau thuế mà Công ty thu được từ hoạt động kinh doanh trong năm tài chính vừa qua sau khi đã thực hiện nghĩa vụ nộp thuế và tài chính khác theo quy định của pháp luật hiện hành. Bên cạnh đó, Công ty cũng xét tới kế hoạch và định hướng kinh doanh, chiến lược đầu tư mở rộng hoạt động kinh doanh trong năm tới để đưa ra mức cổ tức dự kiến hợp lý.

Tỷ lệ trả cổ tức cho cổ đông qua các năm như sau:

Bảng 16: Tỷ lệ chi trả cổ tức của Công ty qua các năm

Nội dung	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021 (dự kiến)
Tỷ lệ chi trả	20%	15%	12%
Hình thức	Trả cổ tức bằng cổ phiếu	Tiền mặt (**)	Tiền mặt

Nguồn: Gas Shipping

(**): ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 đã thông qua chi trả cổ tức năm 2020 bằng tiền mặt với tỷ lệ 15%. Ngày 16/4/2021, Nghị quyết Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua ngày 04/5/2021 là ngày đăng ký cuối cùng và ngày 19/5/2021 là ngày thanh toán để thực hiện chia cổ tức năm 2020 cho cổ đông.

13. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất:

Không có.

14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức phát hành:

Không có.

15. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán:

Không có.



16. Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích:

Không có.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH:

1. Kết quả hoạt động kinh doanh:

- 1.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành trong 02 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất:

Bảng 17: Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty qua các năm

Đvt: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% tăng/giảm	Quý II/2021
Tổng giá trị tài sản	902.517	877.247	-2,80%	909.639
Doanh thu thuần	1.390.980	1.547.235	11,23%	887.966
Lợi nhuận gộp	108.656	109.367	0,65%	56.797
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	65.034	69.318	6,59%	37.363
Lợi nhuận khác	650	5.860	802,17%	405
Lợi nhuận kế toán trước thuế	65.684	75.178	14,46%	37.768
Lợi nhuận kế toán sau thuế	52.407	60.002	14,49%	30.216
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	75,94%	88,52%	16,57%	-
Tỷ lệ cổ tức	20%	15%	-25,00%	-

Nguồn: BCTC năm 2019, 2020 được kiểm toán và BCTC Quý II/2021 của Gas Shipping

- 1.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổ chức phát hành:

♦ Những nhân tố chính tác động đến tình hình hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán:

Dịch bệnh COVID-19 hiện tại đã lan ra toàn bộ các nước Đông Nam Á/Đông Bắc Á – đây là thị trường vận tải chính của Gas Shipping, gây ra sự sụt giảm rõ ràng đến thị trường vận tải của đơn vị do nguồn hàng từ Trung Quốc và các vùng có dịch giảm mạnh. Các đơn vị kinh doanh do khó khăn trong tiêu thụ hàng tồn cũng hạn chế nhập hàng khiến các chủ tàu thiết nguồn để vận chuyển, đặt ra nhiều vấn đề trong công tác sắp xếp, bố trí tàu.



Trong hoạt động khai thác, thời gian tàu cập, rời cảng cũng kéo dài do các biện pháp ngăn ngừa và kiểm dịch ảnh hưởng nghiêm trọng đến công tác bố trí, sắp xếp tàu và phát sinh chi phí chờ xếp, dỡ hàng. Hoạt động của đội tàu tại các vùng có dịch cũng tiềm ẩn nhiều rủi ro nghiêm trọng có thể phát sinh do lây nhiễm. Từ đầu tháng 02/2020, cảng Dung Quất từ chối cấp phép cập cảng đối với các tàu có lịch trình di chuyển qua khu vực Trung Quốc, Hongkong trong vòng 14 ngày, khiến các chủ tàu phải thay đổi kế hoạch khai thác, sắp xếp tàu đến cảng xa hơn để đảm bảo điều kiện vào nhận, trả hàng.

Bên cạnh đó, do dịch COVID-19, nhu cầu tiêu thụ trên thị trường quốc tế giảm dần và duy trì ở mức thấp khiến việc đưa tàu ra quốc tế khó khăn hơn, ảnh hưởng đến việc thực hiện kế hoạch SXKD của Công ty.

Đặc thù của các doanh nghiệp vận tải biển là chi phí nhiên liệu chiếm tỷ trọng khoảng trên 40% trong giá thành dịch vụ, do đó giá cước vận tải sẽ phụ thuộc rất lớn vào biến động của giá dầu thô/dầu sản phẩm. Việc giảm giá dầu thô sẽ có tác động 2 chiều đối với kết quả kinh doanh của đơn vị, một mặt giúp giảm chi phí nhiên liệu đầu vào phục vụ đội tàu, mặt khác cũng sẽ dẫn tới việc giảm giá cước vận tải, giảm doanh thu và lợi nhuận của đơn vị. Tuy nhiên, trong các giai đoạn tương tự trước đây, việc suy giảm giá cước (doanh thu) luôn nhiều hơn phần suy giảm phí phí (lợi nhuận sẽ suy giảm nhiều hơn).

Các khách hàng của Gas Shipping đang gặp nhiều khó khăn về ngân sách nên sẽ cắt giảm chi phí và giảm nhu cầu dịch vụ. Chắc chắn sẽ có yêu cầu chia sẻ khó khăn trong giai đoạn hiện nay, trước mắt là giảm giá cước vận tải và sau đó có thể là hủy các hợp đồng đã ký kết.

♦ Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Tổ chức phát hành kể từ thời điểm 31/12/2020:

Đại dịch COVID-19 tiếp tục diễn biến phức tạp trên quy mô toàn cầu, đặc biệt là sự xuất hiện của các biến chủng mới dẫn tới hoạt động kinh tế suy giảm và sự thay đổi hành vi tiêu dùng theo hướng giảm tiêu dùng, tăng tiết kiệm để đề phòng rủi ro khiến cung - cầu năng lượng có thể biến động mạnh từ đó có thể khiến Doanh thu của Công ty bị giảm sút.

Xu hướng giảm đầu tư nước ngoài do dịch bệnh ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động thương mại, đình trệ đầu tư, tạo tâm lý e ngại, trì hoãn mở rộng đầu tư của nhiều doanh nghiệp nước ngoài. Nhu cầu tiêu dùng trong nước phục hồi chậm và hoạt động xuất khẩu giảm tiếp tục tạo nhiều thách thức cho hoạt động của Công ty.

Mặt khác, việc thúc đẩy sản xuất và tiêm chủng vaccine ngừa COVID-19 của các quốc gia trên thế giới có thể sẽ mang lại hiệu quả cho các nền kinh tế, tăng dần nhu cầu tiêu dùng



trong tương lai. Công ty cũng cần chủ động chuẩn bị kịch bản tốt nhất để ứng phó với những biến động có thể tác động lớn tới kết quả hoạt động và tình hình tài chính của Công ty.

2. Tình hình tài chính.

2.1. Các chỉ tiêu cơ bản:

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của Công ty trình bày bằng Đồng Việt Nam. Công ty áp dụng thông tư 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014, hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp, các Chuẩn mực kế toán do Bộ tài chính ban hành, các văn bản sửa đổi, bổ sung hướng dẫn thực hiện kèm theo.

Vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh:

Bảng 18: Báo cáo về vốn điều lệ của Công ty

Đvt: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
Vốn điều lệ	360.000	360.000	360.000

Nguồn: BCTC năm 2019, 2020 được kiểm toán và BCTC Quý II/2021 của Gas Shipping

Bảng 19: Báo cáo về nguồn vốn kinh doanh của Công ty

Đvt: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
I. Vốn chủ sở hữu	452.197	461.730	433.747
- Vốn góp của chủ sở hữu	360.000	360.000	360.000
- Thặng dư vốn cổ phần	-	-	-
- Cổ phiếu quỹ	-	-	-
- Vốn khác của chủ sở hữu	1.709	1.709	1.709
- Quỹ đầu tư phát triển	26.006	39.108	39.108
- LNST chưa phân phối	64.482	60.913	32.930
II. Nợ phải trả	450.320	415.516	475.892
- Nợ ngắn hạn	204.045	231.694	322.817
- Nợ dài hạn	246.275	183.822	153.075
Tổng nguồn vốn kinh doanh	902.517	877.246	909.639

Nguồn: BCTC năm 2019, 2020 được kiểm toán và BCTC Quý II/2021 của Gas Shipping

**Bảng 20: Tình hình sử dụng vốn kinh doanh của Công ty***Đvt: triệu đồng*

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.229	28.805	100.379
Đầu tư tài chính ngắn hạn	153.970	177.500	105.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	98.996	91.761	180.294
Hàng tồn kho	17.159	13.674	18.537
Tài sản ngắn hạn khác	43.990	33.084	47.161
Các khoản phải thu dài hạn	1.071	1.080	1.469
Tài sản cố định hữu hình	534.102	481.342	454.797
Tài sản dở dang dài hạn	-	-	2.001

*Nguồn: BCTC năm 2019, 2020 được kiểm toán và BCTC Quý II/2021 của Gas Shipping***Trích khấu hao TSCĐ:**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính cho nhóm tài sản cụ thể như sau:

Bảng 21: Số năm khấu hao TSCĐ hữu hình

Stt	Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
1	Máy móc thiết bị	3
2	Phương tiện vận tải	5-13
3	Thiết bị văn phòng	3-5

*Nguồn: BCTC năm 2020 được kiểm toán của Gas Shipping***Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện bao gồm là giá trị giấy phép và giấy phép nhượng quyền và phần mềm vi tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm. Tính tới thời điểm hiện tại, các tài sản cố định vô hình của Công ty đã được khấu hao hết.

Nguyễn

**Mức lương bình quân:****Bảng 22: Mức lương bình quân**

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
Mức lương bình quân (triệu VND/người/tháng)	23	24	25

Nguồn: Gas Shipping

Mức lương bình quân của Công ty được đánh giá ở mức tương đương so với các doanh nghiệp cùng ngành và ở mức khá so với các doanh nghiệp cùng địa bàn.

Thanh toán các khoản nợ đến hạn:

Công ty không có khoản nợ quá hạn tính tới thời điểm hiện tại.

Các khoản phải nộp theo luật định:

Công ty thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế và các khoản phải nộp khác cho Nhà nước.

Bảng 23: Số dư các khoản thuế phải nộp của Công ty*Đvt: triệu đồng*

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020
1	Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	47
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.860	4.069
3	Thuế thu nhập cá nhân	237	124
4	Thuế xuất nhập khẩu	72	42
Tổng		4.169	4.282

*Nguồn: BCTC năm 2020 được kiểm toán của Gas Shipping***Trích lập các quỹ theo luật định:**

Theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, trước khi phân chia cổ tức cho cổ đông, Công ty phải trích lập các Quỹ theo quy định. Việc trích lập và sử dụng các quỹ hàng năm do ĐHĐCĐ quyết định.

Bảng 24: Tình hình trích lập các quỹ của Công ty qua các năm*Đvt: triệu đồng*

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	964	1.384	2.731
Quỹ đầu tư phát triển	26.006	39.108	39.108
Tổng cộng:	26.970	40.492	41.839

Nguồn: BCTC năm 2020 được kiểm toán và BCTC Quý II/2021 của Gas Shipping

**Tổng dư nợ vay:**

Công ty hiện tại có thực hiện vay nợ ngân hàng, cụ thể:

Bảng 25: Số dư các khoản vay của Công ty qua các năm

Đvt: triệu đồng

Stt	Khoản mục	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
1	Vay và nợ ngắn hạn	57.377	57.241	57.080
2	Vay và nợ dài hạn	237.105	179.303	150.260
Tổng Cộng		294.482	236.544	207.340

Nguồn: BCTC năm 2019, 2020 được kiểm toán và BCTC Quý II/2021 của Gas Shipping

Tình hình công nợ hiện nay:♦ **Các khoản phải thu:****Bảng 26: Chi tiết các khoản phải thu của Công ty**

Đvt: triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
I	Phải thu ngắn hạn	98.996	91.761	180.294
1	Phải thu của khách hàng	91.002	86.428	170.863
2	Trả trước cho người bán	736	2.031	4.046
3	Các khoản phải thu khác	7.258	3.302	5.385
II	Phải thu dài hạn	1.071	1.080	1.469
1	Phải thu dài hạn khác	1.071	1.080	1.469
Tổng cộng		100.067	92.841	181.764

Nguồn: BCTC năm 2019, 2020 được kiểm toán và BCTC Quý II/2021 của Gas Shipping

♦ **Các khoản nợ phải trả:****Bảng 27: Chi tiết các khoản nợ phải trả của Công ty**

Đvt: triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
I	Phải trả ngắn hạn	204.045	231.694	322.817
1	Phải trả người bán	111.488	98.614	150.471
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	323	290	17
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	4.169	4.282	6.949
4	Phải trả người lao động	15.227	19.584	21.693



Stt	Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
5	Chi phí phải trả	1.883	4.894	983
6	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	-	-	3.159
7	Các khoản phải trả phải nộp khác	337	10.726	37.069
8	Vay ngắn hạn	57.377	57.241	57.080
9	Dự phòng phải trả ngắn hạn	12.276	33.881	42.666
10	Quỹ khen thưởng phúc lợi	964	1.384	2.731
II	Phải trả dài hạn	246.275	183.822	153.075
1	Vay dài hạn	237.105	179.303	150.260
2	Dự phòng phải trả dài hạn	9.170	4.519	2.815
	Tổng cộng	450.320	415.516	475.892

Nguồn: BCTC năm 2019, 2020 được kiểm toán và BCTC Quý II/2021 của Gas Shipping

2.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Bảng 28: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty giai đoạn 2019 – 2020

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	- Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,80	1,70
	- Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,72	1,65
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
	- Hệ số nợ/Tổng tài sản	Lần	0,50	0,47
	- Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	1,00	0,90
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	- Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	61,86	93,27
	- Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Lần	1,75	1,74
	- Doanh thu thuần/Tổng tài sản ngắn hạn bình quân	Lần	3,58	4,06
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi			
	- Hệ số LN sau thuế/DT thuần	%	3,77%	3,88%
	- Hệ số LN sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	11,59%	12,99%
	- Hệ số LN sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	6,58%	6,74%



Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020
	- Hệ số LN sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	12,25%	13,13%
	- Hệ số LN từ hoạt động kinh doanh /DT thuần	%	4,68%	4,48%
	- Thu nhập trên Cổ phần (EPS)	Đồng/Cp	1.354	1.550

Nguồn: Tính toán từ BCTC năm 2019, 2020 được kiểm toán của Gas Shipping

3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức phát hành:

Theo Báo cáo kiểm toán số 0426/VN1A-HC-BC ngày 19/3/2020 của Công ty TNHH Deloitte Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh cho Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019 của Công ty, Kiểm toán viên có ý kiến như sau: “Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính”.

Theo Báo cáo kiểm toán số 0340/VN1A-HC-BC ngày 15/3/2021 của Công ty TNHH Deloitte Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh cho Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020 của Công ty, Kiểm toán viên có ý kiến như sau: “Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính”.

4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức:

4.1. Kế hoạch hoạt động kinh doanh:

Dựa vào tình hình hoạt động năm 2020 và định hướng phát triển của Công ty, Gas Shipping đã đề ra kế hoạch lợi nhuận và cổ tức cho năm 2021 với những chỉ tiêu cụ thể như sau:

Bảng 29: Kế hoạch hoạt động kinh doanh và ngân sách tài chính năm 2021

Đvt: tỷ đồng



Chỉ tiêu	Năm 2021		TH Lũy kế đến Quý II/2021	% thực hiện
	Kế hoạch	% tăng/giảm so với năm trước		
Doanh thu thuần	1.300	-15,97%	888	68,31%
Lợi nhuận sau thuế	52	-13,33%	30	57,69%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (***)	4%	3,09%	3,40%	85%
Vốn chủ sở hữu (***)	660	42,86%	434	65,76%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (***)	9,27%	-29,40%	6,75%	72,82%
Cổ tức	12%	-20%	-	-

Nguồn: NQ ĐHĐCĐ thường niên năm 2021, BCTC Quý II/2021 của Công ty

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 02/NQ-VTSPK-ĐHĐCĐ ngày 08/4/2021 đã thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 của Giám đốc Công ty theo bảng nêu trên.

(***) : Chỉ tiêu này được tính toán dự kiến dựa trên Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua.

Căn cứ để đạt được kết quả doanh thu, lợi nhuận và cổ tức nêu trên:

Năm 2021, mặc dù đã có vaccine phòng COVID-19, nhưng do chưa thể phân phối trên diện rộng và hiệu quả cũng chưa cao nên dự báo ảnh hưởng của dịch bệnh sẽ còn kéo dài ở hầu hết các quốc gia.

Nổi lên như một điểm sáng của thế giới, Việt Nam được đánh giá là quốc gia ứng phó thành công nhất với dịch COVID-19. Sự chuẩn bị kỹ càng, tích cực, chủ động vào cuộc ngay từ đầu của cả hệ thống chính trị, thông tin minh bạch là những yếu tố tạo nên sự thành công của Việt Nam.

Về thị trường dầu mỏ:

- Thị trường dầu mỏ cũng chịu ảnh hưởng gián tiếp từ dịch COVID-19 khi nhu cầu thị trường sụt giảm, tuy nhiên các nhà phân tích dự báo nhu cầu sẽ tăng dần lên trong năm 2021. Bên cạnh đó, các yếu tố gây ảnh hưởng đến giá dầu vẫn còn tiềm ẩn như xung đột ở một số



điểm nóng tại khu vực Trung Đông, nguy cơ thỏa thuận hạt nhân với Iran đổ vỡ, tình hình căng thẳng ở khu vực biển Đông...

- Giá dầu thô trong năm 2021 cũng được Cơ quan Thông tin Năng lượng Hoa Kỳ dự báo duy trì quanh mức 50 - 55 USD/thùng, có thể vượt mức 55 USD/thùng nếu dịch COVID-19 được khống chế sớm.

Về thị trường vận tải hàng hải trong nước và quốc tế:

- Thị trường tiêu thụ sụt giảm, kéo theo nhu cầu vận tải cũng bị tác động theo, các quốc gia hạn chế hàng hóa xuất nhập khẩu trong giai đoạn này. Bên cạnh đó, các quy định cách ly, kiểm tra, kiểm dịch... đối với các phương tiện vận tải để phòng chống dịch bệnh cũng gây rất nhiều khó khăn cho các đơn vị vận tải.

- Thị trường tàu định áp (giá cước và giá bán) được duy trì ổn định ở mức như 2 năm qua. Giá cước vận tải bằng tàu VLGC dự kiến tiếp tục tăng tuy nhiên vẫn không tương xứng với giá trị đầu tư, giá mua bán tàu VLGC có xu hướng tăng nhưng vẫn ở mức thấp so với giai đoạn trước. Giá cước tàu vận chuyển dầu sản phẩm/hóa chất size nhỏ đến khoảng 20.000 DWT tương đối ổn định nhờ vào việc ít bị ảnh hưởng trong giai đoạn khủng hoảng vừa qua.

- Sự gia tăng số lượng tàu của các chủ tàu sẽ gây áp lực cho việc duy trì và bảo vệ vị thế thị trường của Gas Shipping.

- Thị trường LPG so với năm 2020 dự kiến duy trì ổn định. BSR sau khi kết thúc bảo dưỡng định kỳ hoạt động bình thường; GPP Cà Mau sẽ dừng bảo dưỡng định kỳ khoảng 30 ngày; NSRP tiếp tục vận hành thương mại, tuy nhiên sản lượng LPG bán ra thị trường vẫn ở mức thấp; Nguồn LPG từ Nhà máy Chế biến khí Dinh Cố và Kho lạnh Thị Vải vẫn duy trì bình thường.

Về tình hình kinh tế trong nước:

- Ở trong nước, ổn định vĩ mô tiếp tục được duy trì. Trong trường hợp dịch bệnh được kiểm soát, nền kinh tế phục hồi nhanh chóng và tốc độ tăng trưởng kỳ vọng đạt 6,8% (theo dự báo của Ngân hàng Phát triển Châu Á).

- Lãi suất, tỷ giá được điều hành linh hoạt phù hợp với diễn biến kinh tế vĩ mô, lạm phát, thị trường tiền tệ. Việc hạn chế cho vay bằng USD từ cuối năm 2019 của NHNN sẽ ảnh hưởng không nhỏ tới kế hoạch đầu tư phát triển đội tàu và hiệu quả đầu tư của các dự án mới.

Về Công ty Gas Shipping:

- Là Công ty niêm yết trên sàn chứng khoán TP HCM, hiệu quả SXKD từ khi thành lập cho đến nay tương đối tốt, có tiềm lực về tài chính tốt, dễ huy động vốn thông qua việc phát



hành cổ phiếu và để tiếp cận được các nguồn vốn vay với lãi suất cạnh tranh.

- Mỗi quan hệ với mạng lưới các brokers và các chủ hàng/chủ tàu quốc tế đã được xây dựng từ trước nên Gas Shipping có khách hàng/thị trường riêng để thực hiện các hoạt động charter in/charter out hay swap tàu vận chuyển.

Các giải pháp chính thực hiện kế hoạch:

Giải pháp về kinh doanh, khai thác:

- Sắp xếp, bố trí tàu và phương tiện vận tải khác một cách tối ưu, tiếp tục duy trì cơ chế phối hợp và xây dựng kế hoạch khai thác cụ thể với Công ty Nhật Việt nhằm giữ vững thị trường vận tải LPG nội địa.
- Đẩy mạnh vận chuyển LPG xuất nhập khẩu cho PVGas Trading đi các nước trong khu vực và vận tải trên thị trường quốc tế.
- Theo dõi sát diễn biến thị trường mua bán tàu; Tích cực làm việc với các nhà môi giới, các chủ hàng trong khu vực để có thông tin diễn biến thị trường mua bán tàu, thị trường cước tàu, yêu cầu quản lý và các yếu tố chi phí để hoàn tất dự án đầu tư.
- Tiếp tục duy trì đưa các tàu tham gia vận chuyển trên thị trường quốc tế, đặc biệt là khu vực Đông Nam Á và Bắc Á nhằm mục tiêu mở rộng thị trường.
- Tăng cường công tác marketing, xây dựng và mở rộng mối quan hệ, phối hợp với: khách hàng, cảng vụ, đăng kiểm, kho cảng, đại lý, mạng lưới brokers...

Giải pháp về quản lý, tổ chức:

- Tăng cường công tác bảo dưỡng, sửa chữa và cung cấp kịp thời vật tư trang thiết bị, đảm bảo các điều kiện kỹ thuật của đội tàu luôn ở trạng thái tốt, hạn chế đến mức thấp nhất thời gian tàu dừng vì lý do kỹ thuật. Duy trì SIRE của các Oil Major cho đội tàu Công ty.
- Tập trung hoàn thiện và nâng cao công tác quản lý, quản trị và bộ máy tổ chức tại Gas Shipping. Tiếp tục rà soát, bổ sung và hoàn thiện quy chế, quy định, các định mức kinh tế kỹ thuật, Hệ thống quản lý an toàn (ISM code) và MLC 2006, nâng cấp Hệ thống quản lý chất lượng (ISO 9001:2015) để góp phần giảm chi phí, nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Tăng cường tiết kiệm chi phí, công tác kiểm tra/kiểm soát, quản lý chặt chẽ tình hình công nợ, đảm bảo không để phát sinh công nợ khó đòi, không để phát sinh những khoản nợ xấu.

- Xây dựng, cải thiện môi trường làm việc tốt để CBCNV được đóng góp và phát huy hết năng lực. Tích cực thu hút lao động giỏi, quan tâm và cải thiện đời sống vật chất và văn hóa



tinh thần cho người lao động, tạo môi trường làm việc đoàn kết, gắn bó trong Công ty.

4.2. Đánh giá của Tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức:

Với tư cách là tổ chức tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán Agribank xin đưa ra đánh giá về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận, cổ tức của Gas Shipping trong năm 2021 dựa trên cơ sở thu thập thông tin, nghiên cứu phân tích thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính hiện nay của Công ty.

Trong những năm qua, Gas Shipping đã đạt được một số thành tựu quan trọng như: Hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh được giao; Cùng với Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt giữ vững vị thế chi phối ở thị trường nội địa; Đẩy mạnh phát triển ra thị trường quốc tế với 171 chuyến quốc tế, tăng nguồn thu ngoại tệ, xây dựng thương hiệu Gas Shipping trên thị trường quốc tế, có dư địa để ứng phó với các thay đổi của thị trường trong nước; Công tác quản lý kỹ thuật và an toàn đã thích ứng với hoàn cảnh khó khăn của đại dịch; Thỏa mãn 100% các yêu cầu của khách hàng thuê tàu về tình trạng kỹ thuật và an toàn đội tàu. Đây là nền tảng quan trọng giúp Gas Shipping nâng cao vị thế trong ngành.

Vì vậy, Công ty Cổ phần Chứng khoán Agribank cho rằng kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Gas Shipping dự kiến trong năm 2021 là phù hợp và khả thi nếu không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động tới hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Đối với chỉ tiêu vốn điều lệ, trong năm 2021, Gas Shipping sẽ thực hiện chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ, nên việc đạt được kế hoạch đề ra là hoàn toàn khả thi.

Chúng tôi lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét của chúng tôi được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có tính chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính, chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Các nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG:

1. Thông tin về cổ đông sáng lập:

Các hạn chế với cổ đông sáng lập không còn hiệu lực.

2. Thông tin về cổ đông lớn:

- Đối với cá nhân:



STT	Tên	Năm sinh	Quốc tịch	Cổ phần có quyền biểu quyết				Các lợi ích liên quan tới TCPH (nếu có)
				Cổ phiếu đang nắm giữ		Dự kiến Cổ phiếu sau chào bán		
				Số lượng (cp)	Tỷ lệ	Số lượng (cp)	Tỷ lệ	
I. CỔ ĐÔNG LỚN								
1.	Nguyễn Hồng Hiệp	1973	Việt Nam	3.020.292	8,4%	3.698.232	8,4%	Không có
II. NHỮNG NGƯỜI LIÊN QUAN CỦA CỔ ĐÔNG LỚN				0	0%	0	0%	Không có
Tổng cộng				3.020.292	8,4%	3.698.232	8,4%	

Nguồn: Gas Shipping

Nguyễn



BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG



- Đối với tổ chức:

TT	Tên	Năm thành lập	Số ĐKKD	Địa chỉ trụ sở chính	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Người đại diện theo pháp luật	Người đại diện theo ủy quyền tại GSP	Cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông lớn				Các lợi ích liên quan tới TCPH (nếu có)
								Cổ phiếu đang nắm giữ		Dự kiến Cổ phiếu sau chào bán		
								Số lượng (cp)	Tỷ lệ	Số lượng (cp)	Tỷ lệ	
I. CỔ ĐÔNG LỚN												
1.	Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	07/05/2007	0302743192	Tầng 2, Tòa nhà PVFCCo, Số 43 Mạc Đĩnh Chi Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh	3.236	Nguyễn Duyên Hiếu	Mai Thế Toàn – Chủ tịch HĐQT	8.185.080	22,7%	12.732.346	22,7%	Công ty mẹ - Công ty con.
							Phạm Thị Trúc - Phó Chủ tịch HĐQT	3.600.000	10%	5.600.000	10%	Lợi ích liên quan được thể hiện tại phần (1) dưới đây.
							Nguyễn Duyên Hiếu - Thành viên HĐQT	5.400.000	15%	8.400.000	15%	
							Nguyễn Thế Anh – Thành viên HĐQT	3.600.000	10%	5.600.000	10%	
							Vũ Thị Phương Nga – Thành viên HĐQT	3.600.000	10%	5.600.000	10%	
Tổng cộng								24.385.080	67,7%	37.932.346	67,7%	

Nguồn: Gas Shipping



Ký



ST T	Tên	Mối liên quan với PVT	Năm sinh	Quốc tịch	Cổ phần có quyền biểu quyết của những người có liên quan của cổ đông lớn				Các lợi ích liên quan tới TCPH (nếu có)
					Cổ phiếu đang nắm giữ tại GSP		Dự kiến Cổ phiếu sau chào bán tại GSP		
					Số lượng (cp)	Tỷ lệ	Số lượng (cp)	Tỷ lệ	
II. NHỮNG NGƯỜI LIÊN QUAN CỦA CỔ ĐÔNG LỚN									
1.	Phạm Việt Anh	Chủ tịch HĐQT - PVT	1971	Việt Nam	77.508	0,22%	120.568	0,22%	Không có
	Tổng cộng				77.508	0,22%	120.568	0,22%	

Nguồn: Gas Shipping

Đối với cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Tổ chức phát hành và những người liên quan của họ, các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành với các đối tượng này bao gồm:

STT	Tên Hợp đồng	Loại giao dịch	Giá trị giao dịch (triệu đồng)	Các điều khoản quan trọng khác	Cấp có thẩm quyền phê duyệt
1.	HĐ số 70/2017/HĐVC-COA/PVT- GSP giữa Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí và Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế ⁽¹⁾	Cho thuê tàu (HĐ nguyên tắc 5 năm)	502.892	Không có	Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí

3. Thông tin về thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng:

3.1. Thành viên Hội đồng Quản trị:

Tại thời điểm hiện nay, Hội đồng Quản trị Công ty gồm có những thành viên sau:

Stt	Họ và tên	Chức vụ
1.	Mai Thế Toàn	Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
2.	Phạm Thị Trúc	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Thuyền



Stt	Họ và tên	Chức vụ
3.	Nguyễn Duyên Hiếu	Thành viên Hội đồng Quản trị.
4.	Nguyễn Thế Anh	Thành viên Hội đồng Quản trị.
5.	Vũ Thị Phương Nga	Thành viên Hội đồng Quản trị.

➤ Ông Mai Thế Toàn - Chủ tịch Hội đồng Quản trị:

- Giới tính : Nam.
- Ngày sinh : 02/7/1968.
- CMND : số 273368807 do CA Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 31/8/2006.
- Quốc tịch : Việt Nam.
- Dân tộc : Kinh.
- Địa chỉ thường trú: Số 38, Đường số 10, Khu Dân cư Nam Long, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. HCM.
- Số điện thoại liên lạc : 091 823 8199.
- Địa chỉ : Số 38, Đường số 10, Khu Dân cư Nam Long, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. HCM.
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Khai thác máy tàu biển, Thạc sỹ Công nghệ cơ khí.
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
T6/1991 - T8/1991	Công ty Vận tải biển Thanh Hóa.	Thuyền viên.
T9/1997 - T6/2002	Công ty Vận tải biển Việt Nam.	Thuyền viên.
T7/2002 - T2/2003	Xí nghiệp Tàu Dịch vụ PTSC.	Thuyền viên.
T3/2003 - T11/2003	Xí nghiệp Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC.	Nhân viên Kỹ thuật.
T12/2003 - T4/2006	Xí nghiệp Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC.	Phó Phòng Kỹ Thuật.
T5/2006 - T7/2007	Xí nghiệp Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC.	Phó Giám đốc.
T8/2007 - T5/2011	Công ty Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC.	Phó Giám đốc.



Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
T5/2011 - T12/2019	Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương.	Chủ tịch HĐQT, Phó Tổng Giám đốc CTCP Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương.
	Công ty Dịch vụ quản lý tàu.	Giám đốc Công ty Dịch vụ quản lý tàu.
T12/2019 - nay	Tổng Công ty Vận tải Dầu khí (PVTrans).	Ủy viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc.
	Công ty CP Vận tải Thái Bình Dương.	Chủ tịch HĐQT.
	Công ty Dịch vụ quản lý tàu.	Giám đốc.
	Công ty CP Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế.	Chủ tịch HĐQT.

- Chức vụ công tác tại Công ty: Chủ tịch HĐQT.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
 - + Ủy viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty CP Vận tải Dầu khí.
 - + Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Vận tải Thái Bình Dương.
 - + Giám đốc Công ty Dịch vụ quản lý tàu.
- Số lượng và tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không có.
- Lợi ích liên quan tới TCPH:
 - + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa bản thân hoặc những người có liên quan với Tổ chức phát hành: Không có.
 - + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác từ TCPH:
 - Năm 2019: 2.045.455 đồng (Bổ nhiệm Chủ tịch HĐQT từ ngày 11/12/2019).
 - Năm 2020: 42.755.150 đồng.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân, đại diện theo ủy quyền và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
 - + Sở hữu theo đại diện ủy quyền: 8.185.080 cổ phần, chiếm tỷ lệ 22,7% vốn điều lệ.
 - + Những người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ. Thông tin về người có liên quan:



Stt	Họ và tên	Quan hệ	Số CP nắm giữ (CP)	Tỷ lệ (%)
1.	Mai Thế Lạng	Bố đẻ	Đã mất	
2.	Phạm Thị Dực	Mẹ đẻ	0	0,00%
3.	Trần Trọng Giá	Bố vợ	Đã mất	
4.	Cam Thị Liên	Mẹ vợ	0	0,00%
5.	Trần Thị Ngọc	Vợ	0	0,00%
6.	Mai Diệu Phương	Con đẻ	0	0,00%
7.	Mai Thế Thắng	Con đẻ	0	0,00%
8.	Mai Thế Nguyên	Anh ruột	0	0,00%
9.	Mai Thế Tấn	Anh ruột	0	0,00%
10.	Mai Thế Chính	Anh ruột	0	0,00%
11.	Mai Thị Hằng	Chị ruột	0	0,00%
12.	Mai Thế Toàn	Anh ruột	Đã mất	
13.	Mai Thế Long	Em ruột	0	0,00%
14.	Nguyễn Thị Lan	Chị dâu	0	0,00%
15.	Trần Thị Tám	Chị dâu	0	0,00%
16.	Phạm Thị Thu	Chị dâu	0	0,00%
17.	Mai Thế Chí	Anh rể	0	0,00%
18.	Đỗ Thị Mai	Chị dâu	0	0,00%
19.	Trần Thị Dung	Em dâu	0	0,00%

➤ Bà Phạm Thị Trúc – Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị:

- Giới tính : Nữ.
- Ngày sinh : 15/5/1977.
- CMND : số 24615099 do CA TP Hồ Chí Minh cấp ngày 09/08/2011.
- Quốc tịch : Việt Nam.
- Dân tộc : Kinh.
- Địa chỉ thường trú: Số 148 đường D, phường An Phú, Quận 2.
- Số điện thoại liên lạc: 090 983 0668.
- Địa chỉ : Số 148 đường D, phường An Phú, Quận 2.
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh doanh.



- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
T9/1999 - T9/2002	Công ty Thương mại Dầu khí Petechim.	Chuyên viên Phòng Tổ chức Nhân sự.
2002 - 2005	Trường Đại học Kinh tế TP HCM.	Học viên Thạc sỹ.
T10/2002 – 2012	Tổng Công ty CP Vận tải Dầu khí (PVTrans).	Chuyên viên/Phó ban/Trưởng Ban Tổ chức Nhân sự.
2012 - T10/2018	Tổng Công ty CP Vận tải Dầu khí (PVTrans).	Chuyên viên/Phó ban/Trưởng Ban Tổ chức Nhân sự.
	CTCP Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi thuộc Tổng Công ty CP Vận tải Dầu khí (PVTrans).	Thành viên HĐQT.
T10/2018 -T11/2019	CTCP Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế.	Thành viên HĐQT.
T11/2019 - nay	CTCP Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế.	Phó Chủ tịch HĐQT.

- Chức vụ công tác tại Công ty: Phó Chủ tịch HĐQT.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có.
- Số lượng và tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không có.
- Lợi ích liên quan tới TCPH:
 - + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa bản thân hoặc những người có liên quan với Tổ chức phát hành: Không có.
 - + Thù lao và các lợi ích khác từ TCPH:
 - Năm 2019: 540.157.687 đồng.
 - Năm 2020: 720.116.496 đồng. Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
 - Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân, đại diện theo ủy quyền và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
 - + Sở hữu theo đại diện ủy quyền: 3.600.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 10% vốn điều lệ.
 - + Những người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ. Thông tin về người có liên quan:

Stt	Họ và tên	Quan hệ	Số CP nắm giữ (CP)	Tỷ lệ (%)
1.	Phạm Công Vỉnh	Bố đẻ	Đã mất	



2.	Hoàn Mỹ	Mẹ đẻ	Đã mất	
3.	Lê Văn Bích	Bố chồng	Đã mất	
4.	Văn Thị Nếp	Mẹ chồng	Đã mất	
5.	Lê Văn Thìn	Chồng	0	0,00%
6.	Lê Hồng Anh	Con đẻ	0	0,00%
7.	Lê Quỳnh Anh	Con đẻ	0	0,00%
8.	Phạm Thanh Mai	Chị ruột	0	0,00%
9.	Đặng Việt Hùng	Anh rể	0	0,00%
10.	Phạm Thị Hồng Hạnh	Em ruột	0	0,00%
11.	Trịnh Quốc Huy	Em rể	0	0,00%

➤ Ông Nguyễn Duyên Hiếu – Thành viên HĐQT:

- Giới tính : Nam.
- Ngày sinh : 10/11/1978.
- CMND : 001075002142 do Cục CS ĐKQL và DLQG về DC cấp ngày 20/8/2014.
- Quốc tịch : Việt Nam.
- Dân tộc : Kinh.
- Địa chỉ thường trú : CC Mỹ Tú - H31, Phòng D001, Khu phố 4, phường Tân Phong, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh.
- Số điện thoại liên lạc : 091 239 0998.
- Địa chỉ : 26 Nam Thông 2D, khu Nam Thông 2 – S19, Khu phố 6, P. Tân Phú, Q.7, TP.HCM.
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản lý hàng hải, Cử nhân Kinh tế, Kỹ sư Địa chất Dầu.
- Quá trình công tác:

Từ tháng, năm đến tháng, năm	Đơn vị công tác	Chức vụ
T9/1997 - T7/2001	Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí (PTSC).	Chuyên viên.
T8/2001 - T1/2003	Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí (PTSC).	Tổ trưởng đầu tư phương tiện, thiết bị thuộc Phòng Đầu tư.
T2/2003 - T7/2003	Tổng Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí (PTSC).	Phó Phòng Hành chính.



Từ tháng, năm đến tháng, năm	Đơn vị công tác	Chức vụ
T8/2003 - T6/2004	Tổng Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí (PTSC).	Phụ trách Phòng Hành chính Tổng hợp.
T7/2004 - T10/2004	Tổng Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí (PTSC).	Phó Phòng Tổ chức – Hành chính.
T11/2004 - T3/2007	Xí nghiệp Dịch vụ Thái Bình trực thuộc Tổng Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí (PTSC).	Giám đốc.
T4/2007 - T10/2007	Công ty Dịch vụ Dầu khí Thái Bình – Tổng Công ty CP Dịch vụ kỹ thuật Dầu khí (PTSC).	Chủ tịch kiêm Giám đốc.
T11/2007 - T9/2009	Công ty TNHH MTV Vận tải Dầu khí Hà Nội – Tổng Công ty CP Vận tải Dầu khí (PVTrans).	Giám đốc.
T12/2007 - T7/2009	CTCP Vận tải Dầu khí Đông Dương (Petrotrans) – PVTrans.	Chủ tịch HĐQT.
T10/2009 - T10/2010	Công ty Kinh doanh khí (PVGas Trading) – Tổng Công ty Khí Việt Nam (PVGas).	Phó Tổng giám đốc.
T11/2010 - T2/2011	CTCP Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Nam (PVGas South) – Tổng Công ty Khí Việt Nam (PVGas).	Phó Tổng giám đốc.
T3/2011 - T4/2012	CTCP Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cừ Long.	Giám đốc.
T5/2012 - T3/2015	Công ty CP Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cừ Long.	Ủy viên HĐQT, Giám đốc.
T4/2015 - nay	Công ty CP Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế.	Ủy viên HĐQT, Giám đốc Công ty.
T9/2018 - nay	Tổng Công ty CP Vận tải Dầu khí.	Phó Tổng Giám đốc.
T8/2019 – nay	CTCP Vận tải Dầu khí Hà Nội.	Chủ tịch HĐQT.

- Chức vụ công tác tại Công ty: Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
 - + Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty cổ phần Vận tải Dầu khí.
 - + Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội.

Thylen

- Số lượng và tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác:
- Lợi ích liên quan tới TCPH:
 - + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa bản thân hoặc những người có liên quan với Tổ chức phát hành: Không có.
 - + Thù lao và các lợi ích khác từ TCPH:
Năm 2019: 831.649.200 đồng.
Năm 2020: 1.252.380.136 đồng.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân, đại diện theo ủy quyền và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
 - + Sở hữu theo đại diện ủy quyền: 5.400.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 15% vốn điều lệ.
 - + Những người có liên quan: 6.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,02% vốn điều lệ. Thông tin về người có liên quan:

Stt	Họ và tên	Quan hệ	Số CP nắm giữ (CP)	Tỷ lệ (%)
1.	Nguyễn Duyên Hân	Bố đẻ	Đã mất	
2.	Vân Thị Súng	Mẹ đẻ	0	0,00%
3.	Nguyễn Yên	Bố vợ	0	0,00%
4.	Hồ Thị Điểm	Mẹ vợ	0	0,00%
5.	Nguyễn Thị Hải Anh	Vợ	6.000	0,02%
6.	Nguyễn Huy Hùng	Con đẻ	0	0,00%
7.	Nguyễn Huy Hoàng	Con đẻ	0	0,00%
8.	Nguyễn Thị Thuý Hà	Em ruột	0	0,00%
9.	Đỗ Anh Tuấn	Em rể	0	0,00%
10.	Nguyễn Quang Huy	Em trai	0	0,00%
11.	Nguyễn Thị Hiền	Em dâu	0	0,00%

➤ Ông Nguyễn Thế Anh – Thành viên HĐQT:

- Giới tính : Nam.



- Ngày sinh : 09/11/1978.
- CCCD : số 031078003181 do Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về Dân cư cấp ngày 17/01/2017.
- Quốc tịch : Việt Nam.
- Dân tộc : Kinh.
- Địa chỉ thường trú: Số 69 đường Đà Nẵng, Phường Lạc Viên, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng.
- Số điện thoại liên lạc : 090 979 7116.
- Địa chỉ : Số 65 Đường 30, P.Tân Phong, Q7, TP. Hồ Chí Minh.
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản lý Hàng hải, Kỹ sư Kinh tế Vận tải biển.
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
T9/2000 - T10/2002	Công ty xây dựng 201 - Tổng Công ty Xây dựng Bạch Đằng.	Cán bộ quản lý công trình.
T11/2002 - T7/2007	Công ty Vận tải Dầu khí.	Chuyên viên Phòng Kế hoạch Đầu tư.
T7/2007 - T7/2010	Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí.	Phó Ban Kế hoạch Đầu tư.
T8/2010 - T9/2010	Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí.	Phụ trách Ban Kế hoạch Đầu tư.
T9/2010 - T3/2013	Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí.	Phụ trách Ban Kế hoạch Đầu tư.
	CTCP Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế.	Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc.
T3/2013 - T7/2019	CTCP Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế.	Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc.
T7/2019 – nay	Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí.	Trưởng Ban Kinh doanh.
	CTCP Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế.	Thành viên HĐQT.
T9/2019 – nay	CTCP Vận tải Xăng dầu Phương Nam.	Thành viên HĐQT.
T10/2020 - nay	CTCP Vận tải Dầu Phương Đông Việt.	Thành viên HĐQT.

- Chức vụ công tác tại Công ty: Thành viên HĐQT.



- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
 - + Trưởng Ban Kinh doanh Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí.
 - + Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam.
 - + Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Vận tải dầu Phương Đông Việt.
- Số lượng và tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác:
 - + 6.774.425 cổ phần, tương đương 11,63% vốn điều lệ Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam.
 - + 2.950.000 cổ phần, tương đương 10% vốn điều lệ Công ty Cổ phần Vận tải dầu Phương Đông Việt.
- Lợi ích liên quan tới TCPH:
 - + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa bản thân hoặc những người có liên quan với Tổ chức phát hành: Không có.
 - + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác từ TCPH:
 - Năm 2019: 426.315.783 đồng.
 - Năm 2020: 98.999.910 đồng.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân, đại diện theo ủy quyền và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân: 8.160 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,02% vốn điều lệ.
 - + Sở hữu theo đại diện ủy quyền: 3.600.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 10% vốn điều lệ.
 - + Những người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ. Thông tin về người có liên quan:

Stt	Họ và tên	Quan hệ	Số CP nắm giữ (CP)	Tỷ lệ (%)
1.	Nguyễn Thế Hùng	Bố đẻ	Đã mất	
2.	Nguyễn Thị Kim Thành	Mẹ đẻ	0	0,00%
3.	Trần Quang Anh	Bố vợ	0	0,00%
4.	Trịnh Thị Bích Liên	Mẹ vợ	0	0,00%
5.	Trần Thị Giang	Vợ	0	0,00%
6.	Nguyễn Minh Đức	Con đẻ	0	0,00%
7.	Nguyễn Minh Huy	Con đẻ	0	0,00%



8.	Nguyễn Thị Kim Dung	Chị ruột	0	0,00%
----	---------------------	----------	---	-------

➤ Bà Vũ Thị Phương Nga – Thành viên HĐQT:

- Giới tính : Nữ.
- Ngày sinh : 16/9/1976.
- CMND : số 011849016 do CA Hà Nội cấp ngày 01/06/2010.
- Quốc tịch : Việt Nam.
- Dân tộc : Kinh.
- Địa chỉ thường trú: B02-04 Cc Hoàng Anh River View, 37 Nguyễn Văn Hường, P Thảo Điền, Q2, TP HCM.
- Số điện thoại liên lạc : 090 426 4650.
- Địa chỉ : B02-04 Cc Hoàng Anh River View, 37 Nguyễn Văn Hường, P Thảo Điền, Q2, TP HCM.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế đối ngoại.
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
T8/1999 - T6/2007	Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam.	Chuyên viên Ban Tài chính kế toán.
T7/2007 - T8/2008	Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam.	Phó Phòng TCKT thuộc Ban TCKT.
T9/2008 - T1/2009	Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam.	Trưởng Phòng Tài chính thuộc Ban TCKT.
T1/2009 - T8/2010	Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam.	Chuyên viên Ban Tài chính.
T9/2010 - T9/2011	Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam.	Trưởng Phòng Nguồn vốn - Ban Tài chính.
T10/2011 - T3/2013	Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam.	Phó Ban Tài chính.
T4/2013 - T8/2017	Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí.	Phó Ban Kế hoạch Đầu tư.
T8/2017 – nay	Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí.	Trưởng Ban Kế hoạch Đầu tư.
T1/2018 - nay	CTCP Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế.	TV HĐQT.

- Chức vụ công tác tại Công ty: Thành viên HĐQT.

Nguyễn



- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Trưởng Ban Kế hoạch Đầu tư Tổng Công ty CP Vận tải Dầu khí.
- Số lượng và tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không có.
- Lợi ích liên quan tới TCPH:
 - + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa bản thân hoặc những người có liên quan với Tổ chức phát hành: Không có.
 - + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác từ TCPH:
 - Năm 2019: 49.540.865 đồng.
 - Năm 2020: 64.530.900 đồng.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân, đại diện theo ủy quyền và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
 - + Sở hữu theo đại diện ủy quyền: 3.600.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 10% vốn điều lệ.
 - + Những người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ. Thông tin về người có liên quan:

Stt	Họ và tên	Quan hệ	Số CP nắm giữ (CP)	Tỷ lệ (%)
1.	Vũ Hoài Nam	Bố đẻ	0	0,00%
2.	Đỗ Thị Thìn	Mẹ đẻ	0	0,00%
3.	Vũ Nhật Khôi	Con đẻ	0	0,00%
4.	Vũ Nhật Minh	Con đẻ	0	0,00%
5.	Vũ Thị Phương Linh	Em ruột	0	0,00%

3.2. Thành viên Ban Giám đốc:

Tại thời điểm hiện nay, Ban Giám đốc Công ty gồm có những thành viên sau:

Stt	Họ và tên	Chức vụ
1.	Đoàn Đức Trọng	Giám đốc.
2.	Vũ Văn Đức	Phó Giám đốc.



Stt	Họ và tên	Chức vụ
3.	Nguyễn Cảnh Toàn	Phó Giám đốc.

➤ Ông Đoàn Đức Trọng – Giám đốc:

- Giới tính : Nam.
- Ngày sinh : 19/10/1986.
- CCCD : số 031086000566 do CCSĐKQL Cư trú và DLQG về Dân cư cấp ngày 27/10/2014.
- Quốc tịch : Việt Nam.
- Dân tộc : Kinh.
- Địa chỉ thường trú: 575 Lê Văn Lương, P. Tân Phong, Q.7, Tp. HCM.
- Số điện thoại liên lạc: 091 606 0688.
- Địa chỉ : 575 Lê Văn Lương, P. Tân Phong, Q.7, Tp. HCM.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh ngành tài chính ngân hàng.
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
T12/2008 – T9/2014	CTCP Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế.	Chuyên viên Phòng Kỹ thuật vật tư.
T10/2014 – T7/2016	CTCP Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế.	Trợ lý Giám đốc.
T7/2016 – T1/2017	CTCP Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế.	Chuyên viên Phòng Kỹ thuật Vật tư.
T1/2017 – T5/2018	CTCP Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế.	Phòng Kỹ thuật Vật tư.
T5/2018 – T3/2019	CTCP Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế.	Phụ trách Phòng Khai thác.
T4/2019 – T11/2019	CTCP Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế.	Trưởng Phòng Khai thác.
T11/2019 – T2/2020	CTCP Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế.	Phó Giám đốc kiêm Trưởng Phòng Khai thác.
T2/2020 – T7/2021	CTCP Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế.	Phó Giám đốc Công ty.
T7/2021 – nay.	CTCP Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế.	Giám đốc Công ty.

- Chức vụ công tác tại Công ty: Giám đốc.



- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không.
- Số lượng và tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không có.
- Lợi ích liên quan tới TCPH:
 - + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa bản thân hoặc những người có liên quan với Tổ chức phát hành: Không có.
 - + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác từ TCPH: Không có.
- Năm 2019: 458.707.058 đồng.
- Năm 2020: 608.133.344 đồng.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân, đại diện theo ủy quyền và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
 - + Sở hữu theo đại diện ủy quyền: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
 - + Những người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ. Thông tin về người có liên quan:

Stt	Họ và tên	Quan hệ	Số CP nắm giữ (CP)	Tỷ lệ (%)
1.	Đoàn Đức Long	Bố đẻ	0	0,00%
2.	Nguyễn Thị Tuyết Mai	Mẹ đẻ	0	0,00%
3.	Nguyễn Văn Hoàng	Bố vợ	0	0,00%
4.	Nguyễn Thị Thu Loan	Mẹ vợ	0	0,00%
5.	Nguyễn Thị Thu Hiền	Vợ	0	0,00%
6.	Đoàn Đức Trí	Con đẻ	0	0,00%
7.	Đoàn Đức Tài	Con đẻ	0	0,00%
8.	Đoàn Bích Ngọc	Em ruột	0	0,00%
9.	Nguyễn Huỳnh Biên	Em rể	0	0,00%

➤ Ông Vũ Văn Đức – Phó Giám đốc:

- Giới tính : Nam.
- Ngày sinh : 24/10/1963.
- CMND : số 034063005686 do Cục Cảnh sát ĐKQL và DLQG về Dân cư cấp



ngày 19/3/2018.

- Quốc tịch : Việt Nam.
- Dân tộc : Kinh.
- Địa chỉ thường trú: 63A Trần Đồng, F3, Vũng Tàu.
- Số điện thoại liên lạc: 091 375 8901.
- Địa chỉ : D11-09 Chung cư Phạm Viết Chánh, Bình Thạnh, TP.HCM.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Khai thác máy tàu biển, Cử nhân Quản trị doanh nghiệp.
- Quá trình công tác:

Từ tháng, năm đến tháng, năm	Đơn vị công tác	Chức vụ
1990 - 1991	Tổng Công ty Xuất nhập khẩu - Dịch vụ Đầu tư và Vận tải biển Khánh Hòa - CN Hải Phòng.	Chuyên viên Phòng Tổng hợp.
1991 - 1993	Tổng Công ty Xuất nhập khẩu - Dịch vụ Đầu tư và Vận tải biển Khánh Hòa.	Thợ máy/Sỹ quan Đội tàu.
1994 - 2000	Xí nghiệp Tàu dịch vụ dầu khí PTSC Marine.	Thợ máy/Sỹ quan quản lý Đội tàu.
2000 - 2007	Xí nghiệp Tàu dịch vụ dầu khí PTSC Marine.	Chuyên viên Giám sát kỹ thuật/Tổ phó Tổ GSKT/Tổ trưởng Tổ GSKT tàu LPG/Phó Phòng kỹ thuật vật tư.
2008 - 2009	CTCP Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế.	Phó Giám đốc.
2009 - T11/2018	CTCP Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế.	Phó Giám đốc, TV HĐQT.
T11/2018 - nay	CTCP Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế.	Phó Giám đốc.

- Chức vụ công tác tại Công ty: Phó Giám đốc.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không.
- Số lượng và tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không có.
- Lợi ích liên quan tới TCPH:
 - + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa bản thân hoặc những người có liên quan với Tổ chức phát hành: Không



có.

+ Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác từ TCPH:

Năm 2019: 584.691.385 đồng.

Năm 2020: 670.284.900 đồng.

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.

- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân, đại diện theo ủy quyền và những người liên quan:

+ Sở hữu cá nhân: 13.200 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,04% vốn điều lệ.

+ Sở hữu theo đại diện ủy quyền: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.

+ Những người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ. Thông tin về người có liên quan:

Stt	Họ và tên	Quan hệ	Số CP nắm giữ (CP)	Tỷ lệ (%)
1.	Vũ Văn Viễn	Bố đẻ	Đã mất	
2.	Đặng Thị Bé	Mẹ đẻ	Đã mất	
3.	Giang Thị Phượng	Mẹ kế	0	0,00%
4.	Nguyễn Đức Tín	Bố vợ	Đã mất	
5.	Lê Thị Nghị	Mẹ vợ	0	0,00%
6.	Nguyễn Thủy Nga	Vợ	0	0,00%
7.	Vũ Hoàng Mai	Con đẻ	0	0,00%
8.	Vũ Xuân An	Con đẻ	0	0,00%
9.	Vũ Bình Minh	Con đẻ	0	0,00%
10.	Vũ Thị Cấn	Chị gái	0	0,00%
11.	Phạm Đăng Thi	Anh rể	0	0,00%
12.	Vũ Thị Thận	Chị gái	0	0,00%
13.	Vũ Công Triển	Anh rể	0	0,00%
14.	Vũ Thị Nụ	Em gái	0	0,00%
15.	Vũ Thị Thoa	Em gái	0	0,00%
16.	Mai Đăng Khoa	Em rể	0	0,00%
17.	Vũ Thị Thảo	Em gái	0	0,00%
18.	Đặng Hữu Nghị	Em rể	0	0,00%



Stt	Họ và tên	Quan hệ	Số CP nắm giữ (CP)	Tỷ lệ (%)
19.	Vũ Mạnh Thắng	Em trai	0	0,00%
20.	Nguyễn Ngọc Quyên	Em dâu	0	0,00%

➤ Ông Nguyễn Cảnh Toàn – Phó Giám đốc:

- Giới tính : Nam.
- Ngày sinh : 02/09/1977.
- CMND : số 026077004688 do Cục cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về Dân cư cấp ngày 10/08/2020.
- Quốc tịch : Việt Nam.
- Dân tộc : Kinh.
- Địa chỉ thường trú: SAV.6-24-05 C/c The Sun Avenue, P.An Phú, Quận 2, Tp.HCM.
- Số điện thoại liên lạc : 093 597 7589.
- Địa chỉ : SAV.6-24-05 C/c The Sun Avenue, P.An Phú, Quận 2, Tp.HCM.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Marketing.
- Quá trình công tác:

Từ tháng, năm đến tháng, năm	Đơn vị công tác	Chức vụ
T2/2001 - T4/2002	Xí nghiệp Kinh doanh Sản phẩm khí Miền Nam.	Nhân viên hợp đồng.
T4/2002 - T8/2006	Xí nghiệp Kinh doanh Sản phẩm Khí Miền Nam.	Chuyên viên Phòng Kinh doanh.
T8/2006 - T11/2007	Xí nghiệp Kinh doanh Sản phẩm Khí Miền Nam.	Chuyên viên Phòng QLKD Miền Trung.
T11/2007 - T11/2008	Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Trung (PVGas North).	Phó Phòng Kinh doanh.
T11/2008 - T5/2011	CTCP Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long.	Phó Phòng KHĐT.
T5/2011 - T11/2014	CTCP Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long.	Trưởng Phòng Kinh doanh.
T11/2014 - T6/2016	CTCP Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long.	Phó Giám đốc.
T7/2016 - nay	CTCP Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế.	Phó Giám đốc.

- Chức vụ công tác tại Công ty: Phó Giám đốc.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không.
- Số lượng và tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác:
- Lợi ích liên quan tới TCPH:



- + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa bản thân hoặc những người có liên quan với Tổ chức phát hành: Không có.
- + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác từ TCPH:
 Năm 2019: 632.471.981 đồng.
 Năm 2020: 753.604.524 đồng.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân, đại diện theo ủy quyền và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
 - + Sở hữu theo đại diện ủy quyền: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
 - + Những người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ. Thông tin về người có liên quan:

Stt	Họ và tên	Quan hệ	Số CP nắm giữ (CP)	Tỷ lệ (%)
1.	Nguyễn Ngọc Đại	Bố đẻ	Đã mất	
2.	Ngô Thị Ngọc	Mẹ đẻ	0	0,00%
3.	Nguyễn Thị Hạnh	Chị ruột	0	0,00%
4.	Nguyễn Sơn	Anh ruột	0	0,00%
5.	Nguyễn Quang Thái	Anh ruột	0	0,00%
6.	Nguyễn Thị Thu	Chị ruột	0	0,00%
7.	Nguyễn Văn Quang	Anh ruột	0	0,00%
8.	Nguyễn Hồng Lam	Chị ruột	0	0,00%
9.	Nguyễn Hồng Cương	Anh ruột	0	0,00%
10.	Nguyễn Ngọc Cảnh	Anh ruột	0	0,00%
11.	Lê Xuân Thịnh	Anh rể	0	0,00%
12.	Nguyễn Thị Hồng Phương	Chị dâu	0	0,00%
13.	Đoàn Văn Lạng	Anh rể	0	0,00%
14.	Khuất Thị Hồng Quyên	Chị dâu	0	0,00%
15.	Trần Xuân Thành	Anh rể	0	0,00%
16.	Tạ Mai Phương	Chị dâu	0	0,00%



Stt	Họ và tên	Quan hệ	Số CP nắm giữ (CP)	Tỷ lệ (%)
17.	Bùi Hải Yến	Chị dâu	0	0,00%

3.3. Thành viên Ban Kiểm soát:

Tại thời điểm hiện nay, Ban Kiểm soát Công ty gồm có những thành viên sau:

Stt	Họ và tên	Chức vụ
1.	Nguyễn Thị Thu Sương	Trưởng Ban Kiểm soát.
2.	Huỳnh Thị Hồng Hạnh	Thành viên Ban Kiểm soát.
3.	Nguyễn Bá Nghị	Thành viên Ban Kiểm soát.

➤ Bà Nguyễn Thị Thu Sương – Trưởng Ban Kiểm soát:

- Giới tính : Nữ.
- Ngày sinh : 05/05/1973.
- CMND : số 024512474 do TP HCM cấp ngày 10/05/2006.
- Quốc tịch : Việt Nam.
- Dân tộc : Kinh.
- Địa chỉ thường trú: 16/8 A3 (Trệt) Kỳ Đồng, Phường 9, Quận 3, TPHCM.
- Số điện thoại liên lạc: 093 552 2113.
- Địa chỉ : 220/21 (Lầu 1) Lê Văn Sỹ, Phường 14, Quận 3, TPHCM.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế.
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
T10/1997 - T2/2003	Công ty Kinh doanh Sản xuất Sài Gòn Đăklăk (SADACO).	Kế toán Tổng hợp.
T3/2003 - T1/2012	CTCP Xây dựng và Thiết kế Số 1 (DECOFI).	Kế toán Tổng hợp.
T2/2012 - T8/2016	CTCP Dịch vụ Vận tải Dầu khí Cửu Long (PVTrans-PCT).	Kế toán Tổng hợp/ Phó Phòng TCKT.
T10/2016 - nay	CTCP Vận tải Xăng dầu Phương Nam (PVTrans-SPT).	Phó Phòng TCKT, Kế toán trưởng.
T6/2020 - nay	CTCP Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế.	Trưởng Ban Kiểm



Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
		soát.

- Chức vụ công tác tại Công ty: Trưởng Ban Kiểm soát.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Phó Phòng TCKT, Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam (PVTrans-SPT).
- Số lượng và tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không có.
- Lợi ích liên quan tới TCPH:
 - + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa bản thân hoặc những người có liên quan với Tổ chức phát hành: Không có.
 - + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác từ TCPH:
 - Năm 2019: 20.173.077 đồng.
 - Năm 2020: 15.200.000 đồng.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân, đại diện theo ủy quyền và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
 - + Sở hữu theo đại diện ủy quyền: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
 - + Những người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ. Thông tin về người có liên quan:

Stt	Họ và tên	Quan hệ	Số CP nắm giữ (CP)	Tỷ lệ (%)
1.	Nguyễn Văn An	Bố đẻ	Đã mất	
2.	Trình Thị Nhung	Mẹ đẻ	0	0,00%
3.	Hà Chí Thước	Bố chồng	0	0,00%
4.	Hà Thị Yến	Mẹ chồng	0	0,00%
5.	Hà Văn Thuận	Chồng	0	0,00%
6.	Hà Đức Thành	Con đẻ	0	0,00%
7.	Nguyễn Văn Phong	Anh ruột	0	0,00%
8.	Nguyễn Thị Thu Song	Chị dâu	0	0,00%



Stt	Họ và tên	Quan hệ	Số CP nắm giữ (CP)	Tỷ lệ (%)
9.	Nguyễn Văn Nam	Anh ruột	0	0,00%
10.	Nguyễn Thị Năm	Em ruột	0	0,00%
11.	Mai Xuân Trâm	Em rể	0	0,00%

➤ Bà Huỳnh Thị Hồng Hạnh – Thành viên:

- Giới tính : Nữ.
- Ngày sinh : 15/01/1988.
- CCCD : số 080188000521 do Cục Cảnh sát ĐKQL và DLQG về Dân cư cấp ngày 28/5/2018.
- Quốc tịch : Việt Nam.
- Dân tộc : Kinh.
- Địa chỉ thường trú: Căn hộ 2008 Sapphire 1, Sài Gòn Pearl - 92 Nguyễn Hữu Cánh, P.22, Q. Bình Thạnh, TP HCM.
- Số điện thoại liên lạc: 093 771 5188.
- Địa chỉ : Căn hộ 2008 Sapphire 1, Sài Gòn Pearl - 92 Nguyễn Hữu Cánh, P.22, Q. Bình Thạnh, TP HCM.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính ngân hàng – Trường Đại học Kinh tế TP HCM, Thạc sỹ chính sách công – Chương trình Kinh tế Fulbright Việt Nam, Chartered Financial Analyst (CFA) Level 1.
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
T07/2010 – T09/2015	Ngân hàng Á Châu, TP HCM.	Chuyên viên Phân tích tín dụng Doanh Nghiệp.
T01/2017 – T08/2017	Ngân hàng Techcombank, TP HCM.	Chuyên viên cao cấp phân tích tín dụng Doanh Nghiệp.
T09/2017 – T05/2018	CTCP Quản Lý Đầu tư Khởi nghiệp Sáng tạo VN (ICM), TP HCM.	Giám đốc đầu tư.
T05/2018 – T11/2019	SHB Lào, Thủ đô Viêng Chăn, Lào.	Trưởng Phòng Thẩm định Trụ sở chính.
T11/2019 – nay	Tổng Công ty Cổ phần Vận Tải Dầu Khí.	Trưởng Phòng Ban Tài chính Kế toán.



Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
T6/2020 – nay	CTCP Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế.	Thành viên BKS.

- Chức vụ công tác tại Công ty: Thành viên Ban Kiểm soát.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Trưởng Phòng Tài chính, Ban Tài chính Kế toán Tổng Công ty Cổ phần Vận Tải Dầu Khí.
- Số lượng và tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không có.
- Lợi ích liên quan tới TCPH:
 - + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa bản thân hoặc những người có liên quan với Tổ chức phát hành: Không có.
 - + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác từ TCPH:
 - Năm 2019: 0 đồng.
 - Năm 2020: 6.400.000 đồng.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân, đại diện theo ủy quyền và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
 - + Sở hữu theo đại diện ủy quyền: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
 - + Những người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ. Thông tin về người có liên quan:

Stt	Họ và tên	Quan hệ	Số CP nắm giữ (CP)	Tỷ lệ (%)
1.	Huỳnh Văn Cơ	Bố đẻ	Đã mất	
2.	Trần Thị Tươi	Mẹ đẻ	0	0,00%
3.	Nguyễn Thanh Bình	Bố chồng	0	0,00%
4.	Vũ Thị Lan	Mẹ chồng	0	0,00%
5.	Nguyễn Hào Hiệp	Chồng	0	0,00%
6.	Huỳnh Thị Thúy Lan	Chị ruột	0	0,00%
7.	Vũ Văn Quốc	Anh rể	0	0,00%
8.	Huỳnh Thị Quế Minh	Chị ruột	0	0,00%
9.	Phạm Văn Biên	Anh rể	0	0,00%



Stt	Họ và tên	Quan hệ	Số CP nắm giữ (CP)	Tỷ lệ (%)
10.	Huỳnh Hồng Điệp	Chị ruột	0	0,00%
11.	Huỳnh Hoàng Minh	Anh ruột	0	0,00%

➤ Ông Nguyễn Bá Nghị – Thành viên:

- Giới tính : Nam.
- Ngày sinh : 01/5/1979.
- CMND : số 024888605 do CA TP HCM cấp ngày 15/01/2008.
- Quốc tịch : Việt Nam.
- Dân tộc : Kinh.
- Địa chỉ thường trú: 127E3, Mễ cốc, Phường 15, Quận 8, Tp.Hồ Chí Minh.
- Số điện thoại liên lạc: 090 852 5288.
- Địa chỉ : 127E3, Mễ cốc, Phường 15, Quận 8, Tp.Hồ Chí Minh.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân quản lý Kinh tế.
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
T11/2001 - T6/2006	Nhà máy Nhiệt điện khí Phú Mỹ 3 (725MW) Công ty Thăm dò và Khai thác Dầu khí BP (BPEOC).	Chuyên viên.
T7/2006 - T6/2007	Công ty Dầu khí quốc gia Hàn Quốc – KNOC.	Điều phối viên.
T7/2007 - T2/2010	Quỹ đầu tư Cơ sở Hạ tầng Việt Nam (VNI) của Công ty quản lý Quỹ VinaCapital.	Trưởng Phòng Đầu tư.
T7/2007 - T2/2010	Công ty Cổ phần Phong Điện Thuận Bình.	Thành viên BKS.
T3/2010 - T3/2012	Công ty TNHH Đại Minh.	Giám đốc.
T4/2012 - T2/2017	Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Hưng Khang.	Giám đốc.
T3/2017 - T7/2017	Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (PVTRANS).	Phó Ban Ban Tài chính kế toán của PVTRANS.
T3/2017 - T7/2017	Công ty CP Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương.	Thành viên BKS.
	Công ty CP Vận tải Xăng dầu Phương Nam.	Thành viên BKS.



Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
T1/2018 - T1/2019	Công ty Cổ phần dịch vụ vận tải dầu khí Cửu Long (PCT).	Chủ tịch HĐQT.
T7/2017 - T6/2020	Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC.	Thành viên BKS.
T7/2017 – nay	Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (PVTRANS).	Phó Ban Ban Kế hoạch Đầu tư.
T6/2020 - nay	CTCP Dịch vụ Khai thác Dầu khí Đông Dương.	Thành viên BKS.
	CTCP Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế.	Thành viên BKS.

- Chức vụ công tác tại Công ty: Thành viên Ban Kiểm soát.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
 - + Phó Ban Kế hoạch Đầu tư Tổng Công ty CP Vận tải Dầu khí,
 - + TV BKS Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí Đông Dương.
- Số lượng và tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không có.
- Lợi ích liên quan tới TCPH:
 - + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa bản thân hoặc những người có liên quan với Tổ chức phát hành: Không có.
 - + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác từ TCPH:
 - Năm 2019: 0 đồng.
 - Năm 2020: 6.400.000 đồng.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân, đại diện theo ủy quyền và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
 - + Sở hữu theo đại diện ủy quyền: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
 - + Những người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ. Thông tin về người có liên quan:

Stt	Họ và tên	Quan hệ	Số CP nắm giữ (CP)	Tỷ lệ (%)
1.	Nguyễn Bá Liên	Bố đẻ	0	0,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ

87

Điện thoại: 028 22205388 Fax: 028 22205366 Website: www.gasshipping.com.vn



Stt	Họ và tên	Quan hệ	Số CP nắm giữ (CP)	Tỷ lệ (%)
2.	Phan Thị Đào	Mẹ đẻ	0	0,00%
3.	Đặng Thành Lâm	Bố vợ	0	0,00%
4.	Bùi Thị Ngọc Diệp	Mẹ vợ	0	0,00%
5.	Đặng Thị Phương	Vợ	0	0,00%
6.	Nguyễn Mi Lam	Con đẻ	0	0,00%
7.	Nguyễn Thị Hà	Em ruột	0	0,00%
8.	Đỗ Đức Quỳnh	Em rể	0	0,00%
9.	Nguyễn Bá Phan Tiến	Em ruột	0	0,00%

3.4. Kế toán trưởng:**➤ Ông Lê Anh Nam – Kế toán trưởng:**

- Giới tính : Nam.
- Ngày sinh : 28/11/1976.
- CMND : số 022887021 do CA TP HCM cấp ngày 16/08/2008.
- Quốc tịch : Việt Nam.
- Dân tộc : Kinh.
- Địa chỉ thường trú: 156/14 Nguyễn Thị Thập, P. Bình Thuận, Q7, TP HCM.
- Số điện thoại liên lạc: 093 800 9986.
- Địa chỉ : 156/14 Nguyễn Thị Thập, P. Bình Thuận, Q7, TP HCM.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế chuyên ngành Kế toán – Kiểm toán, Thạc sỹ ngành Quản trị Kinh doanh.
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
T9/1998 - T6/1999	Công ty TNHH Hồng Nam.	Nhân viên Phòng Kế toán.
T7/1999 - T7/2000	Công ty TNHH Coca Cola Việt Nam.	Nhân viên Phòng Kế toán.
T8/2000 - T11/2009	Tổng Công ty Cổ phần Đường sông miền Nam.	Kế toán tổng hợp.
T12/2009 - T3/2010	Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí.	Nhân viên kế toán.



Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
T4/2010 - T3/2013	CTCP Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương.	Kế toán trưởng.
T3/2013 - T11/2013	Tổng Công ty CP Vận tải Dầu khí.	Phó Phụ trách Ban Kế hoạch Đầu tư.
T12/2013 - T7/2017	Tổng Công ty CP Vận tải Dầu khí.	Trưởng Ban Kế hoạch Đầu tư.
T7/2017 - T1/2018	Tổng Công ty CP Vận tải Dầu khí.	Phó Trưởng Ban Tài chính Kế toán.
	CTCP Vận tải Xăng dầu Phương Nam.	Kế toán trưởng.
T1/2018 - T7/2019	Tổng Công ty CP Vận tải Dầu khí.	Kế toán trưởng.
T7/2019 - nay	CTCP Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế.	Kế toán trưởng.

- Chức vụ công tác tại Công ty: Kế toán trưởng.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không.
- Số lượng và tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không có.
- Lợi ích liên quan tới TCPH:
 - + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa bản thân hoặc những người có liên quan với Tổ chức phát hành: Không có.
 - + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác từ TCPH:
 - Năm 2019: 210.401.423 đồng.
 - Năm 2020: 588.496.876 đồng.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân, đại diện theo ủy quyền và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
 - + Sở hữu theo đại diện ủy quyền: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
 - + Những người có liên quan: 50.500 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,14% vốn điều lệ. Thông tin về người có liên quan:

Stt	Họ và tên	Quan hệ	Số CP nắm giữ (CP)	Tỷ lệ (%)
1.	Lê Anh Môn	Bố đẻ	Đã mất	



Stt	Họ và tên	Quan hệ	Số CP nắm giữ (CP)	Tỷ lệ (%)
2.	Bùi Thị Vân	Mẹ đẻ	0	0,00%
3.	Hồ Sỹ Dân	Bố vợ	Đã mất	
4.	Trần Thị Hiền	Mẹ vợ	0	0,00%
5.	Hồ Thị Khánh Hòa	Vợ	0	0,00%
6.	Lê Hà Minh	Con đẻ	0	0,00%
7.	Lê Anh Minh	Con đẻ	0	0,00%
8.	Lê Thị Kim Thúy	Chi ruột	0	0,00%
9.	Vũ Trung Thế	Anh rể	0	0,00%
10.	Lê Phương Dung	Em ruột	0	0,00%
11.	Phạm Phú Cường	Em rể	50.500	0,14%

VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN:**1. Loại cổ phiếu:**

Cổ phiếu phổ thông.

2. Mệnh giá:

10.000 đồng/cổ phiếu.

3. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán:

Tổng số cổ phiếu chào bán: 20.000.000 cổ phiếu.

4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá:

Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá: 200.000.000.000 đồng.

5. Giá chào bán dự kiến:

Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phiếu.

*(Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 ngày 08 tháng 4 năm 2021 của Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế).***6. Phương pháp tính giá:**

Giá chào bán của cổ phiếu phát hành được xác định dựa trên các phương pháp sau đây:

- Mệnh giá cổ phiếu.
- Phương pháp Giá trị sổ sách (BV).



– Phương pháp Giá thị trường.

6.1 Mệnh giá cổ phiếu:

Mệnh giá 01 cổ phiếu GSP: 10.000 đồng/cổ phiếu.

6.2 Phương pháp Giá trị sổ sách (BV):

Giá trị sổ sách của cổ phiếu tại thời điểm 31/12/2020:

Stt	Khoản mục	Đvt	Giá trị
1.	Vốn chủ sở hữu	Đồng	461.730.488.157
2.	Số cổ phần đang lưu hành tại thời điểm 31/12/2020	Cổ phần	36.000.000
3.	Giá trị sổ sách 1 cổ phần	Đồng/cổ phần	12.825

6.3 Phương pháp giá thị trường:

Bình quân giá đóng cửa cổ phiếu GSP trong 60 phiên gần nhất (tính đến ngày 23/3/2021) là 12.190 đồng/Cổ phiếu.

6.4 Xác định giá chào bán:

Căn cứ vào chiến lược phát triển và nhu cầu vốn của Gas Shipping, đồng thời để đảm bảo quyền lợi cho các cổ đông và khuyến khích cổ đông gắn bó và đóng góp cho sự phát triển chung của Gas Shipping nên HĐQT đề xuất mức giá phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu là 10.000 đồng/cổ phiếu và đã được Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 thông qua.

7. Phương thức phân phối:

- Khối lượng cổ phiếu của đợt chào bán này sẽ được chào bán ra công chúng cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền với tỷ lệ 9:5 (tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu phổ thông sẽ được 01 quyền mua, cứ 09 quyền mua được mua thêm 05 cổ phiếu mới).

- Phương án làm tròn: Số cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị.

- Phương thức xử lý số cổ phiếu cổ đông không đăng ký mua, không nộp tiền mua, số cổ phiếu lẻ:

+ Số cổ phiếu do cổ đông hiện hữu không đăng ký mua, không nộp tiền mua và số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn (nếu có) được ủy quyền cho Hội đồng Quản trị xác định tiêu chí, lựa chọn bán cho cổ đông hiện hữu hoặc nhà đầu tư bên ngoài với điều kiện chào bán, điều kiện về quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư không thuận lợi hơn so với điều kiện chào bán cho cổ đông hiện hữu. Công ty cam kết thực hiện xử lý số cổ phiếu do cổ đông hiện hữu không đăng



ký mua, không nộp tiền mua và số cổ phiếu lẻ đảm bảo quy định tại Điều 42 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020.

+ Số cổ phiếu được xử lý khi được chào bán cho các đối tượng khác theo phương án này sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong thời hạn 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán theo quy định pháp luật.

+ Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế cam kết không phân phối cho các Công ty con đảm bảo thực hiện theo Khoản 2 Điều 195 Luật doanh nghiệp 2020 số 59/2020/QH14: “Công ty con không được đầu tư mua cổ phần, góp vốn vào công ty mẹ. Các công ty con của cùng một công ty mẹ không được đồng thời cùng góp vốn, mua cổ phần để sở hữu chéo lẫn nhau.”.

8. Đăng ký mua cổ phiếu:

8.1 Thời hạn đăng ký mua:

Thời hạn đăng ký thực hiện quyền mua cổ phiếu của cổ đông tối thiểu là 20 ngày. Thời gian đăng ký cụ thể thực hiện theo Thông báo phát hành của Công ty.

8.2 Số lượng cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu: 20.000.000 cổ phiếu.

8.3 Phương thức thanh toán:

Tiền mua chứng khoán phải được chuyển khoản vào Tài khoản phong tỏa được Công ty mở nhận tiền chào bán cổ phần ra công chúng cho đến khi hoàn tất đợt chào bán và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

8.4 Chuyển giao cổ phiếu:

- Sau khi VSD gửi Báo cáo phân bổ chứng khoán phát hành thêm đến các Thành viên lưu ký, Thành viên lưu ký hạch toán phát hành thêm vào tài khoản lưu ký chứng khoán chưa phát hành.

- Khi cổ phiếu được thông báo chính thức phát hành bổ sung, số chứng khoán được hạch toán vào tài khoản lưu ký của nhà đầu tư.

- Đối với cổ đông chưa lưu ký thì cổ phiếu được phân phối trực tiếp tại Trụ sở Công ty.

8.5 Quyền lợi người mua cổ phiếu:

- Cổ đông hiện hữu được quyền mua cổ phiếu có quyền từ chối quyền mua hoặc chuyển nhượng quyền mua của mình trong thời gian quy định. Các cổ đông có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phần của mình (chỉ được chuyển nhượng một lần, không chuyển nhượng cho người thứ ba) cho người khác theo giá thỏa thuận giữa bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng. Bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng tự thỏa thuận mức giá chuyển nhượng



và thanh toán tiền chuyển nhượng. Cổ đông nước ngoài không được nhận quyền mua chuyển nhượng từ cổ đông khác nhằm đảm bảo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty theo quy định.

- Sau khi Công ty tiến hành các thủ tục phân phối cổ phiếu, các cổ phiếu mới phát hành có quyền lợi và nghĩa vụ như cổ phiếu cũ, trừ các điều kiện về hạn chế chuyển nhượng đối với những cổ phiếu do cổ đông hiện hữu không đăng ký mua, không nộp tiền mua và số cổ phiếu lẻ được phân phối lại cho các đối tượng khác.

8.6 Số lượng cổ phiếu đặt mua tối thiểu: Không có.

8.7 Thời hạn và cách thức trả lại tiền đặt mua cổ phiếu trong trường hợp số lượng cổ phiếu đăng ký mua không đạt mức tối thiểu:

Không áp dụng.

9. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu:

Việc phân phối cổ phần chào bán thêm dự kiến sẽ được tiến hành tối đa trong vòng 90 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán có hiệu lực, Hội đồng Quản trị sẽ quyết định cụ thể sau khi có Giấy phép của UBCKNN. Trường hợp do các nguyên nhân khách quan không thể hoàn thành việc phân phối chứng khoán ra công chúng trong thời hạn này, Gas Shipping sẽ xin phép Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xem xét gia hạn việc phân phối chứng khoán nhưng tối đa không quá 30 ngày.

Bảng 31: Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu

Stt	Công việc	Thời gian thực hiện
1.	Nhận Giấy chứng nhận đăng ký chào bán từ UBCKNN.	T
2.	Công bố thông tin phát hành trên các phương tiện thông tin đại chúng.	T + 1 đến T + 5
3.	Thông báo chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền mua cổ phiếu.	T + 6 đến T + 7
4.	Ngày giao dịch không hưởng quyền.	T + 15
5.	Ngày đăng ký cuối cùng.	T + 17
6.	Phân bổ và thông báo quyền mua.	T + 17 đến T + 24
7.	Nhà đầu tư đăng ký và nộp tiền đặt mua.	T + 24 đến T + 44
8.	Tổng hợp danh sách.	T + 51
9.	HĐQT ra quyết định và thực hiện xử lý cổ phiếu do cổ đông hiện hữu không đăng ký mua, không nộp tiền mua và số cổ phiếu lẻ (nếu có)	T + 53 đến T + 68



Stt	Công việc	Thời gian thực hiện
10.	Gửi báo cáo kết quả chào bán cổ phần cho UBCKNN.	T + 69
11.	Lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung.	T+69 đến T + 73
12.	Trao giấy chứng nhận sở hữu cổ phần cho nhà đầu tư mua thành công.	T + 73 đến T + 83

10. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu:

- Quyền mua chỉ được chuyển nhượng 01 lần, người nhận chuyển nhượng không được chuyển nhượng tiếp cho người thứ 3. Cổ đông nắm giữ cổ phiếu ưu đãi cổ tức vẫn được quyền mua cổ phiếu từ đợt phát hành này. Cổ đông nước ngoài không được nhận quyền mua chuyển nhượng từ cổ đông khác nhằm đảm bảo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty theo quy định.

- Số lượng cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu trong đợt này, là cổ phiếu phổ thông không bị hạn chế chuyển nhượng kể từ ngày phân phối.

- Số lượng cổ phiếu do cổ đông hiện hữu không đăng ký mua, không nộp tiền mua và số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn (nếu có) được ủy quyền cho Hội đồng Quản trị xác định tiêu chí, lựa chọn bán cho cổ đông hiện hữu hoặc nhà đầu tư bên ngoài với điều kiện chào bán, điều kiện về quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư không thuận lợi hơn so với điều kiện chào bán cho cổ đông hiện hữu đảm bảo quy định tại Điều 42 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020.

- Số cổ phiếu này sẽ bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật trong thời hạn 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán theo quy định pháp luật.

11. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu:

- Số tài khoản: 101000802288.

- Người thụ hưởng: Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế.

- Tên ngân hàng nơi mở tài khoản: Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh.

12. Hủy bỏ đợt chào bán:

Mục đích sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng là để đầu tư mua 02 tàu phục vụ hoạt động kinh doanh thương mại chính của Công ty. Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 thông qua Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ xác định tỷ lệ chào bán thành công dự kiến là 100%. Công ty xác định việc đầu tư mua tàu này là tài sản phục vụ hoạt động kinh doanh thường xuyên, không phải là thực hiện Dự án. Vì vậy, theo quy định

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾĐiện thoại: 028 22205388 Fax: 028 22205366 Website: www.gasshipping.com.vn



pháp luật, kết quả của đợt chào bán sẽ không bị hủy dù không đạt mức tỷ lệ chào bán thành công dự kiến theo Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 thông qua.

13. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài:

- Tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của người nước ngoài tại Gas Shipping tuân theo Luật đầu tư nước ngoài năm 2020 và Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020.

- Theo Văn bản số 3156/UBCK-PTTT ngày 28/06/2021 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tối đa tại Gas Shipping là 0%.

- Tại thời điểm chốt danh sách tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 (ngày 02/3/2021), nhà đầu tư nước ngoài đang sở hữu 3.063.170 cổ phiếu, chiếm 8,51% vốn Điều lệ Công ty.

- Để đảm bảo tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tối đa tại Gas Shipping là 0% theo quy định của pháp luật, Công ty sẽ phối hợp cùng Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam thực hiện phân phối cổ phiếu chào bán thêm cho các nhà đầu tư nước ngoài theo đúng tỷ lệ nắm giữ của các nhà đầu tư tại thời điểm chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền, đảm bảo cổ đông nước ngoài không được nhận quyền mua chuyển nhượng từ cổ đông khác nhằm đảm bảo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty theo quy định và cam kết không phân phối số cổ phiếu do cổ đông hiện hữu không đăng ký mua, không nộp tiền mua và số cổ phiếu lẻ cho các nhà đầu tư nước ngoài để làm tăng tỷ lệ sở hữu tại Công ty.

14. Các loại thuế có liên quan:

14.1 Thuế liên quan đến hoạt động đầu tư chứng khoán:

♦ Thuế thu nhập cá nhân:

Đối với việc chuyển nhượng chứng khoán: Thực hiện theo Luật Thuế thu nhập cá nhân số 04/2007/QH12 ngày 21/11/2007, Luật 26/2012/QH13 ngày 22/11/2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế Thu nhập cá nhân và các văn bản liên quan. Nhà đầu tư phải nộp thuế chuyển nhượng chứng khoán bằng 0,1% giá trị chuyển nhượng.

♦ Thuế giá trị gia tăng:

Hoạt động chuyển nhượng chứng khoán của Công ty không phải chịu thuế Giá trị gia tăng. theo Thông tư 129/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 hướng dẫn thi hành Luật thuế GTGT số 13/2008/QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008.

Thuế thu nhập doanh nghiệp: Theo quy định tại Luật thuế TNDN số 14/2008/QH12 ngày 03/06/2008 và Luật số 32/2013/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế TNDN số 14/2008/QH12;



Theo Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, như được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 1/10/2014, Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015, Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 và Nghị định số 146/2017/NĐ-CP ngày 15/12/2017;

Theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ, như được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 119/2014, Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/5/2015, Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015, Thông tư số 130/2016/TT-BTC ngày 12/8/2016 và Thông tư số 25/2018/TT-BTC ngày 16/3/2018 và Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 6/8/2014;

Căn cứ các quy định trên, thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán đối với nhà đầu tư là tổ chức là thu nhập khác áp dụng thuế suất thuế TNDN là 20%. Riêng đối với doanh nghiệp nước ngoài, tổ chức nước ngoài sản xuất kinh doanh tại Việt Nam thì thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán sẽ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 0,1% trên doanh thu tính thuế.

14.2 Các loại thuế liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty:

♦ Thuế Thu nhập doanh nghiệp:

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế (Theo thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12) - Thu nhập chịu thuế bao gồm cả thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán (theo Điều 14, 15 Chương IV Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12). Công ty phải nộp thuế suất thuế TNDN hiện hành đang áp dụng là 20%.

♦ Thuế giá trị gia tăng:

Hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty chịu thuế Giá trị gia tăng theo đúng các quy định hiện hành.

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất thuế giá trị gia tăng là 10%.

♦ Các loại thuế khác:

Thuế tài nguyên, thuế đất, tiền thuê đất, thuế môn bài, phí, lệ phí... của Công ty thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo quy định của Nhà nước.

15. Thông tin về các cam kết:

**15.1 Cam kết về việc thực hiện niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch chứng khoán:**

Công ty cam kết đăng ký niêm yết bổ sung cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng.

15.2 Cam kết khác liên quan đến đợt chào bán:

- Công ty cam kết đảm bảo việc chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu đáp ứng các quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.
- Công ty cam kết không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.

VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN:

Đợt chào bán cổ phiếu tăng vốn điều lệ năm 2021 của Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 số 02/NQ-VTSPK-ĐHĐCĐ ngày 08/4/2021 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 25/NQ-VTSPK-HĐQT ngày 26/4/2021. Theo đó, mục đích của đợt phát hành này là bổ sung nguồn vốn đối ứng để mua 02 tàu, cụ thể:

- Tàu chở dầu/hóa chất số 1 có trọng tải khoảng 20.000 DWT (Tàu số 1).
- Tàu chở dầu/hóa chất số 2 có trọng tải khoảng 20.000 DWT (Tàu số 2).

IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN:**1. Dự kiến số tiền thu được từ đợt phát hành:****Bảng 32: Dự kiến số tiền thu được từ đợt phát hành**

Khoản mục	Số lượng cổ phiếu phát hành (CP)	Giá dự kiến (đồng)	Số tiền dự kiến thu được (đồng)
Chào bán cho cổ đông hiện hữu.	20.000.000	10.000	200.000.000.000
Tổng cộng	20.000.000		200.000.000.000

2. Kế hoạch sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành:

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị Công ty triển khai chi tiết phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán phù hợp với tình hình hoạt động và kế hoạch kinh doanh, đầu tư của Công ty và tuân theo quy định pháp luật.

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị Công ty số 25/NQ-VTSPK-HĐQT ngày 26/4/2021 V/v Thông qua việc triển khai hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng; Các cam kết của Công ty và Phương án sử dụng vốn dự kiến thu được từ đợt phát hành, cho tiết phương án



sử dụng vốn thu được như sau:

Stt	Mục đích sử dụng vốn	Số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán
1.	Tàu chở dầu/hóa chất số 1 có trọng tải khoảng 20.000 DWT (Tàu số 1).	100.000.000.000 đồng
2.	Tàu chở dầu/hóa chất số 1 có trọng tải khoảng 20.000 DWT (Tàu số 2).	100.000.000.000 đồng

Chi tiết nhu cầu và nguồn tài trợ vốn của Gas Shipping:

Nhu cầu sử dụng vốn	Số tiền	Thời điểm giải ngân dự kiến	Nguồn vốn tài trợ	Số tiền (VND)
Tàu chở dầu/hóa chất số 1 có trọng tải khoảng 20.000 DWT (Tàu số 1).	16.387.000 USD, tương đương 376,5 tỷ đồng.	Quý II-III/2021	1. Nguồn vốn thu được từ phát hành thêm cổ phiếu.	100.000.000.000
			2. Nguồn vốn chủ sở hữu.	23.218.760.000
			3. Nguồn vốn vay.	253.354.500.000
Tàu chở dầu/hóa chất số 1 có trọng tải khoảng 20.000 DWT (Tàu số 2).	16.387.000 USD, tương đương 376,5 tỷ đồng.	Quý III - IV/2021	1. Nguồn vốn thu được từ phát hành thêm cổ phiếu.	100.000.000.000
			2. Nguồn vốn chủ sở hữu.	23.218.760.000
			3. Nguồn vốn vay.	253.354.500.000
Tổng cộng				753.146.520.000

Tỷ giá USD áp dụng là: 22.980 đồng/USD.

Trường hợp số tiền thu được từ đợt chào bán không đủ thì Công ty sẽ xử lý theo hướng:

- Xin gia hạn đợt chào bán để tiếp tục chào bán nốt số cổ phiếu còn lại.
- Tiến hành bổ sung nguồn vốn còn thiếu thông qua hình thức khác như vay ngân hàng, phát hành trái phiếu doanh nghiệp.

3. Thông tin chi tiết về các tàu dự kiến mua:

3.1 Thông tin về mua tàu chở dầu/hóa chất số 1 và số 2 có trọng tải khoảng 20.000 DWT:



(Tàu số 1 và Tàu số 2 có các thông tin giống nhau).

a. Giới thiệu:

- ♦ Tên chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế (Gas Shipping).
- ♦ Tên đơn vị thực hiện: Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế.
- ♦ Cấp có thẩm quyền phê duyệt: Đại hội đồng cổ đông Gas Shipping thông qua chủ trương đầu tư, ủy quyền cho Hội đồng Quản trị thực hiện đầu tư.
- ♦ Mục đích: Đầu tư tàu chở dầu/hóa chất để khai thác trên thị trường quốc tế và tham gia vận chuyển nhập khẩu.
- ♦ Phương thức thực hiện: Mua tàu đã qua sử dụng.
- ♦ Khái quát về tàu dự kiến đầu tư:

Stt	Nội dung	Thông số
1.	Năm đóng	Từ năm 2009 trở về sau
2.	Nơi đóng	Japan/Korea/EU
3.	Loại tàu	SBT/IGS/IMO2/IMO3 (Oil-Chemical tanker)
4.	Đăng kiểm	IACS
5.	Mớn nước	Max. 10 M
6.	Trọng tải	Max. 20.000 DWT
7.	Dung tích hầm hàng (98%)	~ 21.000 CBM
8.	Số hầm hàng	Min. 14
9.	Số loại hàng	Min. 8
10.	Loại hầm hàng	Stainless Steel (Sus 316L)
11.	Máy chính	Commonly Type: B&W-STX/Doosan/Huyn dai; Mishubishi; Akashaka; Kobe.
12.	Tốc độ khai thác có hàng	Min 11 Knots

b. Tổng mức đầu tư:

Đvt: USD

Stt	Nội dung	Giá trị
1.	Giá mua tàu	15.750.000
2.	Thuế nhập khẩu 2% (Phân nhóm 8901.20.70 – ND 122/2016 v/v biểu thuế mua tàu)	315.000

Thuyền



Stt	Nội dung	Giá trị
3.	Phí trước bạ 1%*(1+2+4) tối đa 500 triệu đồng (Nghị định 140/2016/ND-CP)	22.000
4.	Chi phí khảo sát, giám định tàu và giao nhận tàu, kiểm toán quyết toán đầu tư ...	300.000
5.	Thuế VAT khâu nhập khẩu được miễn do trong nước chưa sản xuất được	
	Tổng cộng	16.387.000

c. Các thông số đầu tư:

Stt	Nội dung	Đvt	Giá trị
1.	Tổng vốn đầu tư	USD	16.387.000
-	Vốn chủ sở hữu	USD	5.362.000
-	Vốn vay ngân hàng (tối đa 70% giá trị mua tàu)	USD	11.025.000
2.	Lãi suất vay ngân hàng	%/năm	6,0%
3.	Kỳ trả nợ	Kỳ/năm	2
4.	Thời hạn vay	Năm	7
5.	Chi phí chênh lệch tỷ giá	%/năm	2%
6.	Suất chiết khấu phương án	%	7,5%
7.	Tuổi tàu không quá	Tuổi	12
8.	Vòng đời khai thác tàu	Năm	25
9.	Thời gian khấu hao	Năm	12
10.	Thuế thu nhập doanh nghiệp	%	20%

d. Nguồn vốn và cơ cấu vốn đầu tư:

Phương án được xây dựng để thực hiện đầu tư tàu dầu/hóa chất trọng tải khoảng 20.000 DWT. Về nguồn vốn đầu tư, Gas Shipping lựa chọn phương án cơ cấu vốn: Vốn vay tối đa 70% giá mua tàu, còn lại là Vốn chủ sở hữu.

Stt	Nội dung	Đvt	Giá trị
1.	Tổng vốn đầu tư	USD	16.387.000
2.	Vốn chủ sở hữu	USD	5.362.000
3.	Vốn vay ngân hàng (tối đa 70% giá trị mua tàu)	USD	11.025.000

**Nguồn vốn đối ứng:**

- Trên cơ sở cân đối các chỉ tiêu tài chính của Công ty như vốn lưu động nhằm duy trì hoạt động kinh doanh một cách ổn định, nguồn để đảm bảo khả năng trả nợ ngắn hạn và dài hạn đến hạn phải trả, các khoản phải thu phải trả khác, nguồn vốn chủ sở hữu của Gas Shipping còn lại vào thời điểm cuối năm 2020 là khoảng 150 tỷ đồng.

- Tiếp theo để đảm bảo đủ vốn cho công tác đầu tư năm 2021, Gas Shipping dự kiến sẽ thực hiện việc phát hành 20 triệu cổ phần cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn thêm 200 tỷ đồng (ừ 360 tỷ đồng lên 560 tỷ đồng) để bổ sung vốn phục vụ cho kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư năm 2021 của Công ty Gas Shipping. Là Công ty đã niêm yết trên thị trường chứng khoán, tình hình tài chính lành mạnh và minh bạch, có những lợi thế kinh doanh nhất định sẽ là những cơ sở đảm bảo việc tăng vốn thành công và hiệu quả.

Đối với nguồn vốn vay:

Xác định rõ sự khó khăn của thị trường tín dụng ngân hàng, nhất là lĩnh vực cho vay đầu tư tàu biển, Gas Shipping đã chủ động làm việc với các ngân hàng/định chế tài chính để thu xếp vốn cho các phương án mua tàu. Đến hiện tại, Gas Shipping đã và đang làm việc với các ngân hàng có tính khả thi và cam kết cao trong việc thu xếp tín dụng là: Shinhan Bank, PVCombank, TPBank, MSB. Trong đó có thể thu xếp hạn mức cho vay mua tàu đến 70% giá mua tàu, với thời hạn từ 5-7 năm, tài sản đảm bảo là con tàu hình thành từ vốn vay/các khoản bảo lãnh khác, với mức lãi suất USD vào khoảng 6%/năm.

e. Dự kiến khai thác:**✦ Phương thức khai thác:**

Gas Shipping đầu tư mua tàu khoảng 20.000 DWT để cho thuê định hạn (Time charter - TC), đối với trường hợp tàu không có hợp đồng định hạn hoặc khi hết hạn hợp đồng định hạn mà không tái tục thì Gas Shipping sẽ khai thác theo hình thức spot. Qua tính toán hiệu quả dự án cho thấy phương án khai thác spot có những chỉ tiêu hiệu quả dự án tốt hơn so với phương án cho thuê định hạn. Tuy nhiên, phương án khai thác spot tiềm ẩn rủi ro bởi các hợp đồng mang tính chất ngắn hạn gây khó khăn cho việc bảo đảm nguồn hàng, có thể dẫn đến việc tàu phải nằm chờ phát sinh chi phí và làm giảm hiệu quả của dự án.

✦ Hiệu quả:**Thông số đầu vào:**

- Giá cho thuê định hạn: Do đặc thù của ngành vận tải biển có giá cước/giá cho thuê tàu chịu tác động bởi nhiều yếu tố địa chính trị, các nhà phân tích chuyên ngành đều không đưa ra các dự báo dài hạn mà chỉ dự báo trong ngắn hạn thông thường từ 02 - 03 năm. Vì vậy, các kế



hoạch mua tàu thường lấy giá tính doanh thu theo số liệu thống kê bình quân của các năm gần nhất, có tham khảo dự báo chuyên gia và áp dụng tỷ lệ dự phòng theo kinh nghiệm. Theo báo cáo thống kê của Clarksons thì giá cho thuê định hạn thời hạn 01 năm của tàu vận chuyển dầu sản phẩm/hóa chất có trọng tải 19.999 DWT Stainless Steel vào thời điểm hiện nay đang là 13.479 USD/ngày, giá cho thuê theo thống kê bình quân của giai đoạn 2012 - 2020 là 13.781 USD/ngày. Sau khi áp dụng tỷ lệ dự phòng (giảm khoảng 10%) thì giá cho thuê định hạn đưa vào tính toán trong phương án là 12.500 USD/ngày áp dụng cho 05 năm đầu tiên (chưa trừ chi phí môi giới khoảng 2,5%).

- Doanh thu từ năm thứ 6 được tính toán giảm còn 95%, đến năm thứ 11 giảm tiếp bằng 95% so với năm thứ 6.

- Số ngày khai thác tàu trong năm: Bằng 365 ngày trừ đi thời gian sửa chữa bảo dưỡng trong năm và thời gian dừng thương mại (tạm tính 5 ngày/năm). Số ngày sửa chữa bảo dưỡng những năm không có sửa chữa lớn là 05 ngày trong 5 năm đầu, 10 ngày từ năm thứ 6 và 15 ngày từ năm thứ 11; Số ngày sửa chữa bảo dưỡng trong năm có sửa chữa định kỳ trên dock là 25 ngày.

- Doanh thu trong năm được tính như sau:

$$\text{Doanh thu năm} = \text{Doanh thu TCE} \times \text{Số ngày khai thác}$$

➤ Thông số áp dụng trong tính toán:

Stt	Nội dung	Đơn vị	Giá trị	Ghi chú
I	Thông số tính tổng mức đầu tư		16.387.000	
1.	Giá mua tàu	USD	15.750.000	Tàu dưới 15 tuổi
2.	Thuế nhập khẩu (2%)	USD	315.000	Phân nhóm 8901.20.70 - ND122/2016 biểu thuế XNK)
3.	Thuế trước bạ	USD	22.000	Tối đa 500 triệu đồng
4.	Chi phí khảo sát, giám định, nhận tàu, đào tạo,...	USD	300.000	
II	Thông số vốn đầu tư			
1.	Vốn vay ngân hàng	USD	11.025.000	70% giá mua tàu
2.	Vốn chủ sở hữu đối ứng	USD	5.362.000	Phần còn lại của Tổng mức đầu tư trừ đi phần vay ngân hàng



Stt	Nội dung	Đơn vị	Giá trị	Ghi chú
3.	Lãi vay ngân hàng	%/năm	6%	Tham khảo lãi suất cho vay của các ngân hàng thương mại và chào giá của các ngân hàng
4.	Thời hạn vay ngân hàng	Năm	7	Tham khảo thông lệ cho vay của các ngân hàng thương mại và chào giá của các ngân hàng
5.	Kỳ hạn trả nợ gốc	Lần/năm	2	
6.	Kỳ hạn trả lãi vay	Lần/năm	2	
III	Thông số tàu và hoạt động khai thác tàu			
1.	Tuổi tàu dự kiến mua	Tuổi	10	
2.	Tuổi tàu dự kiến khai thác tối đa	Tuổi	25	Theo thông lệ đối với tàu vận chuyển dầu/hóa chất
3.	Số năm khai thác tàu	Năm	15	
4.	Số ngày khai thác trung bình trong năm	Ngày	344	
5.	Số ngày tàu nghỉ khai thác để sửa chữa định kỳ	Ngày/lần	25	Theo tham khảo kinh nghiệm sửa chữa tàu 20.000 DWT
IV	Thông số về CAPEX của tàu			
1.	Thời gian khấu hao	Năm	12	
2.	Phương pháp khấu hao		Đều	Khấu hao đường thẳng
3.	Chênh lệch tỷ giá	%/năm	2%	Theo mức chung hàng năm đối với ngoại tệ USD
V	Thông số về OPEX của tàu			
1.	Chi phí sửa chữa định kỳ	USD/lần	750.000	Theo kinh nghiệm sửa chữa tàu 20.000 DWT.
2.	Cách thức phân bổ tổng chi phí các lần IS/SS		Đều	Chia đều cho tổng số năm hoạt động
3.	Chi phí bảo hiểm Hull and Machine	USD/năm	51.516	Tham khảo PSM/Phuong Nam/TCT
4.	Chi phí bảo hiểm P&I; thuyền viên	USD/năm	107.085	Tham khảo PSM/Phuong Nam/Tổng Công ty
5.	Các chi phí văn phòng, quản lý, thuyền viên...		62.732	Tham khảo từ kinh nghiệm khai thác tàu



Stt	Nội dung	Đơn vị	Giá trị	Ghi chú
VI	Thông số để xác định tỷ suất hoàn vốn nội bộ tối thiểu (IRRmin)		7,5%	
1.	Tỷ suất sinh lợi của chủ sở hữu	%/năm	10%	
2.	Hệ số rủi ro lĩnh vực vận tải dầu khí	%/năm	1%	Theo quy định của ngành dầu khí
VII	Các chỉ tiêu khác			
1.	Trọng lượng tàu không	LTD	5.200	Theo đặc điểm kỹ thuật của tàu
2.	Đơn giá bán tàu thanh lý	USD/LTD	380	
3.	Tổng giá trị thanh lý tàu	USD	1.976.000	
4.	Tổng số ngày trong năm	Ngày	365	
5.	Thuế thu nhập doanh nghiệp	%/năm	20%	Theo quy định nhà nước

> Hiệu quả:

Stt	Nội dung	Đvt	Giá trị	Ghi chú
I	THÔNG SỐ ĐẦU TƯ			
1.	Tổng vốn đầu tư	USD	16.387.000	
-	Vốn chủ sở hữu	USD	5.362.000	
-	Vốn vay ngân hàng (tối đa 70% giá trị mua tàu)	USD	11.025.000	
2.	Lãi suất vay ngân hàng	%/năm	6,0%	
3.	Kỳ trả nợ	Kỳ/năm	2	
4.	Thời hạn vay	Năm	7	
5.	Chi phí chênh lệch tỷ giá	%/năm	2%	
6.	Suất chiết khấu	%	7,5%	
7.	Tuổi tàu không quá	Tuổi	12	
8.	Vòng đời khai thác tàu	Năm	25	
9.	Thời gian khấu hao	Năm	12	
10.	Thuế thu nhập doanh nghiệp	%	20%	
II	DOANH THU			
1.	Doanh thu cho thuê định hạn TC (khai thác quốc tế)			
-	Dưới 15 tuổi	USD/ngày	12.500	
-	Từ 16 – 20 tuổi (giảm 5%)	USD/ngày	11.875	



Stt	Nội dung	Đvt	Giá trị	Ghi chú
-	Từ 21 – 25 tuổi (giảm 5%)	USD/ngày	11.281	
2.	Giá bán thanh lý tàu (280 USD x 5.200 LDT)	USD	1.976.000	
III	CHI PHÍ			
1.	Chi phí hoạt động Opex (vật tư, phụ tùng, sửa chữa, thuyền viên, bảo hiểm, ...) khai thác quốc tế			
-	Dưới 15 tuổi	USD/ngày	4.568	Bình quân
-	Từ 16 – 20 tuổi (tăng 5%)	USD/ngày	4.796	Bình quân
-	Từ 21 – 25 tuổi (tăng 5%)	USD/ngày	5.036	Bình quân
2.	Chi phí vốn Capex + chênh lệch tỷ giá (năm thứ nhất)	USD/ngày	6.050	

f. Hiệu quả kinh tế:

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Giá trị
1.	Tổng vốn đầu tư		16.387.000
	Trong đó: Giá mua tàu	USD	15.750.000
	- Vốn vay	USD	11.025.000
	- Vốn chủ sở hữu	USD	5.362.000
2.	TCE năm đầu	USD	11.892
3.	Hiệu quả đầu tư của phương án		
	- NPV (i=7,5%)	%	1.424.606
	- IRR	%	8,97%
4.	Hiệu quả đầu tư của Chủ đầu tư		
	- NPV (i=7,5%)	%	2.086.816
	- ROE	%	11,15%

- Đối với hiệu quả tài chính của kế hoạch mua tàu: Kế hoạch mua tàu có các chỉ tiêu NPV = 1.424.606 USD > 0 và IRR = 8,97% > i = 7,5% chứng tỏ kế hoạch đạt được tính khả thi về hiệu quả tài chính.

- Đối với hiệu quả tài chính của Chủ đầu tư: Kế hoạch mua tàu có các chỉ tiêu NPV = 2.086.816 USD > 0 và ROE = 11,15% > i = 10% chứng tỏ kế hoạch đạt được tính khả thi về hiệu quả tài chính.

3.2 Thời gian thực hiện:

- Thời gian thực hiện mua Tàu số 1: Quý II – III/2021.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ

Điện thoại: 028 22205388 Fax: 028 22205366 Website: www.gasshipping.com.vn



- Thời gian thực hiện mua Tàu số 2: Quý III – IV/2021.

4. Thông tin chi tiết về tình hình mua tàu:

4.1 Phê duyệt mua tàu:

- Nghị quyết số 02/NQ-VTSPK-ĐHĐCĐ ngày 08/04/2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2021 đã phê duyệt phương án đầu tư mua tàu và phương án tăng vốn điều lệ từ 360 tỷ đồng lên 560 tỷ đồng theo hình thức phát hành cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu.

- Hội đồng Quản trị số 25/NQ-VTSPK-HĐQT ngày 26/04/2021 V/v Thông qua việc triển khai hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng; Các cam kết của Công ty và Phương án sử dụng vốn dự kiến thu được từ đợt phát hành.

4.2 Tình hình triển khai mua tàu:

- Hiện nay, sau khi được Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 phê duyệt Báo cáo Nghiên cứu khả thi của Dự án, Công ty đang lập kế hoạch mua tàu theo đúng quy định, trong đó có danh sách các nhà môi giới dự kiến có uy tín trong khu vực để chuẩn bị công tác đầu tư tàu theo đúng tiến độ đã được phê duyệt. Dự kiến, trong tháng 6&7/2021, Công ty sẽ hoàn thành việc chào giá và triển khai công tác khảo sát lựa chọn tàu. Công ty dự kiến tham khảo mua tàu qua một số nhà môi giới sau:

STT	Tên tổ chức môi giới	Thông tin
1	AFFINITY SHIP	- Địa chỉ: 72 Anson Road #13-03 Anson House Singapore 079911. - Điện thoại: +65 6805 8760. - Email: james.leake@affinityship.com - Website: www.affinityship.com
2	ARROW SHIPBROKING GROUP – HONG KONG	- Địa chỉ: 14th floor, Printing House, 06 Duddell Street, Central, Hong Kong. - Điện thoại: +852 2865 9711. - Email: mw@arrowship.com - Website: www.arrowship.com
3	ASSOCIATED SHIPBROKING S.A.M.	- Địa chỉ: Gildo Pastor Center 7 rue du Gabian 98000 – Monaco. - Điện thoại: +377 9205 7557. - Email: alex@associated-shipbroking.mc - Website: www.associated-shipbroking.mc
4	CLARKSONS PLATOU JAPAN	- Địa chỉ: 100-0004 Chiyoda-ku, Tokyo, 15F1 Otemachi Financial City, South Tower, 1-9-7 Otemachi Japan.



		- Điện thoại: +81 3 3510 9852. - Email: richard.bell@clarksons.com - Website: www.clarksons.com
5	EASTPORT MARITIME PTE LTD	- Địa chỉ: 01 Maritime Square #12-20, Harbourfront Centre Singapore 099253. - Điện thoại: +65 6273 6166. - Email: twk.gas@eastportmar.com
6	OSLO SHIPBROKERS A.S	- Địa chỉ: Strandveien 50 1366 Lysaker Norway. - Điện thoại: +47 67 10 01 50. - Email: osloship@osb.no - Website: www.osb.no
7	RIDGEWAY MARITIME	- Địa chỉ: 15D Copse Hill, London SW20 ONB, United Kingdom. - Điện thoại: +44 20 7078 4889. - Email: brokers@ridgewaymaritime.com - Website: www.ridgewaymaritime.com
8	RIGHT SHIP HUB LIMITED	- Địa chỉ: #02-01 261 Lavender Street, Singapore 338794. - Điện thoại: +65 6396 336. - Email: snp@rightshiphub.com - Website: www.rightshiphub.com
9	STEEM 1960	- Địa chỉ: Munkedamsveien 45 Entrance A, 7th floor, 0250 Oslo, Norway. - Điện thoại: +47 2313 5691. - Email: projects@steem1960.com; kslangsvold@steem1960.com - Website: www.steem1960.com
10	THURLESTONE SHIPPING - MONACO	- Địa chỉ: Gildo Pastor Center 7 Rue Du Gabian Mc98000, Monaco. - Điện thoại: +377 97 70 21 50. - Email: mathiasl@thurlestone-shipping.com - Website: www.thurlestone-shipping.com.sg/monaco

- Danh sách các đối tác bán tàu phụ thuộc vào thư chào giá của các nhà môi giới cung cấp.

- Gas Shipping đang tiếp tục làm việc với các ngân hàng để hoàn thiện thủ tục vay tiền mua tàu (dự kiến hoàn thiện trong tháng 6/2021).

Thông tin cụ thể về các ngân hàng cam kết tài trợ cho Công ty theo kế hoạch mua tàu như sau:



Stt	Tên ngân hàng	Số tiền dự kiến cho vay	Dẫn chiếu
1	Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	Tối đa 260.000.000.000 VND.	Thư chào ngày 19/05/2021 của Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam.
2	Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh	Tối đa 11.025.000 USD (tương đương 253.354.500.000 VND).	Thư chào số 3131/PVB-CNHCM ngày 20/05/2021.
Tổng cộng		513.354.500.000 VND	

Tỷ giá USD áp dụng là: 22.980 đồng/USD.

4.3 Tình hình thu xếp vốn:

Stt	Công việc	Thời gian dự kiến hoàn thành
1	Vốn tự có từ nguồn vốn chủ sở hữu	Đã sẵn sàng
2	Vốn huy động từ ngân hàng	Giải ngân tháng 7/2021
3	Nguồn vốn từ phát hành cổ phiếu ra công chúng	Dự kiến tháng 7 - 8/2021

- Dự kiến tổng mức đầu tư không thay đổi nếu hoàn thiện mua tàu trong năm 2021.

X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN:

1. Các đối tác liên quan tới đợt chào bán:

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Văn phòng Thành phố Hồ Chí Minh:

- Địa chỉ : Tầng 18, Tòa nhà Times Square, 57-69F Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại : 028 7101 4555. Fax: 028 3910 0750.
- Website : www.deloitte.com/vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AGRIBANK

- Trụ sở chính : Tầng 5, Tòa nhà Artex, 172 Ngọc Khánh, P. Giảng Võ, Q.Ba Đình, Tp. Hà Nội.
- Điện thoại : 024 6276 2666. Fax: 024 6276 5666.
- Website : www.agriseco.com.vn

2. Ý kiến của Tổ chức tư vấn về đợt chào bán:



Với tư cách là tổ chức tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán Agribank (Agribank) đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích một cách thận trọng và chi tiết để đưa ra những đánh giá về đợt chào bán:

- Mục đích của đợt chào bán cho cổ đông hiện hữu lần này nhằm huy động vốn để bổ sung cho mua tàu phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tăng vốn điều lệ, Gas Shipping vừa có thể nâng cao năng lực tài chính và khả năng cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường, đồng thời giảm bớt gánh nặng chi phí tài chính, nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.

- Khối lượng chào bán cho cổ đông hiện hữu đợt này là 20.000.000 cổ phần (tương đương 55,6% vốn điều lệ của Công ty, tỷ lệ thực hiện quyền 9:5). Giá chào bán cổ phiếu GSP cho cổ đông hiện hữu là 10.000 đồng/cổ phần thấp hơn nhiều so với giá trị sổ sách và thị giá của GSP đang giao dịch trên thị trường hiện nay. Hội đồng Quản trị đã có các bước tìm hiểu nhu cầu của các nhà đầu tư và đánh giá tỷ lệ thành công của đợt phát hành là 100%.

Với những nhận định trên, chúng tôi – Công ty Cổ phần Chứng khoán Agribank cho rằng đợt chào bán 20.000.000 cổ phần cho cổ đông hiện hữu của Gas Shipping là phù hợp với định hướng và kế hoạch phát triển của Gas Shipping đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 thông qua.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo.

3. Đại lý phát hành:

Công ty sẽ phối hợp với Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) phân phối và thông báo quyền mua cổ phiếu GSP cho các cổ đông Gas Shipping thông qua các Công ty Chứng khoán – Thành viên lưu ký của VSD. Trường hợp cổ đông chưa lưu ký, Công ty sẽ thông báo và phân bổ quyền mua trực tiếp đến từng cổ đông Gas Shipping.

4. Các khoản phí và điều kiện kèm theo:

Cổ đông sau khi nhận được thông báo về quyền mua, thực hiện nộp tiền mua cổ phiếu tại Công ty chứng khoán nơi cổ đông mở tài khoản giao dịch (đối với cổ đông đã lưu ký) hoặc tại Trụ sở Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế (đối với cổ đông chưa lưu ký).

XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ:

Không có.



**XII. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH,
TỔ CHỨC TƯ VẤN:**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 7 năm 2021

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ

GIÁM ĐỐC

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ĐOÀN ĐỨC TRỌNG



MAI THẾ TOÀN

KẾ TOÁN TRƯỞNG



LÊ ANH NAM



Hà Nội, ngày 26 tháng 7 năm 2021

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AGRIBANK

TỔNG GIÁM ĐỐC




ĐINH NGỌC PHƯƠNG



XIII. PHỤ LỤC:

1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
2. Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị.
3. Điều lệ Công ty.
4. Báo cáo Tài chính đã kiểm toán năm 2019, 2020 và Báo cáo tài chính Quý II năm 2021.